

Phẩm Phổ Môn Giảng Lục



HT Thích Trí Nghiêm dịch

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 10-07-2015

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Thay Lời Tựa

Lời Nói Đầu

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm

Phụ Lục

Bài Bạt

Thay Lời Nguyện của người ấn tống

Lời Nguyện

---o0o---

Thay Lời Tựa

Đầu mùa Thu năm Mậu Thân tức 1968 có một số Cư-sĩ học Phật tại Nha Trang này muốn nhờ tôi giảng cho bộ Kinh Pháp-Hoa. Tôi nhận lời và đã khai giảng vào ngày 25 tháng 9, mỗi tuần giảng 3 buổi. Giảng xong quyển

Vô-Lượng-Nghĩa, tôi dự định sẽ giảng Phẩm Phổ-Môn vào trong dịp Tết Kỷ Dậu. Thời ngày 25 tháng chạp, vừa giảng đến Phẩm Diệu-Âm Bồ Tát.

Bộ Kinh Pháp-Hoa 7 quyển, có 28 Phẩm tất cả. Mà Phẩm Diệu Âm thứ 24, Phẩm Phổ Môn 25 là đúng như sự đã dự định. Vả lại ngày 25 tháng Chạp Âm là ngày Quốc lục "giáp ần" nghĩa là những công việc gì đã bày ra trong năm, đến ngày ấy, dù đã xong hay chưa, đều vẫn phải sắp lại để đó, lo vui Tết nhất cái đã rồi ra giêng sẽ hay, thời Phật sự cũng như thế.

Cái năm Mậu Thân con khỉ, tài giỏi nhảy múa lung tung ồn ào, gây rắc rối tai hại cho thiên hạ đã qua; năm Kỷ Dậu con Gà, vỗ cánh dương mào, cất tiếng gáy thanh tao thanh thoát để cảnh giác mọi người thức giấc thành tâm lễ bái trì niệm trước khi ánh bình minh chiếu sáng hoàn cầu. Tôi tiếp tục khai giảng lại Kinh Pháp Hoa Phẩm Phổ Môn giảng lục vào chiều ngày mùng 3 Tết Tân Xuân Kỷ Dậu.

Phẩm Phổ Môn giảng lục do Pháp sư Bảo Tịnh đã giảng vào năm 1937 tại Phật giáo Cư Sĩ Lâm ở lục địa Trung Quốc. Tôi giảng liên tiếp 12 ngày xong. Đang khi giảng, các Phật tử đến dự nghe tuy không đông lắm nhưng đều có ý muốn tôi dịch thành Quốc văn để phổ biến rộng rãi mọi người được đọc hiểu, nhờ đây tăng thêm lòng tin đối với Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Do đó, nên sau khi giảng xong, tôi mạo muội bắt đầu dịch thuật.

Trong bản dịch này, phần chánh văn, sao lại trong Kinh Pháp Hoa do Thượng Tọa Trí Tịnh đã dịch trọn bộ. Tôi chỉ dịch phần giảng lục và thuật thêm cho rõ ràng những ý nghĩa còn hàm súc bởi Hán văn thâm thúy. Các Phật tử hãy đọc phần giảng lục, mới thấy ơn đức Pháp sư Bảo Tịnh là dường nào! Ngài đã đem trí tuệ thâm viển mà bố thí Giáo pháp cho chúng ta.

Nếu chẳng gặp được hân hạnh này, thời chúng ta làm sao biết được những điều đã cảm ứng của Quán Thế Âm Bồ Tát.

Ngoài ra còn có bài lời nói đầu của Phí Phạm Cửu Cư sĩ, bài bạt của Thôi Chú Bình là một trong hai Cư sĩ đã từng dự giảng Hội và theo dõi ghi chép từ đầu chí cuối những lời giảng của Pháp sư. Các Phật tử đọc hai bài này sẽ thấy: Phật pháp khó gặp là dường nào; trên dưới bốn trăm năm chỉ có vài lần giảng; động cơ nào đã thúc đẩy nên mới có cuộc giảng trước đây 32 năm đã diễn ra quang cảnh phồn thịnh đông đảo làm sao và cũng nhờ đó mới có bản dịch này. Phải thật thà, xin thú nhận rằng những điều như trên ở xứ ta khó mà thấy được.

Phẩm kinh giảng lục này, Pháp sư giảng vào giữa mùa Xuân, qua Đông mới in thành sách, và cũng chỉ lưu hành trên lục địa Trung Quốc mà thôi. Sau 18 năm mới lọt qua Hương Cảng, và nhờ hai Phật tử là Trần Khoan

Hằng và Lâm Bồn Minh phát tâm in ấn tổng vào năm 1956, chính nhờ đây nên Pháp Bảo này mới tới tay tôi. Dù biết công đức lưu thông kinh sách, phổ biến Giáo pháp lợi ích lớn lao biết chừng nào!

Vậy nên tôi thành tâm cầu nguyện Đức Quán Thế Âm Bồ Tát từ bi gia hộ hai Phật tử: Trần Khoan Hằng và Lâm Bồn Minh đều được: Thân tâm thường an lạc, tăng trưởng cõi Bồ Đề, chóng viên thành Phật quả.

Về việc khuyến khích các Phật tử nên thành tâm trì niệm Đức Quán Thế Âm Bồ Tát mới được lợi ích thật sự thì Pháp sư Bảo Tịnh đã từng nhắc đi nhắc lại hàng mấy mươi lần cho các Phật tử bên Tàu. Thời tôi cũng mong rằng: các Phật tử bên ta nên tuân theo những lời dạy của Pháp sư mà thực hành đi thì cũng chắc được sự lợi ích như những vụ đã có ứng hiện và đã ghi chép đầy đủ trong phần giảng lục này.

Đang khi ngồi cặm rọc dịch phẩm kinh này, tôi vừa hay tin Phật tử Lê Đình Thám đã mãn phần. Người rất có công với Đạo Pháp. Tôi thành tâm chú nguyện cầu xin Đức Phật A Di Đà Từ bi tiếp hộ hương linh Phật tử Lê Đình Thám Pháp danh Tâm Minh siêu sanh về Phật quốc. (Hưởng thọ 73 tuổi).

Sau cùng nguyện đem công đức này hồi hương về Pháp giới chúng sanh mau thành Phật quả.

Ngưỡng vọng:

**NAM MÔ ĐẠI TỪ ĐẠI BI TÂM THANH CỨU KHỔ CỨU NẠN
QUẢNG ĐẠI LINH CẢM ỨNG QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT MA HA
TÁT**

chứng minh gia hộ

Nha Trang, ngày Phật Đản 2513-1969

DỊCH GIÁ CẢN CHÍ

---o0o---

Lời Nói Đầu

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn
giảng lục của Cư sĩ Phi Phạm Cử dịch.**

Đức Phật thường dạy phước huệ song tu, mà giảng kinh là yếu kiện của tu huệ, vì có đủ trí huệ thời phước đức cũng nhờ đây mới được dồi dào thêm. Vậy việc giảng kinh, ta thường thấy nơi các vị Cổ đức đã soạn thuật như sau: Đầu đời nhà Nguyên có sách Ngữ Lục của Ngài Hoài Hải Hòa thượng, cuối đời nhà Minh cũng có sách Ngữ Lục của ngài Lãnh Sơn Thiên sư.

Khoảng trên dưới bốn trăm năm trời mà chỉ có vài lần giảng kinh này mà thôi: từ đây trở đi hẳn không còn nghe Pháp âm diễn giải kinh điển này nữa, vì vắng teo không người thừa kế. Mãi đến khi Dân quốc được thành lập thì việc diễn giảng kinh điển mới dần dần bắt đầu thịnh hành:

- 1 – Cư sĩ Lưu Linh Hoa giảng Kinh Pháp Hoa tại Hội Giáo Dục.
- 2 – Pháp sư Thái Hư giảng phẩm Phổ Môn tại Quán Âm Nham.
- 3 – Pháp sư Nhân Sơn giảng kinh A Di Đà tại chùa Pháp Luân.
- 4 – Pháp sư Bảo Tịnh giảng Phẩm Phổ Môn tại Đường Âm Cư Sĩ lâm.

Trong bốn lần giảng này, 3 lần trước, hầy còn thuộc về thời kỳ phát khởi lòng tin cho mọi người, nên thính giả thưa thớt có thể đếm được. Mà lần thứ tư thì thật là đông đảo phi thường hơn 3 lần trước rất nhiều. Những kẻ thiện nam tín nữ ở gần xứ Đường Âm chừng 10 hay 20 dặm họ đều dự bị đem theo những thực phẩm quà bánh tiền bạc, họ chịu đựng gió lạnh, tuyết rơi cùng nhau lũ lượt đến phỏ Hội thính giảng ngày một đông thêm cả hàng vạn người mỗi ngày thật là một quang cảnh đông đảo náo nhiệt phi thường. Mỗi khi giảng xong, tiếng niệm Phật hồi hương vang dội tận từng mây. Vì Giáo pháp đã thấm nhuần những vùng lân cận nên tự nhiên được đông đảo náo nhiệt như thế, in như sắp có đại kiếp sẽ xảy đến nên người ta lo chuẩn bị trước vậy. Rất lấy làm lạ thay! phải chăng đó là do sức từ tâm bi nguyện của Quán Thế Âm Bồ Tát mà khiến vậy thôi!

Phẩm Phổ Môn này mà được giảng giải rất tường tận và rõ ràng là nhờ Pháp sư Bảo Tịnh, Pháp sư đã dùng diệu trí thâm viễn, đối cảnh mà giải thích diễn đạt thấu suốt nơi tai, vào tuốt xuống tận đáy lòng của thính chúng. Một khi hạt giống thiện tịnh đã được trồng xuống là bắt đầu nứt mộng rồi lên cây, nảy lá nở hoa và kết quả – khiến cho gia đình trở thành gia đình Phật giáo, xã hội trở thành xã hội Phật giáo; mỗi người, trong gia đình, ngoài xã hội đều tùy theo chức phận của mình chẳng nên vượt ra ngoài khuôn khổ thông thường: cha lành, con thảo, bạn bè kính tin, vợ chồng thuần khiết trinh lương cứ thế mà dững tiến... thời đối với nhân sanh hạnh phúc, quốc gia thịnh trị là hữu ích biết bao kể sao cho xiết!

Đến ngày nay Pháp âm của Pháp sư đã cùng với thời gian bay đi tản mát xa rồi, nhưng pháp môn thanh giáo của Pháp sư vẫn còn được truyền lại là nhờ hai vị Cư sĩ Thôi Chú Bình và Tôn Tử Á đã phát tâm thường trực trong lúc nghe giảng chú tâm theo dõi lời giảng của Pháp sư từng câu từng tiếng mà biên chép lại tường tận đầy đủ sau 14 ngày liên tục vừa thính giảng vừa ghi chép xong (bắt đầu khởi giảng vào ngày 2 tháng 2 năm Mậu Dần tức vào năm 1937) trình lên Pháp sư xin ngày phủ chính và hoàn thành xong một

quyển sách rồi đem cho xuất bản lưu thông với mục đích là để cho những ai chưa gặp may mắn nghe tiếp Pháp âm mà được quyển kinh này cũng như được tham dự nghe giảng; còn ai đã may mắn dự hội cùng nghe lại gặp kinh này là như được thấy Pháp hội Linh Sơn một lần nữa, chẳng khác. Đây là cái thâm ý của những vị hảo tâm cúng tiền để in thành sách và ấn tống này vậy.

Phật giáo Cư Sĩ Lâm là do Cư sĩ Trần Dự Đường đứng ra cổ động và củ hợp một số đồng thiện nam tín nữ gần xa tùy nguyện sung vào sáng lập, chẳng quản gì nhọc thân khổ chí trăm cay ngàn đắng vẫn chẳng từ nan. Sau khi bản Lâm đã được thành lập xong bèn thỉnh Pháp sư về giảng kinh thuyết giới, sự tốn kém hàng bạc vạn, mà ban đầu không dự bị một ngân khoản nào để chi phí. Trần Cư sĩ đã từng thầm lo đuối sức vì tài chánh kém, nhưng vẫn nhờ sự thành tâm của đàn việt bốn phương quy về như mây mưa mà cúng thí nên trên từ hương án Phật đài, dưới đến nhà trù bếp tảo không phiền lo lắng, cho nên công việc được mau chóng thành tựu viên mãn – tỏ bày ra đây một niềm may sao có thể làm một chứng phán tiêu trừ tam tai bát nạn vậy ư? Tôi kính cẩn viết mấy lời này ngõ hầu thấp đèn trí huệ, đốt nén tâm hương, sanh lòng hoan hỷ. Mỗi khi lật quyển hành trình, cúi đầu cung kính cầu nguyện mọi người đều tinh tiến tu trì phước huệ song song.

---o0o---

**KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
PHẨM QUÁN THỂ ÂM BỒ TÁT – PHỔ MÔN GIẢNG LỤC**

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH là đề chung của một bộ kinh. QUÁN THỂ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN PHẨM là mục riêng của một Phẩm vậy. Đời nhà Dao Tần có ngài Tam Tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập dịch Kinh này. Đây là dịch đề. Trước giảng đề chung, sau giải mục riêng, rồi sau mới lại giảng dịch đề.

Hiện nay giảng Kinh này là Pháp vi diệu rất khó gặp được và chẳng phải dễ dàng nghe hiểu đến. Mà nay quý vị hơn hờ dững mãi đến nghe là việc tốt đẹp lắm vậy. Nhưng trong khi nghe Kinh bất cứ hiểu được thấu suốt và rõ ràng hay chẳng, quý vị đều cần phải cung kính, yên lặng thành ý để mà lắng nghe. Ai nghe thấu rõ cố nhiên được đến chỗ lợi ích của Diệu Pháp, còn những ai chẳng lãnh hội nổi thời chỉ nên đem lòng chí thành cung kính cũng vẫn có thể được lợi ích chẳng phải nhỏ nhen, vì công đức nghe Kinh chẳng thể lường được vậy. Bởi lẽ đó, nên quý vị cần phát tâm từ bi, tâm ân trọng đặt mình trong khung cảnh vắng lặng để nghe Kinh, được vậy là có thể lãnh thọ được Diệu Đạo trong Kinh Pháp Hoa này, như ăn nhai cho tan nát, nước

miếng thắm vào thời mới nghe có ý vị. Bằng trái lại là sự lãnh hội chẳng thấu rõ được.

Phẩm Phổ Môn tuy là một Phẩm trong bộ Kinh Pháp Hoa, nhưng là có thể đại diện cho toàn bộ, bởi vì Diệu Pháp đều là Pháp bất khả tư nghì vậy. Kinh Pháp Hoa toàn bộ 7 quyển cộng tất cả có 28 phẩm. Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ môn là phẩm thứ 25. Thế là đã chẳng phải toàn một bộ Kinh, mà tại sao phẩm này lại được trích riêng ra và lưu hành lẻ loi ư ? Bởi vì phẩm Kinh này đã từng có điều cảm ứng phi thường vậy. Nguyên do như sau:

Vào khoảng đầu đời nhà Tấn cuối nhà Bắc Lương, ở xứ Trử Cừ, có ông Mông Tôn nhân bị bệnh nặng, thầy thuốc chữa không lành. Nhon lúc bấy giờ có Ngài Tôn Giả Đàm Vô Sấm, đến nhà thăm và ngài bảo: ‘Bệnh này là bệnh nghiệp chướng - nên niệm Phẩm Phổ Môn trong Kinh Pháp Hoa tức có thể lành được’. Mông Tôn liền tuân theo và trì tụng chưa được hai ngày thời bệnh ông quả thật được lành ngay. Nhon đó Mông Tôn mới phát nguyện trích riêng phẩm này và đơn hành lưu thông với hai Kinh nữa là A Di Đà và Kim Cang gọi là bộ Kinh Tam Bảo vậy. Cũng nhờ đó mà các xứ giảng giải phẩm Kinh này rất nhiều, vì Đức Quán Thế Âm Bồ Tát là Đức Đại Từ Đại Bi cứu khổ cứu nạn quảng đại linh cảm cùng với chúng sanh ở cõi Ta bà chúng ta đã có cơ duyên sâu nặng và thuần thực, vậy nên không một ai chẳng biết đến danh hiệu Ngài và cũng không có người nào mà chẳng sanh lòng cung kính đến Ngài vậy. Vả lại đã có biết bao nhiêu người đã cảm đến việc linh ứng của Bồ Tát. Sở dĩ hôm nay các thính chúng hơn hờ dị thường dất tay nhau mà đến nghe Kinh.

Hơn nữa, bản Lâm này (Cư sĩ Lâm) nhân ngày 19 tháng 2 mỗi năm là ngày Vía của Bồ Tát Quán Thế Âm mà thỉnh giảng Phẩm Phổ Môn thật là giáo pháp đã thích ứng với thời cơ và có Thể, có Dụng, có Sự, có Lý lắm vậy.

Nay đã muốn giảng kinh, tất nhiên trước phải giải thích đề kinh. Giờ đây trước hết là giảng 5 chữ DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh là lấy Pháp và Dụng mà lập Đề. Kinh Phật có 7 thứ lập đề gọi là: đơn có 3 thứ, kép có 3 thứ, đầy đủ chỉ có một.

Đơn có 3 là:

- 1) Đơn nhơn, như Phật Thuyết A Di Đà Kinh.
- 2) Đơn Pháp, như Niết Bàn Kinh, Bát Nhã Kinh.
- 3) Đơn Dụng, như Phạm Võng Kinh, Anh Lạc Kinh.

Kép có 3 là:

1) Nhơn và Pháp, như Địa Tạng Bồ Tát bốn nguyện Kinh (Địa Tạng là Nhơn, bốn nguyện là Pháp)

2) Nhơn và Dụ, như Như Lai Sư Tử Hổ Kinh (Như Lai là Nhơn, Sư Tử Hổ là Dụ. Ý nói Đức Như Lai thuyết pháp như con sư tử rống).

3) Pháp và Dụ, như Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.

Đầy đủ (cả 3) chỉ có 1 là: Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh (Đại Phương Quảng là Pháp, Phật là Nhơn, mà Hoa Nghiêm là Dụ). Kinh này thuộc loại Pháp và Dụ mà lập Đề.

Diệu Pháp

Diệu Pháp là Pháp mà Liên Hoa là Dụ. Bởi vì Diệu Pháp khó hiểu nên mới mượn cái Hoa sen để làm ví dụ cho dễ hiểu vậy. Diệu Pháp là Pháp ấy mà nhiệm chẳng thể dùng lời nói mà nói được. Pháp ấy là Pháp gì? Tức là sơn hà đại địa, thế giới quốc đô, y báo chánh báo, thế gian pháp, xuất thế gian pháp, sắc pháp, tâm pháp; tuy là muôn tượng giảng bày đầy nhầy nhưng nói tóm lại thời chẳng ngoài 3 món là: Phật pháp, tâm pháp và chúng sanh pháp. Ba pháp này vốn không sai khác nên gọi là Diệu Pháp.

Tại sao không sai khác ư? Trước xin giảng rõ tâm của người ta ở tại đâu. Thông thường người ta chẳng rõ, hằng đêm trái tim nằm trong lồng ngực bảo là cái tâm của người ta đó. Kỳ thật là cái tâm của ngũ tạng chứ chẳng phải chơn tâm vậy, vì cái tâm ấy là cái tâm cục thịt. Và lại là cái tâm tập khởi, tâm phân biệt, tâm vọng tưởng; một mai chết rồi thời nó hủ hóa tiêu tan chẳng còn tư lường phân biệt được nữa vì đây là tâm duyên lự chứ chẳng phải chơn tâm của chúng ta vậy. Nên biết rằng chơn tâm chúng ta là khắp cả hư không bao trùm pháp giới; trong Kinh Lăng Nghiêm gọi hư không mười phương ở trong tâm chúng ta giống như miếng mây điểm giữa thái thanh. Ta thử xem tất cả muôn pháp đều do tâm sanh, thường gọi tâm sanh thời các pháp sanh, tâm diệt thời các pháp cũng diệt theo. Trên đến bốn bậc Thánh, dưới tận Thiên đường địa ngục đều do tâm mà có. Nên biết rằng ngoài tâm không có các pháp, tâm tức là bản thể của muôn pháp. Như ai thấu rõ được đạo lý này thời kẻ ấy ngộ được diệu lý hư không xiêu vậy. Cho nên tâm pháp gọi là Diệu Pháp.

Lại nữa, phải biết ác niệm trong tâm sanh khởi tức chỉ một niệm sanh diệt mà đã biến thành Nhân của ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Mà một thiện niệm sanh là liền sanh và ba thiện đạo là Trời, Người và A Tu La. Niệm không, bèn thành nhị thừa. Niệm từ bi bình đẳng liền thành Phật,

Bồ Tát. Nên gọi là mười phương thế giới đều do tâm mà có, vì tâm đủ mười pháp giới sự lý chẳng hai vậy. Lý đủ mới tạo thành sự đều ở nơi nhất tâm vậy. Sở dĩ Phật giới, chúng sanh giới thấy đều ở trong tâm bao la muôn tượng, mới có màu nhiệm bất khả tư nghì. Nếu dùng tâm phân biệt tức là quấy, nên gọi là móng tâm tức sai, động niệm tức trái; nghĩ chẳng đến, tìm chẳng gặp. Nếu như ai biết được tâm này tức là chốn đại địa không một tác đất.

Như ngày hôm nay là pháp hội giảng kinh thành đại như thế này, đầu tiên là nhân thiện tâm vị chủ trì bản Lâm máy động nghĩa là "muốn", thế là pháp hội thành đại, tức thì thực hiện được ngay. Lại nữa, như các cơ giới hiện nay: nào là phi cơ, tàu thủy xe lửa v.v... tất cả muôn vật đâu từng chẳng phải đều do tâm sanh mà có ư? Những điều vừa sơ lược kể trên có thể chứng minh rằng tâm lực bất khả tư nghì, tâm bao cả thái hư, lượng khắp cả sa giới. Cho nên THÍCH CA, DI ĐÀ đều do tâm ta tạo thành, Tam thừa Thánh nhân cũng là tâm ta gây nên; và lục đạo chúng sanh đâu chẳng phải như thế ư?

Sở dĩ chúng sanh là chúng sanh trong tâm các Đức Phật mười phương, mà mười phương các Đức Phật là các Phật trong tâm chúng sanh. Quán Âm là Quán Âm trong tâm chúng sanh, mà chúng sanh là chúng sanh trong tâm đức Quán Âm nên gọi tâm này là Phật, tâm này phải làm Phật; tâm này là Bồ Tát, tâm này phải làm Bồ Tát. Chỉ cần phải có tu có hành mới đều có thể thành Phật thành Bồ Tát được! Cho nên nói gọi rằng tâm là "Diệu".

Nếu ai mê muội bản tâm bèn thành lục đạo chúng sanh là trời, người, a tu la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Nên gọi là tâm đủ địa ngục, tâm tạo địa ngục, tâm đủ thiên đường, tâm tạo thiên đường; và ngạ quỷ, súc sanh cũng đều như thế cả. Thiên đường địa ngục đã đều do tự tâm tạo tác cho nên gọi tâm pháp là Diệu.

Ba nghiệp thân, khẩu và ý của chúng sanh đều do phiền não tác nghiệp gây nên rồi chịu quả báo sanh tử luân hồi. Nhưng phiền não vốn là trống không, tức là liễu nhân Phật tánh. Phiền não nguyên là trí huệ, bởi làm dụng tâm mà đem trí huệ làm thành phiền não. Trí huệ từ đâu mà có? Thể của phiền não tức là trí huệ, chẳng nên ngoại cầu. Thân-khẩu-ý có thể tạo nên thập ác, mà cũng có thể tạo thành thập thiện. Kinh Lăng Nghiêm đã nói: Sanh tử luân hồi hay là an lạc diệu thường, chẳng bởi ai khác duy sáu căn này mà thôi.

Bản tánh của chúng ta vốn là bất sanh bất diệt. Nhưng vì hư vọng nhân duyên hòa hiệp mà sanh, nhân duyên tách rời hư vọng mà diệt. Như vậy là biết từ duyên mà sanh tức là chẳng sanh, do duyên mà diệt tức là chẳng diệt. Cho nên tác nghiệp nguyên là giải thoát; sanh diệt tức là Pháp thân. Vì vậy

nên Phật THÍCH CA MÂU NI, khi mới thành đạo, Ngài liền than rằng: Lạ thay, lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có Như Lai trí huệ đức tướng, nhưng bởi vọng tưởng chấp đắm nên chẳng chứng được đầy thôi! Vậy là biết trong tâm chúng sanh đủ Phật ba đức, cho nên gọi chúng sanh pháp là "Diệu".

Tâm pháp, chúng sanh pháp đã Diệu, thời ông Phật đã dứt rốt ráo năm chỗ phiền não và dứt hẳn hai món sanh tử lại càng "Diệu" biết bao. Chúng sanh là chúng sanh trong tâm Phật, sơn hà đại địa muôn tượng giảng bày, không một vật nào chẳng phải ở trong tâm Phật, không có sai khác, vậy nên mới gọi Phật pháp là Diệu. Tâm, Phật và chúng sanh là ba điều không sai khác. Pháp mà không sai khác ấy là Diệu pháp vậy.

Diệu pháp này người người vốn sẵn có đủ, không ai chẳng có. Phạm Phô Môn trong bộ kinh này tức là Diệu pháp không sai khác. Pháp này chẳng phải đem tư lường phân biệt mà có thể hiểu được. Sanh khởi phân biệt vọng tưởng là chẳng phải Diệu, tức Diệu mà thành thô. Như niệm Phật, niệm Quán Âm niệm được nhất tâm bất loạn, không tư lường phân biệt, tức là Diệu. Ai có thể vượt khỏi kiến chấp của phàm phu chẳng chấp có; có thể thoát khỏi kiến giải của bức Thánh chẳng chấp không. Vượt tình thức, lìa kiến chấp tức là Diệu pháp. Nếu mà chấp có, chấp không là rơi vào phàm tình vọng duyên tức Diệu mà thành thô.

Nếu vô sở trụ mà sanh khởi tâm, lìa quá, tuyệt phi ấy là Diệu pháp. Mà hữu sở trụ, sanh khởi tâm, tức là Diệu pháp mà thành thô pháp. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Phật tánh tức là Diệu pháp. Vậy nên mọi người đều có Diệu pháp, mọi người đều có thể thành Phật. Sự tu chứng của mười phương ba đời các đức Phật là chứng Diệu pháp không sai khác này mà thành Phật. Chúng sanh mê muội làm dùng Diệu pháp không sai khác này rồi quấy khởi phân biệt tư lường tức Diệu mà thành thô, thành khổ não chúng sanh.

Bởi hoặc nên gây nghiệp. Do nghiệp sanh tử; như tâm của phàm phu đều cho tất cả là có, rồi chấp có tướng nhân ngã. Bởi đó mà khiến pháp Diệu này thành bất Diệu.

La Hán tuy liễu được sanh tử, nhưng đắm nơi không, rồi ôm lấy thái độ tiêu cực mà chẳng độ sanh. Tuy là đã chứng quả La Hán, lại là thô mà chẳng diệu chút nào cả.

Quyền Thừa Bồ Tát chấp đắm nhị biên, hoặc đăn trung, nhưng cũng chưa phải là rốt ráo, lại là thô cách nơi Diệu vậy. Duy Phật chẳng chấp không, có, nhị biên và đăn trung, lìa quá tuyệt phi siêu tình ly kiến, chứng Diệu pháp hoàn toàn, đây là Chơn Diệu.

Nay dùng một ví dụ để nói rõ nghĩa trên: Chúng sanh sẵn đủ Diệu pháp nhưng chẳng tương ưng như vàng còn ở trong mỏ. Các Đức Phật chứng Diệu pháp nên đã tương ưng như vàng đã được đem ra khỏi mỏ. Vàng tuy có tại mỏ và ra mỏ khác nhau, nhưng bản thể nó chẳng hai, nên Kinh đã nói: Cần hết vọng duyên, tức Như Như Phật; một niệm xoay Tâm quang, liền đồng bản giác sẵn có.

Chúng sanh chỉ cần buông thả phạm tình, riêng không Thánh giải. Nơi các Phật chẳng thêm, nơi phạm phụ chẳng bớt; ở chúng sanh chẳng dơ, ở các Phật chẳng sạch, tại các Phật chẳng sanh, tại chúng sanh chẳng diệt. Chỉ cần một niệm quay ánh sáng trở lại thời đương thể bèn là...

Nhưng hiện tiền vọng tưởng chấp đắm nên chưa chứng được, chỉ có Diệu pháp Phật tánh đủ sẵn mà thôi, nên gọi là Lý tức Phật. Quý vị đến đây nghe giảng kinh, hiểu rõ được tâm tức Phật trọn đủ Diệu pháp thời gọi là danh tự tức Phật.

Nhưng tuy biết mình sẵn đủ Diệu pháp, nếu chẳng chơn thật tu hành thời chẳng có thể tu hành thành Phật được, như vàng chẳng gạn lọc được tức chưa thành vàng ròng thuần túy được. Vậy chúng ta ngay từ bây giờ buông thả muôn duyên, một mảy tơ chẳng dính nơi lòng, già giặng niệm Phật, yên lặng nghe Kinh – lãnh hội rõ ràng- tâm cảnh đều tiêu vong – nhất tâm dụng công tu hành như thế, thời tuy chưa chứng đến Diệu pháp mà đã có thể hàng phục được phiền não, gọi là quán hạnh tức Phật.

Nếu là niệm Phật, niệm Quán Âm sáu căn đều nhiếp, tịnh niệm nói luôn – bên trong vọng cả sáu căn, bên ngoài vọng hết sáu trần; trong quên cả thân tâm, ngoài quên hết cả thế giới – xa thoát căn trần chỉ còn một điểm linh quang sáng rực rỡ. Đây tức là tự tánh Quán Âm tương tự xuất hiện. Đây tức thường gọi là Diệu pháp. Đến lúc này xem mà chẳng thấy, ngóng mà chẳng nghe; đến nỗi ăn vẫn bất tri kỳ vị nữa! Vì đã được vô nhân tướng, vô ngã tướng tâm và cảnh đều tiêu vong. Dụng công tu hành đến bực này, sáu căn mới thanh tịnh. Những phiền não bởi thấy và nghĩ mà có đều bị rơi rụng hết, gọi là tương tự tức Phật.

Tiến lên nữa, phá vỡ căn bản vô minh, đích thân chứng Diệu pháp; bên Thiên Tôn gọi là đích thân thấy được bộ mặt thật bị bỏ quên từ xưa nay. Bên Thiên Thai Tôn thì bảo viên chứng được tam đế quán, mà Tịnh Độ Tôn cho là lý nhất tâm bất loạn, bất động tự tánh, chuyển thức thành Trí. -Trí tức là Diệu pháp. Chúng sanh chuyển trí thành thức, chư Phật chuyển thức thành trí, nên thân kiến được bỗng lai diện mục. Chẳng Diệu mà Diệu. Đích thân thấy được tự tánh Quán Âm và còn thấy đến cha mẹ đời trước nữa là khác,

tức là đã chứng được Diệu pháp vậy. Đến tới địa vị này là có thể phân thân ra trăm cõi để thành Phật độ chúng sanh, nên gọi là phần chứng tức Phật.

Tuy đã xác chứng đến Diệu pháp Phật tánh, nhưng chưa rốt ráo, còn quyết phải dứt rốt ráo năm chỗ phiền não an trụ và dứt hẳn hai món sanh tử. Kiến tư, trần sa và vô minh ba thứ phiền não này đều dứt rốt ráo thanh tịnh. Phân đoạn và biến dịch hai món sanh tử cũng đều giải thoát rốt ráo. Tác nghiệp đã hết, tình thức trống không mới thực chứng được Chơn giải thoát. Như Đức THÍCH CA đã chứng rốt ráo Diệu pháp này, nên mới gọi là cứu cánh tức Phật.

Đây là dùng Diệu pháp để hiển hiện nghĩa lục, tức Phật. Nghĩa này do Tổ Thiên Thai sáng lập. Dụng ý cho người tu hành, tự biết mình đã đến bậc Phật nào một trong sáu. Chữ Tức là nghĩa chẳng rời nhau vậy.

Chúng ta đối với tất cả sự vật đều dùng suy lường phân biệt. Mà suy lường là tác dụng của thức thứ bảy; phân biệt là tác dụng của thức thứ sáu. Một khi sanh khởi suy lường phân biệt là liền rơi vào trong hố thăm của ý thức, che khuất tâm tánh diệu bảo. Đây tức là căn bản của sanh tử vậy.

Như chúng ta có thể chẳng sanh khởi hằng thẩm suy lường, chẳng khởi theo niệm so đo phân biệt, thời vô sở trụ - nghĩa là trụ bên "Hữu" mà phân biệt; chẳng trụ bên "Không" mà so đo. Nhị biên chẳng trụ, trung đạo chẳng ở, tức thì Diệu pháp hiển hiện. Đến đây tức là vô trụ sanh tâm, dù có phân biệt cũng chẳng phải là ý thức vậy. Nay đem việc ăn và ngủ mà nói, tuy việc rất tầm thường nhỏ nhen, nhưng cũng vẫn là Diệu pháp. Tức thường gọi là đầu đầu thị đạo, tả hữu phùng nguyên nghĩa là gặp gì cũng là Đạo; và hai bên thành giếng cũng gặp được mạch nước, chớ chẳng cần đào thẳng đáy sâu mới có mạch.

Ngày trước có ông cư sĩ tên Bàng Uẩn, nhà ông rất giàu có. Sau khi đã hiểu Đạo và vì muốn tu đạo, nên ông đem cả gia tài giàu sang ấy mà đổ hết xuống sông Hán Dương, rồi nguyện cam phần nghèo khổ. Và ông khiến người con gái đan đồ tre để bán, người con trai cày ruộng để làm kế sanh sống cho cả gia đình. Một hôm cả gia đình hội nghị để đàm Đạo – cố nhiên ông là vị chủ trì. Sau khi khai mạc, ông mới bắt đầu vào nội dung rằng: Dụng công tu hành chẳng phải dễ. Chứng được Diệu pháp khó, khó, khó, khó. Mười học hột mè rải ngọn cây (ý nói khó còn một hột dính đầu cây). Bởi vì còn tham lam ăn ngon mặc đẹp và thói quen của ân ái, nó hay phân biệt nghĩ bậy bạ – từ hồi nào đến nay nó đã thành thói quen nặng nề. Ngày nay tuy đã hiểu rõ đều là "không". Nhưng trên sự thật muôn việc nó chẳng chịu "không" được, vì phiền não vọng hoặc thả buông nó chẳng rời xuống và cũng vì con đường vọng hoặc nó đã quen thuộc lắm rồi, nên chẳng dễ sanh

lòng niệm Phật, tham thiền và tu quán. Nay muốn chứng Diệu pháp là con đường sanh lộ mà chẳng dễ quen. Vậy biết tu hành là thật khó, thật khó.

Vợ ông là Bàng Bà, nãy giờ chăm nghe và ứng rằng "Dễ-dễ-dễ. Trăm đầu ngon cỏ ý Tổ sư, ngắt một cộng mà nêu lên đều là... Đạo. Lũy tre xanh, hoa mai vàng thảy đều là Bát nhã. Hạt sương mai đọng đầu cỏ và cảnh vật màu xanh màu vàng... đã có người nhân đây mà ngộ Đạo – thì việc gì mà mình than khó". Ý Bà, Tô Đông Pha đã bảo Tiếng khe róc rách lưới rộng dài, sắc núi xanh biếc thân thanh tịnh. Địa-Thủy-Hoả-Phong-Căn-Trần-Thức-Giới đều là Diệu pháp, Phạm tình vọng duyên, tánh đó vốn không, tức nơi thô là Diệu. Không một quyền mưu nào mà chẳng phải chơn thiết Diệu tánh thiên nhiên xưa nay vẫn như vậy,- cho nên bà ta mới nói "Dễ".

Đến cô con tên Linh Chiêu-thông minh dị thường, cô thưa: "Cũng chẳng khó, cũng chẳng dễ. Hễ đói thì ăn, mỏi đi ngủ". Đi-Đứng-Ngồi-Nằm đều là Diệu Pháp. Bất quá chúng ta ăn với ngủ đều chẳng thành quan trọng. Thử nghĩ khi ta ăn ngủ, thường khởi vọng tương sanh phân biệt rau tốt rau xấu, vị ngon vị dở. Rồi với ngon tham mà ăn nhiều, với dở thời chán mà ăn ít. Đây là tức Diệu Pháp mà thành thô pháp. Nếu như có thể nhất tâm bất loạn bình thản đến mâm cơm ăn, trực nhiên mà ăn, chẳng khởi tư lường phân biệt. Thường gọi là trọn ngày ăn cơm mà chẳng có nhai trúng hạt gạo nào hết, vì vô ý thức tác dụng vậy. Cho nên ăn cơm như vậy gọi là ứng cúng, gọi đó là Diệu pháp Phật sự. Ăn cơm đã như thế thời ngủ thức cũng thế.

Khi ngủ điên đảo mộng tưởng là chẳng phải ngủ thật. Ngủ thật phải như người thật ngủ nghĩa là không mộng mới phải. Không điên đảo mộng tưởng thức hay ngủ nhất như tức là Diệu pháp. Ngày xưa có người sư huynh của Ngài Ngọc Lâm Quốc sư, cả ngày chỉ có ngủ với thức mà thôi. Người ta cho là lười biếng. Nhưng cái ngủ của ngài chẳng đồng với cái ngủ của người khác. Trong giấc ngủ mơ mơ tỉnh tỉnh, tỉnh tỉnh mơ mơ, lối dụng công tu hành ấy của Ngài thật hơn Quốc sư Ngọc Lâm rất nhiều. Sở dĩ mới nói ngủ với thức như vậy cũng tức là Diệu pháp. Ngủ và ăn đã như vậy thời tất cả các pháp đều đâu chẳng phải như thế ư? Nói tóm lại là pháp này chẳng phải dùng suy lường phân biệt mà có thể hiểu thấu. Nên gọi đó là Diệu pháp.

Sở dĩ chẳng cần bỏ phân biệt và suy lường, nhất tâm lặng lẽ thoát vậy không ghé vào đâu. Tôn Thiên Thai gọi là nhất tâm tàm quán; Tôn Định Độ cho là nhất tâm bất loạn. Chỉ cần chừng đầy đủ cùng với Diệu pháp thấy mặt nhau được rồi. Cho nên ngày xưa Đức Phật THÍCH CA phải mất thời gian lâu tám năm mới giảng xong hai chữ Diệu Pháp. Tổ Thiên Thai Trí giả cũng phải ba tháng tròn đàm luận mới xong Diệu Đạo. Nếu mở rộng ra để luận đàm thời thuyết ngang thuyết dọc cho đến cùng kiếp cũng khó mà hết được

vậy. Chỉ cần một điều là do quý vị đích thân chứng kiến đến, nay ra mới xong việc.

Trở lại gia đình họ Bàng: Một hôm ông hỏi cô con đã đến giờ Ngọ chưa Ta sắp nhập diệt? Dạ chưa. Cô thưa. Rồi cô liền thượng lên pháp Tòa do ông thiết sẵn mà nhập diệt. Sau khi tổng táng cô con xong, ông sai người ra đồng báo tin cho cậu con biết ông sắp nhập diệt. Cậu con được tin, cậu liền nhập diệt, thân vẫn đứng, tay còn nắm cái chui cày. Thế là ông bị hai lần chậm trễ mới đến mình. Sau khi chôn cất hai con và chồng xong, bà Bàng nghĩ rằng còn ai nữa mà chôn lấp mình, nên bà tự vào trong hang đá mà nhập diệt. Nên có câu Bàng Bà ẩn thạch gian.

Còn nói về tài sản: Từ hồi nào đến giờ, bị trôi lăn quanh quẩn mãi trong tam giới lục đạo, nguyên do đều bởi tiền tài danh vọng nên đã gây nhiều nghiệp chướng tham lam, chấp đắm, sân si mỗi khi đắc thất. Nay muốn ra khỏi luân hồi được tự tại giải thoát, tất nhiên phải nói bỏ những thứ dây ràng buộc ấy mới được thành công chắc chắn.

Vậy thì sao chẳng đem bỏ thí, có phải tốt lành hơn không?

Mình đã nhận biết sanh ra tội lỗi bởi nó mà đem cho kẻ khác thì họ tài gì nhận của cái đó mà tạo thành hạnh phúc. Cho nên cho nó xuống sông, khỏi gây lụy cho ai là tốt hơn hết.

Liên Hoa

Hoa sen này chẳng đồng với Hoa sen của phàm thường, nhưng mượn đây làm ví dụ để dụ Diệu pháp vậy thôi. Hoa sen trong có hạt, ngoài có hoa. Hạt là quả, hoa là nhân. Hoa với quả cùng sanh, ví dụ nhân quả đồng một lúc nghĩa là chẳng lìa bản giác diệu tâm. Cái gốc sen nằm kín trong bùn nước, mà hoa sen vượt hẳn lên trên nước bùn. Bùn ví cho lục đạo chấp "hữu"; nước, dụ cho nhị thừa đắm "không", Hoa sen vượt lên trên bùn nước tức ví dụ Diệu pháp vượt hẳn lên trên "hữu không" mà hiển lộ chơn lý trung đạo nghĩa chẳng phải không, chẳng phải hữu. Cái gốc sen chẳng rời nơi bùn nước tức dụ Diệu pháp song chiếu tức không tức hữu hiển lộ đạo lý Viên trung diệu để chiếu cả chơn lẫn tục; ngăn cả hai, chiếu cả hai, ngăn và chiếu chẳng hai, vì tâm trùm cái hữu của lục đạo và cái không của nhị thừa. Cho nên mới có thể rộng độ lục đạo và tam thừa. Sở dĩ đây là mâu nhiệm của dụ, pháp trong kinh này vậy.

Lại nữa, Hoa sen và hạt sen hai vật ấy chẳng rời nhau: Có hoa tất có hạt, tức chứng nhân quả bất nhị. Đức THÍCH CA khi mới thành Phật, vì cơ duyên thành Phật của chúng sanh chưa thuần thực, nên chẳng thể nói ngay

Diệu pháp của Pháp Hoa được. Mà chỉ nên giảng pháp quyền môn phương tiện mà thôi: Như Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã các kinh. Trước là để khéo léo, dẫn dụ, khuyến khích, dắt dìu. Nên trước tiên giảng tam quy ngũ giới, sau mới nói mười hai nhân duyên và các pháp tam thừa. Nhưng, tuy dạy các đạo pháp ấy, mà kỳ thật vì Phật thừa nên gọi là vì Thật mà phải thi thiết Quyền; tức như vì hột mà có hoa.

Sau bốn mươi năm liền liên tục ngày đêm thuyết giáo, bây giờ thời đã đến, và căn cơ của chúng sanh đã thuần thực, Phật mới mở Hội Pháp Hoa, mới khai quyền hiển thiết đem tam thừa đồng qui về nhất Phật thừa không thô nào chẳng Diệu tức như hoa nở là hột hiện. Kinh nói: Nếu có kẻ nào nghe Pháp này, không một ai chẳng thành Phật. Lại nói: Một xung Nam Mô Phật, đều cộng thành Phật đạo. Lại như hoa rơi hột thành dụ cho bỏ Quyền lập Thiết. Ngoài Thiết không có Quyền; ngoài Diệu không có thô. Khi mà Diệu pháp đã hoàn toàn hiển lộ không một chúng sanh nào chẳng phải là Phật. Đây là 14 phẩm trước của kinh Diệu Pháp Liên Hoa này vậy.

Nhưng người đời chỉ biết Đức THÍCH CA trước là Tất Đạt Đa Thái Tử, lên 19 tuổi xuất gia, tu khổ hạnh 6 năm, đi du lịch 5 năm, đến năm 30 tuổi mới thành Phật. Họ đâu biết rằng sự thật Thích Ca với vô lượng trần sa kiếp về trước đã sớm thành Phật và đã chứng thâu Diệu pháp này rồi. Thế thì tại sao phải tái lai mà thành Phật nữa ư? Vì thương xót chúng sanh còn đang chịu khổ sanh tử luân hồi, cho nên chẳng sanh mà hiện có sanh, chẳng phải diệt mà hiện ra diệt, qua qua lại lại trong cõi thế giới Ta bà này chẳng biết bao lần mà kể Như kinh Phạm Võng nói. Ta nay đến cõi Ta bà thế giới lần này nữa, kể cả trước sau cộng là tám ngàn lần rồi ! Đây cũng là ước về Hóa tích mà nói, chứ chơn diện mục của Đức Phật này là khai hóa tích để hiện bản môn hiện thân độ sanh giống như "ngàn sông nước trong ngàn trăng hiện". Trăng dưới nước là hóa tích, trăng trên trời là bản môn. Do Bản mà giảng Tích, như vì hột nên mới có hoa. Khai Tích để hiện Bản như hoa nở là hột hiện ra. Bỏ Tích lập Bản thời như hoa rụng hột được thành tựu vậy. Tích Môn ba dụ, Bản Môn ba dụ không một dụ nào chẳng phải ví dụ cho Diệu pháp. Diệu pháp màu nhiệm sâu sắc e quý vị chẳng dễ hiểu rõ ràng, nhân dùng Hoa sen làm ví dụ. Những kẻ trí giả nên lấy dụ hoa sen để mà lãnh hội giác ngộ Diệu pháp vậy.

Kinh

Tiếng Phạn gọi Tu-da-la, Tàu dịch là Khế Kinh. Trên là khế hiệp với Phật đạo, dưới khế hiệp với quần cơ, nên gọi là Kinh. Lại Kinh là thường vậy: ngàn nẻo đều quy về một gốc, thường trụ chẳng biến đổi vậy. Lại nữa,

Kinh là Pháp: Sở dĩ chỉ dạy cho người ta phải dùng pháp độ phép tắc vậy. Lại thêm nữa, Kinh là đường tắt, nghĩa là con đường con đường cho chúng ta tu hành đi thẳng vậy. Lại còn là một nghĩa này, Kinh là khuôn khổ nghĩa là làm khuôn khổ để hoàng dương Phật pháp mà giáo hóa chúng sanh vậy. Đây là giải thích nghĩa của chữ Kinh có tất cả bốn nghĩa khác nhau như vậy.

Từ trước đến đây giải thích năm chữ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh là Tổng Đề đã xong.

---o0o---

Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm

Kế đây giải thích Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm. Phẩm này là đã thuộc về phân lưu thông kinh Pháp Hoa, là để hoàng dương Diệu pháp. Bởi vì Quán Âm hóa hiện 32 ứng hóa thân đầu chẳng là đối với căn cơ mà thuyết pháp. Nhân chứng bệnh mà cho món thuốc nghĩa là nên dùng thứ thân nào mà hóa độ được, tức liền hiện thân ấy mà vì nói Pháp. Tùy thân hiện ra có: Phật, Bồ Tát, bốn chúng đệ tử, đồng nam đồng nữ, trời rồng và tám Bộ v.v... chẳng đồng, nên Pháp nói ra cũng có: thông viên quyền thiết đốn tiệm sai khác nhau, nhưng thấy đều vì Diệu pháp. Đức Bồ Tát Quán Âm đã chứng được Diệu Pháp viên thông, cho nên có thể tùy từng loại mà hiện thân thuyết pháp. Bọn chúng sanh ta luân hồi trong lục đạo mà sanh tử, tuy đầy đủ Diệu Pháp, nhưng bị phiền não che khuất chẳng hay hiển hiện được. Sở dĩ Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân khắp cửa khai đạo cho chúng sanh, từ bi giáo hóa đều khiến thoát khỏi trần lao mới được giải thoát. Cho nên mới có thuyết Quán Âm Phổ Môn Phẩm ra đời. Nay theo thứ lớp mà giảng giải.

Quán Thế Âm Bồ Tát là Nhân, Phổ Môn Phẩm là Pháp. Bởi vì Quán Âm đã chứng được Diệu pháp môn của Phổ Môn. Quán Thế Âm Bồ Tát là Người năng chứng. Mà Phổ Môn là Pháp bị người chứng. Sở dĩ Phẩm này lấy Nhân Pháp mà lập đề. Quán Thế Âm Bồ Tát đối với cõi Ta bà của chúng ta cơ duyên đã thuận thực, sở dĩ quý vị đều hiểu được Ngài và thường tụng niệm danh hiệu của Bồ Tát. Quán Thế Âm là biệt hiệu, mà Bồ Tát là thông hiệu.

1.- Quán : là trí năng quán, Thế Âm là cơ sở quán. Quán là dùng trí quán sát. Có Tạng-Thông-Biệt-Viên bốn Giáo pháp. Bên tạng giáo là Pháp quán chia chẻ; bên thông giáo là Pháp quán thể đạt, bên biệt giáo là Pháp quán thứ tự; bên viên giáo là Pháp quán thật tướng.

Quán có cạn có sâu: Quán tất cả các pháp sanh diệt vô thường cuối cùng chung qui về bại hoại tiêu tan. Đây là cách quán chia chẻ. Thế đạt muôn

pháp đều trống không, tức nơi sắc là không. Đây gọi là thể pháp không quán. Trước quán Không, kế quán Hữu, cuối cùng quán Trung đạo Không Hữu chẳng hai, tuân tự tiến dần tới. Đây gọi là thứ đệ quán.

Kẻ phàm phu chấp Hữu nên lấy Không mà phá trừ. Tiến tới một bước nữa là không mà chẳng không tức là diệu hữu. Chẳng không mà không tức là chơn không. Chẳng không mà không, phi hữu mà hữu, không hữu chẳng hai. Đây gọi là trung đạo quán.

Nếu viên quán thì: Một Không tất cả đều Không, một Hữu tất cả đều Hữu, một Trung tất cả đều Trung. Một tức là ba, ba tức là một. Viên tam quán về nơi nhất tâm. Pháp quán của Quán Âm tức là diệu quán ba, một chẳng hai bất tư nghì vậy.

2.- Thế : là thế gian: một, chúng sanh ở cõi Dục; hai, chúng sanh ở cõi Sắc; ba, chúng sanh ở cõi Vô sắc, đều là thế gian hữu lậu. Nhị thừa La Hán là thế gian vô lậu; Bồ Tát là thế gian Nhị biên, Phật thời là thế gian trung đạo.

Tam giới lục đạo thế gian hữu lậu tức là cõi Thánh phàm đồng cư. Thanh văn Duyên giác nhị thừa thế gian vô lậu tức là cõi phương tiện hữu dư. Bồ Tát thế gian nhị biên tức là cõi thật báo trang nghiêm. Phật thời là thế gian viên dung trung đạo tức là cõi thường tịch quang độ vậy. Cho nên Đức Quán Âm bèn dùng mười pháp giới thế gian và bốn cõi mà làm cảnh thế gian sở quán vậy.

3.- Âm : là âm thanh. Trong mười pháp giới thế gian có hàng bao nhiêu tiếng tăm như: tiếng ác, tiếng thiện, tiếng hữu lậu, tiếng vô lậu, tiếng nhị biên và tiếng trung đạo đều là tiếng tăm bị quán. Quán là trí năng quán; thế gian tức là cảnh sở quán. Như trong Phẩm này nói: Nhất tâm xung danh Quán Thế Âm Bồ Tát tức thời quán sát tất cả tiếng tăm ấy đều được giải thoát. Nghĩa là Đức Quán Thế Âm quán sát tất cả tiếng tăm bị khổ não cầu cứu của mười cõi thế gian, liền lúc đó, khiến cho lìa khổ mà được vui. Và tiêu tai miễn nạn, nên có danh hiệu là Quán Thế Âm

Nhưng tiếng tăm phải dùng tai mà nghe chứ sao gọi là quán? Bởi vì sáu căn của Bồ Tát là Viên thông cho nên có thể dùng thay đổi nhau được, mà bọn phàm phu chúng ta là chẳng phải thế. Tai chỉ nghe tiếng mà chẳng hay xem sắc, mắt chỉ hay xem sắc mà chẳng nghe tiếng được. Nên kinh gọi: Mắt chẳng vượt khỏi sắc, tai chẳng vượt khỏi tiếng. Quán Thế Âm Bồ Tát quán tiếng tăm của mười pháp giới rồi đến giáo hóa cứu vớt chúng sanh, không khổ nào chẳng vớt, không nạn nào chẳng cứu, nên gọi là Quán Thế Âm

Thế gian phàm phu có 3 khổ, 8 khổ và vô lượng các khổ, cho đến khổ kiến tư phiền não, Quán Thế Âm Bồ Tát quán tiếng tăm trì danh cầu cứu khổ kia, liền được giải thoát. Kỳ dư như chúng sanh ở cõi đồng cư có khổ phân đoạn sanh tử, Thanh văn Duyên giác là nhị thừa chúng sanh có những khổ trần sa phiền não và khổ biến dịch sanh tử ở cõi phương tiện hữu dư; Bồ Tát là Đại đạo tâm chúng sanh, có những khổ vô minh phiền não và khổ biến dịch ở cõi thật báo trang nghiêm. Một phen xưng danh hiệu của Bồ Tát thời những khổ phiền não sanh tử của chúng sanh đang ở trong chín giới ba cõi đều khiến thoát ly, đều được thành Phật. Sở dĩ danh hiệu Quán Thế Âm chẳng những phàm phu nên niệm, mà La Hán Bồ Tát cũng cần niệm trì.

Đức Quán Âm không khổ não nào chẳng cứu vớt, không cõi nước nào chẳng hiện thân. Trí năng quán của Bồ Tát cùng với cảnh sở quán thế giới chúng sanh duy thị là nhất tâm, nên gọi Quán Thế Âm. Phải biết Quán Thế Âm Bồ Tát có bốn môn và tích môn: Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại bi nói Vị Bồ Tát này có sức oai thần bất khả tư nghì, ở vô lượng kiếp về trước đã thành Phật rồi, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. - Đây là bốn môn. Ngài đã thành Phật mà sao lại thị hiện Bồ Tát? Vì Đại bi nguyện lực để cứu khổ chúng sanh vậy. Đây là Tích môn. Kinh Quán Âm tam muội nói: Xưa đã thành Phật hiệu Chánh Pháp Minh Như Lai, Phật Thích Ca đã thường ở dưới Pháp tòa, sung vào trong đám đệ tử khổ hạnh để mà gần gũi. Ngày nay Đức Thích Ca thị hiện thành Phật thời Quán Thế Âm Bồ Tát trở lại làm đệ tử để mà gần gũi lại. Sở dĩ một Phật ra đời ngàn Phật phò trì.

Kinh Bi Hoa nói: Ngày xưa, vô lượng kiếp về trước, khi còn là phàm phu, có Đức Phật Bảo Tạng ra đời. Bảy giờ đệ nhất Thái tử của vua Chuyển Luân Thánh Vương phát tâm cúng dường Phật và Tăng thời gian ba tháng. Rồi Thái tử bèn ở trước Đức Phật Bảo Tạng phát bồ đề tâm và lập đại thế nguyện rằng: Nếu có thế giới chúng sanh bị khổ não mà xưng niệm danh hiệu Ta và được thiên nhãn của Ta xem thấy, và thiên nhĩ nghe thấy, nếu kẻ này chẳng được cứu thoát, Ta thề chẳng thành Phật. Ngay khi đó, Phật Bảo Tạng khen ngợi lời hoàng nguyện cứu khổ và cho vui chúng sanh, và Phật liền đặt cho Pháp danh là Quán Thế Âm. Lại nữa trong kinh Lăng nghiêm Bồ Tát tự nói rằng: Tôi tự nhớ lại được, Tôi ở vô lượng kiếp về trước đã từng gần gũi. Đức Cổ Phật Quán Thế Âm và Tôi làm làm kẻ đệ tử Phật. Rồi được Đức Phật ấy dạy cho rằng người nên từ nơi nhĩ căn mà bắt đầu tu, rồi do nghe, suy nghĩ và tu thời người sẽ vào được chánh định. Ban đầu Tôi ở trong tánh nghe, rồi mới vào giòng mà quên nơi chỗ.

Thông thường, nhĩ căn chúng ta hướng ngoại, giống ruồi tìm tòi, theo tiếng mà trôi lăn. Nay chỗ dùng công phu của Quán Âm tức dùng nhĩ căn quay ngược căn cơ trở lại mà nghe tự tánh. Cho nên mới có thể bên ngoài

vong lục trần; bên trong vong lục căn. Năng sở đều vong. Đã vong được Sở, tức vào giòng pháp giới, bèn chứng được quả viên thông bỗng nhiên siêu vượt, được hai món thù thắng, cho nên mới có 32 ứng thân, 14 vô úy, bốn bất tư nghi, vô tác diệu đức. Đức Phật kia nhân vì Tôi mà thọ ký cho và đặt tên là Quán Thế Âm Do đây mà biết Đức Quán Thế Âm thuần do tự mình quay lại quán tính nghe tức là chiếu cố tánh sẵn có. Sau khi rỗng phá ngũ uẩn là liền chứng được viên thông.

Nếu chuyên nghe bên ngoài, chẳng hay quay lại nghe tự tánh, tức là ngoài tâm câu pháp. Cho nên Đức Quán Thế Âm nhờ chẳng quán tiếng chỉ dùng quán trí để quán tánh nghe liền được giải thoát. Đây là y theo kinh Lăng Nghiêm ước về tự lợi mà giải thích Quán Âm. Nếu y theo kinh Pháp Hoa ước phần lợi tha để giải thích Quán Âm, thì lợi tha là Bi mà tự lợi là Trí. Cho nên danh Hiệu Quán Âm có đức tự lợi lợi tha và công bi trí song vận vận.

4.- Sao gọi là Bồ Tát? Bồ Tát là lược xưng. Tiếng Phạn là Bồ đề Tát đỏa. Bồ đề dịch là giác, Tát đỏa dịch là hữu tình. Giác tức trên cầu giác ngộ Phật đạo, là tự lợi. Hữu tình tức dưới hóa độ chúng sanh hữu tình, là lợi tha. Cho nên có công thượng cầu hạ hóa và đức tự lợi lợi tha. Đây là danh xưng của những người tu hành theo Đại thừa giáo. Người đời đều cho Thành hoàng, Thổ địa, Đông nhạc, Tài thần v.v... xưng là Bồ Tát-thật là sai lầm lớn lao. Vì những vị Thần vừa kể trên là thuộc về Đa Tài Quý trong loại Quý thần, gọi đó là Thần đạo. Mà Bồ Tát là ngôi vị ở trên Trời, người, La Hán và ở dưới Phật Đà. Còn Thần đạo thời ở dưới Trời, Người đâu được lạm xưng là Bồ Tát.

Hễ ai chưa thành Phật mà trước phát tâm độ người, đây là cảnh giới Bồ Tát, như lội qua sông vậy. Người lội do bờ bên này đến bờ bên kia mà chiếc thuyền thời ở giữa giòng. Bờ bên này dụ sanh từ luân hồi, bờ bên kia dụ Niết Bàn Thánh địa. Bồ Tát tự mình đã xong sanh tử mà chẳng trụ ở sanh tử như chẳng trụ ở bờ bên này. Tuy đã chứng Niết Bàn, bất sanh bất diệt mà là chẳng trụ Niết Bàn, như chẳng trụ bờ bên kia, tức là cảnh giới Bồ Tát. Và cũng là chơn diện mục của Phật giáo tích cực cứu thế. Cùng với những kẻ tu Tiểu thừa chỉ biết tự độ mà chẳng cần lợi tha thật khác xa chẳng đồng.

Phải biết Bồ Tát quý vị đều có thể làm được cả. Chúng sanh ai ai cũng đều có bốn phận, như từ bi ích vật lợi sanh, như thế cứ mà làm đi, tức là nhục thân Bồ Tát. Sau khi quý vị nghe hiểu, như tự lợi là Tiểu thừa. Nếu chẳng những tự lợi mà phát tâm vì chúng sanh nên nghe kinh. Sau khi nghe đi khuyến hóa tất cả quyến thuộc, thân thích bằng hữu khiến cho mọi người đều hiểu biết được, đều tu trì được-tâm đây tức là tâm Bồ Tát. Như sáng lập

Cư sĩ Lâm mỗi cá nhân đều mưu đồ quyền lợi, mong cầu danh vọng. Bề ngoài tuy làm sự nghiệp công chúng nhưng kỳ thật vẫn là cảnh giới Tiểu thừa. Nếu được quý vị đó vì mưu cầu hạnh phúc chung, khiến mọi người đều được nghe Phật pháp, có chỗ nương về. Dụng tâm như thế, thời không luận gì các chức viên trong ban đồng lý sự đều là Bồ Tát cả.

Bồ Tát trọng tại xả kỷ lợi nhân là tích cực cứu đời, như tu những hạnh phóng sanh, bố thí, phân hương lễ bái, tụng kinh niệm Phật. Rồi đem công đức ấy đều hồi hướng cho pháp giới tất cả chúng sanh và phổ cập đến đại chúng đều được lợi ích; hy vọng thế giới hòa bình, mọi người đều lìa khổ được vui. Đây tức là pháp môn Bồ Tát vậy.

Như tu niệm Phật vì muốn độ thoát chúng sanh mà niệm Phật cầu sanh Tây phương. Niệm được nhất tâm bất loạn, khi lâm chung được vãng sanh và gán gửi Đức Phật Di Đà, rồi mới trở lại cõi Ta bà mà độ sanh. Bề ngoài là cá nhân niệm Phật in tuồng tư lợi, nhưng kỳ thiệt vì chúng sanh mà niệm Phật sanh Tây là tâm địa Bồ Tát, tức là một mặt niệm Phật, một mặt khuyến hóa chúng sanh đây cũng là đạo Bồ Tát vậy. Nếu cao hơn nữa, cho rằng công phu tự mình hãy chưa thành tựu, mà vì muốn độ sanh vậy nên cần ở nơi nhà tranh vách lá, đạm bạc bần hàn kham tu khổ hạnh. Thân tuy ở sơn lâm chẳng hề tiếp xúc với dân chúng, nhưng lấy độ sanh làm tiền đề thời cũng là một sự nghiệp của Bồ Tát vậy. Vì có làm thế mới đã phá được ngã kiến, hy sinh được tất cả. Sở dĩ mỗi khi động tĩnh đâu chẳng phải là đạo Bồ Tát?

Ngài Vĩnh Gia Đại Sư có nói rằng: "Nhị thừa tinh tiến chẳng đạo tâm, ngoại đạo thông minh không trí huệ". Như các tổ chức Đồng Thiện Xã, Tam Thời Hội, Lý Môn, Vô Vi, Tiên Thiên... Tuy họ siêng năng khổ hạnh, hiểu biết mọi sự, nhưng chỉ được gọi là vô ích khổ hạnh, vì đây là thế trí biện thông, với Phật đạo hãy còn xa xôi lắm. Đây chính là không trí huệ, chẳng đạo tâm vậy. Người đời đối với thông minh và trí huệ thường lầm lẫn, họ chẳng phân biệt được. Thật thì sai khác nhau như trời vực. Bởi vì thông minh chẳng hay liễu sanh tử được. Kể những khoa học, triết học, vật lý học, thanh, quang, hóa, điện học... đều là bác học thông đạt. Đây là thế gian thông minh, do lòng tham đắm mê muội nhận cho thật có trời dài đất lâu, nên đối với muôn pháp khám phá ra không nổi, chính là có thông minh mà không trí huệ.

Ngược lại có một hạng người chẳng biết các môn khoa học, không có học vấn, nhưng họ có thể hiểu rõ thế giới là huyền hóa. Đối với tất cả họ khám phá được, nhận thức thấu đáo, và họ an bản lạc Đạo, chẳng mong cầu gì mà nhân phẩm tự nhiên cao khiết. Đây là có trí huệ mà không thông minh.

Nếu với thế gian có học thức rộng cao mà biết đem dùng hoằng dương Phật Pháp tức là chuyên thế gian thông minh thành trí huệ xuất thế. Cũng như Tiểu thừa La Hán, tuy chịu đựng khổ cực nhọc nhằn, nhưng chỉ có tinh tiến dũng mãnh mà không đạo tâm. Và chỉ biết tự cố bản thân mà chẳng chịu nhờ một mảy lông để làm lợi ích cho người, trời. Nếu ngược lại mà làm lợi cho kẻ khác, thế là có đạo tâm Bồ Tát vậy.

Cho nên quý vị đến đây nghe kinh, đa phần là Phật giáo đồ, phạm khi lễ Phật tụng kinh niệm Phật, cần phải phát tâm tích cực cứu đời, dù cho lực bất tòng tâm đi nữa, cũng nên phát quang đại tâm, hễ có nguyện tất thành tựu có ngày. Được như thế mới là có tư cách Bồ Tát. Đức Thích Ca và Bồ Tát Quán Thế Âm đều sớm đã thành Phật lâu rồi, nhưng vì tâm độ sanh tha thiết, cho nên tái lai thị hiện ra đời. Quán Âm thị hiện 32 ứng thân, vì đối với cơ nghi nên hoặc hiện nam thân, hoặc hiện nữ thân, do đó mà người đời bảo Quán Âm là nữ nhân, kỳ thật chẳng phải vậy.

Trên núi Ngũ Đài có đắp tượng Quán Âm bằng một tướng thầy Tỳ kheo. Đức Quán Thế Âm có nhiều thị hiện như: tay xách giỏ cá, bông con nít, mặc áo trắng, ngàn tay ngàn mắt, chân đạp rùa cá... Tuy đều là nữ thân, nhưng chỉ vì cứu độ một hàng nữ nhân nào đó nên phải thị hiện đó thôi, chớ kỳ thật đồng là một bản thể Quán Âm vậy. Thuở xưa có một xứ, dân chúng chẳng chịu tin Phật Pháp, vì họ cho là mê tín. Bồ Tát Quán Thế Âm vì muốn giáo hóa bọn chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng kia, nên hoá hiện một nữ nhân, tay xách giỏ tre, trong có đựng mấy con cá, đi vào thôn xóm rao bán. Người trong thôn xóm thấy cô bán cá mà sao dung nhan mỹ mạo đẹp đẽ dị thường, nên ai cũng lấp lèm và tranh nhau muốn cưới. Người thì xin cưới về làm dâu, người thì muốn cưới làm vợ, và có ông đòi cưới cho kỳ được dất về làm hầu. Người ta bu quanh nơi cô càng lúc càng đông, nhất là các cậu thanh niên mò theo sát gót. Cô đi đến đâu cũng như đến đấy, cả ngày, cá bán không được vì người ta ham mua người mà thôi. Thấy đã đến lúc, cô nói: "Các ông là đông người, còn tôi chỉ có một mình tôi, làm sao làm vợ cho đủ? Nhưng tôi xin đưa một điều kiện, nếu các ông bằng lòng, là ai đọc thuộc lòng Phẩm Kinh Phổ Môn nội trong ba ngày nhất định thời tôi làm vợ kẻ đó tức thì". Liền tức tốc người làng đi khắp xứ tìm Phẩm Phổ Môn về đọc tụng. Sau ba ngày mãn hạn những người đọc thuộc lòng được bốn năm mươi người. Cô bảo: "Các ông vẫn còn số nhiều, không nói chắc các ông cũng biết, một mình tôi mà làm vợ cho nhiều người bất tiện vì nhiều lẽ. Vậy tôi xin một lần nữa là ai đọc thuộc lòng quyển Kinh Kim Cang nội trong năm ngày tròn, tôi xin chân thành phụng sự người đó là chồng duy nhất của đời tôi". Thế là người ta, một lần nữa phải khó khăn, vì văn tự của kinh này là lặp đi lặp lại, trùng điệp điệp trùng, quần quần rắc rối chứ chưa kể chi đến

nghĩa lý Bát Nhã Ba La Mật. Thế nhưng nghiệp lực nó mạnh lắm. Mãn hạn năm ngày, có được mười người trúng tuyển.

Cô ta lên tiếng: "Cũng vẫn bất tiện. Thưa các người, pháp luật hiện hành và luân lý cổ truyền của xứ ta, chính ngày hôm nay vẫn chưa cho phép một vợ mà mười chồng. Xin quý ngài một lần chót này nữa là nếu ai đọc thuộc lòng bộ Kinh Pháp Hoa trong hạn bảy ngày chẵn, thời tiện thiếp xin trân trọng tuyên bố đem danh dự của kẻ hàng tôm hàng cá ra mà bảo đảm giữ đúng lời hứa đã hứa mấy lần trước". Lần này, người ta gặp phải cái khó đặc biệt là tìm cho đủ bảy quyển và ngồi xếp bằng mà lật từng trang, từ đầu chí cuối cho hết bộ Kinh Pháp Hoa cũng đã mất bao ngày giờ, huống là học thuộc lòng. Một tuần lễ trôi qua, mãn hạn bảy ngày, vậy mà vẫn có một người đạt được mục đích cuối cùng, vẻ vang nhất đời. Đó là chàng thiếu niên họ Mã. Chàng thông minh lịch sự, tiền nhiều sang trọng. Dĩ nhiên, cô bán cá phải nhớ lời hứa. Sau một đêm hoa đăng rực rỡ, yến tiệc linh đình, đến giờ động phòng, tân nương bỗng phát một cơn đau bụng dữ dội và chết luôn!

Ôi thôi! Mã thiếu niên, tội nghiệp cho chàng biết bao! Chết, chết, ở đời ai tránh khỏi cái chết? Mà chết như thế này nghĩa là làm sao? Đời ai chẳng nên đáng sống! Mà sống như thế này thì sống để làm gì? Chết sống mà như thế này phải có thứ trời đất nào khác hơn để nài cho thấu tai mới nghe! Mã thiếu niên đã dùng hết tâm cơ ba khoa ứng thí đậu Hoàng Giáp cả ba, phần thưởng xứng đáng nhất là được một mỹ nhân tuyệt thế. Đó là hạnh phúc chứ gì? Nhưng hạnh phúc đã chớp cánh bay bổng rồi. Bay đi mà không ngày đậu lại, cách biệt vĩnh viễn. Giờ đây và tại đây chỉ còn lại một giả danh hạnh phúc và một thân chết nằm cứng đờ như những thân chết khác không hơn không kém. Sau khi tổng táng xong, chàng ta tự hậu là mình bạc phước. Để tránh bạc phước ấy, chàng thề trọn đời chẳng màng cưới vợ nữa. Rồi chàng tự nhiên sang qua sống một đời sống của những kẻ thất tình; dần thân đây đó như kẻ si cuồng. Một hôm bất giác chàng đi tình cờ gặp một vị lão Tăng mặc áo tím, lão nhận thấy nơi anh ta có bộ dạng âu sầu khổ não nên Ngài mới gạn hỏi. Thì Mã quân đem hết đầu đuôi chuyện mới xảy ra mà thưa. Nghe xong Ngài bảo: "Người nữ nhân ấy là Bồ Tát Quán Thế Âm hóa thân, vì Bồ Tát thấy bọn các người chẳng tin Phật pháp nên mới thị hiện nữ nhân để giáo hóa đây thôi".

Ngài tiếp: "Trong kinh Phật dạy: Trước lấy tình dục câu dẫn nó, sau mới khiến vào Phật trí vậy". Mã quân trở về nhà và thuật lại việc mình vừa gặp lão Tăng bảo như thế cho bà con nghe. Nhưng chưa tin nên họ quật mề, cật nấp quan thờ trong quan không có chi cả. Do đó, dân chúng mới tin, và Phật pháp cũng do đó mà được thịnh hành. Sau vụ này được minh bạch, Mã

quân cho là mình làm người thế gian cũng không còn ý nghĩa gì nữa, nên ông xuất gia làm Tăng, rồi vào tu Đạo trong một hang núi. Về sau người ta đặt tên hang này là Mã Lang Động, tức là hang động của chàng họ Mã. Động ấy đến nay vẫn còn.

Quán Âm mọi người đều đủ cả, đều có thể làm Bồ Tát được. Như niệm Quán Âm để cầu phước báo, tức là người, trời Quán Thế Âm Bồ Tát. Nếu tu phước huệ qua vô số kiếp, trăm phước tướng hảo, mà còn chấp tướng bố thí, năng thí, sở thí chẳng tiêu vong, tức là Tạng giáo thủ tướng Quán Thế Âm. Nếu thể đạt muôn Pháp đều không, đương thể tức là chơn, tuy rộng tu lục độ mà thể của ba luân trống không. Ví như tu bố thí, chẳng thấy ta là người năng thí, cũng chẳng thấy vật là sở thí, và trung gian cũng chẳng thấy có người thọ của thí. Thí như sáng lập Cư sĩ Lâm đầu chẳng phải lợi sanh ích vật, lại như thi tác Phật sự, kiến lập đạo tràng, nên coi đó là vàng trắng dưới nước, hoa đóm giữa hư không, huyền hóa không thật, nên chẳng chấp lấy cho là thật có. Đây tức là Thông giáo Quán Thế Âm Bồ Tát. Quán Không là tiêu cực, mà quán Hữu là tích cực, quán Trung đạo là tiêu cực mà tích cực. Còn quán thứ lớp trước Không, kế Hữu, sau Trung, tức là Biệt giáo Quán Thế Âm Bồ Tát vậy. Nếu viên dung ba Quán, đối với tiếng tăm của mười pháp giới đều là cảnh mà ta nhất quán: Chơn không chẳng phải không, diệu hữu chẳng phải hữu, duy là tam quán nhất tâm, tuyệt đãi viên dung. Sau khi đã chứng thấu triệt các nghĩa trên, mới từ thể trung đạo khởi dụng ứng hóa, tức là Viên giác Quán Thế Âm Bồ Tát.

Tuy có Tạng, Thông, Biệt, Viên Quán Âm của bốn giáo, nhưng kỳ thật đồng là một Quán Âm, không hai không khác, vì sở kiến của mỗi người nên mới có chẳng đồng mà thôi. Nên gọi là kẻ nhân thấy là nhân, kẻ trí thấy là trí vậy. Như nước ở cõi này, người thấy là nước, mà ngựa quỷ thấy là lửa, cá ếch rùa trạch thấy là nhà cửa, mà trời xem thấy thì là ngọc lưu ly quý đẹp lắm. Tâm lượng nhỏ thấy Quán Âm nhỏ, tâm lượng lớn thấy Quán Âm lớn. Tự như trống, chuông. Đánh lớn kêu lớn, đánh nhỏ kêu nhỏ. Bồ Tát tự mình không có chia rẽ lớn nhỏ, nhân ngã gì hết. Vì căn cơ của chúng sanh chẳng đồng nên Quán Âm phải khắp cả pháp giới, nên có câu:

Xứ xứ trì trung hữu minh nguyệt,

Gia gia môn nội hữu Quán Âm.

Nghĩa là:

Ao nào cũng có ánh trăng,

Nhà nào cũng có Quán Âm hiện tiền.

Vì Quán Âm là Quán Âm ở trong tâm chúng sanh. Như tuy chúng sanh mê muội điên đảo, nhưng sáu căn năng duyên kiến phần, mà cái thể của nó nguyên là quán trí của Quán Thế Âm, mà sáu trần là sở duyên tướng phần, thời cái thể nó thật là thể âm của Quán Thế Âm vậy. Quán tức là trí như như, Thế Âm tức là lý như như. Sáu căn dính khít sáu trần, căn trần tiếp nhau là tự tánh bị che khuất chẳng hiển hiện được.

Quán Thế Âm như trăng mát mẻ trên trời, thường du đi giữa hư không rớt ráo. Cũng thế, chỉ cần tâm như bản của chúng sanh được rửa sạch; căn, trần nói thoát, thời ánh trăng Bồ Tát tự nhiên ứng hiện vào trong, như nước trong thì trăng hiện vậy. Nên mới có nghĩa cảm ứng đạo giao màu nhiệm. Phàm gặp các tai nạn giặc cướp nước lửa xảy đến, thân thời chăm lòng chí mạng niệm Quán Âm, niệm được nhất tâm bất loạn. Tâm thủy lóng trong, thời tự tánh Quán Thế Âm hiển hiện là được giáng xuống cứu thoát. Bởi đó mới có thể biết rằng đạo lý niệm Quán Âm cứu khổ rất là bình thường giản dị chẳng có gì kỳ lạ quái gỡ, vì trong tự tâm sẵn đủ màu nhiệm ấy vậy.

Nhưng đáng tiếc thay người đời mê muội chẳng chịu hồi đầu. Nay các người là những người đến đây để nghe giảng, tuy chẳng phải mỗi người là một Quán Âm, nhưng tôi chẳng dám khinh dễ các người. Với hiện tại tuy tự mình biết mình chẳng được, vì còn trái với giác tánh, hợp với trần lao, nhận giặc làm con, mê cảnh theo vọng, chìm ngấm sát đáy. Nhưng quý vị vốn sẵn đủ Quán Âm chưa hề sút mẻ chút nào. Đây gọi là lý tức Quán Thế Âm. Ngày nay thỉnh kinh nghe pháp, hiểu Đạo rõ ràng, rồi nhờ đó dụng công tu hành, đem mỗi niệm soi tỏ tánh chơn thường, tiêu trừ trần lao vọng niệm huyễn cảnh. Như niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, cứ niệm niệm nói luôn ở nơi tự tâm mà chẳng trở nhắc, thời vọng kia tự dứt. Đây gọi là quán hạnh tức Quán Thế Âm. Niệm được sự nhất tâm bất loạn, chẳng khởi tư lường phân biệt, gặp cảnh giới tốt chẳng ưa, gặp cảnh giới xấu chẳng nhàm, chẳng sân, dứt được kiến tư phiền não là sáu căn thanh tịnh, có tác dụng thần thông. Nhân vì sáu căn đã trở về sáu căn thanh tịnh, nên ánh sáng sạch thông. Đây gọi là tương tự tức Quán Thế Âm. Niệm được Lý nhất tâm bất loạn, tiếp theo phá được căn bản vô minh, thân kiến tự tánh Quán Thế Âm. Nhận thức được bản lai diện mục. Lúc bấy giờ mới có thể hóa hiện trăm đấng Phật Đà, phân đi khắp trăm đại thiên thế giới mà thị hiện tám tướng thành đạo, rồi giáo hóa chúng sanh... Thần thông quảng đại, lại có 32 ứng hiện thân. Đây gọi là phần chứng tức Quán Thế Âm. Cuối cùng dứt hẳn hai món sanh tử là phân đoạn và biến dịch, năm chổ phiền não được rớt ráo thanh tịnh mà thành Phật đạo. Đến bây giờ đây mới gọi là cứu cánh tức Quán Thế Âm.

Thành tâm niệm Quán Thế Âm. Niệm được nhất tâm bất loạn. Niệm cực tình không là Quán Thế Âm của tạng Thông hai giáo. Niệm được tức không tức giả, trung đạo hiện tiền là Quán Thế Âm của Biệt Viên hai giáo.

5.- Phổ Môn: Phổ là khắp cả. Môn là cửa, là nghĩa năng thông. Mười cõi không có cửa, duy người tự tạo. Như Địa Ngục tạo bởi ngũ nghịch, thập ác mà làm cửa, đương thể của nó là lấy sân nhuế làm cửa. Ngũ nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A La hán, phá hòa hiệp Tăng, làm cho thân Phật chảy máu. Thập ác là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, ác khẩu, lường thiệt, ỷ ngữ, tham dục, sân nhuế và ngu si. Mà người tu hành đã không có ác nghịch tức chẳng đi thông vào được, nên chẳng phải Phổ Môn. Các loại súc sanh như chim bay thú chạy, bò bay máy cưa tuy cũng do cửa tạo ngũ nghịch thập ác mà tiến vào, nhưng vì đương thể lấy ngu si làm cửa; ngu si là chẳng tin nhân quả, khởi các tà kiến. Ngạ quỷ tuy cũng do cửa ngũ nghịch thập ác mà đi thông vào, nhưng vì đương thể lấy xan tham làm cửa. Cửa cái mình có chẳng chịu bố thí cho ai một hào; trái lại tiền của người ta, mình tham được chẳng nhàm. Cho nên bị quả báo làm loại ngạ quỷ chịu khổ não đồ uống ăn chẳng đầy đủ. Đây là cửa ba ác đạo tham sân si, mà chẳng những người tu hành tức chẳng đi vào cửa ác này được vì không không từ đâu mà thông đến đến đến vậy.

Đến như tam thiện đạo thì sao? Nhân thân khó được Thiên đạo lại chẳng dễ. Vì cần phải tu trì ngũ giới thập thiện mới có thể sanh vào trong hai đạo người, trời mà phải tu thiện đạo trong hai phẩm Trung và Thượng vậy. Ngũ giới đối với ngũ thường bên Nho học gần gũi nhau: Nhân tức là bất sát, Nghĩa tức là bất đạo, Lễ tức là bất dâm, Tín tức là bất vọng ngữ và Trí tức là bất ả tửu. Đây là xét về phần cạn cợt mà nói, chứ nói nghiêm khắc chơn thật mà luận, thời ngũ giới thật là cao hơn ngũ thường vạn vạn lần.

Nhưng đem tâm sân mà tu giới thiện là thành A Tu La, có phước như trời mà không có đức như trời, bởi vì tu thiện đạo hạ phẩm vậy. Như vậy ba thiện đạo, phải lấy giới thiện làm cửa mà đi thông vào. Nhưng chúng sanh ở sáu đạo bị sanh tử luân hồi là cửa hữu lậu chẳng thể đi thông vào vô lậu được, cho nên chẳng phải Phổ Môn. Thanh Văn Duyên Giác, Nhị Thừa chấp không, lấy không làm cửa; đi lệch vào nơi thiên không niết bàn, ngưng trệ ở hóa thành, sanh tử phiền não chỉ liễu được một nửa mà thôi, biến dịch sanh tử chưa diệt trừ xong, nên cửa này chẳng gọi là khắp. Bồ Tát lấy không hữu nhị biên làm cửa, trong chuyên tu không để tự lợi, ngoài giao thiệp hữu cho lợi tha, nhưng vẫn còn chia biệt hai bên mà chẳng dung hội, cho nên cũng chẳng phải là cửa khắp. Vậy thời Phổ Môn đây là một Môn tất cả đều Môn, một Phổ tất cả đều Phổ, một Trung tất cả đều Trung. Đây là Trung đạo diệu

môn. Y theo Nhất Thật Tướng trung đạo để khai ra có mười Phổ Môn sau đây. Tất cả các pháp đều lấy đây mà bình đẳng quán vào.

a.- Từ Bi Phổ Môn: Từ hay cho vui, Bi hay cứu khổ. Tuy người đời ai cũng có từ bi, nhưng chênh lệch nơi ái kiến từ bi. Như bố thí tiền của: Người thì chia ra có thân sơ, địa phương thì phân ranh giới xa gần, đồng hương đồng tỉnh, đồng quốc, đồng giống nòi là cứu cho, mà trái lại thời chẳng cần biết tới. Hơn nữa, đồng là nhân loại mà cứu vớt, còn gà vịt heo dê... Thì cho là dị loại rồi cứ tàn sát để nhậu ăn cho khoái bô. Cho nên đó gọi là ái kiến từ bi. Nên biết súc sanh nguyên là người biến hiện. Nó cũng biết đau khổ, lo tìm bảo tự mạng, cùng người đâu có khác chi? Cho nên ái kiến của phàm phu có giới hạn nên chẳng phải là Phổ Môn.

Kể đây là pháp duyên từ bi. Như có một hạng người hiểu biết tất cả các pháp do duyên mà sanh; duyên sanh là vô tánh, nên mọi pháp đều trống không. Mà phàm phu cho là thật. Đối với các pháp cho là có, rồi nơi nơi chấp lấy, gập gì cũng chấp chắc khư khư. Các loại như thế khó mà nói hết. Cho nên tất cả các khổ não do đây mà phát sanh, vì chấp có ngã tướng vậy. Một ngày mai hậu, cảnh nghịch nó hiện đến thân, thời chẳng còn ngỏ nào tránh khỏi, phải đưa đầu ra mà hứng chịu mặc dù khó dễ tới mức nào! Phải biết: "Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng". Thế giới, quốc độ, sơn hà đại địa, đâu chẳng phải là một bóng nước trong biển cả. Chúng ta sống bốn năm mươi năm ở đây, với trên cõi trời Tứ Thiên Vương chẳng bằng một ngày đêm. Chúng ta bận rộn cho sự sống một đời, với trời ấy xem là triều sanh mộ tử, đâu có đủ quý giá gì ư? Thế giới là cái nhà trọ của chúng ta, ngày đêm là quá khách của trăm năm. Muôn pháp đã trống không, hà tất phải tranh cãi là phải là quấy, gây ra muôn ngàn tội ác! Những kẻ sĩ đi ở ẩn đời xưa, phần nhiều là người đạo cao đức cả, họ đã khám phá được sự thật của thế giới bên ngoài. Mà còn đến thỉnh họ làm Đế làm Vương cho, thì họ lại cho là lời ấy là nhóp tai dơ gáy, rồi họ phải xuống sông cào rửa cái lỗ tai cho thật sạch mới chịu đành lòng!

Lại nhận thấy muôn pháp trong thế gian, đâu thứ gì có thật. Vì thế là người học Phật chẳng nên chấp tướng, thời tất cả khổ não tự nhiên tiêu diệt, vì không dựa vào đâu để tồn tại nữa vậy. Nên kinh dạy: Muôn pháp từ duyên sanh, đương thể tức trống không. Dem lý duyên sanh chơn không này mà khai đạo cho chúng sanh, khiến họ được vui chơn không, mới giải thoát được khổ đau vì chấp hữu. Đây là pháp duyên từ bi. Nhưng chỉ biết có không mà chẳng biết bất không. Cho nên vẫn chẳng phải là từ bi Phổ Môn.

Từ bi Phổ Môn là thế nào? Là phải "Vô Duyên Đại Từ, Đồng Thể Đại Bi" mới nhằm. Bởi chúng sanh là chúng sanh trong tâm ta, ta là ta trong tâm

chúng sanh. Người tức là ta, ta tức là người. Người, ta tự tha nguyên là đồng thể. Người được giải thoát tức ta giải thoát. Người khổ tức ta khổ, người vui tức ta vui. Nên nhà Nho nói: Vui cái vui của người, buồn cái buồn của người. Việc người tức việc mình, không chia rẽ tự tha và tướng nhân ngã chi hết. Có thể mới có thể xả kỷ từng nhân được. Đến đây đã tiêu vong ngã tướng cũng không có nhân tướng, thời đâu còn có ngã năng duyên, nhân sở duyên. Được như thế tức thành Vô Duyên Đại Từ, Đồng Thể Đại Bi vậy. Lại như vì muốn cứu vật sắp bị giết cho khỏi chết, mà tu hạnh phóng sanh, vì muốn cứu giúp loài quý đỏi nên mới thiết lập đàn phóng thí mông sơn chân tế để phổ độ chúng, tức là ý này vậy.

Nếu như còn có ta là hay duyên, người là bị ta duyên; ta hay cứu, người là được bị ta cứu; ta là hay độ, người là được ta độ, thời chắc chẳng phải Vô Duyên Từ, Đồng Thể Bi vậy. Lại như nhận chơn được giới sát sanh, ăn rau quả là chơn từ bi, vì đồng thể vậy. Trái lại thời trực tiếp là giết chúng nó mà kỳ thiệt là gián tiếp giết mình. Cho nên có câu:

Dục tri thể thượng đao binh kiếp,
Đản thính đồ môn bán dạ thanh.
Dục miễn thể thượng đao binh kiếp,
Trừ phi chúng sanh bất thực nhục.

Nghĩa là:

Muốn biết do đâu có chiến tranh,
Chỉ nghe hàng thịt tiếng nửa đêm.
Muốn khỏi chiến tranh sống hòa bình,
Khi nào loài người không ăn thịt.

Cần phải biết vì khoái khẩu cho ba tác lữ của ta mà khiến cho chúng nó chịu đau khổ, nở lòng dạ nào? Và lương tâm trắc ẩn của ta thường nói tới, lúc đó có mặt nó hay không? Cho nên cần phải thể đạt chúng với ta chẳng hai chẳng khác mà giới sát phóng sanh tức là đồng thể đại bi, vô duyên đại từ vậy. Đồng thể đại bi thông suốt thượng thánh hạ phàm, tứ Thánh lục đạo, chín giống mười loại. Được như vậy mới thật là: "Đại từ đại bi thương chúng sanh. Đại hỷ đại xả cứu muôn loài". Điều này rất khẩn yếu. Cần phải gia tâm chú ý cho lắm vậy.

b.- Hoàng thệ Phổ Môn: Đã đầy đủ vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, tất nhiên phải có mục tiêu thực hành. Thế nào là mục tiêu? Là bốn hoàng thệ nguyện vậy. Thường tụng:

Chúng sanh không ngần, thệ nguyện độ,
Phiền não không cùng, thệ nguyện dứt,
Pháp môn không lường, thệ nguyện học,
Phật đạo cao siêu, thệ nguyện thành.

Bốn đại nguyện này tức là Phổ Môn đại nguyện. Đã biết chúng sanh là chúng sanh ở trong tự tánh của ta, cho nên phải: Thệ nguyện độ tự tánh chúng sanh, thệ nguyện dứt tự tánh phiền não, thệ nguyện học tự tánh pháp môn, và thệ nguyện thành tự tánh Phật đạo.

Như nay quý vị tại đây nghe giảng kinh xong, ra về khuyên người giới sát, ăn chay, tụng kinh, niệm Phật, niệm Quán Âm cho chúng nghe. Khiến tiếng niệm lọt vào tai, rồi xuống tận trong đám ruộng tám Thức của chúng để làm nhân đắc độ cho đời sau. Tâm độ sanh cần phải rộng lớn, không luận với bốn loài noãn, thai, thấp, hóa, đều nên khuyến hóa chúng. Không xứ nào chẳng phải là chỗ độ sanh. Đây là Phổ Môn độ sanh đại nguyện. Phiền não lắm nhiều, tóm lại có tám muôn bốn ngàn thứ. Như tham sân si, như ác độc xà tâm, mặt người tâm thú, bất trung, bất hiếu, bất tín, bất nghĩa, bại hoại tỳ khí, quen thói độc ác... Chúng ta đã muốn lìa khổ được vui đều phải dứt phiền não và cũng cần phải khuyên mọi người đều dứt nó nữa mới xong. Đây là Phổ Môn dứt phiền não đại nguyện.

Pháp môn như Giới, Định, Huệ... Tám muôn bốn ngàn pháp. Ba tạng, mười hai bộ kinh, năm thời, tám giáo đều cần nên học. Nhưng chúng ta căn cùng huệ cạn mà học khắp tất cả chắc không thể nào kết quả. Vậy nên do một môn nào đó mà nên học sâu vào. Cứ đi thẳng vào một, đừng rẽ hai. Sâu và lâu mãi, rộng vậy thông suốt. Một môn đầy đủ, thời tất cả các môn cũng đều đầy đủ vậy. Như khi đã đi vào một cửa tức vào mọi cửa, vào một đường thông tức thông mọi đường. Ban sơ khởi sự, bề ngoài tuy học một pháp, mà thật thời các môn đã đồng thời đều học. Trái lại, nay học Tánh tông, mai học Tướng tông, triều tam mộ tứ, rốt cuộc không thành quả một môn nào mà tự phí công phu trọn đời. Chư Cổ đức xưa đã dạy: "Một câu Di Đà đọc suốt năm thời, ngang trùm tám giáo". Ai năng già dặn niệm Phật tức đã học cả các pháp môn. Đây tức là Phổ Môn học pháp môn đại nguyện. Phạm phu có phân đoạn sanh tử, La Hán, Bồ Tát có biến dịch sanh tử. Duy chỉ khi nào thành Phật mới rốt ráo diệt tận hai thứ sanh tử trên. Cho nên Phật đạo tuy là cao siêu vô thượng, nhưng phải thệ nguyện cho thành đạt mới xong. Đây tức là đại nguyện Phổ Môn thành Phật đạo vậy.

Nên biết, Đức Quán Thế Âm khi ban sơ hưng khởi Phổ Môn từ bi, rồi sau mới phát hiện Phổ Môn hồng thệ. Mục đích Phật giáo chẳng chuộng

nói suông mà cốt quý tại thực hành. Có hiểu có làm. Hiểu là con mắt, làm là cái chân. Có hiểu không làm như có mắt không chân. Có làm không hiểu như có chân không mắt. Có mắt không chân thì đi không được. Có chân không mắt, chắc sa hố hào. Thuở xưa, có một gia đình mười nhân khẩu, mà chẳng may hai người phải một đui, một què đều là phé nhân. Hai người này chỉ ở nhà coi nhà và phụng dưỡng song thân mà thôi. Phần mấy người kia đi ra ngoài lo việc công tác sanh nhai. Một hôm nhà bếp bị phát hỏa cháy dữ dội. Cố nhiên người đui chẳng thấy gì cả, nên chẳng chạy ra. Người què tuy thấy nhưng cũng không chạy ra được. Khi lửa cháy lan tràn dữ dội hơn thời hai người bối rối. Trong khi cấp bách nguy hiểm mưu trí liền sanh là hai ta cùng nhau hợp tác. Người đui công đưa què. Què chỉ đường tắt, đui y theo mà công nhau chạy ra khỏi khu nhà cháy. Đây dụ cho ba cõi không yên như nhà lửa. Tám khổ giao đót, năm trước lộn cuồng. Chỉ biết mà chẳng đi có nhiên chẳng ra khỏi ba cõi, cũng như đi mà chẳng biết tức dễ chạy lầm đường. Rời nhau đôi bên đều bị hại, hợp tác lại hai đưa an toàn. Nghe kinh mở trí huệ là hiểu, niệm Phật, niệm Quán Âm là tu. Hiểu và tu đều song tiến, như mắt và chân đôi bên giúp đỡ lẫn nhau mới có thể chứng được Diệu Pháp, chứng được tự tánh Quán Âm. Cho nên bộ bách Luận có thí dụ đui què. Mâu Tử có nghĩa thuyết hành. Mong chư vị chú ý đừng coi nhẹ.

c.- Tu hành Phổ Môn: Hiện nay chúng tôi giảng Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn, được quý vị đồng đến nghe kinh niệm Phật tức là tu hành. Như có thể hiểu được đạo lý rõ ràng hơn là sự tu hành này cũng là phổ biến Phổ Môn vậy. Bồ Tát tu hành vẫn có thiên sai vạn biệt, tức gọi là Thánh, Phạm, Thiên, Bệh, Anh hài... Năm món hành môn. Và với Thí, Giới, Nhẫn, Tấn, Thiên và Trí tức lục độ hành môn. Chúng ta tu hành, trừ ngoài nghe kinh niệm Phật, còn cần phải phát quang đại tâm, tu bố thí để cứu tai cứu nạn khắp lợi cho quần sanh. Những ai có nhiều sức mạnh, phải phát nguyện mạnh mẽ, dốc lòng mà thi hành đi! Và lại còn cần phải nghiêm chỉnh tu trì ngũ giới thập thiện, nhẫn nại tất cả những hoàn cảnh thuận nghịch nó đưa đến bất ngờ. Tâm chúng ta vốn là từ bi, nên tu giới nhẫn nhục được, tinh tiến dũng mãnh, chẳng nên có mảy may lùi bước.

Hôm nay trời rơi tuyết đầy đường, khí hậu rất lạnh mà quý vị đến đây nghe giảng kinh, đây là tinh tiến dũng mãnh. Sở dĩ tôi được biết hai ngày thứ nhất thứ hai thỉnh chúng đông đảo là vì hâm mộ Đạo pháp mà đến. Tôi hồi tưởng lại trước đây mười năm, nhằm lúc tháng Chạp tôi đang ở tại Tô Châu giảng kinh. Bấy giờ ngày ngày tuyết rơi dữ dội, thế mà các cư sĩ Tô Châu đều đội tuyết mà đến, mà về. Các cư sĩ lúc đó và quý vị hôm nay đến đây đều thuộc về những điều vạn năng ấy. Đây chính là tinh thần nghị lực tinh

tiến dũng mãnh mà đến mà về. Và đây là những điều mà những người học Phật nên phải có đầy đủ vậy.

Ngày xưa, khi Đạt Ma Tổ Sư đến Trung Quốc, lúc đó có Thần Quang Đại sư đến cung kính lễ bái Tổ, mà Đạt Ma chẳng đoái hoài, vẫn ngồi yên trong chùa Thiếu Lâm, xoay mặt vào vách, chẳng cần hỏi han gì hết. Đã lâu, đến một hôm, trời xuống tuyết quá nhiều, sư Thần Quang vẫn y nhiên bình thản, từ khi mới đến tới giờ chỉ ân cần lễ bái để ra mắt Tổ mà chưa được, nên vẫn cung kính đứng sững chẳng hề lay động. Do sức tinh tấn dũng khí chẳng nản lòng thôi chí, nên cảm động được Tổ Sư. Bất giác Tổ mới buông lời khen ngợi và hỏi: "Người cầu việc gì?". Lúc đó Thần Quang liền làm lễ. Lúc đang cung kính thi lễ thì trong tâm Sư tự nghĩ: "Ta đến đây đã lâu hơn hai tháng rồi. Hôm nay mới nhận được Tổ một câu hỏi, chẳng ngăn nổi cả mừng, lập tức mở lời cầu xin Tổ Sư phát lòng từ bi khai thị cho phương pháp dụng công và Phật pháp diệu đạo". Đạt Ma trả lời: "Người nên biết Diệu Đạo của các Đức Phật, nhiều kiếp tinh cần, phải làm được việc khó làm, phải nhẫn được điều khó nhẫn. Thậm chí có khi vì Pháp mà phải hy sinh đến thân mạng. Để đâu mà nói cho người". Sau khi nghe trọn lời dạy ấy, Thần Quang lập tức chạy xuống nhà bếp lấy một con dao, rồi tự mình chặt đứt một cánh tay của mình mới trở lại quỳ trước Tổ Sư, cầu Ngài khai thị. Đạt Ma thấy sư vì say sưa cầu pháp mà đã chặt đứt trọn mất một cánh tay chảy xuống thấm vào trong tuyết, tuyết lại biến thành hồng, cho nên có câu: Hồng tuyết tề yêu. Nghĩa là tuyết đỏ chảy ngang lưng. Vậy mà Huệ Khả vẫn cố sức khẩn cầu lòng từ bi của Tổ Sư ban cho mình pháp an tâm!

Đạt Ma hỏi: "Tâm người ở đâu, lấy đem đây. Ta sẽ thay người mà an nó cho?". Trong một giây lát Huệ Khả suy đi nghĩ lại, phản chiếu hồi quang, đương tức khắc vong tình không thức, trong ngoài lặng lẽ, liền mau giác ngộ tâm này trọn bất khả đắc. Chính lúc đó Sư Khả, trong vong thân tâm, ngoài quên thế giới, căn thoát xa trần, vong thân vong thể. Thân tâm đã không có thời đau nhức ở đâu? Nên Khả liền đáp: "Tôi tìm tâm trọn bất khả đắc". Đạt Ma nói: "Người đã nói tâm người tìm trọn bất khả đắc, thời Ta cũng đã ban cấp cho người pháp an tâm rồi vậy". Cứ theo ý nghĩa trên đây là tâm trọn bất khả đắc. Nó không ngăn, không mé, đầy khắp cả pháp giới, không có chia ra chùng ngăn được. Đây gọi là Phổ Môn tu tự tánh vậy. Người xưa đã nói: Ném được khổ nhất trong các khổ, mới đáng làm người trên mọi người. Lại thường nói: Hoàng thiên bất phụ hữu tâm nhân, nghĩa là ông Hoàng ông Thiên chẳng bao giờ bỏ những kẻ khổ tâm nhọc chí.

Cho nên người học Phật cần ném khổ, cần chịu nhọc. Những người ngày nay đến đây là đã chí thành khẩn thiết, lại còn cần phải lặng lòng, lắng nghe. Nếu tâm nhất động là có tư lường phân biệt, thời là có tâm sanh diệt

chẳng thể phổ biến được, tức là chẳng thể nghe và lãnh thọ phổ biến pháp môn được. Cho nên cần yên lặng, phải dùng vô phân biệt trí mà quán sát, mà buông thả tất cả phàm tình thánh giải, một mảy tơ chẳng rối loạn mà cứ niệm Phật, niệm Bồ Tát đi, lấy đó làm phương pháp tu hành thì các vọng hoặc đều bị tiêu vong. Giờ này mà còn chẳng phải chơn thật còn đợi lúc nào? Cho nên Đức Quán Thế Âm Bồ Tát ước về phân tự tánh và lợi tha đều dùng nhất tâm mà tu các công hạnh vậy. Nên không một công hạnh nào chẳng phổ biến. Cho nên gọi là tu hành Phổ Môn.

d.- Đoạn hoặc Phổ Môn: Tinh tiến tu khổ hạnh mới có thể dứt các phiền não được, dễ như cầm dao trảm mè chẻ măng, một dứt tất cả đều dứt. Những người có đại trí huệ, nhất tâm dụng công tu khổ hạnh thời các thứ phiền não hoặc nghiệp tự nhiên đoạn tuyệt. Quán Thế Âm Bồ Tát dùng trí viên thông phổ biến pháp giới, đoạn hoặc căn bản vô minh. Căn bản đã đoạn thời nhánh nhóc cũng phải tiêu diệt luôn. Chính là hiển trí phổ biến đoạn hoặc, nhất đoạn tất cả đều đoạn, không một hoặc nào chẳng bị đoạn. Nên gọi rằng đoạn hoặc Phổ Môn.

e.- Nhập Pháp môn Phổ Môn: Chúng được đến Trung đạo vương Tam muội thời tất cả pháp môn Tam muội không một pháp nào chẳng viên chứng. Đức Quán Âm đã thân chứng đến nhĩ căn viên thông, rồi do nghe huân tập, do tu huân tập nơi pháp môn Kim Cang Tam Muội, và có bao nhiêu trăm ngàn Tam muội, hằng sa công đức mỗi mỗi đều phổ biến chứng nhập. Nên gọi là nhập Pháp môn Phổ Môn.

f.- Thần Thông Phổ Môn: Sau khi chúng được Pháp môn, sáu căn thanh tịnh, tức có sáu pháp thần thông. Sáu pháp thần thông là: Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Túc mạng, Tha tâm, Thần túc, và Vô lậu là sáu thông. Phàm mắt người ta thấy trước mắt mà chẳng thấy sau, thấy sáng chẳng thấy tối. Tai chỉ nghe gần mà chẳng nghe xa, chỉ nghe tiếng nói nhân loại mà chẳng hiểu tiếng nói phi nhân loại. Gặp gì cũng đều bị chướng ngại cho sự xem nghe. Nếu đủ Thiên nhãn thông thời xem trên trời dưới đất, sáu đạo quần sanh, tam thiên đại thiên thế giới và tất cả sắc pháp trong mười pháp giới như xem trái xoài nằm trong lòng bàn tay, không chỗ nào chẳng thấy biết, không chỗ nào chẳng thấy hiểu. Nếu có Thiên nhĩ thông nghe được tất cả tiếng tăm mười pháp giới, như ở một nhà chẳng cách xa gần. Chúng ta thường cho gió thuận tai thì nghe, mắt thấy được ngàn dặm thì cho là thần thông. Nhưng so sánh với Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông thời sai khác nhau nào những trời vực mà là gấp bội trăm ngàn vạn ức cũng chẳng kịp một phần. Người đòi chẳng thể dụng công tu hành được, đều là vì không có Túc mạng thông, nên chẳng biết duyên do đời trước của mình. Nếu ai có đủ sáu pháp thần thông này, mới có thể hiểu được mạng sống của mỗi đời quá khứ, đời nào

sanh ở đâu và sanh vào trong đạo nào là trời hay người, hoặc súc sanh chẳng hạn đều biết hết. Hơn nữa, còn hiểu được túc mạng của các chúng sanh khác nữa là khác. Những người nào biết được túc mạng tức đã hiểu rõ tiền nhân hậu quả nhất định họ nghĩ đến việc tu hành ngay.

Nói về Tha tâm thông, tức là đối với tâm lý của ngàn vạn ức chúng sanh đều có thể hiểu biết hết, nên gọi là chưa bói mà biết trước, chẳng đi đâu mà vẫn hiểu hết. Quý vị đến đây nghe kinh. Hoặc có người thân ở đây mà tâm bay đậu ở kia. Khởi tâm động niệm, vọng tưởng tạp niệm lăng xăng. Nếu quả thật ta biết được tâm người kia đang khởi vọng tưởng lăng xăng, hoặc họ chẳng chuyên tâm nghe tụng giảng kinh, tức là ta có đủ Tha tâm thông rồi vậy... Thần túc thông, tức là nhẹ bay đi xa, chẳng cần chuyến xe có thể bay đi cả thiên hạ, lên tận trời, xuống sát đất, xoi thủng núi, lội qua nước, được thần thông tự nhiên, biến hóa vô cùng tận vậy. Năm pháp thần thông trên đây, Trời, Người, Quỷ, Thần đều có thể có được, nhưng hãy chưa chứng được Vô lậu thông. Chúng ta là kẻ phàm phu, có bao nhiêu phiền não hoặc nghiệp tức là hột giống sanh tử. Sau khi dứt được kiến tư phiền hoặc mới chứng quả A La Hán, mà chỉ xong được phân đoạn sanh tử thôi. Sanh tử lậu, phiền não lậu giống như cái bình bị nứt chẳng đựng nước được. Nay đã liễu được sanh tử phiền não như chiếc bình hoàn hảo có thể đựng nước cam lồ vẫn tốt. Nói cho đúng, phải chứng đến quả vị bất sanh bất diệt mới có được Vô lậu thông. Chúng ta ai ai cũng có đủ sáu pháp thần thông này. Nhưng ngại vì còn bị phiền não vọng tưởng chấp trước nên chưa chứng được đầy thôi. Nếu ai có thể buông thả muôn việc, dứt xong phiền não, chí thành dụng công, thần thông tự nhiên đầy đủ mà chẳng cần cầu mong bên ngoài làm chi vô ích. Nhưng phải biết, Phật pháp chẳng cho thần thông là quý, mà trọng yếu tại nơi giải thoát. Nếu chuyên dùng thần thông làm việc bất chính, thời dễ sa vào tà ma ngoại đạo mà chẳng phải là kẻ chân thật hành trì đúng hướng vậy. Thần thông của Bồ Tát khác hơn thần thông của La Hán. La Hán đối với trong lục đạo chỉ có thể thấy biết những sự vật trong phạm vi trăm vạn kiếp mà thôi. Bồ Tát thời suốt thấy biết được tất cả trong phạm vi tam thiên đại thiên thế giới và thời gian cũng thấy biết vô tận. Quán Thế Âm là sau khi chứng Phật quả thị hiện lại tu nhân Đại Bồ Tát do hóa thiên vô ký hóa mà khởi hóa thông vô ký hóa. Cho nên thần thông của Quán Âm đương nhiên là rộng lớn vô biên. Do đó gọi là Thần thông Phổ Môn.

g.- Phương tiện Phổ Môn: Phương là pháp, tiện là nghi, tức là dùng các thứ phương pháp, nhân cơ nghi tạo ra tiện hành mà làm lợi lạc để độ thoát tất cả chúng sanh vậy. Là phương pháp gì? Tức là hoặc hiện thân nam, hiện thân nữ, hoặc Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cư sĩ, Tể quan các thứ thân tùy cơ duyên mà thị hiện bất nhất định. Không lúc nào chẳng dùng phương pháp

đó, không chỗ nào chẳng dùng cơ nghi ấy vì là mong muốn phổ biến để giáo hóa. Cho nên gọi là Phương tiện Phổ Môn. Nếu chẳng vậy thời như muốn độ thoát cho hạng người nào đó mà hiện ra thân người chẳng thích hợp với họ là bị trở ngại ngay, tức là chẳng phải phương tiện vậy.

h.- Thuyết pháp Phổ Môn: Giáo pháp có Đại, Tiểu, Quyền, Thiệt, mà quý hồ thay là tùy theo căn cơ cho lợi tiện mới nói ra, vì nói pháp đâu chẳng phải độ chúng sanh, khai trí huệ mà thành Phật đạo. Nên chỉ nói Đại pháp, Thiệt pháp mà chẳng hay nói Tiểu pháp, Quyền pháp, hoặc chỉ nói Tiểu, Quyền mà chẳng nói Đại, Thiệt thời chẳng phải phổ biến vậy. Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đủ Đại thần thông không luận Đại, Tiểu, Quyền, Thiệt không một pháp môn nào chẳng thông thuyết như một trận mưa đều thấm nhuần, đều được nhờ lợi ích. Cho nên gọi là Thuyết pháp Phổ Môn.

i.- Cúng dường chư Phật Phổ Môn: Quán Thế Âm Bồ Tát, tự mình sớm đã thành Phật, nhưng lại là đấng cứu độ chúng sanh. Như tại Ta Bà thế giới, tức cúng dường Thích Ca. Đến Tây phương Cực Lạc thế giới là cúng dường Phật A Di Đà và đến Đông phương thế giới lại cúng dường Phật A Sơ Bệ. Mười phương ba đời các Phật không một vị nào mà chẳng tận tâm cúng dường. Nên gọi là cúng dường chư Phật Phổ Môn.

j.- Thành tựu chúng sanh Phổ Môn: Quán Thế Âm Bồ Tát vì độ chúng sanh, nên sau khi thành Phật hiệu Chánh Pháp Minh Như Lai lại thị hiện Quán Thế Âm Bồ Tát, cho nên đấng cứu độ chúng sanh, tức là mong muốn chúng sanh đều dụng công tinh tiến. Ở trong nhân đạo là hiện tướng của người, ở trong súc sanh đạo là hiện tướng súc sanh, ở trên chư thiên tức hiện tướng chư thiên. Cho nên 32 loại ứng hóa thân đều là để thành tựu chúng sanh. Không phân biệt kẻ dở người giỏi, kẻ ngu người trí, kẻ hiền kẻ bất hiếu gì cả, thấy đều hiện độ, tức như chúng ta thường lập đàn chẩn tế là nguyên do Quán Thế Âm Bồ Tát hóa hiện làm loài quỷ đói tên là Diệm Nhiên Đại Sĩ Diệm Khẩu Quỷ Vương. Trong miệng các quỷ này lửa thường cháy rực, chút nước cũng chẳng uống vào được, đói khát đau khổ phi thường. Khiến Ngài A Nan thấy vậy động lòng thương xót và thưa với Phật. Phật liền dạy cho Chú pháp cúng thí quỷ Diệm Khẩu. Cho biết rằng Quán Thế Âm Bồ Tát nơi nào cũng thành tựu, nơi nào cũng giáo hóa. Cho nên gọi là Thành tựu chúng sanh Phổ Môn.

Mười điều tóm lại là: Từ bi, Hoằng thệ, Tu hành, Đoạn hoặc, là nhân Quán Thế Âm tự hành. Nhập pháp môn là quả tự hành: Năm điều Phổ Môn này là thuộc tự hành. Thân thông, Phương tiện, Thuyết pháp: Ba điều Phổ Môn này thuộc về lợi tha. Cuối cùng, cúng Phật là tự lợi mà Thành tựu chúng sanh lại là lợi tha. Tuy có chia ra mười điều, nhưng tổng thị là Phổ

Môn bao la vạn tượng quảng đại vô cùng. Cho nên Quán Thế Âm Bồ Tát lại có danh hiệu nữa là Phổ Môn Đại Sĩ vậy.

6.- Phẩm: là phẩm loại. Đại phẩm đồng loại hợp lại làm một phẩm. Cho nên những việc mà Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn thị hiện nhóm nơi một phẩm từ đầu chí đuôi không ngoài hai đoạn vấn đáp gồm có mười nghĩa. Nay lại chia riêng ra để nói cho rõ.

a.- Nhân Pháp: Đoạn trước vấn đáp là nói Quán Thế Âm Bồ Tát hay quán sát tiếng tăm thế gian để cứu bẫy nạn, giải ba độc. Đây là ước về người bất tư nghi. Đoạn sau vấn đáp là nói thị hiện 32 ứng hóa thân, tức là Pháp Phổ Môn thị hiện bất tư nghi. Cho nên gọi rằng Nhân Pháp nhân duyên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

b.- Từ Bi: Quán Thế Âm Bồ Tát tìm tiếng tăm cứu nạn, vớt khổ cho chúng sanh là Đại Bi. Phổ Môn thị hiện lợi lạc cho chúng sanh là Đại Từ. Cho nên gọi rằng Từ Bi nhân duyên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

c.- Phước Huệ: Quán Thế Âm Bồ Tát đủ đại trí huệ mà thuyết pháp, đủ đại phước đức mà thị hiện. Huệ chỉ cho Quán Âm, Phước chỉ cho Phổ Môn. Cho nên gọi rằng Phước Huệ nhân duyên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

d.- Chơn Ứng: Cứu bẫy nạn, giải ba độc, ứng hay câu thầy đều chơn thân diệu lực Quán Thế Âm bất khả tư nghi. Mà Phổ Môn thị hiện 32 hóa thân là ứng thân bất khả tư nghi. Cho nên gọi rằng Chơn Ứng nhân duyên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

e.- Dược Châu: Quán Thế Âm cứu khổ cứu nạn như cây thuốc Thọ vương là Dược. Phổ Môn thị hiện, tùy theo cơ cảm mà ứng với sự cầu, như Ngọc Như Ý bảo châu là Châu. Cho nên gọi rằng Dược Châu nhân duyên là Quán Thế Âm Phổ Môn. Cây thuốc Thọ vương và Như Ý bảo châu là hai thứ gì? Thuở xưa có chàng tiêu phu, gánh củ vào chợ bán. Trong bó củi bỗng phát ra một ánh sáng dị thường. Vừa lúc có ông thầy thuốc tên Kỳ Vức, xem thấy cho là lạ, rồi ông mua cả bó củi đem về. Về nhà ông tìm được một nhánh Dược thọ vương trong bó củi ấy. Nhánh Dược thọ vương này đem đặt vào bên hông nơi người thân thời nó soi sáng thấu vào tạng phủ, trị được mọi bệnh, như lối soi điện ngày nay vậy. Vì trị được bệnh cứu khổ nên gọi là Dược thọ vương. Ngọc Như Ý bảo châu là nó có thể tùy theo ý muốn của người. Như người muốn có cơm áo, đồ dùng, chỉ cần trong tâm máy động lên một niệm muốn là ngọc kia tức khắc hóa ra cho người dùng, nên gọi là Như Ý bảo châu.

f.- Minh Hiện: Minh là thâm. Thâm ứng là tuy mắt ta chẳng thấy được, nhưng chủ cần nhất tâm bất loạn tinh tiến niệm Phật, thời trong chỗ

âm thầm tự có sự lợi ích lớn lao, nên gọi là hiển cảm mà thầm ứng. Nếu thân ta thấy được thời đó là hiển cảm hiển ứng. Lại như có người trọn đời chẳng biết niệm kinh lễ Phật là gì, nhưng đến khi gặp tai nạn gấp rút lại được cảm ứng đến Bồ Tát cứu hộ, là vì đời trước họ đã có vun trồng căn lành cho nên nay được vậy, gọi là minh cảm mà hiển ứng là vậy. Lại còn có trường hợp minh cảm minh ứng, cứ lệ theo đây mà biết. Đoạn trước giải thích Quán Thế Âm cứu khổ là nói lợi ích trong chỗ âm thầm, mà đoạn sau giải thích Phổ Môn thị hiện là nói sự lợi ích rõ ràng. Cho nên gọi rằng Minh Hiển nhân duyên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

g.- Quyền Thiệt: Quán Thế Âm Bồ Tát Pháp thân mình ích là thật tế. Phương tiện Phổ Môn thị hiện là quyền mưu. Cho nên gọi rằng Quyền Thiệt nhân duyên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

h.- Bồn Tích: Quán Thế Âm Bồ Tát đóa xứ ứng hiện giáo hóa các loại chúng sanh, rõ ràng như trăng trên trời ánh hiện dưới nước ngàn sông mà thành mặt trăng ngàn sông. Trăng trên trời như Bồn môn Pháp thân. Trăng dưới nước như Tích môn ứng hóa. Cho nên Quán Thế Âm là Bồn, Phổ Môn thị hiện là Tích. Cho nên gọi rằng Bồn Tích nhân duyên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

i.- Duyên Liễu: Chúng ta nghe giảng kinh khai trí huệ, nhất tâm niệm Quán Thế Âm là hạt giống Liễu Nhân. Phổ Môn bố thí là công đức Duyên Nhân. Cho nên gọi rằng Duyên Liễu nhân duyên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

j.- Trí Đoạn: Quán Thế Âm cứu khổ là trí đức trang nghiêm. Phổ Môn thị hiện là đoạn đức trang nghiêm. Cho nên gọi rằng Trí Đoạn nhân duyên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Mười pháp nhân duyên này nên kinh đề tổng quát mà gọi rằng Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm.

Giải thích xong đề kinh

---o0o---

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Giảng Lục

**Dao Tàn Tam Tạng Pháp Sư
Cưu Ma La Thập Dịch**

Đây là dịch đề. Phẩm này nguyên là Phạn văn, do Ngài Cưu Ma La Thập dùng Hán văn dịch ra. Cưu Ma, Tàu gọi Đông, là họ, La Thập gọi Thọ, là tên. Thân phụ của Ngài tên Cưu Ma La Diêm. Nguyên là người xứ Trung Ấn. Ấn Độ chia Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung năm bộ. Ông Diêm đi du

lich đến nước Quy Từ, tức nay là biên địa của tỉnh Vân Nam. Quốc vương Quy Từ mến mộ đạo cao học rộng của ông, mới đem người con gái gả cho. Rồi sanh con tức là Ngài Cưu Ma La Thập. Pháp sư là người phiên dịch Phẩm kinh này. Pháp sư khi còn nhỏ đã có thông huệ hơn mọi người. Tuổi còn đồng ấu mà đã có tác phong thái độ như người kỳ lão nên gọi là Đồng Thọ. Khi Ngài lên bảy tuổi, theo thân mẫu đi chùa. Vào chùa, thấy một cái bát bằng đồng to nặng. Thấy vậy rồi liền lấy đội trên đầu rất là nhẹ nhàng và dễ dàng. Kế đó Ngài nghĩ bát này rất to nặng mà ta thời nhỏ nhít, vì sao mà cử cất là lên được ngay? Tức thì cái bát rơi xuống đất. Rồi La Thập cất lên lần thứ hai chẳng nổi. Liền lúc ấy Ngài giác ngộ rằng vạn pháp là duy tâm. Đối với tất cả pháp chẳng nên đem tâm tư lường phân biệt. Nặng chẳng biết tự nó là nặng, nhẹ cũng như thế vậy. Kìa, sở dĩ biết nặng nên cất lên lần thứ hai nữa chẳng nổi là vì La Thập đã trót khởi một điểm tư lường nơi tâm. Đã có tư lường phân biệt tức là vọng tưởng nổi dậy. Vọng tưởng mà máy động một tí tức là biết nặng cất lên không nổi. Cho nên phải biết tất cả cảnh giới đều do vọng tưởng mới có sai biệt: Tâm sanh thời các pháp sanh, tâm diệt thời các pháp diệt. Nên gọi nhất thiết duy tâm tạo, vạn pháp duy thức biến là vậy. Giả như tâm pháp chẳng hai, không có sai biệt, tức chẳng sa vào trong hang thẳm của tâm ý thức thời đâu có phân nam nữ, chia tự tha mà thành nhất thể. Nên gọi là bất nhị pháp môn. Bất nhị tức là Diệu pháp.

La Thập Pháp Sư khi lên bảy tuổi, có một vị La Hán bảo với Ngài rằng: Cậu La Thập này nếu được 35 tuổi hơn mà chẳng phá giới thì chắc là làm nhân thiên đạo sư, giáo hóa vô lượng chúng sanh. Và còn phải đến nước Tàu hoằng dương đạo pháp nữa. Về sau khi Ngài lên mười tuổi hơn, muốn đi xuất gia, thân mẫu mới đem lời của vị La Hán bảo cho Ngài nghe. La Thập nói: Cần nên được hoằng dương Phật pháp và phải hy sinh tất cả, đây là chí nguyện của con rất muốn như vậy. Đang khi Ngài tại Quy Từ hoằng dương Phật pháp được Quốc vương kính phụng là bực Thượng Tọa mà tự đem thân mình làm Pháp tọa cho Pháp sư ngồi để lắng lẽ nghe giảng kinh. Tại sao nhà vua kính trọng đến quá mức như thế? Vì đối với Phật pháp có một phần cung kính tức là có một phần phước đức vậy. Và lại, đây cũng là một phương pháp mà hành trì được thời chứng đạo quả. Khi La Thập đã đại trưởng thành, đi đến đâu giảng kinh thuyết pháp là nổi danh cả toàn xứ.

Lúc bấy giờ, ở nước Tàu Trung Quốc có thời đại Ngũ Hồ, ông Phù Kiên tiềm đoạt ngôi vua tự xưng là Tần Vương, đóng đô ở Trường An thuộc tỉnh Thiểm Tây, quốc hiệu là Phù Tần. Một đêm hôm, quan Thái Sử Công quan sát thiên tượng nhận thấy có sao đức tinh chiếu sáng nơi trời Tây. Đoán biết nước Thiên Trúc sắp có một vị Đại Đức sẽ đến Trung Quốc hoằng dương đạo pháp. Ông liền minh tấu lên Tần Vương. Mà trong lòng nhà vua

cũng đã biết qua được rằng ở Đông Ấn Độ có Ngài Cư Ma La Thập Pháp Sư là người đạo đức, học vấn rất thâm thúy. Tần Vương liền sai sứ thần mang lễ vật sang Quy Từ xin phụng thỉnh La Thập. Ngặt nỡ quốc vương Quy Từ cất dấu La Thập để làm quốc bảo, nhất định chẳng chịu thỏa mãn cho sứ thần Trung Quốc. Thế là một phen sự bất thành, buộc lòng Phù Kiên phải sai tướng quân Lữ Quang, lần này chẳng cần đem theo lễ vật, mà lại mang theo bảy vạn đại quân tiến thẳng sang Quy Từ quốc, vây thành công hãm quyết liệt. Mục đích của Kiên là chẳng phải tham vọng đất đai, tài vật mà là chủ yếu nghinh thỉnh cho kỳ được Pháp Sư La Thập mà thôi. Đang khi Pháp Sư còn trên đường chưa đến Thiểm Tây Trường An thì Phù Kiên chết, Dao Trành thế vị nên gọi là Dao Tần, lại xưng Hậu Tần mà Phù Tần là Tiền Tần. Sau khi Dao Trành chết, con là Dao Hưng tức vị. Hưng rất tin Phật Pháp, nên mới cung nghinh La Thập về Trường An cung phụng như thần thánh. La Thập sang Tàu vào năm 420 Tây Lịch.

Kinh điển Ấn Độ, đến thời này lại truyền vào Trung Quốc thêm nữa. Rồi do La Thập Pháp Sư tái hành phiên dịch, lưu truyền lại đến ngày nay gồm có ba tạng: Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng. Kinh tạng là tất cả Pháp môn do Phật Thích Ca nói ra, như Tâm Kinh, Kim Cang, Di Đà, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm các Kinh. Luật là Giới Luật do Phật giảng ra, như Tứ phần luật, Thập tụng luật, đến Ngũ giới tướng kinh. Luận là do các vị Bồ Tát, các vị Tổ Sư muốn hiển dương chánh lý mà trước tác ra tất cả, như Đại Trí Độ luận, Du Già Sư Địa luận...

La Thập Pháp Sư đem ba tạng giáo pháp hoàng dương hóa độ chúng sanh. Và tự mình cũng dùng Tam tạng Đại pháp làm thầy; tự lợi lợi tha, nên gọi là Tam tạng Pháp Sư. Kinh điển do ngài dịch rất hay ho đẹp dễ không ai bì kịp. Trước khi Ngài thị tịch bảo các đệ tử rằng: Những kinh tôi đã dịch nếu không sai lầm, thời thân tôi thuy hóa mà cuống lưỡi tôi chẳng hư hoại. Sau khi Ngài viên tịch, đem hỏa táng thời cuống lưỡi vẫn y nguyên chẳng hư hao chút nào!

Do đó có thể chứng biết những kinh điển Ngài phiên dịch xác thật không có chữ nào sai lầm. Về sau, có Ngài Đạo Tuyên Luật sư tu ở núi Chung Nam. Tu khổ hạnh hơn ai hết. Một hôm đi đường bị trật chân bở nhào, bưng nhiên có vị Thiên vương tử con của Bắc phương Tỳ Sa Môn Thiên vương đến quỳ trước mặt Ngài phò hộ đỡ dậy. Chúng ta ai có thể tu trì được một giới tức có được năm vị thần bảo hộ. Ngài Đạo Tuyên Luật Sư được vị thiên tướng ấy hộ trì bởi Ngài nghiêm trì giới luật vậy. Khi Đạo Tuyên Luật Sư nhận thấy Thiên tướng, nhân đó hỏi rằng: Kinh điển của Trung Quốc phần nhiều do La Thập Pháp Sư phiên dịch, được mọi người vui mừng hoàng dương. Nay Ngài đã quy tịch, hiện giờ ở cõi nào? Thiên

tướng đáp: La Thập kinh điển, chẳng những của Phật Thích Ca, mà kinh của bảy Đức Phật cũng đều do Ngài đảm nhiệm phiên dịch, cho nên không có mấy may sai lầm. Cho nên được hậu thế hoằng dương. Nay phẩm kinh này là của La Thập Pháp Sư dịch, đương nhiên chính xác không sai lầm vậy.

Lúc bấy giờ Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy trích áo bày vai hữu, chấp tay hướng Phật mà bạch rằng: "Thế Tôn! Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát do nhơn duyên gì mà tên là Quán Thế Âm?"

Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm là phẩm thứ 25 trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Phẩm thứ 24 là phẩm Diệu Âm giảng về một vị Bồ Tát ở phương Đông. Phẩm Phổ Môn này giảng về một vị Bồ Tát ở phương Tây. Tây phương Cực lạc thế giới A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, xưng là Tây phương Tam Thánh. A Di Đà Phật là giáo chủ, tương lai, khi thoái vị là Quán Thế Âm Bồ Tát thay thế. Đức Phật mới đờ hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Phật. Kỳ thật Quán Thế Âm Bồ Tát ở kiếp lâu xa về trước sớm đã thành Phật, hiệu xưng là Chánh Pháp Minh Như Lai mà hiện tại Quán Thế Âm Bồ Tát chính là Chánh Pháp Minh Như Lai thị hiện vậy. Vì muốn phổ độ chúng sanh nên tùy theo cơ duyên thể hiện chẳng đồng, những tướng hiện ra cũng khác, như đồng trên sân khấu hí trường huyền biến đủ trò, nhưng mà bản thân diễn viên vẫn chẳng hề biến chất gì cả. Lúc bấy giờ chính là lúc này vậy. Lúc mà Đức Phật Thích Ca sắp đang giảng sự tích của Quán Thế Âm Bồ Tát ở phương Tây. Chính là lúc mà cơ giáo gặp sát nhau cảm ứng đạo giao. Lại cũng là lúc mà căn cơ của chúng sanh thành Phật đã thuần thực, cho nên mới có thể cảm đến Như Lai thuyết đại giáo và chúng hội có thể nghe được Diệu pháp vậy. Lại còn có nghĩa nữa là lúc bấy giờ là lúc mà thường gọi là: Thế giới, vị nhân, đối trị và đệ nhất nghĩa bốn món tất đàn nhân duyên. Tất là khắp cả, Đàn là đàn thí. Khắp thí cho vậy. Phải chăng là Pháp bốn vô thuyết, Đạo bốn vô ngôn. Nhưng muốn vì chúng sanh nên mới có bốn tất đàn nhân duyên, khiến được bốn món lợi ích, cho nên vô thuyết mà phải thuyết, vô ngôn mà phải ngôn.

1.- Thuyết về thế giới tất đàn: là khiến được lợi ích vui mừng, tuy chưa phá ác sanh thiện, nhưng pháp hỷ đã được sung mãn.

2.- Thuyết về vị nhân tất đàn: là khiến được lợi ích sanh thiện. Như sau khi nghe kinh, thời chúng thiện phụng hành.

3.- Thuyết về đối trị tất đàn: là khiến được lợi ích phá ác. Như sau khi nghe kinh thời trừ ác mạc tác.

4.- Thuyết về đệ nhất nghĩa tất đàn: là khiến được lợi ích nhập lý. Như nhờ nghe kinh Pháp mà được đại triệt ngộ chứng nhập Diệu lý.

Cho nên, Đức Phật nói Quán Thế Âm Phổ Môn Phẩm này là vì có thực tại lợi ích của bốn món tất đàn vậy. Hoặc có người được lợi ích vui mừng mà sanh thiện, hoặc được lợi ích phá ác mà nhập lý. Mọi người đều tùy căn tánh mà được lợi ích chẳng đồng. Cho nên chúng ta nghe kinh mới phát tâm vui mừng. Rồi nhân đấy, thời kẻ nào chưa trồng căn lành trồng đi. Một khi nghe hiểu rõ ràng, đổi lỗi hướng lành từ đây sanh thiện phá ác, đấy tức là căn lành đã thuần thực. Kẻ nào chưa thuần thực phải thuần thực đi; như nấng được một phen ngộ mà triệt ngộ thấu Diệu đạo. Còn những người chưa được giải thoát thời phải giải thoát đi, để vượt lên chúng đến quả Bồ Đề. Hiện nay giảng Phẩm Phổ Môn là lúc chính thời tiết nhân duyên bốn món tất đàn đã đến, cho nên gọi là lúc bấy giờ.

Vô Tận Ý là danh hiệu một vị Bồ Tát. Vị Bồ Tát này vì sao gọi là Vô Tận ý? Vì Ngài xem thấy vô cùng tận thế giới và vô cùng tận chúng sanh đang ở những thế giới kia cảm chịu vô cùng tận sự khổ não; rồi mới phát nguyện cứu độ chúng. Tức là có rõ ràng tâm ý vô cùng tận cho nên gọi là Vô Tận Ý. Vị Bồ Tát này đã có bốn câu kệ:

Thế giới vô biên trần nhiễu nhiễu,
Chúng sanh vô số nghiệp mang mang,
Ái hà vô để lãng thao thao,
Thị cố hiệu vi Vô Tận Ý.

Nghĩa là:

Thế giới không ngần, bụi lãng xãng,
Chúng sanh không số, nghiệp rộn ràng,
Ái hà không đáy, sóng cuộn cuộn,
Vậy nên hiệu là Vô Tận Ý.

Thế giới vô lượng vô biên, chúng sanh cũng vô cùng vô tận. Đi đến một xứ là có một xứ thế giới. Và đi đến một thế giới là có một thế giới chúng sanh. Đây là chúng sanh vô lượng vô tận, nó chịu trọn vẹn tình ái mê hoặc, chẳng thể đẩy lùi sanh tử được. Biển nghiệp mênh mang lộn quanh lộn quần không khi nào ra khỏi. Bồ Tát Vô Tận Ý chẳng nề ngồi mà chứng kiến những bao vô lượng vô biên chúng sanh chịu các khổ não kia. Cho nên Ngài quả quyết mà rằng: Phải độ những mớ chúng sanh ấy cho hết, rồi mới lên chúng lấy quả Bồ Đề. Chính đây mới là bộ mặt thật của Đại thừa Phật Pháp vậy. Vậy nên hiệu là Vô Tận Ý.

Phát thệ nguyện của vị Bồ Tát này và là Bồ Tát Quán Thế Âm tương đồng. Vô Tận tức là cảnh Sở quán, một cảnh mà ba quán để tức là tiếng đời của Quán Thế Âm. Ý là ý năng quán giác, tức một tâm ba để, cũng tức quán của Quán Thế Âm vậy. Cho nên gọi là Vô Tận Ý Bồ Tát.

Liên từ chỗ ngồi đứng dậy... Tất cả ba câu tức là nghi thức của đệ tử Phật, khi hướng về Phật để xin hỏi Pháp. Từ chỗ ngồi đứng dậy là đang khi Phật Thích Ca giảng, Bồ Tát này từ chỗ mình ngồi đứng dậy. Các vị Đại Bồ Tát, Thanh Văn, đệ tử cả Pháp hội đều ngồi yên nghe Pháp. Lúc đó Vô Tận Ý Bồ Tát muốn phát vấn nên mới đứng dậy.

Trịch áo bày vai bên hữu là tỏ lòng cung kính chí thành. Các vị tăng bên Ấn Độ, mặc áo cà sa sắc vàng, không có cái câu cái hoàn. Mỗi khi đi khát thực, nghe giảng Pháp đều dùng đắp thân mà đắp trùm cả hai vai chẳng cho trống. Đến khi nào hỏi xin đạo pháp thời mới cho trống vai bên hữu để tỏ lòng cung kính. Chắp hai tay mười ngón lại cho ngay thẳng sát nhau là để tỏ: Muôn ý niệm lăng xăng đều đã tiêu hết, nhất tâm bất loạn. Đối với Đức Phật xin hỏi Pháp mà chắp tay cũng là tỏ lòng cung kính.

Mà bạch Phật rằng tức là khởi lên nói ra như thế ấy. Thiện ác của chúng ta đều do ba nghiệp thân, khẩu, ý gây nên. Ba nghiệp ấy dùng phải chỗ tức là công đức mà trái lại là tội ác.

Khi ấy, Vô Tận Ý Bồ Tát liên từ chỗ ngồi đứng dậy trịch áo bày vai bên hữu, là thân nghiệp cung kính; chắp tay hướng về Phật là ý nghiệp cung kính; thốt ra lời hỏi là khẩu nghiệp cung kính. Ba nghiệp đều cung kính để xin thỉnh Pháp đều là vì chúng sanh vậy.

Đức Phật hướng về là Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật là Giác. Giác mà chẳng mê gọi là Phật. Mê mà chẳng Giác gọi là chúng sanh. Kỳ thiết Tâm, Phật, Chúng Sanh là ba không sai khác. Mà có sai khác là giác với mê đây thôi. Giác có ba thứ là: Tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Phật Thích Ca khi xưa là Thái Tử Tất Đạt Đa, cũng là phạm phu 19 tuổi xuất gia, 30 tuổi thành Đạo, tức là Đại giác, Đại ngộ trọn chúng Phật quả. Bởi vì Phật đã thấu suốt rõ ràng tất cả muôn Phật trong thế gian không một Pháp nào chẳng hư dối. Mà bao nhiêu chúng sanh đều là mê muội mờ mịt bất tri bất giác.

Nói đến câu này, nhất định quý vị sanh nghi và bảo: Chúng ta đói nghĩ đến ăn, khát lo tới uống, mùa lạnh sắm áo, mùa hè sợ nóng, đây chẳng phải là tri giác ư? Đâu biết rằng những thứ tri giác ấy là vọng tri vọng giác đây thôi. Thử hỏi thân ta từ đâu mà đến? Mọi người đều chỉ biết do nơi cha mẹ sanh ra. Nhưng trước khi cha mẹ sanh ra mặt mày của người lúc đó ra sao? Đây chắc mọi người chẳng làm sao mà biết được. Vậy thì chúng ta sống trên đời này chỉ biết mãi miệt lo rộn ràng những việc con cái gái trai, những việc

đồ danh mưu lợi vậy sao? Nhưng còn đến trên cõi Ta Bà thế giới này để làm việc gì nữa lại là mọi người đều chẳng hề biết tới. Còn nữa, một mai nào đó, sau khi thân này chết, nó lại đi đến chỗ nào? Thời mọi người lại càng chẳng biết sót! Sống còn đây mà chẳng biết từ đâu đến, chết xong rồi cũng chẳng biết đi về đâu! Đây chính là mê muội bất giác, sống say chết ngủ. Cho nên gọi:

Khi đến mù mờ, lúc đi mê.

Luống uông đường đời chạy mệt mê.

Sống như thây đi thịt chạy.

Chết cùng cỏ cây đồng hủ tiêu tan.

Chúng ta đối với sự sự vật vật, đâu chẳng phải say sưa vì một chữ "Có". Vợ con, tài lộc những gì này khác nọ kia không một điều gì chẳng tồn tại bởi ngã kiến mà ra. Kỳ thiệt nhân sự như chiêm bao, tất cả cảnh như huyền hóa thảy đều trống không.

Giống như điện ảnh, một màn qua rồi một màn nữa đến. Sau khi chiếu xong, y nhiên là một bức vải trắng, đề dụ cho sau khi chúng ta đã có lẽ sống này rồi nhất nhất đều vì cái xác thân cho nó là vật sở hữu của ta. Chẳng may gặp chút nghịch cảnh xảy đến, thời tranh giành quyết liệt thời chẳng chịu nhường chút nào. Một mai sau nào đó khi thở ra chẳng hít vào được nữa, rồi đem liệm kỹ vào trong quan tài, rồi đem táng kín trong lòng đất, dần dần thịt tiêu xương tán trở lại thành tro bụi như xưa! Từ lúc này trở đi mặc cho người muốn làm chúa tể hay làm gì thì tha hồ. Cho nên mới nói cái xác thân này sống là cái thây cục cựa, chết là cái thây cứng đờ. Đó, cái Ta chơn thật gì đâu nào? Suy rộng ra cho đến kim ngân, tài sản, tử tôn, nhà lầu xe cộ tất cả và tất cả đều thuộc về hư thiết chẳng phải những vật sở hữu của ta. Đây là chưa nói đến tương lai kiếp hỏa cháy suốt cả trời đất cũng đều hủy hoại, thế giới hãy không còn, thân này còn ở chỗ nào mà có? Thế nhưng người đời mê mà chẳng giác, xem chẳng thấy, hiểu chẳng thấu, cho nên mới gây tranh đấu to tác như thế này. Phải biết tứ đại đều không, ngũ uẩn chẳng có, thân thế gia quốc in như trò huyền, lại như ma thuật; Khi thì quân thần phụ tử, khi thì lai khứ hữu vô, đều là những việc quấy rối nhau tạm thời. Một khi sau huyền cảnh hạ màn, trọn không có một vật gì cả. Kinh Kim Cang nói: Phạm sở hữu tướng, giai thị hư vọng. Nghĩa là những gì có tướng đều là giả dối.

Phật là đấng Đại giác Đại ngộ, thấu triệt rõ ràng đạo lý, sanh tử khứ lai, liễu đạt được vạn pháp duy tâm, do tâm mà thấy có, tất cả các pháp đều là y tha khởi tánh, cho nên không một pháp nào là chẳng huyền vọng. Giác

ngộ được tâm chơn thường này là bất sanh bất diệt, như thế gọi là tự giác. Giác tha là thế nào? Tuy ta đã tự giác, nhưng bao nhiêu chúng sanh còn đang trôi lăn chìm nổi trong biển khổ mù mịt mênh mông mà nó bất biết tri giác. Ta cần thiết lập phương pháp phổ độ tích cực mà cứu vớt mới xong. Bởi thế nên phát Đồng Thể Đại Bi Tâm, tận lực cứu vớt, đều khiến giác ngộ, bỏ vọng về chơn. Phật pháp là Không mà Bất Không, cho nên cần tự giác mà phải giác tha. Kẻ tiên giác có bổn phận giác ngộ cho người hậu giác. Tự lợi mà phải lợi tha. Thiên hạ vi công. Tất cả chúng sanh đều cùng Ta không hai không khác. Sự sự công khai đều được cộng đồng lợi ích. Đây là tâm trường bình đẳng bất nhị của Bồ Tát. Tự giác là tự lợi, là vô sở trụ, vô sở hữu, tức là Chơn Không pháp môn, thuộc về tiêu cực. Giác tha là lợi tha, Không mà Bất Không, tức là Diệu Hữu pháp môn, mà sanh kỳ tâm là tích cực.

Giác hạnh viên mãn nghĩa là như thế nào? Tự giác là xuất thế, giác tha là nhập thế. Viên mãn tự giác giác tha tức là trung đạo nghĩa đế. Đã dứt sạch rốt ráo phiền não ở năm chỗ, diệt hẳn hai thứ sanh tử. Tự giác rồi lại đi làm giác tha, do tiêu cực mà tích cực, tức là xuất thế mà nhập thế vậy. Muốn giác tha trước phải tự giác đã, mới hội nhập thế nơi xuất thế, tức tích cực là tiêu cực. Tự và Tha đồng chứng được trung đạo, nên gọi đây là giác hạnh viên mãn vậy. La Hán tự giác, Bồ Tát giác tha, mà giác hạnh viên mãn mới là Phật đầy. Giống như thành lập Cư Sĩ Lâm là mục đích muốn mọi người đều được lợi ích là liễu sanh tử, rốt ráo thành Phật quả, nên gọi là tự giác giác tha. Chúng ta tai năng văn, mắt năng kiến, biết lạnh, biết nóng, đây là vọng tri vọng giác, vọng kiến vọng văn. Nhưng nơi bản tâm lương tri sẵn có chơn kiến chơn văn, chơn tri chơn giác. Vọng như sóng, Chơn như nước. Nhờ biết toàn nước thành sóng, toàn chơn tác vọng cho nên thành chúng sanh. Nếu ai buông thả muôn duyên sóng mồi dứt lặng, toàn sóng tức nước, tức nơi vọng quy về chơn, là rốt ráo thành Phật trọn.

Từ Thế Tôn trở xuống, lại là lời thừa hỏi của Vô Tận Ý Bồ Tát. Hai chữ Thế Tôn là Vô Tận Ý Bồ Tát xưng hô đối với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nhân vì là Thầy dẫn dắt của ba cõi, Cha lành của bốn loài. Thế gian lục đạo phàm phu, và xuất thế Tam thừa Thánh chúng không ai chẳng cung kính. Được tất cả thế gian và xuất thế gian tôn kính nên gọi là Thế Tôn. Chúng sanh vốn cũng là Phật, chỉ bởi điên đảo mê mờ, tự khinh tự rẻ biến thành chúng sanh.

Đức Phật khi ban sơ cũng là phàm phu, chỉ nhờ chánh kiến phân minh, tự tôn tự trọng tâm tánh linh minh của mình, phản vọng quy chơn, từ bi hỷ xả mà được thành Phật trọn vẹn. Ai được như vậy, chúng ta cũng trọn vẹn là Phật chứ gì?

Một Đức Phật có mười hiệu sai khác:

Như Lai,
Ứng Cúng,
Chánh Biến Tri,
Minh Hành Túc,
Thiện Thệ,
Thế Gian Giải,
Vô Thượng Sĩ,
Điều Ngự Trượng Phu,
Thiên Nhân Sư,

Phật Thế Tôn. (Phật và Thế Tôn là một trong mười hiệu).

Vô Tận Ý Bồ Tát xưng Thế Tôn rồi liền hỏi Quán Thế Âm Bồ Tát vì nhân duyên gì mà gọi là Quán Thế Âm. Nhân là hạt giống thân nhân. Duyên là trợ duyên. Tất cả các Pháp đều do nhân duyên mà sanh. Như người được sanh thế gian là bởi nhân duyên gì? Chắc quý vị nhất định biết rằng cha mẹ sanh ra. Cần phải biết cha mẹ là Duyên, nghiệp thức là Nhân. Nếu không nghiệp thức, chỉ có cha mẹ cũng chẳng sanh được. Cho nên nói: Có Duyên không Nhân, một Nhân bất thành, một Duyên khó sanh. Có cha mẹ là Duyên, có nghiệp thức là Nhân. Nhân Duyên nhóm họp mới sanh người được. Giống như ngũ cốc, trồng hạt giống xuống là Nhân, nước đất là Duyên, Nhân Duyên hòa hợp muôn vật nảy sanh. Lại như chiếc bàn gỗ này, ban sơ tâm nghĩ muốn có, rồi sau đó mua gỗ, mướn thợ mộc. Tâm nghĩ là Nhân, mua gỗ mướn thợ là Duyên.

Vậy thời ba chữ Quán Thế Âm cũng phải có nhân duyên. Lấy gì làm nhân và làm duyên? Bởi vì chúng sanh ở trong biển khổ mênh mang mù mịt, chịu bao khổ sanh tử luân hồi. Chúng sanh bị khổ cầu cứu là Nhân, Bồ Tát năng quán tiếng kêu cứu khổ xuất phát lòng từ bi là Duyên. Do đây nhân duyên nhóm họp cảm ứng đạo giao, cho nên hiệu Ngài là Quán Thế Âm. Thế Âm tức tiếng tăm của chúng sanh ở thế gian bị khổ kêu gọi cầu cứu là Nhân. Bồ Tát liền đem linh trí quán chiếu tức quán trí từ bi cứu khổ là Duyên. Cho nên gọi Quán Thế Âm. Nhưng cũng có thể: Từ bi quán trí là Nhân, chúng sanh bị khổ là Duyên. Nên hiệu là Quán Thế Âm.

Phật bảo Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát: "Thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe Quán Thế Âm Bồ

Tát này một lòng xưng danh. Quán Thế Âm Bồ Tát tức thời xem xét tiếng tăm kia, đều đặn giải thoát".

Đã có lời thưa hỏi của Vô Tận Ý Bồ Tát như trên. Cho nên Đức Phật mới có lời đáp này. Đoạn này là tổng đáp. Dưới đây lại đáp riêng cứu bảy nạn, giải ba độc, ứng hay cầu thầy. Lời của kẻ trên nói xuống gọi là bảo. Phật nhân lời hỏi của Vô Tận Ý Bồ Tát mới đáp lại lời bảo cho biết, nên gọi là Phật bảo Vô Tận Ý Bồ Tát. Ba chữ Thiện nam tử là Đức Phật gọi Vô Tận Ý. Thiện là ý nghĩa tốt đẹp. Các vị nam cư sĩ gọi là Thiện nam tử, nữ cư sĩ gọi là Thiện nữ nhân. Thiện có quá khứ, hiện tại hai thứ. Quả báo đời trước là quá khứ, vun vén hiện thời là hiện tại. Thân người khó được nay đã được. Phật Pháp khó nghe nay được nghe. Quý vị đến đây nghe giảng kinh đều là đã có thiện căn, cần phải nắm lấy thời cơ nghe Pháp, rồi về vun đắp căn lành của mỗi cá nhân cho thêm tăng trưởng. Sao gọi là Nam tử? Là có chí khí đại trượng phu, quả quyết thẳng thắn, khi đau khổ, khi an vui, không có tâm chệnh lệch quanh co. Bạn nữ nhân năng bình thản nghe giảng kinh chẳng áy náy ủy my, tuy là nữ mà cũng là nam, cho nên cũng có thể xưng là Thiện nam tử được vậy. Thiện là điều nhu, Nam là chất trực. Cả hai đức tính ấy đầy đủ mới gọi là Thiện nam tử.

Nay giải thích nguyên do vì sao mà gọi là Quán Thế Âm Bồ Tát vậy. Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sanh, đang khi chịu các khổ não, nhất tâm xưng hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, liền khi đó Bồ Tát quán sát tiếng tăm ấy đều được giải thoát. Nhân vì Quán Thế Âm Bồ Tát, thần thông quảng đại, mà chúng sanh lại là chúng sanh trong tâm Bồ Tát vậy. Chúng sanh trên thế giới thọ khổ não nhiều vô số lượng. Mà thân thể của nó đều do bốn Đại, năm Uẩn hòa hiệp lại mà thành. Năm Uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, và Thức hoặc gọi là năm Ấm. Uẩn là nhóm họp, Ấm là che khuất.

1.- Sắc: tức là đất, nước, gió, lửa. Bốn món này là, thành thân thể, và năm căn, năm trần.

2.- Thọ: là năm căn lãnh thọ các điều khổ vui năm tiền trần cảnh giới. Đây chỉ là thọ tâm sở, cũng có thể chỉ cho tiền ngũ thức.

3.- Tưởng: là tâm niệm tư tưởng, thường thường chuyển khởi lên niệm đầu là tốt là xấu. Đây chỉ cho tướng tâm sở, cũng có thể chỉ cho ý thức thứ sáu.

4.- Hành: là niệm trước đã qua, niệm sau nối sanh, một niệm rồi một niệm nối liền, sanh diệt chẳng dứt gọi là Hành. Đây cũng chỉ cho thức thứ bảy.

5.- Thức: là phân biệt rõ ràng nhận biết thứ này tốt, cái kia xấu. Đây chỉ chung cho tám Thức Tâm Vương, cũng có thể chỉ riêng cho thức thứ tám. Ban đầu chúng ta thọ sanh (tức là bắt đầu đi nhận lấy một đời sống) là nghiệp thức tức là thức thứ tám tên là A Lại Da Thức. Khi sanh nó đến trước, khi chết nó đi sau. Cứ như thế từ vô lượng kiếp đến nay sanh sanh tử tử chưa hề ngừng nghỉ một khắc. Chúng ta bởi năm Uẩn này hòa hiệp mà sanh cho nên gọi là chúng sanh.

Ngàn vạn là một ức. Gọi trăm ngàn vạn ức chúng sanh là nói chúng sanh nhiều đến vô lượng vô biên. Trung quốc có trăm ngàn vạn ức chúng sanh của Trung quốc, ngoại quốc có trăm ngàn vạn ức chúng sanh của ngoại quốc. Bốn đại bộ châu, tam thiên đại thiên thế giới, cho đến súc sanh đạo là loại chim bay, thú chạy, cá, ốc, rùa, trạch, ngựa quý, địa ngục... đều có vô lượng vô biên trăm ngàn ức chúng sanh. Địa ngục, ngựa quý, súc sanh là chúng sanh ba ác đạo, gọi đó là ác ngũ ấm chúng sanh. Thiên đạo, Nhân đạo và A Tu La đạo, ba đạo này gọi là thiện ngũ ấm chúng sanh. Cho nên trên đến thiên đường, dưới đến địa ngục đều có trăm ngàn vạn ức hữu lậu ngũ ấm chúng sanh. Suy cho rộng ra: Nhị thừa là vô lậu ngũ ấm chúng sanh. Bồ Tát là nhị biên ngũ ấm chúng sanh, cũng đều có trăm ngàn vạn ức nhiều vô lượng vô biên.

Bị trói buộc ngoài thân là khổ, bị bức ngặt trong tâm là não. Địa ngục, ngựa quý và súc sanh ba ác đạo này, ngày ngày chịu bao nhiêu vô lượng khổ não. Chúng sanh trong đạo địa ngục có giảng nói bao nhiêu, đến bao giờ cũng chẳng xong cái khổ não vạn tử vạn sanh trong một ngày đêm. Mà khổ não của chúng sanh trong đạo súc sanh là trăm ngàn vạn ức năm chẳng nghe được tên của nước uống. Thấy thức ăn như than lửa, thấy nước uống như lửa hừng. Chúng sanh trong đạo súc sanh có vô lượng khổ não là lớn nuốt nhỏ, mạnh lấn yếu. Đây là những sự khổ não của chúng sanh trong ba ác đạo phải chịu lấy vậy. Nhân quang chúng sanh cạn, tâm lượng nhỏ, nên sự thấy biết chỉ loài người và súc sanh được một phần ít thôi. Kỳ dư thiên đường địa ngục chưa từng thấy đến.

Chúng ta chẳng nên có quan niệm hẹp hòi rằng cái gì trong tròng con mắt chưa từng thấy đến cho là mê tín. Thí như các nước Anh, Pháp, Đức, Nga chúng ta đều chưa đi đến, chẳng thấy, chẳng nên nói là chẳng có được. Lại như trước khi ông Kha Luân Bố tìm ra Tân Đại Lục, thời các nước Tây Ban Nha, Anh Cát Lợi đều chẳng biết có Tân Đại Lục. Mà Tân Đại Lục chưa từng chẳng có. Lại nữa, chẳng phải khi Kha Luân Bố tìm ra nó do hư không mà thành Mỹ Châu. Do đó, đủ chứng minh rằng lối lập luận mắt chưa thấy tới là không có, chẳng có thể đứng vững được. Nhân loại chúng ta có bao nhiêu thiên tai, nhân họa dân sanh chẳng sống được: Kinh tế sụp đổ,

nông thôn phá sản, tà đảng rối loạn, thủy tai, nắng hạn, đao binh chết chóc, sâu bọ ăn hại mùa màng, tiếng than thở oán sâu dày đầy nơi đồng nội. Các việc khổ não ấy, đưa mắt ra là thấy chỗ nào cũng có nhan nhân đầy đầy trong một xứ. Nhưng những khổ này đây có kia không, hoặc kia có đây không mà chẳng phổ biến. Khổ não của chúng ta nhiều vô lượng vô biên ai ai cũng đều chung có đầy đủ ước lại có tám thứ khổ:

1.- Sanh khổ: Đang khi nằm trong bụng mẹ chỗ nơi chật hẹp, hơi thở rất ngọt ngào, lại bị sanh tạng và thai tạng ép lại, tức là nằm trong thai ngục. Khi mẹ ăn những thức ăn nóng, thời thai như nằm bên núi lửa, tức là địa ngục hỏa sơn than hoạch (chảo nước sôi). Mà khi mẹ ăn thức ăn lạnh, thời thai như nằm bên núi băng sơn, tức là địa ngục hàn băng (núi lạnh). Khi mẹ cúi lưng xuống như núi đè xuống tức địa ngục yểm sơn (núi ép). Khi mẹ vòng hai tay, thời thai như treo giữa hư không, tức là địa ngục đảo huyền (treo ngược). Đến khi sắp sanh sản, thời thai lại giống như từ giữa hai quả núi mà dùi thủng chun ra, sa xuống đất, thân thể bị khí lạnh như dao đâm vào tim. Cho nên con nít mới ra khỏi lòng mẹ, nhất định là la khóc oa oa là bởi duyên có này vậy. Cái thứ đau khổ này nói đây là nói chứ chẳng hết được, vì chúng ta tự nhớ lại chẳng đầy đủ được vậy. Đây là Sanh khổ.

2.- Lão khổ: Cảnh huống tuổi già. Mắt hoa tai điếc, răng rụng, tóc bạc, thở suyễn, huyết suy, ăn nuốt, chẳng xuống, đi chẳng đến đâu, sợ lạnh, lo nóng, tức ngực, đau lưng, trời trở trở theo trời. Còn nhiều thứ khổ khác nữa. Đây là Lão khổ.

3.- Bệnh khổ: Thân thể chúng ta do bốn Đại hợp lại mà thành. Một món Đại chẳng điều hòa thời sanh ra trăm bệnh. Một ngày nào đó, một Đại nào kia thất điều, bệnh khổ liền sanh. Ôn dịch, truyền nhiễm chóng lệ, ác tật đeo mãi nơi thân, mủ máu nhớp cả thân thể. Khi muốn ngủ, ngủ nó chẳng đến, khi đói muốn ăn mà nuốt chẳng xuống. Đây là Bệnh khổ.

4.- Tử khổ: Món khổ này là khổ đặc biệt hơn hết. Khi sắp sửa giải tán cuộc sống, là thần trí mờ mịt, cả thân đau nhức, bốn chi mỗi một mềm nhừ, trăm khổ thay nhau nhận việc kịp thời. Đau khổ như trâu bị lột da, dao nhọn đâm vào thân. Mà những thứ khổ này khôn nổi buông nó chẳng nói, vút nó chẳng rời. Thật là chẳng có thể bút mực lời lẽ nào mà diễn tả hình dung cho hết được. Đây là Tử khổ. Bốn món khổ trên đây, bất cứ nghèo, giàu, sang, hèn, trí, ngu, hiền, bất tiểu đều chẳng hay tránh khỏi được. Dầu cho hiếu tử hiền tôn đủ có hy vọng trân kỳ cho gia thế, nhưng chẳng may bất hạnh cho phúc nhà thời chẳng ai thay thế cho tí nào được cả. Sanh khổ thời ta chẳng nhớ được. Tử khổ thời chưa hiểu tới. Mà hai khổ Lão, Bệnh thời mọi người đều đã ném ít nhiều rồi cả.

5.- Ái biệt ly khổ: Dù là cha mẹ anh em, vợ chồng con cái, ruộng đất nhà cửa, mọi thứ quý cần, tất cả là vật sở ái của tâm thường được ta gìn giữ chu đáo. Nhưng hoặc vì mưu sinh mà phải đi xa, cho nên chẳng thể sớm chiều đoàn tụ để gần người gần của, hoặc vì thọ số đến thời, phũ tay mà đi lạng lẽ. Hoặc bởi đao binh, thủy hỏa các tai, các nạn, rồi kẻ đông người tây, mạnh ai nấy tìm đường mà chạy chẳng ai dìu dắt được ai. Đây là ái biệt ly khổ.

6.- Oán tăng hội khổ: Chúng tôi cùng quý vị từ hồi nào đến giờ oan gia đối đầu chẳng biết bao nhiêu mà tính. Chẳng muốn gặp mặt, mà vẫn lệch xệch đụng đầu. Chẳng những cùng thuyền cùng hội, mà còn đồng chiếu đồng bào nữa là khác. Do đó, mà sanh ra cho nhau biết bao nhiêu là phiền não khổ sở. Đây là Oán tăng hội khổ.

7.- Cầu bất đắc khổ: Chính là muốn điều này chẳng được điều này, muốn việc kia chẳng được việc kia. Cầu danh lợi chẳng được danh lợi. Cầu áo cơm chẳng được áo cơm. Cầu con cái chẳng được con cái và cầu giàu sang sống lâu cũng chẳng được gì cả. Đây là cầu chẳng được rất nhiều, rất nhiều.

8.- Ngũ âm xí thanh khổ: Ngũ âm trước đã giảng qua rồi. Âm nghĩa là che khuất. Năm âm này che khuất trọn vẹn bản lai diện mục tức chơn tâm chơn tánh vậy. Rồi nó khiến người mê hoặc điên đảo. Mê cảnh chạy theo trần lao, mà sanh khởi tham sân si ba độc, gây thành bao nhiêu tội ác, giống như cây khô gặp lửa, chắc chắn cháy rụi thành tro. Những tám món khổ não trên đây cố nhiên đâu những nhân loại mới có mà trên đến Tứ Thiên, Đạo Lợi sáu cung Trời ở cõi Dục vẫn còn phải bị năm món khổ não suy tướng hiển hiện. Năm suy là: Một là hoa trang điểm trên đầu bị héo, hai là áo quần nhợt nhúa vì bụi, ba là nách chảy mồ hôi, bốn là thân thể hôi uế, năm là chẳng vui muốn ngồi chỗ thường ngồi. Những người Trời ở cõi Sắc cũng còn bị khổ não ba tai nước, lửa, gió. Cho nên người ta chẳng muốn sanh làm người Trời để hưởng được phước báo. Một khi phước báo ấy hết, vẫn phải bị đọa lạc như xưa. Mà nên tu niệm Phật, vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới mới có thể khỏi bị các khổ não kia vậy.

Chữ Các là nhiều. Là nói các khổ não nhiều lắm. Cũng là chính chỉ rõ cho chúng ta biết từ nhỏ đến già đã chịu lấy biết bao nhiêu khổ não. Một người chịu một khổ, một người chịu nhiều khổ là nói về biệt nghiệp riêng của mỗi người như các khổ sanh bệnh vậy. Hoặc là nhiều người chịu nhiều khổ là nói về cộng nghiệp chung cho mọi người như cùng gặp các tai nạn giặc giã, đói kém. Nay nói trăm ngàn vạn ức vô lượng chúng sanh chịu các khổ não, tức là nhiều khổ chúng sanh chịu biệt nghiệp, cộng nghiệp vô

lượng khổ não. Lúc thiếu thời chúng ta phải chịu sự ràng buộc của gia đình, là khổ gia đình ngục. Khi trưởng thành lại bị danh cương, lợi tỏa là khổ danh lợi ngục. Thứ mà trói buộc chúng ta chặt chẽ hơn hết là vợ với con, khổ này lắm hơn lao ngục thế gian. Thế gian lao ngục còn có ngày phóng thích, chứ thế tử lao ngục không có một ngày giải thoát. Trừ phi chẳng cưới vợ sanh con, hoặc là vợ chết con biệt lập, may ra có thể thoát khỏi khổ này mà thôi. Chúng ta đã có những bao khổ não khó tránh như thế, vậy mà chẳng những chẳng nhìn nhận, trái lại đem khổ ấy cho là vui, thật đáng buồn cười hết chỗ nói. Như có một hạng người nào đó lao tâm khổ lực khó nhọc trọn ngày, đem mồ hôi nước mắt đổi lấy kim tiền. Khi được rồi đem dùng uống rượu, đánh bạc những việc không mấy ích. Nên có câu:

Tân khổ tâm tiền khoái lạc dụng.

Nghĩa:

Khoái nhục kiếm tiền dùng khoái lạc.

Chẳng biết đem tiền của cúng dường Tam Bảo, hay dùng phóng sanh chẩn tế.

Tiếp:

Nhiên nhi ngật tử dung dị tỵ.

Là:

Nhưng mà uống rượu say dễ dàng.

Rồi nhân đây sanh sự bậy bạ lôi thôi. Ai cũng biết cái hại đánh bạc, một bại mất ngàn vàng, ngồi nhìn của đi khó trở về lại. Thật là khổ não thật. Càng suy nghĩ càng đau đớn, ai mà chẳng rờn gáy giật mình.

Từ trước đến đây đã nói trăm ngàn vạn ức lục đạo hữu lậu chúng sanh, cái khổ não của nó tóm lại là: Cõi Đồng cư lục đạo hữu lậu ngũ ấm chúng sanh có những khổ não là phân đoạn sanh tử khổ, kiến tư phiền não khổ. Thanh Văn, Duyên Giác, Nhị Thừa đã xong được phân đoạn sanh tử là vô lậu ngũ ấm chúng sanh, nhưng vẫn giữ thái độ tiêu cực, chẳng chịu độ sanh. Cho nên tuy là vô lậu chúng sanh mà cứ uống rượu tam muội là thiên định, sa vào trong hố vô vi, và ở trong cõi phương tiện, vẫn còn chịu hai khổ là phương tiện biến dịch sanh tử và trần sa phiền não khổ.

Bồ Tát là nhị biên ngũ ấm chúng sanh, một bên độ người lại một bên tự tu chẳng thể viên dung được, nên còn ở trong cõi thiết báo chịu hai khổ là vi tế biến dịch sanh tử và căn bản vô minh phiền não khổ. Bởi vì chúng sanh Tam Thừa là niệm niệm sanh diệt, nhân đời quả đời, lưu chú quá ư vi tế, cho nên gọi là sanh tử, tức là tâm niệm sanh diệt mà cho là sanh tử. Cõi phương

tiện, cõi Thiệt báo Tam Thừa chúng sanh cũng có nhiều vô lượng trăm ngàn vạn ức, cho nên phạm vi trăm ngàn vạn ức quá u rộng rãi, Bồ Tát, La Hán đều bao gồm trong đó cả. Quán Thế Âm Bồ Tát không khổ nào chẳng cứu, không chúng sanh nào chẳng độ; tức là thứ khổ của Bồ Tát, La Hán, Ngài cũng cứu độ. Cho nên đây là Bồ Tát, Duyên Giác, La Hán đều cần niệm Quán Thế Âm không một hạng nào chẳng nhờ quảng đại linh cảm của Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh chín cõi pháp giới, cho nên xưng là Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Cảm Quán Thế Âm Bồ Tát.

Từ trước có người buôn gạo ở xứ Thượng Ngu, tỉnh Triết Giang. Trong nhà phụng thờ Đức Quán Thế Âm rất thành kính. Nhà chỉ có hai vợ chồng mà thôi. Một đêm chủ nhà nằm mộng thấy Quán Thế Âm Bồ Tát đến mách rằng: "Người sắp bị đại nạn, nên Ta đến đây để cứu người". Sau đó liền nói bài kệ bốn câu và dặn dò người chủ nhà phải cần nhớ cho đầy đủ rõ ràng, chắc chắn từng chữ, từng câu một. Bài kệ bốn câu:

Gặp cầu đừng đậu ghe,
Gặp dàu lấy xoa đầu.
Đầu lúa ba thưng gạo,
Làng xanh bu đầu bút.

Nguyên văn:

Phùng kiều mặc đình châu,
Ngộ du tức mặc đầu.
Đầu cốc tam thưng mễ,
Thương thẳng bổng bút đầu.

Sau khi tỉnh giấc ông nhớ được rất rõ ràng và đầy đủ bốn câu cộng tất cả chữ và cho là quái lạ! Bởi thế nên nhớ rất chắc chắn chẳng quên tí nào. Qua ngày sau, nhân ông mướn ghe đi để chở lúa gạo. Ghe đi giữa đường chẳng may gặp phải gió mưa dữ dội. Người bạn ghe có ý muốn đậu ghe dưới mạn cầu để tạm tránh mưa gió. Người chủ ghe liền sực nhớ lại việc trong mộng, nhớ câu "Gặp cầu đừng đậu ghe". Ông liền đốc suất bạn ghe cho ghe lướt nhanh tới dừng nên đậu. Lúc chiếc ghe vừa lướt qua khỏi cầu thì cầu liền sập ngay, đè sát mặt nước. Hú vía, thoát chết một lần. Nhân đây ông ta cảm nghiệm được sự linh ứng của Bồ Tát Quán Thế Âm. Và từ đây trở đi càng tụng niệm càng lễ bái nhiều hơn nữa.

Lại một đêm hôm, đang lúc ông quỳ tụng chưa đứng dậy, bỗng nhiên chiếc đèn huyền đăng treo trước bàn Phật từ trên rơi xuống, dầu trong đèn đổ ra lai láng. Do câu đầu của kệ đã có ứng nghiệm, mà giờ đây lại gặp dầu đổ và câu thứ hai trong kệ chính là nói chuyện dầu, cho nên ông liền tay hốt dầu dưới đất mà xoa lên đầu. Xong ông bái Phật, đứng dậy thản nhiên đi ngủ. Ngủ quá nửa đêm, ông thức giấc dậy nghe có mùi máu tanh, ông liền lấy đèn soi thấy người vợ bị đứt cổ họng chết ngay. Chẳng biết ai giết. Ông ta tức tốc chạy bằng báo cáo cho nhạc gia biết liền lúc đó. Khi ông bà nhạc gia đến gạn hỏi có sự thời ông rề không trả lời được ai là kẻ giết vợ mình. Cuối cùng nhạc gia nghi, vì nguyên nhân này: Nhà này vốn có tin Phật, thờ Phật mà con mình vợ nó chẳng tin, chắc do đó nên đã có xảy ra việc gì xích mích bất thường, đến nỗi chồng mưu giết vợ, đích vậy đó rồi. Bởi không tìm đâu ra dấu vết gì là kẻ nào khác giết người. Tội cho ông rề hiền lành này chẳng biết tìm cách nào mà mình oan cho mình được. Thảm trạng vợ chồng mưu sát lẫn nhau đã có từ xưa chứ chẳng phải là không. Nhưng trường hợp hiện nay đây không có thể xảy ra được trong nhà có thấp nhang này. Vậy thì cái án mạng bị giết nằm đó là do ai? Cũng chỉ trở lại nghi vấn là do bất đồng tín ngưỡng. Cho nên nhạc gia phát đơn tố lên huyện quan để nhờ phán quyết.

Hai tên lính huyện, từ cửa huyện xuất phát với bộ dạng hăm hờ vức vức. Một tên nắm chiếc hỏa bài có đề hai chữ Hỏa Túc, một tên nữa cầm chiếc roi, cả hai mặt mày hầm hầm tiến thẳng đến nhà người buôn gạo và dựng tám hỏa bài ngang tại cửa giữa trong nhà. Một trong hai tên, tay chỉ vào trong tám hỏa bài và bảo: "Đây, anh coi đây phải biết! Lệnh của quan lớn huyện nhà. Anh là người hiểu biết, phải tuân hành tức tốc, đừng để mất thì giờ chúng tôi, về bị quở!". Ông buôn gạo thời chuẩn bị khăn áo và bao hành lý vừa xong. Vừa trông thấy dạng hai bác lính Thập, ông liền cung kính bước qua trước bàn Phật, sau khi cắm ba cây nhang lên lư bát rồi lạnh lẽo lấy lấy để và vái lia vái lịa mấy vái xong. Ba người đồng bước ra khỏi nhà: Trước tám hỏa bài, giữa đương sự, sau chiếc roi vừa đi vừa vức vức. Và họ lên giọng hơi hám của uy quyền: "Tại sao anh lại đi giết vợ anh? Ác chi mà ác quá vậy? Nghĩa vợ chồng, nó có đại điều gì thì ta làm hùm làm hổ năm đá ba cú cho nó biết sợ mà thôi chứ ai đòi nhẩn tâm chém chết vợ? Anh không học câu Thánh Hiền đã dạy sao? Tào khang chi thê bất khả hạ đồ, mà anh chém con người ta chết. Thật anh là thằng quá ác, có phải không? Chuyến này quan lớn sẽ phạt tội cho ở tù mục gông mới đáng kiếp!". Cứ thế, hai ông lính thay phiên nhau mà mắng rủa, mà nhất là họ cứ đọc đi đọc lại câu Thánh Hiền đã dạy. Họ nói gì thì họ nói mặc, ông buôn gạo vẫn lặng thinh mà đi, tâm tâm niệm niệm cứ niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để cầu cứu mà thôi.

Mấy giờ qua là đã đến cửa Nha. Hai lính dẫn đương sự nạp lên quan. Quan lớn bắt đầu làm việc. Đương sự đứng thẳng lưng dưới bực thêm, quan huyện ngồi trên, hai bên có Lục sự, Thẩm phán, ấn son, bút giấy đầy đủ một phiên tòa đại hình. Sau một hồi lâu thẩm vấn khẩu cung của đương sự xong, quan lớn mới xả hơi bằng một xe thuốc bình và chén trà dũ di, rồi ngài ngắm kỹ lên trên gương mặt đương sự và thẩm xét: Tướng dạng thẳng này chẳng một chút gì giống những đứa sát nhân mà mình đã từng gặp. Và lại căn cứ theo lời cung khai của nó thời của cải trong nhà nó, đêm đó chẳng mất mát chút nào. Và cũng không xảy ra việc trộm cướp gì hết. Mà cửa ngõ trong nhà vẫn kín đáo y nguyên, vách không bị đục thủng, tất cả không có dấu vết gì khả nghi. Vậy thì hung thủ tức chẳng phải những kẻ trộm cướp chắc chắn rồi vậy. Nhưng quan ngài còn ngờ nên hỏi thêm: "Bình nhật gia đình này đối với láng giềng xung quanh có gây gỗ điều gì không? Và có hòa vui tốt lành không?" Đương sự bẩm: "Cả gia đình tôi, từ xưa nay đối với lân lý đều hòa thuận tốt đẹp chứ không có oán thù gì hết. Bẩm lạy quan lớn soi xét!"

Sau hai lần thẩm vấn và nhận xét thời sự trạng đã rõ ràng nên đã đến lúc Tòa bắt đầu tuyên án: Căn cứ theo hai lần thẩm vấn của Tòa. Căn cứ theo lời cung khai của đương sự, thì sự việc đã rõ ràng như sau: Hung thủ đã chẳng phải kẻ trộm cướp, chẳng phải kẻ oán thù. Hơn nữa, sự việc xảy ra vào lúc quá nửa đêm, cửa lớn cửa nhỏ trong nhà vẫn đóng chặt y nguyên. Trong nhà chỉ có hai người là mày và vợ mày. Mà vợ mày bị đứt họng chết chẳng phải mày chém nó là ai? Đó là những nguyên nhân tạo thành án. Tòa tiếp: Cứ sự trạng như trên, Tòa chiếu theo Luật kia Lệ nọ, chiếu theo Sắc lệnh nghị định ngày nọ tháng kia. Vậy nay Tòa tuyên tội: Quả là phạm tội cố sát sát nhân. Mạng phải đền mạng. Bản án này làm tại chỗ, vào ngày giờ tháng năm. Nhân chứng có Thẩm phán mõ, Lục sự mõ ngồi hai ghé hai bên tả hữu chứng kiến.

Quan chánh án cầm bút sắp phê xuống bản án, bỗng nhiên một bầy lãng xanh từ đâu bay tới bu vào đầu bút. Quan chánh án ngạc nhiên cho là quái lạ. Lúc đó ông buồn gạo đứng bên xem thấy lãng xanh rõ ràng, chính hiệp với câu kệ thứ tư mà mình đã nằm mộng thấy Bồ Tát nói cho khi trước. Nhân đấy ông liền tự thốt lên rằng: "Lạ thay, quái lạ thay. Thương thẳng bỗng bút đầu. Thật là ứng nghiệm rõ ràng". Quan án lòng càng ngạc nhiên hơn, tay thì xoa những con lãng mà nó thì vẫn nhào vào bu nơi đầu bút, mà miệng thời hỏi: "Chứ mày, cái thẳng nói gì làm nhảm vậy mày?". Và hai mắt ông ngó tròn trọc vào ông buồn gạo. Thì đương sự mới thuật đầu đuôi câu chuyện mà mình đã mộng thấy và việc đã ứng nghiệm cho quan huyện kiêm chánh án nghe. Quan nghe xong mà rằng: "Ta định phê năm ba phết và mày ký vào bản án cho xong đặng mày còn về. Mà giờ đây sự việc lại đổi qua

chiều hướng khác, e ta phải nghiên cứu mấy câu kệ tụng gì đây coi đã. Rắc rối thật". Rồi quan cho mời các thầy Nha lại lại đây để làm cái việc thần bí này. Khi thầy trò xúm lại xong mới bảo ông buôn gạo đọc đủ bốn câu kệ và biên vào giấy cho rõ ràng và nhận dạng từng chữ từng nét cho đúng xác rồi mới bắt đầu nghiên cứu.

Thời thứ nhất, thứ nhì và thứ tư, ba câu đã rõ ràng sự việc. Chỉ còn nghiên cứu câu thứ ba là Đầu cốc tam thăng mễ là ý muốn nói nghĩa gì đây? Thầy trò nhà huyện ta nghiên ngẫm mãi mất thì giờ rất nhiều mới hiểu được rằng: "À các thầy ạ! Phải thêm một chữ nữa trên đầu câu mới cắt nghĩa được là:

Nhất đầu cốc tam thăng mễ".

Nghĩa là:

Một đầu lúa ba thăng gạo.

Nghĩa ẩn một đầu là mười thăng, trừ ba còn bảy tức là được ba thăng gạo và bảy thăng trấu. Bảy trấu là chữ Thất và chữ Khang. Thất là Bảy, Khang là Trấu. Quan huyện mới bảo quả quyết rằng: Hung phạm nếu chẳng phải tên Khang Thất thì là tên Thất Khang nhất định tên này rồi. Rồi liền phái nha lại đi mật thám. Quả thật có người tên Khang Thất. Thế là tên ấy tức tức bị bắt và tống giam. Khi ra thăm vấn y nhìn nhận lúc hành động như sau: "Tôi có gian dúi với bà bán gạo từ trước. Đến đêm đó, tôi lên vào nhà tình nhân nấp chờ đến đêm khuya, định giết ông bán gạo. Bởi trong lúc tối tăm tôi mò gặp cái đầu có dầu tôi tưởng là đầu đàn bà, liền bỏ đi lại chỗ khác giết đầu không dầu. Không ngờ đã giết lầm". Rồi sau đó tên Khang Thất bị ra tòa nhận lãnh tội trạng. Đương nhiên ông buôn gạo được phóng thích ngay.

Quan huyện và cả nha lại nhân vụ này mới biết thêm sự cảm ứng và linh nghiệm của Bồ Tát Quán Thế Âm và càng tin Phật Pháp hơn nữa. Ông buôn gạo cũng nhân tai nạn khủng khiếp này mà cảm giác nỗi thống khổ của kiếp nhân sanh, nên cũng phát tâm mạnh mẽ xuất gia tu Đạo cầu mong có ngày trọn thành Đạo quả. Nhà buôn gạo được sự cảm ứng giải trừ tai nạn khủng khiếp có một không hai của một đời người này, là nhờ bình nhật ông ta hay nhất tâm xưng danh, đến khi cấp nạn xảy tại thân, thời Quán Thế Âm trong tự tánh chúng sanh hiện ra cứu chúng sanh trong tâm Quán Thế Âm tức thì được giải thoát. Nếu hằng ngày chẳng thường niệm tụng gì hết, đến khi đại nạn lâm đầu, tâm trí kinh hãi bối rối, tinh thần mờ ám tức khó nổi khởi lên xưng niệm Phật, Bồ Tát. Cho nên thường ngày chúng ta niệm Đức Quán Thế Âm Bồ Tát phải quan trọng và cấp bách như trạng thái lúc ta sắp chết, hay giống như khi gặp tai nạn nước, lửa la kêu người ta đến cứu cấp

cho mình vậy mới có hiệu quả. Mỗi khi niệm phải như thế này: Sáu căn đều thu nhiếp, nhất tâm yên lặng, tâm niệm khẩu xung, khẩu xung cho rõ ràng, tai nghe cho chính xác thông suốt, ý nghĩ nhớ từng chữ từng câu cho rành rẽ phân minh. Được vậy tức là tâm khẩu tương ưng. Đây là bí quyết cần thiết cho những người trì danh niệm Phật, niệm Bồ Tát vậy. Trái lại thời tâm ý của ta nó như con khỉ, con ngựa chuyền chạy lung tung khó mà đến được chỗ lợi ích lớn lao vậy.

Nhất tâm trì danh, có sự nhất tâm và lý nhất tâm. Trước khi ta nghe giảng kinh trở về trước là ta chưa lãnh hội chơn nghĩa Phật pháp, chỉ là đơn xung danh hiệu, cứ thẳng tiến mà niệm đi. Niệm đến khi nào nhất tâm bất loạn gọi là sự nhất tâm. Khi niệm được rõ biết tâm là tâm năng niệm. Quán Âm là danh hiệu sở niệm. Ly khai tâm năng niệm, riêng biệt không có danh sở niệm; ngược lại ly khai danh sở niệm, riêng biệt không có tâm năng niệm. Năng sở chẳng hai, dung hội nhất như gọi là lý nhất tâm. Nhân vì Đức Quán Thế Âm Bồ Tát thần thông quảng đại, oai đức tuyệt vời. Với chúng ta chỉ có đem thân tâm quy y nơi Ngài, bỏ niệm phân biệt tư lường, chân thành già dặn mà niệm đi. Niệm đến khi nào nhất tâm bất loạn, chỉ còn một Thánh hiệu mà thôi. Thậm chí xem mà chẳng thấy, ngóng mà chẳng nghe, đi chẳng biết mà đi, ngồi chẳng biết là ngồi. Không còn vọng tưởng, phân biệt. Chừng ấy mới gọi là nhất tâm xung danh.

Hai chữ tức thời là nói chính lúc xung danh, tức khi nhờ cảm ứng chứ chẳng phải trước đó một tí hay sau đó một lát. Giống như cái đài bá âm vô tuyến điện, tiếng nó một khi truyền là đây phát kia thu, bất cứ xa gần, không có hoặc trước hoặc sau, cảm ứng đồng thời, nên gọi là tức thời.

Những người tay chân bị trói buộc, chẳng được tự do là chẳng được giải thoát. Một khi mở trói trả lại tự do như xưa, gọi là người giải thoát. Bị khổ não ràng buộc giống như bị quần trói. Thứ quần trói này là bởi tự mọi người làm lấy, như mùa Xuân con tằm tự làm kén, mùa Thu con gà tự nhào lửa. Hai loại này nguy hiểm đến chết thân mà chẳng hề giác ngộ. Chúng ta có thể nhất tâm xung danh chẳng khởi tưởng quấy niệm xằng. Vong năng sở, quên thân tâm, thời phiền não tự tiêu diệt, tức là được giải thoát mọi sự thống khổ.

Nếu có người trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát này, dầu vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy đặng, vì do sức oai thần của Bồ Tát này vậy.

Đoạn này là đáp ứng riêng cứu bảy nạn. Bảy nạn là nước, lửa, hắc phong, đao gậy, La Sát, gông cùm, oán giặc hết thảy bảy thứ. Thế gian tai nạn lắm nhiều nhưng không ngoài bảy thứ này. Nếu gặp phải bảy thứ tai nạn này, hay niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, tức thì được giải thoát. Đây

là cơ cảm động của khẩu nghiệp. Để cầu nam nữ nên cung kính lễ bái là cơ cảm động của thân nghiệp. Xuống dưới nữa mới nói trừ ba độc là cơ cảm động của ý nghiệp.

Trước tiên giảng nạn lửa thứ nhất. Chánh báo chúng ta là thân thể, y báo là nhà cửa vật kiện... Nếu chẳng đề tâm một chút gì thì thường bị nó đốt cháy. Nên nói: Lửa chùng một đóm khả dĩ đốt khắp xóm làng. Lửa có: Lửa quý, lửa La Sát, lửa sấm sét và lửa cây gỗ... Khi nào gặp các nạn lửa này, chỉ nên nhất tâm xưng danh, tức được giải cứu. Kẻ có căn lành, khi lâm nạn thời có thể chẳng mê loạn. Mà người nghiệp nặng khi gặp nạn vì phiền não nên tâm mờ ý loạn, chẳng chịu xưng niệm bèn khó tránh khỏi hỏa tai.

Trì là thọ trì, tức niệm vậy. Trì niệm có sự trì và lý trì, bất luận hiểu lý hay chẳng hiểu, chỉ cần biết Đức Quán Thế Âm Bồ Tát thật hay cứu khổ và chánh tín đến Ngài mà chẳng nên nghi. Chẳng quản 21 ngày, cứ chánh trực mà niệm đi, già dặn mà trì niệm liền được cảm ứng. Đây gọi là sự trì. Nếu khi trì niệm, có thể hiểu biết danh Quán Thế Âm Thánh hiệu là sở niệm, tâm ta là tâm năng niệm. Biết tâm năng niệm của ta tức Danh sở niệm. Lìa tâm, riêng không có danh sở niệm, cũng như lìa danh không có tâm năng niệm. Cho nên niệm Quán Thế Âm tức niệm tự tánh. Ngoài Sở không Năng, ngoài Năng không Sở, duy là nhất tâm. Đây gọi là lý trì. Sự chẳng rời lý, lý nhờ sự hiểu. Bất luận là sự trì hay lý trì. Tóm lại là cần phải già dặn mà trì niệm mới có thể cảm ứng đạo giao được. Nếu ai có thể già dặn nhất tâm trì niệm dù cho vào trong lửa dữ chịu các nạn lửa thời lửa chẳng hay đốt cháy. Chẳng bị lửa làm hại là toàn nhờ sức oai đức thần thông của Quán Thế Âm vậy. Bởi vì Đức Quán Thế Âm đã nhiều kiếp tu trì, cho nên có 32 ứng thân, 14 món vô úy. Có oai nên khiếp sợ, có đức nên tôn kính. Nếu gặp phải những chúng sanh cương cường khó giáo hóa, bèn dùng lối dương oai để khiến nó khiếp sợ. Đây là chiết phục pháp môn, nên tỏ oai lực. Nếu là chúng sanh chân thành thủ phạm, bèn đem đức đến cảm hóa và gia hộ cho nó. Đây là nhiếp thọ pháp môn, nên tỏ từ bi. Quán Thế Âm đã có đủ oai và đức. Lại còn có vô lượng diệu lực thần thông biến hóa nữa, cho nên mới có thể khiến những người trì danh được khỏi hỏa nạn. Ví như nghìn sông có nước nghìn sông trắng. Hữu cầu tất ứng, vô cảm bất thông. Từ xưa đến nay đã được nhờ sự cảm ứng của Bồ Tát Quán Thế Âm rất nhiều.

Như trong thời đại nhà Dao Tần, có Ngài Pháp Trí Hòa thượng. Một hôm có việc cần Ngài phải đi xa. Khi đi qua giữa đường truông hoang vắng mênh mang có nhiều lùm cây lau lách, lấm cỏ rậm rạp, lại là nhằm mùa nắng khô. Lúc đó vừa có người đốt cỏ, lửa cháy mạnh. Chẳng may lại gặp trận cuồng phong dữ dội, lửa càng cháy lan khắp nơi. Pháp Trí không còn nơi nào tránh né được nữa. Ngài liền ngồi xuống, xếp bằng lại và chí thành khấn

thiết cung kính nhất tâm xưng niệm: Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Giây lát lửa cháy đến gần sát bên Ngài. Thì Ngài cảm giác nơi thân phát ra nóng, nhân đấy nên Ngài ngất xỉu, giây lâu mới tỉnh dậy. Ngài xem thấy những lùm cây lau lách cách khỏi Ngài chừng ngoài ba thước đều bị cháy rụi hóa thành tro bụi, mà trong ba thước thời chưa hề cháy tới. Nhờ đấy Ngài khỏi được nạn chết thui. Đấy chính là nhờ oai đức thần thông đại lực của Quán Thế Âm Bồ Tát mới khiến được vậy. Nếu chẳng biết xưng niệm danh hiệu thì nhất định bị chết thui rồi.

Khi niệm cốt yếu là phải nhất tâm. Ngoài vong cả thế giới lục trần, trong vong cả sanh mạng, thân thể. Năng Sở đều vong, thời Quán Âm trong tự tâm tự nhiên hiển hiện liền được cứu nạn. Kinh Lăng Nghiêm nói: Xoay tri kiến trở lại, dù cho vào trong lửa dữ, lửa chẳng thể đốt được. Nhãn căn thuộc về tâm, tâm thuộc hỏa. Nhân có quả trong tự tâm, cho nên mới cảm chịu lửa quả báo ở bên ngoài. Nay đã nhất tâm xưng niệm Quán Âm thu thập lửa trong tự tâm lại, khiến nó tắt đi, thời lửa quả báo ở bên ngoài tự nhiên chẳng sanh được. Lửa có ba thứ:

1.- Một là lửa quả báo. Thông suốt đến cõi trời Sơ Thiên. Y báo chánh báo của người đời hiện nay đều bị lửa đốt, tức bởi lửa quả báo của nghiệp báo đời trước cảm đến. Và như đến thời hạn đại tam tai phát khởi: Đại kiếp lần thứ nhất là hỏa tai. Cho nên nói: Kiếp hỏa cháy suốt trời đất đều tiêu hoại. Thiên địa nhật nguyệt, thế giới sơn hà không còn một món gì chẳng bị cháy rụi. Thời kỳ sơ kiếp hỏa, là thái dương biến thành bảy, tức bảy mặt trời. Một thái dương mà nhiệt độ còn hại dữ dội như thế huống là bảy cái đồng thời xuất hiện, cứ suy nghĩ thì biết. Khi đó chốn đại địa này đều biến thành bãi lửa. Lục dục chư thiên cũng đều bị cháy, cháy đến cõi trời Sơ thiên mới tắt. Trời Sơ thiên tại sao cũng bị cháy? Nhân vì người cõi trời này còn có tâm giác quán, tâm này thuộc về hỏa nên vẫn bị cháy.

2.- Hai là lửa ác nghiệp. Thông cả ba cõi đều có. Kinh nói: Ba cõi không an in như nhà lửa. Cho nên trên từ thiên đường, dưới đến địa ngục đều bị lửa tam giới hữu lậu ác nghiệp đốt cháy sạch. Có thế mà chẳng thấy, vì chẳng qua chúng ta còn mê muội đó thôi. Một ngày từ mai đến chiều đều ở trong bãi lửa hữu lậu nghiệp mà lo sanh hoạt. Kinh gọi lửa ngũ trược, lửa bát khổ. Ngũ trược là mạng trược, kiếp trược, kiến trược, chúng sanh trược và phiền não trược đều là lửa ác nghiệp.

3.- Ba là lửa phiền não. Thông suốt cả chín pháp giới đều có. Lửa vô minh là lửa sân. Lửa sân nó phục một chút có thể đốt cháy sạch rừng công đức. Sân tâm chính là lửa phiền não. Lửa sân một khi phát, với huệ mạng có tổn hại ngay. Tham sắc dục là lửa dục. Lửa dữ sắc dục nó phát khởi như

người chạm phải điện chắc chắn là cháy thân. Tóm lại mà giảng: Phàm phu có lửa kiến tư phiền não, La Hán có lửa trần sa phiền não, Bồ Tát có lửa vô minh phiền não.

Phật tánh chơn không hỏa tánh. Hỏa tánh chơn không thanh tịnh, bản nhiên khắp cả pháp giới. Thứ lửa này chẳng những chẳng tổn hại người mà lại còn có thể đem làm Phật sự độ chúng sanh nữa là khác. Hiện nay giảng xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm chẳng những diệt lửa quả báo mà còn năng trừ lửa ác nghiệp và lửa phiền não nữa, tức là nhờ sức oai thần của Bồ Tát vậy.

Ngày trước có người tên Trúc Trường Thư. Một hôm nhà lán giềng phát hỏa, nhà ông ở dưới gió, cực kỳ nguy hiểm, ông không còn cách nào hơn để cứu nguy cho gia tài. Ông liền nhất tâm xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm. Nhà lán giềng bốn phía đều bị cháy, duy nhà ông tồn tại y nguyên. Mọi người cho là lạ lùng. Lúc ấy có vài thiếu niên hoang nghịch, chúng cố ý khi ban đêm đến đốt nhà ông lần nữa, nhưng vẫn không cháy được. Đây chính là chơn thật niệm Quán Âm mà có cảm ứng đạo giao. Lại có họ Vương, người xứ Côn Sơn, ông một lòng muốn đi đến chiêm bái núi Phổ Đà, với mục đích là lễ bái Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Trước khi đi, ông thọ chay trường ba năm. Mãn kỳ nguyện ông mới khởi hành. Thuyền ông sắp mở neo, bỗng nhiên nhà lán giềng phát hỏa. Người nhà chạy theo gấp báo cho ông hay. Ông khiến người nhà trở về và bảo nó rằng: Ta đã ăn chay trường ba năm. Nay ta nhất tâm đi Nam Hải cho được để chiêm ngưỡng và chiêm bái Đức Quán Thế Âm Bồ Tát cho mãn nguyện. Còn nhà cửa, nếu chẳng may bị cháy mặc cho nó đi thôi, ta chẳng cần trở lại. Rồi ông một lòng xưng danh. Sau khi ông đi hành hương xong trở về, thấy nhà bốn phía lán giềng đều bị cháy cả mà nhà ông khỏi bị gì hết. Cho biết rằng niệm Quán Âm có cảm ứng bất khả tư nghì vậy. Niệm Quán Âm chẳng những khỏi được những lửa quả báo, lửa ác nghiệp và lửa phiền não, mà lại niệm đến chơn đế nhất tâm bất loạn, năng dứt lửa kiến tư phiền não, chứng tự tánh chơn không Quán Thế Âm, được ra khỏi nhà lửa đồng cư tam giới nữa vậy. Niệm đến tục đế nhất tâm bất loạn, năng dứt được lửa trần sa phiền não chứng được diệu hữu Quán Thế Âm, được ra khỏi nhà lửa phương tiện tam giới vậy. Niệm đến Trung đạo lý nhất tâm bất loạn, năng dứt được lửa căn bản vô minh phiền não, thấy Trung đạo Quán Thế Âm, được ra khỏi nhà lửa thật báo tam giới là bèn thành Phật quả trọn vẹn vậy.

Nếu bị nước lớn làm trôi, xưng danh hiệu Bồ Tát liềnặng chỗ cạn.

Đây là cứu khổ thủy nạn thứ hai. Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sanh bị nước lớn làm ngập, hoặc sông hồ tràn ngập, ao hào đắm chìm trăm họ, vật

kiện đều bị trôi mất. Hoặc giả qua biển, rui roi xuống nước trôi nổi. Nhiều thứ thủy tai ác nạn. Chính lúc nguy hiểm ấy xưng danh hiệu Quán Âm liền được đến chỗ cạn. Nước trôi là ác nghiệp, xưng danh hiệu là thiện nghiệp, vì hai thiện ác nghiệp này mà nhất tâm xưng danh, giải thoát là cảm liền được chỗ cạn, gặp hung hóa kiết, chẳng bị chết chìm là ứng. Nước là thứ gì? Nhĩ căn thông với thận, thận thuộc thủy. Có nước trong tự tâm nên mới cảm thủy tai bên ngoài. Khi bị thủy nạn, xưng niệm Quán Âm, đem nhĩ căn nghe trở lại để hàng phục nước nơi tâm, thời thủy nạn ngoài tâm cũng trừ được khỏi xong. Kinh Lăng Nghiêm nói: Xoay nghe trở lại, khiến các chúng sanh nước lớn làm trôi, nước chẳng hay làm chìm được. Tức là nghĩa này vậy. Như vậy thời biết nước phiền não, nước ác nghiệp cũng không còn gốc rễ chỗ nào đâu mà bám vào đứng vững được nữa. Nhưng mà khi niệm cần phải nhất tâm cung kính. Nếu chẳng nhất tâm cung kính chỉ thành khẩn thiết e rằng khó được linh ứng. Cho nên đã có câu nữa rằng:

Miệng niệm Quán Âm tâm tán loạn,
Hả mồm cựa cỏ vậy luống công.

Xưa có người con nhà họ Lưu. Chàng thành tâm tin tưởng Đức Quán Thế Âm. Anh phát tâm đi triều bái núi Phổ Đà. Thuyền anh đi đến giữa dòng Liên hoa dương hải. Anh tự thấy có ba đóa hoa sen vượt lên khỏi mặt nước biển, lớn bằng bánh xe. Một đóa có Thiện Tài đứng trên, một đóa có Long Nữ đứng trên, mà riêng một đóa sen lớn đặc biệt thời Đức Quán Thế Âm ngự tọa thanh tịnh phi thường, trang nghiêm diệu tướng, thịnh đức tôn nghiêm. Nhân đây chàng họ Lưu nhất tâm phát hiện liền cung kính lễ bái Đức Quán Âm. Tức thì một trận cuồng phong bỗng nhiên nổi lên dữ dội, thuyền bị úp chìm. Mọi người trong thuyền đều bị chết chìm cả. Duy có anh chàng họ Lưu cảm giác được trước mắt anh mơ màng in tuồng có một người công đem anh chạy đi, đi đến một chỗ nào đó liền thả anh xuống. Khi anh mở mắt thấy vẫn là trước cửa nhà mình. Núi Phổ Đà cách xa nhà anh có đến hơn hai ngàn dặm đường. Mà nay chỉ trong tức khắc liền đến. Khi mẫu thân anh mở cửa, anh chạy vào nhà và thuật việc mới xảy ra cho mẹ anh nghe. Hai mẹ con rất đổi vui mừng, nhờ sức oai thần của Bồ Tát gia hộ nên mới được tái sanh một lần này nữa.

Lại có một gia đình đang lo việc song hỷ cưới rước cô dâu. Trong nhà ngoài cửa rộn ràng đông đảo, kẻ ra người vào náo nhiệt phi thường. Thủy tai bỗng nhiên bộc phát, nước lớn tràn mạnh đến, bao nhiêu thân hữu gia đình đều bị cuốn trôi đi hết. Tức toàn thôn xóm cũng đều bị chìm ngập. Tang điền tức khắc biến thành thương hải. Người chết kể cả ngàn vạn. Mà duy còn cô dâu ngồi bình yên trên một chiếc ghé chẳng chìm chẳng úp, xuôi giòng trôi

đi. Phúc nàng may mắn gặp người cứu sống. Họ nhà chồng cho là quái lạ, hỏi nàng vì sao chẳng bị chết chìm? Nàng thưa: Nhà má tôi tín ngưỡng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Khi tôi thấy nước tràn đến, tôi ngồi yên trên ghế, nhắm hai mắt, nhất tâm xưng danh hiệu Bồ Tát, cho nên nhờ Ngài cứu sống.

Cho biết Phật pháp là bất khả tư nghì chứ chẳng phải mê tín đầu đũa. Dưới đôi mắt nhìn sơ ai cũng nhận thấy thế giới ngày nay là thời đại thế loạn nhân phi. Chính là ngũ trược ác thế tai nạn diễn ra thường xuyên. Hơn nữa, sự rắc rối của chúng sanh đang ở trong hậm hực thù hiềm chẳng biết nó bộc phát ngày nào thời chôn đại địa này không còn vài thước đất yên ổn để cho cái thân dưới hai thước này núp cho sống sót, đừng mong gì hơn! Duy còn một phương pháp độc nhất là chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, mà thôi. Trên đời, sở dĩ có sự tác loạn, tuy do một vài cá nhân làm đầu sỏ, nhưng kỳ thật cũng là cộng nghiệp chúng ta chiêu cảm. Mấy năm gần đây các nơi đều bị thủy tai, mà độc nhất là Nam Thông này khởi bị. Đây cũng là nguyên nhân nhờ nhân tâm xứ này hướng thiện nhiều lắm vậy. Quả báo thủy tai chẳng những nhân gian mà đến thời kỳ đệ nhị đại thủy tai kiếp, chôn đại địa này cũng không chỗ nào chẳng phải là biển nước. Lục đục, sơ thiên đều là nước và nước, cho đến ngập nhầy suốt đến trời nhị thiên. Vì người ở trời nhị thiên còn có tâm hoan hỷ, tâm này nhất động tức thời làm nhân cho thủy tai hoành hành.

Ác nghiệp thủy thông suốt ba cõi: Cõi Dục khổ khổ, cõi Sắc hoại khổ và Cõi Vô Sắc hành khổ. Cho nên gọi là bể khổ mênh mang. Phiền não thủy thông suốt cả chín pháp giới. Tham dục cũng là nước. Cho nên nói rằng: Sóng khổ hải ái hà, cao vút ngàn trượng. Thế nhân mê muội trọn ngày suốt tháng trôi lặn nơi bể khổ mênh mang này. Nếu ai sực tỉnh hồi đầu nhất tâm xưng danh niệm hiệu thì gọi là hồi đầu tức thị bỉ ngạn là nghĩa liền đến bờ bên kia. Phiền não thủy thông suốt chín cõi. Cho nên chúng sanh chín cõi đều ở trong bể phiền não. Duy có Phật thấy thủy hỏa này là chơn thủy, chơn hỏa, thứ nào cũng trong sạch mát mẽ, bản nhiên châu biến pháp giới đều là Như Lai Tạng tánh, không một món nào chẳng phải là diệu pháp. Giống như một cậu mù, con trai của phú ông trưởng giả giàu có: Nào là vàng bạc ngọc báu, nào là của cải thật vật đầy nhà, nào là bàn ghế bằng gỗ quý, kê để nghênh ngang. Vì mù, mỗi khi đi chạy đụng đầu u trán, vấp chân sung giò. Chàng ta tức giận oán ghét những thứ ấy, là đồ chướng ngại vật, vì làm trở ngại cho việc chạy đi. Cũng như chúng sanh mê muội bản tánh, thời bị nước lửa làm tai hại mà sanh phiền não. Nếu như quả báo nó trả lại nhãn quang cho cậu mù, thời những thứ nguyên bửu đầy nhà chật đất này cậu tha hồ thọ dụng. Thì cũng như tâm chúng ta nhờ trì niệm Quán Âm mà được quang

minh rực rỡ, cho nên những lửa, những nước không thứ nào chẳng phải là Diệu pháp. Rồi nhân đấy mà đem giáo hóa chúng sanh, làm các Phật sự vậy.

Nếu có trăm nghìn muôn ức chúng sanh vì tìm vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu các thứ báu, nên vào trong biển lớn, giả sử gió lớn thổi ghe thuyền kia trôi tấp nơi nước quý La Sát, trong đó nếu có nhân đến một người xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thời các người đó đềuặng thoát khỏi nạn quý La Sát. Do nhơn duyên đó mà tên là Quán Thế Âm.

Đây là nạn thứ ba hắc phong La Sát quý. Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sanh vì muốn cầu tìm các thứ ngọc nơi biển. Trong chánh văn kê có bảy thứ: Kim là công kim, ngân là bạch ngân, lưu ly là ngọc sắc xanh, xa cừ là ngọc sắc trắng, mã não là ngọc sắc hồng, ngọc san hô hình giống nhánh cây, ngọc hổ phách là giống cây tòng hương sống lâu ngàn năm biến thành, ngọc trân châu là thứ bảo châu từng hột từng hột nhỏ nhỏ.

Hắc phong là quái phong. La Sát quý thường ở những hòn đảo bìa biển, nó chuyên bắt những người ở gần bìa biển ăn thịt. Thứ quý này miệng đỏ như chấu máu, mắt như cái đồng linh, tay như cái chia ba bằng sắt, mắt xanh, răng nhọn. Rất nên kính sợ. Quý này mỗi khi đi khoái trá lăm, lại có tên Tóc Tật quý là quý đi nhanh. Các người tìm ngọc kia nếu chẳng may gặp gió hắc phong thổi tới đem thuyền trôi xa vào trong nước quý La Sát thời tánh mạng những người ấy khó mà bảo tồn được. Nhưng nếu trong bọn có một người vì tánh mạng cả đại chúng sắp nguy khốn, nhân đấy mà phát tâm niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm thời cả một bọn người đều nhờ đấy đồng thời thoát được đại nạn.

Tại sao được thế? Bởi vì một người niệm Quán Âm, đám người kia đều nghe đến, trong tâm bọn họ đều có danh hiệu Đức Quán Thế Âm, cho nên vô hình trung đều được lợi ích thoát nạn. Cho nên nếu chúng ta cùng trên xe lửa, trên ghe thuyền, chẳng sợ khó vì tính tự ái, nhất tâm niệm Quán Thế Âm, khiến những người đồng thuyền đồng xe đều được trông giống căn lành. Rồi không chóng thì chầy có thể khỏi đại nạn, được lợi ích vô cùng.

Thuở xưa, có một khách thương đi lấy ngọc. Bỗng gặp phải cơn hắc phong thổi đến dữ dội, thuyền bị trôi bay vào trong hải phận nước quý La Sát, Trong bọn có một người liền xưng niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm, tiếp theo cả bọn đều xưng niệm. Lúc ấy quý La Sát chẳng thấy người nào cả. Tội nghiệp thay trong bọn năm trăm người chỉ có một người chẳng tin Quán Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn. Người ấy cho là đại nạn đã đến nơi mà còn niệm Quán Âm làm gì nữa. Cuối cùng người này bị quý bắt đem đi mất. Nhân vụ này, nên cần phải cấp bách nhất tâm niệm Quán Âm mới đồng

thoát nạn. Cho nên mỗi khi gặp nạn chẳng nên có vọng tưởng tạp niệm nghĩa là chẳng nên nghĩ nói bậy bạ. Chẳng tin tai nạn chắc chắn sẽ đến thân.

Ngày xưa có Ngài hòa thượng ở trong chùa mỗi ngày tụng kinh Phổ môn một lần. Ban mai, một hôm, có quan Thừa tướng đến chùa lễ Phật. Lễ xong đứng tránh một bên nghe kinh. Hòa thượng tụng đến câu hắc phong thổi ghe trôi vào nước quý La Sát. Thừa tướng chận ngang đậy hỏi Ngài rằng: Câu này giải thích cách nào? Vì sao trôi vào trong nước quý La Sát? Hòa thượng phát lộ nói: "Chính khi ta tụng kinh tâm định, sao lại hỏi làm ta rối loạn, thật là đáng xung ghét". Cự lớn cho là thầy tu dám cả gan coi thường khinh rẻ mình, tức thì nổi sân giận dữ, liền cho lệnh những kẻ tùy tùng bắt ngay ông hòa thượng dẫn đi về dinh. Rồi mắng nhiếc đánh đập. Khi mà chúng đang hành hung thì Ngài bèn cả cười mà rằng: "Chính đây là bị hắc phong thổi ghe thuyền vào trong cõi nước của quý La Sát chứ gì?". Tiếp: "Nghĩa là Cự lớn nguoi hiểu không nổi, nên bèn động vô minh hỏa tức là hắc phong. Cự lớn nguoi động sát hại tâm tức là La Sát quý. Và chẳng may cho lão tăng này gặp phải gió dữ đen tối ấy nó thổi quá mạnh nên lão mới bị trôi bạt vào trong nước quý La Sát đây! Ta giải nghĩa như thế có dễ hiểu cho Cự lớn không?". Thừa tướng hết mê mờ, tỉnh ngộ ngay. Nguyên lai là như thế đấy. Liền cho xe đưa Ngài về chùa.

Quý là ám hại. Dụ cho những người bắt quang minh chính đại là quý vậy. Ai có tâm sát hại là quý La Sát. Ác niệm là hắc phong. Nếu quả thực là người quang minh chính đại là quý chẳng dám đến gần. Vô minh hắc phong có thể đem thuyền trí huệ cho trôi vào trong biển sanh tử khổ hải một cách dễ dàng. Ngày trước có Ngài Động Sơn Hòa thượng là vị chủ chùa. Một hôm Ngài đi xuống nhà bếp xem thấy sư phạm đầu tức vị sư chuyên nấu ăn, đem cơm rau bỏ vào ghè nước mã hôi thối là phung phí của thiên vật. Ngài mới động khởi tâm niệm mà rằng nhắc sư phạm đầu đôi lời. Khi đó vị thần Già lam bỗng xuất hiện nguyên hình sụp lạy Hòa thượng mà nói rằng: "Tôi lâu nay có lòng mến mộ đại danh, hôm nay mới được dịp yết kiến Ngài!". Thường tình người ta cho rằng được quý thần đến lễ bái là hiện tượng tốt, điềm lành, nhưng trường hợp này trái lại. Bởi vì một khi khởi tâm động niệm là bị quý dòm thấy, thời bao nhiêu công phu bị tan mất hết.

Do đó chúng ta tu tập đến khi nào nhất niệm bất sanh, thời chẳng những quý chẳng đến gần được mà thiên nhãn thấy cũng chẳng đến tức là quý vô thường nó chẳng do đâu đến bắt ta vậy. Được như thế tức liễu sanh tử và tương lai sẽ thành Phật xong. Nguoi xem đây, Phật pháp cho mâu nhiệm như thế đó. Trăm ngàn vạn ức chúng sanh trong tâm đều có quý. Quý rình làm hại là hắc phong. Cho nên gặp phải hắc phong bèn trôi vào nước quý La Sát. Quý có ba thứ: Một là quý quả báo, cõi dục đều có. Hai là quý

ác nghiệp, cả ba cõi đều có. Ba là quý phiến não, thông suốt cả chín cõi đều có. Nhất tâm xung danh đều có thể giải thoát được tất cả quý nạn. Nhất tâm bất loạn, tâm thủy thanh tịnh thời Quán Thế Âm nơi tự tánh hiện tiền, duy thuần là đại quang minh tạng, nào đâu còn có ám tướng tồn tại trong đó được nữa ư?

Nếu lại có người sắp sẽ bị hại, xung danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thời dao gậy của người kia cầm liền gãy từng khúc mà đặng thoát khỏi.

Chữ Lại là lời thừa tiếp văn trên. Chúng sanh gây nghiệp có thiên sai vạn biệt, rồi bị tai nạn nghiệp báo nên cũng chẳng đồng. Nếu lại có người chính lúc đang bị phải đao binh gia hại, hoặc phạm quốc pháp phải bị tội đứt đầu, hoặc bị đánh đập. Hoặc ở trong chiến khu, hoặc bị giặc cướp cưỡng bức phải tai hại thương tích. Chính bởi đã trót gây ác nghiệp đời trước, nên nay phải bị người ta hại lại. Lúc đó là lúc mà tánh mạng đang bị nguy hiểm nhất đời. Bỗng nhiên sanh khởi niệm đầu mạnh mẽ, hồi tâm hướng thiện: Nhất tâm xung niệm hồng danh Quán Thế Âm để cầu cứu độ. Đương lâm bị hại là ác cơ, năng xung danh hiệu là thiện cơ. Dùng thiện ác hai nghiệp là động cơ năng cảm.

Dao là bén nhọn. Gậy là gãy gộc. Chính khi tâm xung danh, kẻ kia đang cầm dao gậy gia hại liền bẻ gãy từng đoạn từng đoạn một, nên khỏi bị nó sát hại tức được giải thoát.

Thời nhà Tấn, ông Nam Cung Tử Ngao, bị đày đi đến tỉnh Vân Nam, vừa gặp lúc Trường Lạc Công làm loạn. Thành bị vây. Nam Cung biết mình chẳng còn tránh được, bèn nhất tâm xung niệm Quán Thế Âm. Khi loạn quân đến chém Nam Cung mấy đao, lưỡi đao cong gãy, chém chẳng được nữa. Sau lại Trường Lạc Công tự cầm đao đến chém. Nhưng chém cách nào, Nam Cung cũng chẳng bị tổn hại mảy lông gì cả. Trường Lạc Công lấy làm lạ và hỏi: Người có bản lĩnh gì mà được như thế? Nam Cung bèn thuật việc mình niệm Quán Thế Âm Bồ Tát cho Lạc Công nghe, rồi ông được phóng thích. Nam Cung Tử Ngao được thoát chết, mà lại còn được tự do nữa là khác. Lại một vụ nữa: Có một người, trong búi tóc trên đầu thường bao để một tượng Đức Quán Âm bằng vàng chừng cỡ bằng ngón tay. Về sau bị người ta vu khống là trộm cắp. Tội bị đến tử hình. Khi đem ông ra pháp trường để hành quyết. Đến khi lâm sự họ chém ông ba đao liên tiếp, chẳng những da cổ chẳng trầy mà lại phát ra tiếng leng keng của chất vàng nữa. Quan pháp trường cho là điềm lạ, giải ông trở về nhà lao, mới xổ búi tóc ông ra thấy có tượng Quán Âm. Trên cổ của tượng có ba lần đao rất rõ ràng.

Thuở trước có một phụ nhân từ nhỏ đến giờ rất tin Đức Quán Âm. Chồng bà thường đi xa để buôn bán sanh nhai. Ông ta thường khi cùng bạn

đồng sự hay tán mỹ người vợ trước mặt họ: Nào là nhà tôi có đức hạnh, nhà tôi rất giỏi mọi việc và nhất là nhà tôi nó thật trinh tiết với tôi. Nhân có một bạn đồng sự nghĩ muốn giỡn chọc anh chàng hay tán vợ này chơi. Một hôm anh ta lén về vào nhà bạn. Người vợ thấy kẻ khách trọng phu là bạn đồng sự với chồng mình, nên mới niềm nở ưu đãi rất lễ độ chớ chẳng dám coi thường. Đang lúc bà ta lay hoay pha trà chế nước, cung tay vái mời thì một nốt ruồi trên cánh tay lộ ra vì áo tay rộng, tức thì bị ông khách quý lén nhìn thấy được. Thế là khách ta bọc lưng cái "Lén thấy" về, để sau này làm đề tài chọc tức chơi. Một hôm hai người gặp nhau như thường lệ. Anh chàng ngộ nghĩnh ấy nói: Bữa nọ tôi có đến nhà anh chơi anh thường khoe vợ anh trinh tiết. Nhưng tôi đã biết trên cánh tay chị có một nốt ruồi. Vậy thì vợ anh trinh tiết ở điểm nào? Cứ thế mà suy thì biết vợ anh là... Anh chồng hiểu lầm cho là sự thật. Tức thì anh nổi đóa mày cay mắt giận dữ, tiếng trống tai thúc dục ùng ùng. Nên nửa đêm ngày đó vác dao về nhà định chém vợ. Khi anh về đến nhà kêu, có người nhà ra mở cửa, anh chém một đao vào người ấy, anh nhất định chắc nó bị chết rồi vì nhà chỉ có hai vợ chồng. Rồi anh liền bỏ chạy xa mất. Nhưng vẫn biết vợ mình vốn là người trinh lương, phen này bị người ta chơi gạt làm mờ trí khôn nên anh rất dỗi ăn năn hối trách. Đang lúc âm thầm lóng nghe tin tức. Sau vài ngày, hung tin vẫn điềm nhiên. Anh mới mò về nhà. Về lúc ban đêm, nên anh thấy vợ vẫn ở trên Phật đường niệm Quán Âm. Rồi anh hỏi đêm đó có người nào ra mở cửa không? Vợ đáp: Đêm ấy không ai ra mở cửa cả, chính lúc đó tôi đang ở trên Phật đường niệm Quán Âm. Anh chồng mới dám thuật lại đầu đuôi sự việc vừa xảy ra bởi mình và cho là rất quái lạ. Bèn thấy trên đầu vị tượng Quán Âm có một lần dao rõ ràng mới biết là Đức Quán Thế Âm đi mở cửa cứu nạn vậy. Từ đó trở đi, đôi vợ chồng lại cung kính lễ tụng Quán Thế Âm Bồ Tát gấp bội thường.

Phải biết ngoài bị dao gậy làm hại, bởi trong tâm có sát ý gây nên. Bởi vì dao gậy là sáu căn của tự mình vin lấy sáu trần mới gây nên ác nghiệp, rồi cảm hiện vậy. Nếu nhất tâm niệm Quán Âm, sáu căn đều thâm nhiếp. Pháp tức Tâm, Tâm tức Pháp. Tâm Pháp chẳng hai, như dao chém nước, như dao chém ánh sáng, đâu có cách đoạn được nào. Tâm với cảnh dung thông. Y báo với chánh báo chẳng hai, dao với gậy đâu có làm gì gia hại được. Ngày xưa Đức Lục Tổ Đại Sư, được Đức Ngũ Tổ Hoàng mai truyền cho y bát, có kẻ đệ tử của Thần Tú Thượng Tọa, nhân Đức Ngũ Tổ đem y bát truyền cho Đức Lục Tổ, tâm ý bất bình. Rồi y dấu kín một con dao nhọn trong người mục đích mưu sát hại Lục Tổ. Lục Tổ được biết trước, liền an tọa trong thiền thất để chờ y đến. Quả thật, đêm đó có người cầm dao xông vào, chém luôn ba dao, như dao chém nước, chém ánh sáng, chẳng hề tổn hại mảy lông. Đây

tức là soi thấy năm uẩn đều không, độ tất cả khổ ách. Cho nên ngoại tà chẳng thể xâm hại được. Dao có dao quả báo, thông cả các cõi trời địa cư. Dao ác nghiệp thông cả ba cõi. Dao phiền não thông cả chín cõi đều có. Dao phiền não ở tự tâm chút động là pháp thân huệ mạng bị hại ngay. Chúng sanh sáu cõi phàm có dao kiến tư phiền não. Thanh Văn, Duyên Giác có dao trần sa phiền não. Bồ Tát có dao vô minh phiền não. Duy có Phật mới rốt ráo tự giải thoát.

Nếu quỷ Dạ Xoa cùng La Sát đầy trong cõi tam thiên đại thiên muốn đến hại người, nghe người xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thời các quỷ dữ đó còn không có thể dùng mắt dữ mà nhìn người, huống lại làm hại đặng.

Đây là nạn quỷ Dạ Xoa và La Sát thứ năm. Như trên vừa giảng nạn hắc phong La Sát, vì nạn hắc phong là nặng nề. Chính nay lại giảng nạn quỷ. Nói quỷ Dạ Xoa, La Sát đầy đầy cõi tam thiên đại thiên thế giới là lấy nhiều so ít. Tam thiên đại thiên quốc độ thế giới là một cõi nước của một Đức Phật giáo hóa, như thế giới Ta Bà của ta ở đây cũng là tam thiên đại thiên thế giới. Mỗi một tòa núi Tu Di, bốn mặt đều có bốn đại bộ châu: Phía đông gọi là Đông Thắng Thần châu, hoặc gọi Phất đề bà; phía nam chính là địa cầu chúng ta ở đây gọi Nam Thiệm Bộ châu, hoặc gọi Diêm phù đề; phía tây gọi là Tây Ngưu Hóa châu, hoặc gọi Cù da ni; phía bắc gọi Bắc Câu Lô châu, hoặc gọi Uất đôn việt. Lại có một mặt Nhật, một mặt Nguyệt đi vòng quanh trên lưng núi Tu Di nên mới có ngày đêm sáng tối. Bên ngoài núi Tu Di có biển Hương Thủy. Lại ngoài nữa có bảy lớp núi Kim Sơn. Mỗi khoảng giữa một núi Kim Sơn cách một đường biển Hương Thủy. Tòa núi Tu Di là do bốn món bửu bối làm thành. Trên lưng núi Tu Di có bốn cung trời Thiên vương. Trên đỉnh có cung trời Đao Lợi. Đều là những cung trời còn ở đất. Lên trên nữa là bốn cung trời: Dạ Ma, Đâu Xuất, Hóa Lạc và Tha Hóa. Như vậy một tòa núi Tu Di, một mặt Nhật, một mặt Nguyệt, bốn châu, sáu cung trời, cõi Dục là một tiểu thế giới. Một ngàn cái tiểu thế giới như vậy gọi là một tiểu thiên thế giới. Là được cung trời Sơ thiên ở cõi Sắc che trùm xuống. Lại nữa, một ngàn cái tiểu thiên thế giới, gọi là trung thiên thế giới. Là được cung trời Nhị thiên ở cõi Sắc che phủ xuống. Lại một ngàn cái trung thiên thế giới, bên trên có cung trời Tam thiên cũng vẫn ở cõi Sắc trùm phủ xuống, gọi là đại thiên thế giới. Vì có ba lần cái ngàn Tiểu, Trung, Đại, cho nên gọi là tam thiên đại thiên thế giới, tức là một cõi của một Đức Phật giáo hóa vậy.

Quỷ Dạ Xoa năng bay đi. Có thứ đi trên mặt đất, thứ đi trên không khác nhau. Lại có tên quỷ Tật Thiệp. La Sát tên là Khả Quỷ. Đức Phật bảo Vô Tận Ý Bồ Tát rằng: Nếu trong tam thiên đại thiên quốc độ, giả sử có quỷ

Dạ Xoa cùng La Sát ở đây đây, biến trọn thành một thế giới quỷ. Lực lượng của quỷ rất dữ tợn. Những thứ quỷ này khi muốn đến làm hại, phá rối người thời khó mà chống cự nó được. Chỉ cần nhất tâm xưng danh hiệu Đức Quán Âm là quỷ ấy trọn chẳng dùng ác nhãn xem người, huống nữa là lại đến làm hại người ư? Tính của quỷ là ưa ở chỗ tối tăm mà chỗ sáng láng trọn không có quỷ quái gì hết. Trong tự tâm chúng ta có ác niệm khởi lên mê mờ vọng tưởng. Mưu kế của quỷ thì đa đoan, tối tăm chẳng sáng suốt. Cho nên mới có ác quỷ bên ngoài nó làm tai làm nạn. Nếu như trì danh được nhất tâm bất loạn, hết nghiệp chướng, trống mê tình, một niệm cũng chẳng sanh thời tâm quang sáng rực rỡ ở tự tánh tự nhiên hiển lộ sáng suốt tuyệt vời. Đến bấy giờ chẳng những quỷ ở ngoài chẳng thể đến làm hại người được mà nó muốn thấy người bằng cách nào đi nữa vẫn chẳng thể thấy đến được.

---o0o---

Thuở xưa có một quốc gia ở gần bên một nước quỷ La Sát. Đương nhiên đôi bên phải có tình bang giao. Nhưng quỷ La Sát cứ thường đến bắt người ăn thịt. Quốc vương không còn biện pháp nào hơn là phải thương thuyết với quỷ La Sát và hứa mỗi ngày phải tống một mạng dân ra đến đồng nội gọi là cung cấp lương thực. Từ nay trở về sau, cứ mỗi gia đình phải nạp mạng một đứa con nít mỗi ngày theo một phương pháp nhất định là chu nhi phục thủy, chẳng một gia đình nào tránh khỏi. Một hôm đến lượt gia đình chỉ có một đứa con. Gia chủ nghĩ rằng nhà mình hiếm hoi mà nay công bình thi hành theo ác lệ này chắc là phải tuyệt tự. Nghĩ vậy rồi lén chạy đến Quốc vương để điều đình, may ra nhờ ơn thánh lượng hải hà chăng? Quốc vương cho là: Nhân dân ai chẳng tham sống sợ chết, đâu nên thiên vị một ai. Gia chủ vạn bất đắc dĩ, nát gan đứt ruột, dặt "Viên ngọc quý" mà đem tống ra ngoài gò xa, vào lúc ban đêm. Nhà ông này vốn bình nhật rất tin Quán Thế Âm Bồ Tát, nên chính khi dặt con đi ông có bảo rằng: Con gắng xưng niệm danh hiệu Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát cho nhiều thật nhiều, may ra phúc nhà mình chưa đến nỗi, thời nhờ Ngài cứu thoát được nạn quỷ quái này! Tuy nhỏ mà cậu con biết nghe, nên cậu làm theo lời cha dạy. Sau khi vớt viên ngọc minh châu ra gò rồi, về nhà ông ta tụng Phổ Môn, niệm Bồ Tát suốt đêm ấy. Nhờ đấy nên quỷ chẳng làm hại cậu được. Sáng sớm ông mò ra thám thính thăm dò tin tức, thời Phật Tổ tái sinh một lần nữa: Cậu con bình yên vô sự. Cha con dặt nhau vừa mừng quýnh vừa chạy nhanh, và chạy thẳng đến chỗ Quốc vương. Sau khi Quốc vương nghe cha con ông đại phúc thuật lại đầu đuôi vụ thoát nạn, thời nhà vua truyền lệnh cho toàn quốc nhất loạt trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát và kinh Phổ Môn. Từ đấy về sau được thoát ly nạn quỷ La Sát. Chung niên thái bình vô ưu sự, là nhờ vậy đấy.

Dầu lại có người hoặc có tội, hoặc không tội, gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, thầy đều đứt rã, liền đặng thoát khỏi.

Đoạn văn này là nói khỏi nạn gông cùm xiềng xích và tai nạn lao ngục. Nếu có phạm quốc pháp nên mới có tội lỗi, hoặc không tội mà bị người khác vu khống oan uổng. Khi trót gặp bị gông cùm xiềng xích là hình phạt trói buộc thân thể. Nếu năng trì niệm danh Quán Âm cũng có thể khỏi tai nạn này được. Có tội là do ác nghiệp đời trước hoặc đời này mà cảm đến. Mà bị oan ức, tuy hiện nay chẳng có ác nghiệp nhưng cũng bởi ác nhân đời trước mà ra, thế cũng chẳng nên oán trời trách người. Phạm bị xiềng tay, gông cổ, dây sắt dắt đi, đến lao ngục cùm chân, đều là do ác nghiệp chiêu cảm, tức là ác cơ. Năng xưng thánh hiệu là thiện cơ. Hai động cơ thiện ác là năng cảm. Thầy đều đứt gãy liền được giải thoát là sở cảm.

Thuở trước có đôi vợ chồng đã có quy y Tam Bảo, nhà có thờ phụng Đức Quán Âm. Chồng bị người ta vu khống là ăn trộm. Khi nghe có tiếng động, anh chồng lanh chân tránh thoát. Chị vợ bị lính nhà quan bắt hạ ngục, gông cùm đủ thứ vào thân và bị đánh đập tra tấn tàn nhẫn. Một hôm nhà ngục bị phát hỏa, họ di chuyển phạm nhân ra đường lộ để tránh hỏa hoạn. Vừa may gặp một vị tăng đi ngang qua, bà ta nhìn thấy van lạy cầu cứu. Vị tăng nhìn thấy người đàn bà ấy chính là đệ tử đã quy y với mình ngày trước. Ngài nói: Không có phương pháp nào khác cứu cho nhau được, nay con nên thâm tín Đức Quán Âm, chỉ cần nhất tâm trì niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ chắc có cảm ứng bất khả tư nghì. Bà ta tuân lời dạy của Thầy, niệm suốt đến ba ngày đêm, xiềng cùm bỗng nhiên đứt rời. Nhưng người canh giữ còn lại đây nên bà ta không dám tẩu thoát. Bỗng nhiên trên không trung có tiếng người kêu: Người mau chạy thoát đi! Bà nghe và mở mạnh đôi mắt, dòm ngay ra thấy cửa mở trống. Bà tức tốc nhanh chân từ trong ngục phóng ra và chạy bán sống bán chết. Chạy đến hai ba mươi dặm đường mới gặp được một người chính là người chồng. Hú vía hoàn hồn. Hai người gặp nhau mừng rỡ khôn xiết. Thế là họ đã được đoàn tụ. Đây là nhờ xưng hiệu Quán Âm mới được sự thật linh ứng giải thoát nạn gông cùm lao ngục vậy.

Lại ngày xưa, khi Hoàng Sào gây phản loạn, đời gọi là giặc chít khăn vàng. Tại Hàng Châu có hơn mười người bị bắt, gán là Hoàng Sào dư đảng. Khi bắt xong, nhân vì trời tối, nên chưa kịp giải về Nha, bèn cho tạm trú tại một ngôi chùa. Họ đem các phạm nhân nhốt vào trong một cái lồng rất chặt kín. Trong bọn có một người bị oan uổng. Trong chùa ấy có một vị Hòa thượng, đêm trăng sáng mát mẻ, Ngài rảo bước tản bộ dưới bóng nguyệt tà, khẩu niệm Quán Âm. Người bị oan uổng ấy, tuy ở trong lồng kín, nhưng

thoáng thấy bóng Hòa thượng liền chìa đầu ra cầu cứu với Ngài. Hòa thượng dạy: Các người nên nhất tâm xưng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, tức có thể giải thoát được. Khi nghe, bọn chúng đa số là ác tâm nên họ bảo: Anh em ta hè nhau phá quách cái lồng gỗ này đi, có hơn không? Chứ niệm Quán Âm là thứ gì mà được khỏi? Chỉ có người bị oan tin theo lời Hòa thượng. Nhân đấy chằm lòng thành kính mà xưng niệm. Sáng ngày trao xiềng gông cho mọi người thì thiếu mất một bộ, vô hình trung người niệm Quán Âm được khỏi khổ xiềng gông ở tay và cổ. Khi dẫn về Nha thẩm vấn xong, Pháp quan biết người ấy bị oan uổng bèn phóng thích cho về nhà.

Lại xiềng cùm bởi bị oan, hoặc phạm pháp nên bị trói buộc nơi thân thể lại là thứ hữu hình. Còn thứ xiềng cùm vô hình nữa là khác. Quý vị hiện nay đều tuy là những người lương thiện, nhưng lại còn phải phiền lụy về gia thất, về tình con cái, gái trai ràng buộc chẳng rời, giống như chim ở trong lồng, chẳng thể bay nhảy tự do xa rộng được. Muốn làm sao thoát khỏi gia đình là lao ngục vô hình, muốn giải thoát xiềng cùm thế tử lợi danh, thì cũng chỉ có nhất tâm xưng niệm hồng danh Đức Quán Thế Âm, may ra được miễn nguyên phần nào. Nhưng cũng chẳng cần phải xuất gia, hoặc phải ly khai gia đình mới là thoát tục. Mà chỉ nên tâm thường nêu duyên nơi Phật đạo vẫn quý lắm rồi. Cho nên có câu: Chẳng lìa trần lao mà làm Phật sự. Hay hoa sen trong lửa. Đây mới thật là xuất gia chơn chính. Nếu hiện nay tuy là tướng Tỳ kheo mà trong tâm phiền não, hoặc nghiệp y nhiên chẳng mòn bớt chút nào, trần lao tề chướng buộc ràng chặt chẽ thời với thứ xiềng cùm vô hình này vẫn chưa thoát được, đâu có lợi ích gì cho lắm ru! Quý vị đến đây nghe giảng kinh. Từ đây trở đi nhất tâm biện Đạo, thân tuy còn tại tục, nhưng đã sùng tín Phật pháp, quy y Tam Bảo, đàm bạc với cuộc sống hằng ngày, bèn là tâm đã xuất gia rồi vậy. Đây là thuộc về những việc phi thường chứ chẳng phải dễ được đâu. Cứ một mức thẳng mà ti hành đi. Cực lạc thế giới vốn là gia lương của ta đấy, một phen cất bước tức thì tới ngay. Chính là:

Thân tuy chưa đến ao Liên hoa,

Tâm này đã về quê Cực lạc.

Nguyên văn:

Thân tuy vị đáo Liên hoa trì,

Thử tâm dĩ tống Cực lạc hương.

Nếu có kẻ oán tặc đây trong cõi tam thiên đại thiên, có một vị thương chủ dắt các người buôn đem theo nhiều của báu trải qua nơi đường hiểm trở, trong có có một người xưng rằng: "Các Thiện nam tử! Chớ nên sợ sệt, các ông nên phải một lòng xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, vị Bồ

Tát đó hay đem pháp vô úy thí cho chúng sanh, các ông nếu xưng danh hiệu thời sẽ đặng thoát khỏi oán tặc này." Các người buôn nghe rồi, đều lên tiếng xưng rằng: "Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát!" vì xưng danh hiệu Bồ Tát nên liền thoát khỏi.

Đây là nạn thứ bảy gọi là nạn oán tặc. Những nạn ở cõi chúng sanh nhiều không kể xiết, đâu là những bảy nạn. Mà Phẩm kinh này ước chia có bảy nạn là chẳng qua bởi bảy nạn này nó hay xảy ra. Chúng ta thường thấy nghe. Cho nên nó có thể bao quát hết tất cả mọi tai nạn khác. Tam thiên đại thiên quốc độ, văn trước đã giải xong: Trăm ức núi Tu Di, trăm ức tứ đại bộ châu, làm một tam thiên đại thiên quốc độ, quanh tròn rộng lớn. Trong đó đầy đầy hằng bao nhiêu oán tặc chứ chẳng phải là một số ít. Hại mạng là oán, đoạt của là tặc. Đã giết nhân mạng mà lại đoạt của người, gọi là oán tặc. Nếu chỉ hại mạng mà chẳng đoạt của là oán chẳng phải tặc, hoặc đoạt của mà chẳng hại mạng là tặc chẳng phải oán. Thứ oán tặc này ở đầy đầy trọn trong một tam thiên đại thiên thế giới làm thành đầy đầy một thế giới oán tặc. Có một thương chủ tức là người lãnh tụ của một bọn thương nhân, của cải phong phú, lão luyện nghề buôn, tục xưng Lão cầm, lãnh đem hướng dẫn số đông các bạn thương nhân. Trong đây hành lý chứa đựng bao nhiêu của cải báu quý, đem đi và giữ gìn. Những của cải quý báu ấy giá trị đáng ngàn vạn bạc vàng là những loại thất bảo. Đi vượt qua bao dặm lộ trình là đã gặp phải bao nhiêu oán tặc rất đổi nguy hiểm. Cả bọn thương nhân ai ai cũng đều sinh lòng kinh sợ cho sanh mạng khó bề bảo đảm. Trong đó, có chừng một người, bình nhật có lòng thâm tín tam Bảo, cung kính Phật pháp. Ở vào lúc nguy hiểm ấy, y đối trước mặt đồng bọn mà cao giọng xưng lên rằng: "Bà con ơi! Bà con chúng ta đều là những người đem của vốn cho phóng ra để mà cầu thu lấy của lãi lợi tức vào, chính là khuôn thước công minh của nghề thương mãi doanh nghiệp. Vậy chúng ta đều là Thiện nam tử. Trên con đường này, tuy nhiều nguy hiểm thật đấy, nhưng có thể là chúng ta không nên kinh hãi, bất cần run sợ, chẳng hề e ngại gì cả. Mà các bạn cần nên nhất tâm xưng danh hiệu của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, nhân vì Bồ Tát năng làm chỗ cho chúng ta nương tựa. Cho nên Quán Thế Âm Bồ Tát tự nhiên ban cấp cho chúng ta một sự an úy, và một sự bảo hộ rất cực trọng vĩ đại vững vàng. Và Ngài đã đem oai đức vô úy mà bố thí cho chúng ta vậy." Quán Thế Âm Bồ Tát, năng dùng oai đức vô úy thí cho chúng sanh. Cho nên lại có hiệu là Vô Úy Thí Giả nữa. Bố thí có ba thứ:

1.- Tài thí: Tài có nội tài và ngoại tài. Tiền vật, áo mặc, cơm ăn, khí cụ cần dùng, cho đến vợ con, thành nước là những tài vật ngoài thân, đem bố thí cho người, gọi là ngoại tài bố thí. Nếu bố thí cái đầu, tròng mắt, tay chân như những việc đốt ngón tay, cánh tay để làm hương cúng, khoét thân thể,

mức trông con mắt, thời gọi là nội tài bố thí. Các đệ tử Phật bất cứ tại gia hay xuất gia đều có thể tu hành bố thí như thế được cả. Lục độ Vạn hạnh của Bồ Tát tu, đứng đầu là bố thí. Không luận bố thí nội tài hay ngoại tài đều là đối trị được lòng tham lam. Bố thí nội tài cố nhiên là cao siêu hơn ngoại tài. Nhưng bố thí ngoại tài vẫn cũng chẳng phải là việc dễ đâu. Cái thói quen keo rít của người đời nó sâu sắc bền chắc lắm, một sợi lông chân vẫn chẳng chịu nhỏ, lòng tham như biển cả. Chấp đấm rất bền chắc, xả nó chẳng rời, phóng nó chẳng xuống. Cho nên chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay bị sanh tử luân hồi không ngày mãn nhiệm. Bố thí ngoại tài đã chẳng dễ dàng tu được, cho nên bố thí nội tài lại càng khó khăn biết bao. Bởi vậy cho nên trước hết phải dẫn dụ đạu bạc với tình đời, dần dần coi nhẹ của cải, để phá dần chấp tâm tham đạu, mới phát đạu nguyện khẳng khái mà tu bố thí ngoại tài trước đạu. Tiến lên một bước nữa, chẳng những bố thí của cải ngoài thân mà nêu cần, tứ cho ngũ quan chính tại thân thể cũng bố thí luôn. Bố thí như thế cho lâu, tức những vọng tưởng phiền não nơi nội tâm cũng cần bố thí bỏ luôn đi. Như thế mới dần dần uốn đẹu và cắt đứt nó đi đẹu. Kinh nói: Nhất xả nhất thiết xả. Nhất bố thí nhất thiết bố thí. Bố thí cho đẹu đẹu một sợi tơ chẳng vương; luôn cả một sợi tơ chẳng vương đó cũng thí xả cho sạch hết, mới đòi lại đẹu cái bộ mặt thật của chúng ta bị mai một từ hồi nào đẹu giờ.

2.- Pháp thí: Bố thí của cải chỉ cứu thân xác thịt. Mà bố thí đạu pháp mới có thể dứt phiền não. Tất cả bố thí cúng dường lấy pháp cúng dường là đẹu nhất. Như hiện nay tuyên giảng Phẩm Phổ Môn; Cư Sĩ Lâm thỉnh tạng kinh, ấn tống những sách lành mạnh. Và quý vị đẹu đạu nghe giảng, khi về cũng chuyên bảo lại cho kẻ khác, không đẹu nào chẳng phải là Pháp thí vậy. Bố thí đạu pháp có thể dứt đẹu phiền não của chúng sanh. Phá ngu si, khai trí huệ và minh tâm đạu cho nó. Cho nên công đực Pháp thí rất là vĩ đạu.

3.- Vô Úy thí: Tứ lực bố thí. Đạu phạm những vị quan trưởng, thân hào nhân sĩ là những người giàu có, có thế lực. Với tất cả các công việc công ích của đạu phương mình, quý vị ấy đẹu nhiệt tâm tán trợ, đẹu khiến cho bao nhiêu người trực tiếp đẹu ra phụ trách công việc họ sanh lòng hào hứng thú vị mạnh đạu làm lên không chút e đẹu lui trụt gì cả. Đạu tức là vô úy bố thí vậy. Lại như sáng lập các pháp hội, ai năng xuất lực bảo hộ, khiến cho quần chúng an tâm biện đạu. Nếu chẳng may gặp các tai nạn thủy hỏa, chịu xuất tài lực ra cứu giúp, hoặc gặp giặu cướp chịu xuất lực ra cản ngự khiến cho mọi người không còn lo sợ, đẹu là vô úy bố thí vậy. Có của cải đẹu của bố thí, biết Phật pháp đẹu pháp bố thí. Nếu cả hai đẹu không có, thời có thể đẹu sức mạnh bố thí. Công đực này thật bất khả tư nghĩ. Vì đẹu sức mà bố thí rất là giản tiện. Như tự mình có thân thể khỏe, thấy người qua sông, qua cầu mà chẳng qua nổi đẹu, ta liền thay thế họ đạu đờ hoặc công vác thay họ

mà chẳng lấy món thù lao, tức là lực bố thí. Lại nữa, như dọn bỏ những hòn gạch đá giữa đường, chẳng làm trở ngại và khổ chân những hành nhân. Hoặc đem bát nước giải khát cho người. Và nhỏ mọn như cái nhọc của đờ tay lên cũng đều là lực bố thí đấy vậy.

Thuở quá khứ xa xưa có Ngài Trì Địa Bồ Tát thường ở bên đường gánh gánh thay người. Tức là chứng minh lực bố thí. Phạm vi bố thí rất rộng rãi, đều tùy theo sức lực của mình có thể làm được gì thì làm, chẳng luận nhiều ít. Chỉ nên đem tâm thành thật, tâm chơn thật làm chủ là được. Ngày xưa có một đứa con gái nhà nghèo, đi ăn xin mà sống qua ngày. Dành dụm được ít tiền, mua một bình dầu mè đem cúng dường chùa Thầy. Thầy Tăng ta khai thị đại môn trung ương ra để nghinh rước, vì cô ta đem tâm chơn thật. So sánh với người giàu, tùy lực mà cúng thí thì vượt cao hơn vạn vạn bội lần. Lại như Đức Phật khi còn tại thế, có một người nghèo cùng làm nghề gánh nước, người đem đến một chén nước cúng dường vị La Hán. La Hán nói: Đời sau người sẽ được phước báo rất lớn, hẳn không còn nghèo cùng nữa. Bố thí khả dĩ cầu phước, được quả báo giàu sang. Thử xem những người giàu sang hiện nay đâu chẳng phải đời trước không bố thí mà có. Ngược lại, đời trước bần xin tức đời nay bị quả báo nghèo khổ.

Nhân sanh vốn là không, tiền của là vật ngoài thân, lại thuộc về huyễn hóa: Khi đến với tay không, khi lui hai tay buông thả, chẳng đem gì theo được. Cho nên những ai có tiền của nên vui tu bố thí để rộng kết đại duyên với mọi người. Người nào hiểu được Phật pháp nên tận tâm giảng giải cho mọi người nghe. Người nghe tuy lãnh hội được một câu hay nửa bài kệ, vẫn khiến cho họ được tâm khai ý giải, dần đến đoạn phiền não, chứng chơn thường. Cho nên những vị đem đạo pháp bố thí, tương lai chắc có đầy đủ trí huệ học vấn, giáo hóa cho quần chúng, khắp làm lợi ích cho người trời. Còn những người đem vô úy bố thí cho kẻ khác, đời sau chắc được là người oai mãnh hơn mọi người, buông ra một lời nói, được cả thiên hạ phục tùng theo răm rắp. Cho nên chúng ta là người học Phật, nên cần tu bố thí. Như Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát trong Phẩm này, đem chuỗi Anh lạc qua cúng dường Đức Quán Âm. Ngài Quán Thế Âm lại đem cúng dường lên Phật Thích Ca và Phật Đa Bảo, tức là tài thí. Như thuyết pháp để dứt trừ ba món độc cho người, tức là pháp thí. Cứu khổ bảy nạn, khiến người chẳng sanh lòng sợ hãi, tức là vô úy thí. Quán Thế Âm Bồ Tát đầy đủ ba món thứ này, cho nên Ngài năng cứu khổ cứu nạn cho mọi loài chúng sanh. Mà với sức vô úy thí lại càng vĩ đại năng khiến chúng sanh xa lìa sợ hãi. Cho nên chúng ta khi phải trải qua những dặm đường dù cho có bao nhiêu oán tặc nguy hiểm khó khăn, nên nhất tâm xưng niệm thánh hiệu thời chắc chắn là không xảy ra việc gì đáng tiếc.

Lúc bấy giờ ông chủ buôn và bao nhiêu các bạn đồng nghiệp đang lâm vào cảnh cực kỳ nguy hiểm lo âu tài bảo và tánh mạng chẳng có chút gì bảo đảm cả, nên lòng dạ kinh hãi lo sợ hoảng hốt đến mức. Khi chợt nghe một lời đề xướng của bạn, thời cả bọn nhất tề đồng thanh xưng niệm: Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Tức thì Quán Âm đem sức oai thần, khiến chiếc thương thuyền này giải thoát được con nguy khốn hiểm nạn trên đường hải lộ, và giải trừ luôn nỗi lo sợ trong tâm của bọn chúng nữa. Nam Mô tức Na Mô là tiếng Phạn. Tàu dịch là quy y hay quy mạng nghĩa là đem thân thể và tánh mạng gởi đầu quy về nơi Bồ Tát nên gọi là Na Mô.

Năm dân quốc thứ 17, nơi đại lộ Thiên Đồng ở Thượng Hải có tiệm chuyên bán gương, chủ tiệm tên Thái Nhân Sơ, nhà rất giàu có, nên bọn lưu manh đạo phỉ chúng dòm ngó thềm nhều nước miếng đã từ lâu rồi. Một hôm nọ, Thái Nhân Sơ tự lái chiếc xe hơi vừa ra khỏi cổng, cũng vừa gặp tụi chúng bốn thằng, chặn xe trèo lên và bắt buộc, uy hiếp ông ta phải lái chạy theo hướng mà chúng muốn dẫn đến. Chính lúc nguy hiểm kinh hoàng, ông Thái liền nhất tâm xưng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Chiếc xe hơi do ông lái vừa chạy đến chỗ có đông đảo thời bánh xe trước sau đều nổ vỡ, xe hết chạy được. Nhưng bọn chúng buộc ông đi bộ. Ông trù trù bước chậm rãi. Chúng nó e rằng ông ta sẽ hô hoán lên là nguy cho chúng, nên chúng bắt đầu hành hung với ba phát súng lục bắn vào ông liên tiếp. Ba phát súng chúng bắn ra liền khi thì chân ông nhảy vọt lên khỏi mặt đất cũng liền lúc, nên chẳng trúng ông phát nào. Nhưng ông Thái tự nghĩ mình hoàn toàn chẳng biết vì sao mà nhảy vọt bổng lên ba lần như thế? Phải chăng vì nhờ sức oai thần Quán Thế Âm Bồ Tát khiến như vậy ư? Ông Thái Nhân Sơ hiện nay vẫn còn khỏe mạnh, ai muốn tìm hiểu, khi nào đến đây mà hỏi thì biết. Vụ này cũng đã chép vào trong tập Quán Âm linh cảm lục.

Hiện nay quý vị được nghe giảng kinh, chắc có trực tiếp hoặc gián tiếp thọ ơn cảm ứng của Đức Quán Thế Âm. Cho nên ngày nào cũng như ngày nấy hơn vài trăm người đến nghe. Nên phải biết, chúng ta chẳng may gặp các thứ tai nạn đều bởi quả báo ác nghiệp đời trước cảm đến, may may chẳng sai mát. Ai đã gây oán thù giết hại mắc nợ mạng đền mạng, ai đã vay mượn tiền của mắc nợ của phải hoàn trả. Nay gặp nạn oán tặc cũng là quả báo tiền khiên oan trái. Vậy nên phải bình tâm suy xét cho rõ ràng những thứ nhân quả ấy, mới có thể chẳng oán trời, chẳng trách người được. Tuy nhiên, nên năng nhất tâm niệm Phật, niệm Quán Âm thời ác nghiệp này tức nhờ công đức niệm Phật, niệm Quán Âm cũng vẫn có thể vãn hồi ngay. Nếu được nhất tâm bất loạn, tâm thủy lóng trong, tai nạn tự nhiên tiêu diệt. Thuật vụ đã xảy ra có tương quan với đạo lý vừa kể trên, nên lưu ý.

Thuở trước có một cư sĩ ở Dương Châu, gia nhân có 17 người tất cả. Dương khi tặc phi làm loạn, cả gia đình đều nhất tâm xưng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Cư sĩ đêm mộng thấy Đức Quán Thế Âm đứng trước mặt nói rằng: "Các người nên thành tâm trì niệm. Mười sáu người kia khá khỏi nạn giặc này. Chỉ một mình người vì định nghiệp đời trước nay đã đến thời, ác báo khó tránh khỏi, chẳng phải dễ dàng gì mà cứu vãng. Sáng ngày mai giặc sẽ đến, trong bọn chúng có một người tên Vương Ma Tử, đời trước nó đã từng bị người giết nó 16 lát dao. Hiện nay nhân duyên đã hội hợp, ngày mai sẽ gặp nhau, người chắc sẽ bị Vương Ma Tử giết 16 dao lại mà chết. Nhưng may chăng là do người chân thành cảm cách, hoặc có thể cứu nhau được". Sáng ngày lại, Cư sĩ liền khiến cả gia nhân đi tránh ở các gian nhà chung quanh, chỉ một mình Cư sĩ ngồi chính giữa nhà chính để chờ, và ông có chuẩn bị sẵn một bàn cơm chay rất tử tế. Quả nhiên, đúng giờ Ngọ bè lũ của Vương Ma Tử kéo đến. Tức thì Cư sĩ hỏi Vương Ma Tử trước rằng: Anh có phải Vương Ma Tử không? Đời trước tôi có mắc nợ anh 16 lát dao, ngày nay tôi chắc phải chết vì bàn tay anh! Tử ngạc nhiên hỏi: Tại sao anh lại biết tên họ tôi? Cư sĩ liền đem việc Quán Âm trong mộng mà thuật lại tường tận. Ma Tử nghe xong và nói: Đời trước đã có quả báo với nhau như thế thì đời sau oan oan tương báo trọn không khi nào rồi xong được. Mà oan nghiệt thời nghi giải bất nghi kết. Nghĩa là nên cởi mở rời nhau, chẳng nên buộc gút dính chùm lại nhau. Ma Tử bèn lấy con dao trở sống dao bằm vào thân Cư sĩ 16 dao để làm phép gọi là đòi lại 16 dao nợ mà y đã mắc của mình đời trước mà thôi, chứ chẳng giết chết y làm chi. Sau khi việc giải oan xong mới đến bàn cơm chay, vui vẻ mát mẻ và giải thoát.

Thế nên biết rằng oán tặc là bởi ác nghiệp từ đời trước theo dõi đòi hỏi đến đời này. Lại nhờ nhất tâm xưng niệm nên định nghiệp ấy mới có thể cứu vãng được giải thoát. Chúng ta từ vô thủy đến nay oan gia đối đầu nhiều lắm lắm nhiều, cần phổ biến phương pháp siêu độ cho họ. Làm được thế thời tất cả oan gia từ vô thủy đến nay đều có thể chuyển kẻ thù thành là ân nhân. Oan nghiệt đã được mở gút buông thả thời tự có thể chẳng còn gặp chịu tai nạn theo đòi món nợ hoàn báo nữa.

Đoạn kinh này, nếu ước về Tâm pháp từng cá nhân mà nói, mỗi người có tám Thức. Trong thế giới tam thiên đại thiên, trên trời dưới đất, ngang khắp mười phương, dụ cho Thức thứ tám. Đứng cùng ngang khắp, kẻ oán tặc đầy dẫy trong toàn thế giới, dụ cho trong Thức thứ tám bao chứa tất cả những hạt giống thiện ác. Oán tặc cướp của cải, hại sanh mạng rất là nguy hiểm, dụ như chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, làm người sống một đời tức có một đời phiền não. Bởi đó mà gây ra bao nhiêu ác nghiệp, trồng xuống biết bao nhiêu hạt giống ác. Một ngày mai nào đó khi mà nhân duyên hội

ngộ gặp gỡ nhau, bị sức mạnh của ác nghiệp dắt dẫn, sa vào trong tam đồ. Thế là tan mất pháp thân, đứt xong huệ mạng. Mãi chịu sanh tử luân hồi không ngày giải thoát. Rất đáng ghê sợ hơn hết.

Trong tám Thức của chúng ta, Thức A Lại Gia, thứ tám, dụ như một vị lão ông đông gia đại thương chủ trong một hiệu buôn, tức là người quản lý bao quát toàn sở hiệu. Nếu không có Lão ông đại thương chủ thời không do đâu mà thành lập và khai trương cửa hiệu buôn được. Nếu không có Thức thứ tám, trọn không có gì tất cả. Cũng như không có tam thiên đại thiên thế giới và gọi là thương chủ cùng là oán tặc nữa. Có vị thương chủ tức là người lãnh tụ của các bạn thương nhân, dụ cho đệ lục ý thức như người làm chủ tể trong một gia đình, cũng như kinh lý trong một hiệu buôn tổng lý tất cả sự vụ. Nhân, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, năm thức này dụ như năm vị điểm viên, gọi là ngũ cá môn tiền tác mại mại, nghĩa là năm cái cửa trước làm việc mua vào bán ra. Mà thức thứ bảy là Truyền Tổng thức, tức là truyền rước vào, hay dọn tổng ra, thời giống như trong một hiệu buôn có một nhân viên xuất nhập, hay một người quản hóa xuất nhập vậy. Trong văn kinh nói các người buôn dụ như các thiện tâm sở dưới quyền sáu Thức Tâm vương. Đem của báo, dụ cho nghe kinh, tu quán, lạy Phật, niệm Phật, trì chú cho đến tu trì các pháp môn tam thừa.

Đường hiểm, dụ cho nhà lửa ba cõi và hiểm đạo sanh tử phiền não. Một người bảo nhiều người niệm Quán Âm, dụ cho huệ tâm sở trong ngôi thiện tâm sở biết bảo niệm Phật, niệm danh hiệu Quán Âm có thể liễu được sanh tử. Các người buôn nghe rồi, đều lên tiếng xưng rằng: Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát tức là dụ cho tâm vương tâm sở cả đại gia đình hợp tác, nhất tâm nhất đức niệm danh hiệu Quán Âm. Do đây mới phá được phiền não oán tặc là hột giống ác nghiệp tức có thể ra khỏi đường hiểm sanh tử luân hồi trong ba cõi mà đoạn được hoặc, chướng chơn vậy.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Đại Bồ Tát, Sức Oai Thần Cao Lớn Như Thế.

Đoạn này là tổng kết văn bảy nạn trước. Bảy nạn chính có thể phối hợp với lục đại: Thủy nạn phối với thủy đại, hỏa nạn phối với hỏa đại, hắc phong nạn phối với phong đại, đao trượng già tảo nạn phối với địa đại, La Sát oán tặc nạn phối với thức đại, tam thiên đại thiên thế giới phối với không đại. Nay đã tổng kết để khiến Ngài Vô Tận Ý lưu ý. Cho nên Đức Phật gọi Vô Tận Ý Bồ Tát nói một lần nữa. Chúng sanh bị chịu khổ bảy nạn, nhất tâm xưng danh liền được giải thoát, là nhờ Quán Âm có sức oai thần bất khả tư nghì vậy.

Đại tức đại tâm. Quán Thế Âm Bồ Tát đã xả kỷ lợi tha, đủ đại đạo tâm, đại hành môn, 32 ứng hóa thân, 14 vô úy thí. Cho nên: Nghìn xú khăn cầu nghìn xú ứng. Rộng lớn vô ngại, chẳng đồng với bình thường phạm phu, cho nên gọi là Đại Tâm Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát cứu bảy nạn là đem cho cảm ứng tự nhiên như trăng trời ánh nước mà thành trăng dưới nước. Nước chưa hề bay lên, trăng chưa hề giáng xuống, thế mà có cảm ứng tự nhiên. Trăm ngàn vạn ức chúng sanh niệm Quán Thế Âm Bồ Tát tức được trăm ngàn vạn ức cảm ứng. Quán Âm chưa đến chúng sanh, mà chúng sanh cũng chưa đến Quán Âm. Có câu tất ứng là duyên có oai lực bất khả tư nghì vậy. Như có vô tuyến điện, dây phát kia nghe, mà máy điện chưa từng đi đâu hết, nó vẫn nằm yên dưới chân trong một sở nhà. Cao lớn là sức công đức Quán Âm vượt khỏi sáu phạm, tam thừa, chín giới gọi là Cao. Danh rạng ba cõi là Đồng cư, Phương tiện, và Thật báo gọi là Lớn. Từ trước đến đây đã giải thích xong bảy nạn.

Nếu có chúng sanh nào nhiều lòng dâm dục thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, liền đặng ly dục.

Đoạn này giảng giải trừ khổ ba món độc. Trước đã cứu bảy nạn. Nhưng chúng sanh hãy còn tham sân si nơi ý nghiệp là phiền não trong tự tâm, cho nên lại phải nói giải trừ ba món độc đó nữa. Đây là cảm cơ của ý nghiệp. Ba món độc này so với ăn món độc trì, uống món độc trảm lại càng lợi hại hơn thứ độc dục ấy nữa. Vì rằng ăn Trì uống Trảm cái độc của nó chỉ hại cho thân thể, cái hại ấy bất quá một đời mà thôi. Chứ ba món độc này năng hại pháp thân, dứt huệ mạng, và đọa vào địa ngục vĩnh viễn không ngày ra khỏi, thật là thứ độc đáng sợ đến mức. Đối trị ba độc này, y theo trong giáo lý mà giảng nói:

Nhiều dâm dục phải tu phép quán bất tịnh; nhiều giận dữ nên tu phép quán từ bi; nhiều ngu si cần tu phép quán nhân duyên. Chúng sanh nào cũng đều có ba độc này cả, nhưng bất quá kẻ ít người nhiều đấy thôi. Có người nhiều tham dục, có người nhiều sân nhuế, có người chẳng tin nhân quả tức nhiều ngu si, ai ai cũng đều có thói quen của ba độc nhiều hoặc ít, dày hoặc mỏng chẳng đồng đều đấy thôi. Ba món tâm bệnh này phải công nhận là y dục của thế gian điều trị hoàn toàn bất lực. Vì chúng sanh dâm dục mù mờ thâm kín, thói quen nặng nề khó rời bỏ, khó buông thả xuống được. Chính tự mình vẫn biết nó là bất hảo, thế mà cũng khó lấy lý lẽ để ngăn dứt nó. Nên phải biết ái căn của chúng ta nó sâu sắc bền chắc rất đổi nguy hiểm. Kinh Viên Giác nói: " Tất cả chúng sanh đều do dâm dục mà chúng lấy sanh mạng". Dâm dục là cội gốc của sanh tử. Vậy mà có người nói: Lòng tôi thanh tịnh không có ái dục. Quả thật không có tham dục thời chẳng gặp nhân duyên đầu thai sanh về thế giới Ta Bà này. Chúng ta nương ở trên quả địa

cầu này là ở trong phạm vi cõi Dục, nên mới có tham dục trai gái, ăn uống, chẳng qua nghiệp chướng nhẹ thời lòng dâm dục mỏng, nghiệp chướng nặng thời lòng dâm dục dày mà thôi.

Phàm người, từ khi mới chết trở về sau, tám Thức lìa khỏi xác thân, là tiền âm đã thoát mà hậu âm chưa thành, vẫn chưa đầu thai để tìm lấy một đời sống khác được. Thời gian trung gian giữa hai tiền âm và hậu âm đó, gọi là trung âm thân. Người đời lầm cho rằng người chết là thành quỷ. Họ chẳng biết đây là trung âm thân. Bất cứ trong bốn loại sanh bằng: Thai, trứng, âm thấp, biến hóa, địa ngục, quỷ, súc sanh, người và trời đều do trung âm thân mà đi đầu sanh cả. Thân trung âm cứ mỗi bảy ngày qua một phen biến đổi. Bảy ngày thứ nhất, bảy ngày thứ nhì cho đến bảy ngày thứ năm, gặp cơ duyên thích hợp tức liền nương nghiệp lực của kẻ khác mà đầu sanh một trong sáu đạo bốn loại sanh. Thời gian tồn tại của nó lâu lắm cũng không ngoài bốn mươi chín ngày. Thân này cao độ ba thước, có mắt mà chẳng thấy, có tai cũng chẳng nghe vì bị vô minh bao bọc. Nó ở trong những chỗ tối đen mờ mịt lại càng mờ mịt thêm. Khi nó có nhân duyên với cha mẹ nào đó. Chính khi hai cha mẹ giao hiệp, nó phát sanh ánh sáng dâm dục, liền bị hữu duyên trung âm thân cảm mắc đến. Dù cho cách xa ngoài ngàn vạn dặm cũng không thể làm trở ngại được, nó nương ánh sáng dâm dục mà nhanh đến. Nó xem đôi vợ chồng đang giao hiệp đó đều chẳng phải là cha mẹ. Mà chỉ như thế này: Nó là trai thời ưa người vợ, như nó là gái thời ưa người chồng. Nên kinh gọi là dị tánh thành ái, đồng tánh thành tắng. Nói cho dễ hiểu: Nó trai ưa gái, ghét trai tức ghét đồng tánh ưa dị tánh; nó gái ưa trai, ghét gái tức ghét đồng tánh ưa dị tánh. Chảy tư tưởng làm thai, nạp nhận ái nhiễm làm hạt giống tức tâm ái nhiễm. Đây tức là nguyên do đầu thai chịu lấy sanh tử. Như gió mưa vào nhà tức liền thành thai. Cho nên muốn sanh về Tây phương Cực lạc thế giới phải quyết dứt ái. Kinh gọi:

Ái bất trọng bất sanh Ta Bà,

Niêm bất nhất bất sanh Cực lạc.

Kinh Lăng Nghiêm nói: Nếu chẳng dứt dâm dục, dù cho vào được thâm thiên định cũng trọn thành ma nghiệp. Thử xem từ xưa đến nay những hạng quân vương, tể quan, anh hùng, hào kiệt đa phần tránh chẳng khỏi cái rọ ái tình, khiến đến nổi thân bại, danh hư, nước đổ, nhà tan, thật đáng tiếc hơn tiếc gì hết, đáng sợ hơn sợ gì hết. Đại phạm chúng ta là những người học Phật, tuy ai cũng vẫn có thói quen ái dục, biết nó là xấu, nhưng mà nhất thời buông nó chẳng rơi xuống, rảy nó chẳng rớt đi, cho nên phải dần dần và dần dần dứt hẳn nó mới thành công. Phương pháp đoạn dục phải theo giáo lý dưới đây mà tu phép bất tịnh quán. Mỗi khi tình ái phát sanh liền khởi lên tư

tướng thâm dục. Phải biết dù cho má phấn môi son, răng ngà mày nguyệt, hồng nhan tuyệt mỹ tuyệt trần cũng chẳng được bao lâu, thân tứ đại này phân ly chung quy về cõi tử vong, đâu có còn gì đáng yêu đáng mến nữa. Đây gọi là tân tư tướng. Chẳng mấy hôm, toàn thân xanh tím thành máu bầm, rất đáng kinh tởm ghê gớm. Đây gọi là thanh ý tướng. Lâu thêm mấy hôm nữa, sinh chương phá bì, bấy rửa, chảy nước như mủ. Đây gọi là nồng huyết tướng. Sau khi thể đã tán nát, máu mủ chảy tủa lua tứ tung, thối hôi chẳng thể nào ngửi nghe được. Đây là tướng chảy nước đỏ. Từ đây mới sanh ra những thứ giòi lúc nhúc đục khoét ăn chi chẹt. Đây là trùng hám tướng. Cuối cùng là còn một đồng xương khô. Đây là khô cốt tướng. Ngày xưa hồng nhan má phấn hôm nay đâu còn? Chúng ta vốn là một cái đũa đưng: Mất tai mũi miệng, lỗ nào cũng chảy ra toàn vật bất tịnh. Đến như đại tiện lại nhơ nhớp chẳng cần nói ai cũng hiểu. Vậy thì bất quá một lớp da mỏng giả diện cụ bao đưng để gạt đời mà thôi.

Thử xem hạt giống khi mới nhỏ xuống tức tinh cha huyết mẹ vốn là vật bất tịnh, đây gọi là chủng tử bất tịnh. Người đời mù mù mờ mờ chẳng hiểu thấu được. Nếu ai tu được phép quán bất tịnh này là khả dĩ phá được lòng thâm dục. Nhưng quán pháp tế nhị mà tâm niệm thô phù, nên những kẻ căn trí đần độn chẳng dễ dàng gì mà tu được. Quán Thế Âm Bồ Tát là bậc đại y vương, tức nương những lời đã dạy trong Phẩm Phổ Môn, thường niệm Quán Thế Âm Bồ Tát liền được ly dục, tuyệt dục. Dâm dục là một tên đầu sỏ đứng đầu muôn tội ác và cũng là cội gốc các điều khổ não ai mà chẳng run run e sợ, nên thường phải phát tâm dũng mãnh, phát tâm hằng thường lắm phần khó khăn nhiều. Tâm hằng thường thế nào? Tức là niệm tại đây nó phải có mặt tại đây. Ngày ngày như thế, đi đứng ngồi nằm, chánh niệm thuần nhứt, duy niệm Quán Âm không có niệm gì xen lẫn, mới có thể được cảm ứng đạo giao. Như cửa cây lấy lửa, như gà ấp trứng một lát rất ngắn cũng chẳng được ngừng nghỉ. Gọi là Đạo ấy vậy, chẳng khá giây lát rời vậy. Nếu có thể rời được giây lát tức chẳng phải Đạo vậy. Nếu một ngày ấm mà mười ngày lạnh, tức hẳn không có thuốc gì cứu chữa được.

Nếu người nhiều giận hờn, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, liềnặng lia lòng giận.

Giận là tỳ khí bạo phát, phát lửa vô minh, chẳng hay dung thọ nghịch cảnh được. Hờn là não loạn sanh nộ. Nay có một người phẩm hạnh đốn chính, chẳng tham dâm dục; hiểu rõ nhân quả, chẳng rơi vào hạng người ngu si. Nhưng phải trọng bệnh giận hờn. Người ấy bình thường có nghe kinh, niệm Phật, trì giới, tu bố thí, phóng sanh làm các công đức nhiều như đám rừng rậm tốt cây. Nhưng chẳng may lúc nào đó bị giận hờn nổi lên tức lửa vô minh phát hỏa đốt cháy rụi tức khắc, Cho nên gọi là sân hỏa hừng hừng

đốt cháy hết rừng công đức, tức là năng diệt hạt giống rồi vậy. Lại nữa, khởi một niệm sân tâm, mở tám vạn cửa chướng. Cho nên đối với tất cả đều cần quan niệm cho là không, chẳng nên vọng tự buồn phiền, động hỏa phát tỳ khí. Cần phải biết, sanh một sân tâm: Giết người, đốt nhà, đánh đập, tranh đấu, kiện cáo mọi thứ không một ác nào chẳng làm được. Bình nhật đã tương ưng với sân tâm nghĩa là sống với sân tâm, đến khi mạng chết, tâm ấy chắc chắn đọa làm loài rắn độc, rắn hổ mang độc, rít trăm cái chân, bò cạp các loại súc sanh. Giận hờn có chia ra ba thứ: Thuận lý, phi lý, tranh luận.

1.- Thuận lý: Nhân bị mắng chửi, phỉ báng, phá hoại, nên phát lên tỳ khí. Tỳ khí này sở dĩ phát ra với lý lẽ gần nhau, hợp với đạo lý, thuận với lý mà sanh, gọi là giận thuận lý.

2.- Phi lý: Không có đạo lý gì đáng kể, vô cớ mà phát lửa vô minh. Thứ giận hờn này toàn vô lý do, gọi là phi lý sân. Ví như các người xuất gia, cạo tóc làm Tăng, đầu tròn áo vuông, rõ biết tứ đại đều không, ngũ uẩn vô ngã; vẫn không có bệnh tham dục, năng hiểu nhân quả, tụng kinh lễ Phật, cũng ít ngu si. Nhưng là thói quen giận hờn vẫn thường có đó. Đã từng có một ông già tu tâm, ông gặp phải chút việc chẳng vừa lòng, bèn phát sanh đại hỏa vô minh cao ba trượng nghĩa là giận hờn chẳng tương xứng với việc vừa xảy ra. Lại có một hạng ông già tu tâm nữa. Cam ở nhà tranh vách lá, tự nấu tự đun lấy thức ăn uống, không dùng một người để sai bảo gì cả. Nhưng một hôm gặp phải trời mưa bất thành linh, củi rác bị ướt nên nấu đun không được, vì thế nổi buồn rầu, phát tỳ khí. Thậm chí phát khí sao mà luôn cả cơm nước cũng chẳng ăn uống. Đại khái như thế đều được gọi là phi lý sân.

3.- Tranh luận: Lệ như khi đàm thuyết thảo luận một điều gì. Ban sơ thời tình đầu ý hiệp, dần dần kể đến anh phải tôi trái, thêm nữa ta phải ngươi trái. Rồi bên nào cũng tự ái bảo thủ, ý kiến tự cho mình là phải mà đối phương đều là quấy hết. Nhân đây mới mở ra tranh luận sôi nổi, cho đến nổi chướng nhau, đấu nhau chẳng còn coi nhau ra gì nữa. Tình trạng này cũng thường thấy xảy ra khá nhiều. Đây là tranh luận sân. Tất cả giận hờn không ngoài ba thứ như trên.

Thuở xưa, khi mà Ngài Xá Lợi Phất đang tu Bồ Tát đạo, công phu tu tập chưa được vững. Một hôm có người Bà la môn đến thử Ngài. Họ nói: Người tu hành Bồ Tát cần phải bố thí. Tôi nay có chút việc đến nhờ người phụ giúp cho tôi. Nhân vì mẫu thân tôi bị bệnh, thầy thuốc bảo cần có tròng mắt bên tả của người để làm thuốc mới có thể chữa lành được. Xá Lợi Phất nghe thế tức thì móc tròng mắt bên tả tặng ngay cho. Khách lại nói: Tôi vừa nói làm, tròng mắt bên hữu mới dùng được chứ chẳng phải mắt bên tả. Ngài Xá Lợi Phất lại khoét mắt bên hữu biếu luôn, Người Bà la môn cảm hai

tròng mắt đưa lên mũi người và nói: Tròng mắt này có mùi tanh hôi chẳng dùng được gì. Rồi y vút xuống đất, lấy chân đạp chà lên hai tròng mắt. Bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất ý sanh phiền não. Vì mình muốn cứu bệnh khổ cho mẹ nó nên chẳng tiếc thân thể khoét cả đôi mắt mà nó còn vút đi và lấy chân dẫm lên, tàn nhẫn thật đáng xung tặc. Rồi Ngài nổi sân nộ dữ dội tức giận mà rằng: Tốt hơn, chúng sanh như thế này, ta chẳng thêm tu hạnh Bồ Tát đạo nữa. Cho nên Xá Lợi Phất hoàn toàn thôi lui hạnh nguyện Bồ Tát về làm kẻ phàm tiểu. Về sau lại gặp hoàn cảnh ác nghịch khởi độc tâm giận dữ nên bị quả báo đọa làm thân rắn độc. Sanh một niệm giận dữ là đọa vào trong loại độc tánh động vật súc sanh. Mỗi khi phát nộ động hỏa tức quên mình, quên người, bất cô gì cả, mặt đỏ tía tai, đây tức là mặt người mà tâm A Tu La. Cho nên chúng ta cần phải nhẫn nại khiêm nhượng hòa bình mới phải lẽ.

Thử xem người xưa tranh nhau, hiện nay chiến nhau; địa phương tan nát, nhân dân đồ thán, kỳ thủy đều bất quá là do sân tâm của một vài cá nhân phát ra mà kết quả tai hại thật chẳng muốn nghe muốn hỏi đến làm gì cho phiền. Nay nên dùng phương pháp này để ngăn dứt nó là nên tu Từ bi quán. Từ là năng cho vui, Bi là năng cứu khổ. Xét kỹ, chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay phải sanh sanh tử tử không xiết nổi. Chúng sanh ở thế gian, tất cả nam nhân đời trước, hoặc đã từng làm phụ thân ta, tất cả nữ nhân đời trước, hoặc đã từng làm mẫu thân ta; hoặc đã từng làm anh em, chị em, con cái, thân tộc, bà con nội ngoại và bạn bè thân thuộc. Nhưng ngày nay chỉ vì thay mặt đôi mày, nên cả đám người chúng ta chẳng ai biết ngày trước đã từng có tương quan với nhau như thế nào được. Cho nên mỗi khi gặp có kẻ phản đối ta, chọc tức ta, làm ta chẳng vừa ý, thời ta nên xem đấng họ là phụ mẫu huynh đệ của ta đời quá khứ, tự nhiên sanh tâm hiếu thuận cung kính, nào đâu rảnh mà động nộ phát hỏa sân giận. Muốn khiến tâm sân nhuế dần dần uốn dẹp và dứt hẳn, thời nên dùng đức từ bi quán chiếu mà bồi dưỡng nó. Nhưng e người căn tánh đần độn, tu quán từ bi sợ quán không nổi, tốt hơn nên dùng phương pháp là thường thường nhất tâm cung kính xưng niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát bèn được lìa giận hờn, như một cơn gió mát mẽ thổi phát ngang trên đồng lửa nóng hừng hực chắc chắn là sẽ bị tắt ngay tức thì.

Nếu người nhiều ngu si, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, liền đặng lìa ngu si.

Có một hạng chúng sanh, tuy chẳng tham dục, cũng chẳng giận hờn. Nhưng bị phải mù mờ hôn mê ngu ngốc si ám. Hoặc tuy có học vấn, nhưng khôn nổi bất tín nhân quả thiện ác. Họ cho rằng người chết là xong, trở về với thái hư. Đây gọi là đoạn diệt kiến. Lại có số đông ngoại đạo, đối với tất cả chuyện nhận xem xét là không, cho rằng làm ác không có ác báo. Đây gọi là không kiến. Đều là ngu si. Ngược lại, tuy không học thức, nhưng minh đạt

lẽ nhân quả, lòng chịu niệm Phật tu hành. Đây là người có trí huệ. Người đời cho là hề thứ gì mất chưa thấy đến tức là chẳng tin. Cũng là ngu si. Cho nên phạm vi của ngu si rất rộng. Nếu mà ngu si lắm nên tu nhân duyên quán, tức có thể minh đạt được lý nhân quả nhân duyên của ba đời. Phải biết hiện nay chúng ta hưởng sung sướng là quả do đời trước đã có tu hành thiện nhân mới được thế. Đời nay làm ác nhân, đời sau rước lấy chịu ác báo là quả.

Lại như gạt ép người lành, tóe thâu máu mỡ của người dồn vào túi cho nặng. Nhân đây nên gia nghiệp được giàu có, hưởng thụ phước báo. Ngược lại có người vui tu bố thí, ưa làm lành mà gia đình bị suy bại đời tẻ. Người đời thấy thế sanh lòng nghi hoặc, cho là những người làm lành hoặc làm dữ cảm được kết quả trái ngược lại nhau. Họ đâu biết được luật nhân quả thông suốt ba đời. Thử xem kia những kẻ dối gạt người lành, khinh dễ người trên, tuy là gia đạo hưng thịnh thật đấy. Nhưng mà sự hưng thịnh này do đời trước họ đã tạo nhân lành hiện nay đã thành thực, cho nên hưởng sự thịnh vượng chính là nhân lành đời trước cảm hiện phước quả ngày nay vậy. Cũng chính họ đời nay làm những điều dối gạt thâu tóe của người, khinh rẻ người trên, làm các việc ác là nhân, đời sau họ quyết phải chịu khổ quả. Còn những người ưa làm lành, vui tu bố thí mà trái lại trong gia đạo bị sa sút. Sự suy bại sa sút ấy là do đời trước họ đã gây ác nghiệp khổ báo đến ngày nay đã thành thực. Tức là nghiệp đời trước cảm đến quả cho họ ngày nay. Mà đời nay làm lành là nhân, đời sau chắc được hưởng quả vui. Cho nên kinh Nhân Quả nói: Muốn biết nhân đời trước, là nay hưởng quả đấy. Muốn biết quả đời sau, là hành động nay đấy. Nhân quả có ba thứ:

1.- Hiện báo: Tức hiện nay làm lành, đời này hưởng phước báo; hiện tại làm ác, hiện tại chịu khổ.

2.- Sanh báo: Tức đời nay làm lành làm dữ, qua đời sau mới hưởng chịu quả báo vui hoặc khổ.

3.- Hậu báo: Tức đời nay làm lành làm dữ, qua đến đời thứ hai hoặc thứ ba, cho đến trăm nghìn muôn ức kiếp về sau chẳng nhứt định là đời nào mới chịu báo lành hay báo dữ. Cho nên nhân quả ba đời báo ứng rõ ràng. Người đời thường thường chẳng rõ thấu đạo lý này, đến nỗi oán trời trách người. Họ cho là Phật pháp chẳng linh, giai do vì ngu si che khuất. Xét cội gốc của ngu si chẳng ngoài hai thứ kiến chấp Đoạn và Thường. Đoạn kiến, tức cho là sau khi chết về lại thái hư, sau khi chết không quả báo, làm lành không trời thiên đường, làm dữ không đất địa ngục.

Thường kiến, tức cho là người chết cũng vẫn làm người lại, súc sanh chết cũng cứ làm súc sanh nữa, nghĩa là sau khi chết loại nào vẫn sanh lại loại nấy. Đây cũng gọi là tà kiến. Cho nên chúng ta cần phải bình tâm tỉnh trí

mới suy xét chiêm nghiệm kỹ càng đạo lý nhân quả ba đời này, mới tin nổi chắc chắn chẳng nghi hoặc gì nữa. Được như thế là có thể phá ngu si, liền chuyển thành con người có trí huệ. Nhưng pháp nhân duyên quán này chẳng dễ dàng gì mà thực hành cho mau có kết quả được, chẳng bằng như thường thường cung kính xưng danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát là đấng Đại Từ Đại Bi, tùy mãn chỗ sở cầu của chúng ta vậy. Dưới đây là đã có một vài chứng nghiệm:

- Thuở trước có một vị Tiểu Tăng. Thầy truyền dạy y tụng kinh. Khuôn phép mỗi khi tụng kinh rất là nghiêm chỉnh. Nhưng tiểu Tăng lại ngu si, tuy suốt ngày cặm cụi khổ tụng mà chẳng am thuộc gì cả. Vị Bồn sư liền dạy cho tiểu Tăng ngày nào cũng phải lễ bái và xưng niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, để cho tiêu nghiệp chướng và cầu trí huệ. Cứ mỗi ngày lấy một cây hương đốt để làm hạn định thời gian khi lễ niệm, đợi đến khi nào Bồn sư báo hiệu bằng mấy tiếng khánh, thì tiểu Tăng mới nghỉ lễ niệm và đi vào phòng ngủ được. Tiểu Tăng thi hành như thế đã được ba năm liền. Một hôm vị Bồn sư quên báo hiệu bằng mấy tiếng khánh, mà chiếc khánh tự nhiên có kêu, tiểu Tăng bèn nghỉ lễ niệm và đi ngủ. Bị thầy quở trách, chẳng nghe hiệu khánh mà tự tiện đi ngủ. Tiểu Tăng lại khóc và thưa: Con thật có nghe tiếng khánh, con mới dám thôi lễ niệm và đi ngủ. Qua ngày hôm sau, đến giờ thường lệ ấy, vị Bồn sư rảo đi thám thính, quả nhiên chẳng đánh chiếc khánh mà tự nó có tiếng kêu. Nhân đấy mới biết kẻ tiểu Tăng để tử lễ bái khẩn cầu đã có linh ứng. Và tiểu Tăng cũng đã chẳng dùng theo hiệu lệnh nữa tức thành được sự tụng niệm. Nên biết rằng chân thật niệm bái, chắc chắn được lợi ích bất khả tư nghì vậy.

- Lại có vị Tăng tên gọi là Chú Am. Tánh chất ác liệt và phải thêm bệnh ngu si, tệ hơn nữa là thường chửi lộn với người ta. Y sắp bị nhà chùa trục xuất. Một đêm hôm, y tự suy nghĩ liền sanh lòng xấu hổ, tự xét mình duy có đóng cửa mà tu hành mới may ra... Sáng ngày rất sớm, sau khi tề chỉnh y phục, y đến vị trụ trì cầu xin Ngài từ bi hỷ xả cho mình được nhập thất đóng cửa để được thanh tịnh tu ttri. Vị trụ trì hoan hỷ thỏa mãn lời thỉnh cầu của y. Thế là thầy Tăng ta được vào ở trong tịnh thất đóng cửa, nhất tâm tu hành: Cấm ngữ, chuyên trì chú Đại Bi, niệm Quán Âm, lễ bái Quán Âm, ba năm mới mở cửa ra, và đắc đại trí huệ, và có thể giảng giải được diệu lý trong kinh điển mà các sách thế gian Tứ Thư, Ngũ Kinh không thứ nào chẳng thông hiểu. Ngày xưa là kẻ bất thức tự, mà nay như hai người xưa nay khác hẳn nhau. Nên biết rằng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm có thể phá được ngu si mà khai trí huệ vậy.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có những sức oai thần lớn nhiều lợi ích như thế, cho nên chúng sanh thường phải một lòng tưởng nhớ.

Văn này là câu kết. Phải biết niệm Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng những phá được sự tam độc của lục đạo phàm phu, mà có thể phá được lý tam độc của La Hán và Bồ Tát nữa. Người Nhị Thừa một bề say đắm nơi không. Đây là dục ái. Chán nản thế gian coi như hầm lửa, một bề ôm thái độ tiêu cực, khinh thị thế gian là đáng nhàm đáng ghét. Đây là sân nhuế. Họ chẳng biết Phật pháp không mà chẳng không, tức trung đạo diệu hữu. Say đắm nơi không, ngưng trệ nơi tịch, cho là rốt ráo. Đây là ngu si. Đây tức là lý tam độc của Thanh Văn Duyên Giác nhị thừa. Bồ Tát ưa thích thần thông, dạo chơi thế giới, yêu đời, xem ngắm thế gian, chấp tướng độ sanh, cho đến trung đạo pháp ái. Đây là dục ái. Nhàm chán tiêu cực chấp không của Nhị thừa, cho đến nói bỏ hai bên, chán ghét Không, Hữu. Đây là sân nhuế. Chẳng thấu rõ trung đạo cũng không cũng có, phi không phi có. Không mà chẳng không là diệu hữu, có mà chẳng có là chơn không. Chẳng hiểu rõ chơn không bất không, diệu hữu phi hữu tức là diệu nghĩa trung đạo viên dung tuyệt đãi. Đây là ngu si. Đây tức là lý tam độc của Bồ Tát. Nếu xưng danh hiệu Quán Thế Âm, niệm đến chân đế sự nhất tâm bất loạn, có thể phá sự tam độc kiến tư hoặc của phàm phu, thấy được chơn không Quán Thế Âm Bồ Tát. Niệm đến tục đế sự nhất tâm bất loạn phá được sự tam độc trần sa phiền não của Nhị thừa, thấy được diệu hữu Quán Thế Âm. Niệm đến trung đạo lý nhất tâm bất loạn, phá được lý tam độc căn bản vô minh thấy đến trung đạo Quán Thế Âm. Đến đây tức có thể thành Phật xong.

Nhưng đã dạy người niệm Quán Âm được thành Phật, mà sao Quán Âm, tự mình lại là Bồ Tát? Bởi vì muốn độ chúng sanh mà thị hiện tướng Bồ Tát vậy thôi. Tam độc đã bị phá tức thành tựu Pháp thân, Bát nhã, Giải thoát ba đức mật tạng. Cho nên Phật Thích Ca mới gọi Vô Tận Ý Bồ Tát rằng người xem Quán Thế Âm Bồ Tát có sức Đại oai đức thần thông như thế mới ban cấp cho chúng sanh các món lợi lạc. Đây là nguyên do. Cho nên chúng ta cần phải thường thường tâm niệm. Đại đa số những người niệm Phật, niệm Quán Âm chỉ có ở lỗ miệng mà tâm chẳng niệm nghĩa là chẳng nhớ mình đang niệm Quán Âm hay niệm Đức Phật nào đây. Quyết định phải như vậy: Tâm nghĩ nhớ, miệng ra tiếng, và tai lắng nghe cho rõ ràng, chẳng nên tư lường phân biệt. Được sức lực vĩ đại như thế thời cảm ứng đạo giao vẫn dễ dàng mãn nguyện. Chữ niệm: Trên chữ Kim là Nay, dưới chữ Tâm là Lòng. Tâm lòng hiện nay. Ý dạy: Khi người niệm Quán Âm chẳng nên dùng tâm quá khứ mà niệm, chẳng nên dùng tâm vị lai mà niệm, chỉ nên dùng nhất tâm hiện tại không lệch về khứ lai mà niệm, mới gọi là chánh niệm. Trong kinh nói: Tâm quá khứ đã diệt rồi; tâm vị lai chưa sanh. Chính đương lúc đó thẳng tiến mà niệm đi, mới được lợi ích lớn lao vậy.

Nếu có người nữ, giả sử muốn cầu con trai, lễ lạy cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, liền sanh con trai phước đức, trí huệ; giả sử muốn cầu con gái, bèn sanh con gái có tướng xinh đẹp, trước đã trông cội phước đức, mọi người đều kính mến.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có sức oai thần như thế. Nếu có chúng sanh cung kính lễ lạy Quán Thế Âm Bồ Tát thời phước đức chẳng luống mất. Cho nên chúng sanh đều phải thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát.

Đoạn văn này là nói cầu nam cầu nữ đều được nam nữ, gọi là thỏa mãn hai điều mong cầu. Tại sao chỗ này đọc nói chỉ nữ nhân mới có hai điều mong cầu ấy ư? Bởi vì tâm của nữ nhân mong cầu con trai con gái so với nam nhân có lắm phần quan hệ và tha thiết hơn. Nữ nhân chẳng sinh con trai, nuôi được con gái, là bị cha mẹ chồng hiềm nghi và bị chồng khinh bỏ, lại phải bè bạn chê cười. Và lại, pháp thế gian có ba điều bất hiếu mà vô hậu là trọng đại hơn cả. Cho nên tâm niệm nữ nhân cầu con trai mong con gái rất là tha thiết. Nếu nữ nhân muốn cầu con trai, thời lễ bái cúng dường Đức Quán Thế Âm Bồ Tát là bèn sinh cậu trai có đủ phước đức và trí huệ. Y theo Phật pháp mà nói là sanh con gái trai là bồi thêm phiền não. Nhưng y theo Pháp thế gian, lại chú trọng việc nối tiếp dòng dõi gọi là truyền tử lưu tôn, cho nên cũng chẳng ngại gì nữ nhân cầu con trai gái. Lòng từ bi nên Đức Quán Thế Âm cũng thị hiện để thỏa mãn cho hai nguyện vọng khẩn cầu kia vậy. Một lòng đầu lạy, năm vóc gieo xuống sát đất gọi là lễ bái. Hương, hoa, đàng, đồ, quả, trà, thực, bửu, châu và áo. Đây là mười món cúng dường vậy.

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đâu còn nhu cầu những thứ ấy nữa mà đem cúng dường? Bởi vì chúng ta, sở dĩ cúng dường là cầu phước vậy. Như vô lực sắm đồ cúng không nổi, thời đem thân thể cung kính lễ bái, miệng xưng niệm danh hiệu, trong tâm ý quán tưởng hình ảnh của Bồ Tát cũng tức là ba nghiệp cúng dường đầy đủ. Như năng cung kính chăm lòng kính thành cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, tức Ngài tống cấp cho người một nam nhi cả phước huệ đầy đủ. Như Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện Bạch Y Quán Âm, Tống Tử Quán Âm vậy. Có phước mà không huệ gọi là si phước, như những cậu ngu tử con của những người nhà giàu có vậy. Có huệ mà không phước gọi là cuồng huệ, như những cậu tài tử con của những người nhà nghèo cùng. Kiếp xưa biết niệm Phật, hiểu đạo lý, đời nay có trí huệ. Thuở trước hay bố thí, tu giới sát, phóng sanh, đời nay có phước lộc. Hai điều đều song tu thời phước huệ đầy đủ. Quý vị đến đây, nghe giảng kinh cung kính yên lặng, tức là cầu phước. Hiểu rõ đạo lý, biết rõ thâm nghĩa tức là cầu huệ. Lê như khi niệm Phật, không vọng tưởng, không tạp niệm, nhất tâm bất loạn, tức là cầu phước. Niệm trước niệm sau nối nhau không hở, chữ nào chữ nấy

rõ ràng minh bạch, tức là cầu huệ. Lại như sáng lập Cư Sĩ Lâm, ấn định hai thời khóa tụng sáng chiều, đây là cầu phước. Nghe giảng kinh Pháp, hiểu rõ đạo lý, tu trì thiền quán, đây là cầu huệ. Nếu có người nữ nhân thành khẩn tha thiết nhất tâm niệm Quán Thế Âm chắc sanh được một nam nhi tuấn tú phước đức và trí huệ đầy đủ. Chứ chẳng sanh cậu nam nhi si phước hay cuồng huệ đâu. Đây gọi là cầu con trai được con trai.

Thuở trước có ông Đàm Hiến Khanh, nhà giàu có. Đã năm mươi tuổi mà không có con trai gái gì cả. Con cháu trong tộc tranh nhau thừa kế và chia của. Lòng ông Đàm chẳng vui. Do đó nên ông tận lực khẩn cầu Đức Từ Bi Quán Thế Âm Bồ Tát. Ông mới xuất ra năm ngàn đồng bạc để thiết lập đàn Đại Bi Sám. Tu Sám bốn mươi chín ngày.

Quả nhiên bà tiểu thiệp sanh một cậu con trai, nằm trong bọc trắng mà sanh ra. Mặt mày tuấn tú khôi ngô, thông minh lanh lợi. Thấy vậy bà vợ chính lại xuất ra một ngàn đồng để kiến thiết lầu Bạch Y Các, phụng thờ Đức Bạch Y Quán Âm. Rồi bà cũng sanh được một cậu con trai nữa. Hai đứa con này đều sáng sủa thông minh. Lại như Nam Thông Trương Hiếu Nhược cũng là do thân phụ của ông là Trương Sắc Ông tiên sinh cầu tự nơi Quán Âm Nham ở núi Lang Sơn mà sanh được ra ông vậy. Lại ngày xưa có người nữ nhân không con. Vợ chồng mới cầu tự trước tượng Quán Âm. Đêm nằm mộng thấy Đức Quán Âm lấy mâm đựng đứa con trai đem cho. Chính lúc người nữ nhân sắp tiếp nhận, bỗng nhiên có một con bò chạy xóc đến, nên chưa kịp tiếp lấy thì giật mình thức giấc, liền có mang. Rồi bà sanh được đứa con trai, nhưng chưa được mấy ngày, đã bị yêu vong. Bởi vì bình nhật vợ chồng ưa ăn thịt bò vậy. Từ đây về sau vợ chồng cùng nhau trai giới, nhất tâm ăn chay. Về sau quả thật sanh được một cậu con trai và nuôi được. Vậy là biết muốn cầu con trai gái, vẫn phải thường niệm, cúng dường lễ bái Quán Thế Âm Bồ Tát, lại càng phải giữ giới sát, phóng sanh, bố thí, hành thiện, trì trai cầu phước, mới được sự cảm ứng như tiếng vái vang, ứng niệm liền thành.

Nếu muốn cầu nữ, bèn sanh nữ tử có tướng mạo đoan chính, vì đời trước đã có trồng cội phước đức, nên nay được mọi người kính mến. Nữ nhân cầu nam nhi thời có nam nhi, sao lại muốn cầu nữ nhi làm gì? Hiện nay nam nữ bình đẳng, nữ quyền được phô trương, nam nữ chính không còn cao thấp nữa. Thử xem thời gian gần đây, nữ nhân gia nhập các chính đảng, tông sự các cơ quan chính quyền, và tông học mọi ngành học vấn, kỳ số kẻ chẳng xiết. Và lại nam tử hay tại ngoại, sanh được nữ tử khả dĩ cùng với bà mẫu thân mai chiều mẹ con thủ thi hay hủ hỉ. Cho nên đã có cậu con trai lại còn muốn cầu thêm cô con gái nữa cho ấm cúng và vui tươi gia đình nữa, và vì nó còn có sức hấp dẫn phi thường vậy. Nữ tử chẳng cần đòi các, mà cần

phẩm hạnh đoan chính, tướng mạo trang trọng, nhất vọng thì biết ngay là người ấy có phước đức, trí huệ. Ngũ quan chẳng khuyết, diện mạo nhã chính, gọi là đoan chính. Nếu đoan chính mà vô tướng thời chẳng được người kính mến. Trái lại có tướng mà chẳng đoan chính, chắc chắn bị người khinh rẻ. Cho nên nhất định là phải đoan chính mới được người mến, có tướng mạo người chịu kính trọng. Đòi trước trồng cội đức, tức là đòi trước đã vun trồng cội gốc hiền đức, hiện nay lại thành kính nghe kinh niệm Phật là vun trồng cội đức, là thêm cho gốc sâu rễ chắc, mới có thể cảm sanh được thân nữ tử tài đức song toàn và được nhiều người yêu kính. Phải biết nữ tử được người yêu mà chẳng được người kính, gọi là khinh rẻ, kính mà chẳng yêu mến gọi là xa bỏ. Cho nên quyết phải đầy đủ cả hai phương diện ấy mới thật được nhiều người ái kính.

Nhưng y theo Phật Pháp mà giảng, thời thế gian vạn pháp đều là huyền hóa. Con gái xinh lịch là trả nợ đời, mà con cái xấu xí là đòi nợ tiền khiên. Nhiều hay ít con cái tức là ít hay nhiều phiền não. Những người tu hành cho việc có con cái là sợi dây buộc lụy, mà không có tự tại. Thuyết này với thế gian pháp tất nhiên là trái ngược nhau. Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng những làm thỏa mãn nguyện cầu nam nữ trên thế giới này, mà còn làm thỏa mãn những người học Phật nguyện cầu pháp môn nam nữ nữa. Nam tiêu biểu trí huệ, nữ tiêu biểu thiền định. Chúng sanh ở cõi Dục, tâm nhiều tán loạn, nên chỉ có huệ mà không định, gọi là cuồng nam. Chúng sanh ở cõi Vô Sắc chỉ say đắm thiền định, nên có định mà không huệ, gọi là si nữ. Tứ thiên thiên, ở cõi Sắc, có định có huệ, bình đẳng song song. Nhưng định nữ này chẳng hay xuất sanh được vô lậu huệ nam, chẳng thể dứt phiền não được, cho nên gọi là hữu lậu định huệ, và cũng bất quá là si nam thạch nữ vậy thôi. Đây chẳng phải là chỗ sở cầu pháp môn nam nữ. Người tu Nhị thừa, định huệ đã có thể siêu sanh thoát tử được, nên gọi là vô lậu định huệ, khả dĩ sanh được pháp vô lậu, dứt được kiến tư phiền não, liễu được sanh tử vậy. Nhưng huệ nam này cũng chỉ dứt được kiến tư phiền não, mà chẳng dứt được căn bản vô minh. Định nữ tuy sanh được vô lậu, mà chẳng thể vào trung đạo được.

Cho nên chúng ta cầu trung đạo trí huệ nam, cầu trung đạo phước đức nữ. Chẳng say đắm nơi không và hữu; là huệ tức nơi định, gọi là hữu phước huệ nam; là định tức nơi huệ, gọi là hữu huệ phước nữ. Huệ là trí đức trang nghiêm, định là phước đức trang nghiêm. Đền quả vị Phật mới đầy đủ phước huệ, cho nên xưng là Lương Túc Tôn. Thân là Kim sắc, với tướng hảo Quang minh không ai sánh bằng, đây tức là Phước Túc. Bốn pháp biện tài, tám thứ tiếng, soi căn cơ mới thi thiết giáo pháp, đây tức là Huệ Túc. Bởi vì chúng ta không có trung đạo phước huệ trang nghiêm, cho nên bị trôi lăn

vào sanh tử mà làm chúng sanh. Lời tục ngữ: Người cần áo trang điểm, Phật phải vàng sơn thép. Cho nên trang nghiêm rất là trọng yếu. Vì thế phải quyết tâm cầu phước cầu huệ. Và phước huệ cần phải song tu. Tự tánh là Sở trang nghiêm, Phước huệ là Năng trang nghiêm. Năng sở chẳng hai đây gọi là Diệu nam Diệu nữ đầy đủ Diệu trang nghiêm. Muốn cầu huệ nam, định nữ, duy có thân lễ, khẩu xưng và ý niệm, đem ba nghiệp cúng dường Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, mới có thể thành công chắc chắn.

Vì vậy, Phật Thích Ca đã một lần nữa, gọi Ngài Vô Tận Ý mà bảo rằng: "Quán Thế Âm Bồ Tát có sức oai lực như vậy đó, chúng sanh nào năng cung kính lễ bái, phước chẳng lường bỏ". Ý nói chúng sanh lễ bái cúng dường quyết chẳng lường mất. Cầu nam cầu nữ chắc có thù ứng cho sở nguyện của mình. Dù cho bất đắc dĩ gặp những điều chưa có ứng nghiệm tức khắc, nhưng đã trồng căn lành, một mai kia khi nhân duyên thành thực, quyết chẳng lường mất vậy.

Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh hiệu của sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ Tát, lại trọn đời cúng dường đồ ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc thang. Ý ông nghĩ sao? Công đức của người Thiện nam tử, Thiện nữ nhơn đó có nhiều không?

Vô Tận Ý thưa: "Bạch Thế Tôn! Rất nhiều." Phật nói: " Nếu lại có người thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát nhẫn đến một thời lễ lạy cúng dường, thời phước của hai người đó bằng nhau không khác, trong năm nghìn muôn ức kiếp không thể cùng tận.

Vô Tận Ý! Thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát đặng vô lượng vô biên phước đức lợi ích như thế".

Đoạn văn này là so sánh công đức trì niệm danh hiệu Quán Âm. Hằng ngày chúng ta trì niệm danh hiệu Quán Âm đáo để nhưng có bao nhiêu công đức? Đức Phật bảo Ngài Vô Tận Ý rằng, thắng hoặc có người đại trí huệ niệm một danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát so sánh với danh hiệu sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ Tát, thì công đức ấy đều ngang nhau.

Sáu mươi hai ức hằng sa là số mục, nói những vị Bồ Tát được niệm rất nhiều. Hằng hà là tên một con sông ở Ấn Độ, phát nguyên từ trên dãy Tuyết Sơn, tại nơi ao A Nậu Đạt. Tuyết Sơn rất cao, tức là Hy Mã Lạp Sơn ngày nay. Do từ trên đỉnh núi chảy xuống một đường thẳng như từ trên thiên đường chảy đến, nên lại có tên là Thiên Đường Lai Hà. Sông Hằng bề dài ngàn trăm dặm, bề rộng bốn mươi dặm, mà nước rất cạn. Đáy sông có kim sa, cát vàng, lại có bùn cát. Cát nó sáng lóng lánh và mịn như bột phấn. So với cát ở các sông nước ta rất là khác nhau. Bóc một nắm cát ấy thì chẳng thể đếm kết được nhưng hạt cát, huông là cát của cả dòng sông dài hàng

trăm dặm, rộng bốn mươi dặm thời còn nói gì nữa. Mỗi khi Phật giảng đến số mục nhiều chẳng thể tính toán được liền nói hằng hà sa. Trong cõi Ta Bà thế giới, có bao nhiêu Bồ Tát, hoặc hiện hoặc ẩn, hoặc quyền hoặc thiệt, có nhiều như số cát của sáu mươi hai ức con sông Hằng.

Thực phẩm, áo mặc, thuốc men, đồ nằm gọi là bốn món cúng dường. La Hán tuy liễu sanh tử, nhưng cũng có khi sanh tiểu bệnh, vì xác thân này là ái thể do cha mẹ để lại. Đã có quả báo sanh thân, cho nên phải có bệnh. Ngoại trừ các vị Bồ Tát thị hiện, kỳ dư những thiệt hành Bồ Tát thời cũng có tiểu bệnh như cảm gió, ho, khạc nhổ, chứ chẳng phải đại bệnh nghiệp chướng. Phật Thích Ca cũng có việc đau lưng, cho nên cũng dùng thuốc men cúng dường để chữa cho lành bệnh. Phải biết, Phật, Bồ Tát, La Hán, đã có thân thể (ứng hóa thân, chẳng phải hai thân Pháp và Báo) tức có quả báo, vì muốn thị hiện ra bệnh tướng để giáo hóa chúng sanh cho chúng sanh biết rằng nghiệp báo chẳng bao giờ mất. Nên đã nói: Tuy không tạo nghiệp và kẻ chịu quả báo, nhưng một khi nghiệp đã gây ra nhất định chẳng mất. Một khi nhân duyên hội ngộ, tự chịu lấy quả báo mà mình đã tạo.

Cúng dường người xuất gia không ngoài bốn thứ kể trên. Nhưng đến địa vị Bồ Tát tài bảo đầy đủ, vốn chẳng cần dùng, uống ăn, áo mặc, thuốc men của thế gian nữa, nhưng chẳng qua người có thể phát tâm cúng dường, khả dĩ để cầu phước mà thôi. Bởi vì hằng tu tâm bố thí quyết tâm thọ được phước báo phong phú như vậy. Cúng dường có chia ra nội ngoại hai phần: Tứ cúng, ngũ cúng, hoặc thập cúng dường... đều là ngoại cúng dường; cung kính lễ bái, khẩu niệm danh hiệu, tâm quán tưởng thánh dung, đây gọi là thân, khẩu, ý ba nghiệp là nội cúng dường. Nếu được khấn thiết chí thành, công đức thật là bất khả tư nghì.

Nếu có người thọ trì danh hiệu của sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ Tát và dùng thân này cúng dường cho đến chết mới thôi. Người này thọ trì danh hiệu nhiều như thế, đây là Đại công đức thứ nhất. Sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ Tát, như thế là phước điền rất nhiều, đây là Đại công đức thứ hai. Lại cúng dường rộng lớn như thế, đây là Đại công đức thứ ba. Phát tâm cúng dường đến cả trọn một đời sống, thời gian lâu dài, đây là Đại công đức thứ tư. Vô Tận Ý! Nay người nghĩ xem công đức của người ấy như thế nhiều hay ít? Ngài Vô Tận Ý thưa: "Bạch Thế Tôn. Công đức ấy nhiều lắm, nhiều lắm, thật không thể nói hết được".

Đức Phật giảng: Công đức của người ấy cố nhiên là nhiều lắm đấy. Nhưng lại nếu có một người chỉ đơn trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát mà chẳng thọ trì danh hiệu sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ Tát, và cũng chẳng từ sự cúng dường trọn cả một đời người, mà chỉ lễ bái cúng dường nhất thời mà

thời. Vậy thời công đức của người này đã làm được đem mà so sánh là như thế nào? Người đời lễ bái đầu trán chẳng đến đất, lạy xuống góc lên, là tâm gián đoạn khinh dễ, không được ích lợi. Cần phải như quả núi lớn sụp đổ: Năm vóc gieo xuống đất, cốt là để bề gãy tâm công cao ngã mạn. Lại còn cần phải buông thả muôn duyên, nhất tâm đánh lễ. Tuyệt đối chẳng nên tham khoái tham nhiều là vọng tưởng, có tư lường phân biệt, thời tâm bị rối loạn ngay.

Vả lại, Bồ Tát là Bồ Tát ở trong tâm chúng sanh, tức là lễ bái Bồ Tát nơi tự tánh; chúng sanh là chúng sanh ở trong tâm Bồ Tát. Đem chúng sanh ở trong tâm Bồ Tát mà đánh lễ Bồ Tát ở trong tâm chúng sanh. Nên phải quán sát Năng lễ Sở lễ tánh đều vắng lặng, trọn chẳng nói được. Được như thế mới là đem chân tâm lễ bái, chân thật cúng dường Bồ Tát, tự có cảm ứng bất khả tư nghĩ. Đây là điều mà những người học Phật chẳng khá chẳng biết vậy. Cho nên nói người này ở trong một ngày 24 giờ đồng hồ, dành riêng một giờ lễ bái, thời gian chẳng lâu như trọn cả đời sống, đây là thời gian ít. Chỉ đơn hướng về một Đức Quán Âm, đây là phước điền ít. Chỉ trì một danh hiệu Quán Âm, mà chẳng thọ trì nhiều danh hiệu sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ Tát, đây là trì danh ít. Cũng không có tư sự cúng dường cho đầy đủ, đây là cúng dường ít. Thói quen của người đời căn cứ theo mặt nổi ở bên ngoài mà đem so sánh cho kẻ trước là công đức lớn lao, nhưng kỳ thiệt, phước của hai người ấy kia, đây ngang nhau sát soát chẳng ai hơn kém hào ly nào cả.

Nhân vì Quán Thế Âm Bồ Tát, từ vô lượng kiếp đến nay, đã sớm thành Phật. Mà hiện tại thị hiện Bồ Tát với mục đích để độ người, cho nên công đức cao cả bất khả tư nghĩ. Cho nên ai thường hay lễ bái cúng dường mười phương chư Phật Như Lai. Hy sinh thời gian chỉ một tiếng đồng hồ trong mỗi ngày để lễ bái cúng dường Quán Thế Âm được công đức ngang bằng với công đức của một người trọn đời trì niệm, tứ sự cúng dường sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ Tát. Trì danh hiệu Quán Thế Âm có phước đức lợi ích vô lượng vô biên như thế, cho nên công đức Quán Thế Âm Bồ Tát chùng một mảy lông mà Ngài Phổ Hiền Bồ Tát chẳng lường biết cho rốt ráo được.

Vì như một lượng vàng ròng giá trị quá hơn một trăm kí lô bông dệt vải. Chỉ đơn trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm như trì một lượng vàng ròng. Thọ trì danh hiệu sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ Tát, giống như một bao bông dệt vải hai trăm kí lô, tính số tuy nhiều, mà giá trị trọn chẳng thể cao hơn một lượng vàng ròng được. Lại như ngọc Ma ni bửu châu, một viên giá trị hơn cả ngàn vạn vạn thứ ngọc hải bửu như ngọc xa cừ, san hô. Lại như việc bố thí: Bố thí ngàn vạn người ác, chẳng bằng bố thí một người thiện. Cúng dường ngàn ông Tăng phạm phu, chẳng bằng cúng dường một vị La

Hán. Cúng dường ngàn La Hán, chẳng bằng cúng dường một vị Bồ Tát. Bởi vì Tăng phàm phu chưa xong sanh tử, A La Hán chẳng chịu độ sanh, cho nên công đức có lớn nhỏ chẳng đồng đều được là vậy.

Thuở xưa đã từng có một vị La Hán đi ra ngoài, trao cho tên đệ tử vai mang khăn gói theo sau, đồng đi. Đệ tử đi giữa đường, xem thấy những người nông phu trong những đám ruộng đang làm lưng lam lũ, khổ nhọc, người đệ tử bèn phát Bồ Tát tâm, muốn rộng độ bọn người ấy. Vị La Hán đã chứng được tha tâm thông, nên biết đệ tử của mình đã phát tâm Bồ Tát. Ngài liền khiến đệ tử phải đi trước, và lấy khăn gói lại tự mang đi theo sau. Một lần phát tâm. Thầy trò đi chưa lâu, đệ tử nghĩ: Tu Bồ Tát đạo phải chịu bao khổ nhọc, bị bao oán thù, đâu phải dễ gì mà mình kham gánh vác sao nổi? Nghĩ vậy bèn thối lui, phát tâm Tiểu thừa. Lại bị thầy biết được. Khiến trò mang gói đi theo sau. Một lần thối tâm. Thầy trò đi chừng hai ba dặm, đệ tử lại nghĩ rằng: Tu Bồ Tát tuy khó tu, nhưng mà sẽ được thành Phật. Vậy thì ta nên quyết phải phát Bồ Tát tâm, rồi sẽ gắng sức tu cho kỳ được. Hai lần phát tâm. Lại được thầy mời đi trước và cũng khỏi mang khăn gói. Thầy cứ khiến trò hoặc đi trước, hoặc đi sau, nên làm cho người đệ tử mù mịt chẳng hiểu Thầy của mình muốn làm diệu thuật gì đây, mà khiến mình rắc rối trở tráo như thế, nên mới bạo dạn thưa hỏi. Thầy giảng: Khi người phát tâm Bồ Tát là cao hơn La Hán, nên Thầy dạy người đi trước. Rồi khi người thối lui tâm Bồ Tát xuống nơi La Hán là người đi sau mang gói. Người đối với tâm Bồ Tát, khi phát ra hoặc lui về, cho nên trên đường đi, người hoặc được đi trước thông thả, khi phải đi sau và mang gói gọi là phục kỳ lao, chớ sao?

Cho nên Bồ Tát tâm chẳng nên không phát. Và lại phát được càng sớm càng tốt. Đừng nghĩ là sức của mình không làm nổi, không đủ sức, rồi từ đó mà tự khinh tự tiện. Đức A Di Đà, lúc ban sơ khi còn là Pháp Tạng Tỳ kheo, phát 48 lời thệ nguyện, bị người thời bấy giờ chê là điên là cuồng. Cuối cùng vẫn nhờ phát nguyện chẳng thối lui mà được thành Phật đạo. Quý vị đem công đức nghe kinh đem hồi hướng phổ lợi chúng sanh, nguyện đồng chúng sanh đồng thành Phật đạo. Đến nơi nào cũng lấy chúng sanh làm tiền đề. Bởi vì chúng sanh là chúng sanh ở trong tâm của ta, niệm niệm phát nguyện như thế tức là âm thầm un đúc trong pháp giới vô hình để kết pháp duyên cùng với chúng sanh. Quán Thế Âm Bồ Tát, có tinh thần cứu thế từ bi độ nhân hoằng đại này. Cho nên công đức của Ngài chính như công đức mười phương chư Phật. Cho nên dù đơn độc lễ bái cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát cũng như đã lễ bái cúng dường sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ Tát. Hơn nữa, Quán Thế Âm Bồ Tát lại còn có danh hiệu là Phổ Môn Đại Sĩ, là Pháp Giới Tánh. Cho nên sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ Tát cũng chẳng phải là chẳng bao gồm trong đó. Công phu tu hành của chúng ta nhiều niệm

đầu tức là nhiều vọng tưởng. Quý vị cho là niệm được càng nhiều càng hay. Kỳ thật chẳng phải vậy. Phật Pháp duy giản chuyên, duy hằng cần, tâm một chẳng hai, tức là khắp cùng Pháp giới, cho nên bất tất phải tham nhiều: Khi thì tụng kinh này, lúc lại đọc kinh kia, lúc thì lễ sám, khi lại trì chú, bận rộn lăng xăng chẳng lúc nào rảnh. Tuy chẳng phải không có công đức, nhưng có thể làm cho tâm dễ bị tán loạn bất định. Lại có một hạng người, mai ba chiều bốn, ưa mới chán cũ, tự mình chẳng có bản lĩnh gì cả. Chẳng bằng chí thành khẩn thiết, chuyên một chẳng hai trì tụng Phẩm Phổ Môn, hoặc chuyên niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thời chắc được lợi ích nhiều đến vô lượng vô biên vậy.

Thuở trước có người tên là Cao Phiền, tư chất thông minh, có thiên tài học giỏi, mới lên mười bốn tuổi đã đậu Tú Tài. Anh Tú lấy vợ người họ Phàn, tự là Giang Thành. Người vợ có nhan sắc đẹp đẽ, nhưng lại phải tính tình bạo ác bướng bỉnh. Thế là Cao tú tài gặp phải sự đau khổ thầm kín bên trong là cô vợ sư tử hà đông, như con thú dữ ở xứ Hà Đông. Gây đau khổ cho anh đến nỗi thân thể gầy mòn ốm như khúc củi khô. Bà nhạc mẫu lại là người rất hiền lành, nhân thấy con gái mình đối đãi với chồng chẳng được tử tế đẹp lành lắm, nên bà lấy làm lo âu. Rồi bà mới thiết lễ cầu nguyện Đức Quán Thế Âm Bồ Tát xin gia hộ.

Một đêm bà mộng thấy Đức Quán Thế Âm nói rằng: Con gái của người kiếp trước là một con chuột trường sanh đã sống ở trong một ngôi chùa lâu năm, do một vị hòa thượng chùa ấy nuôi dưỡng. Kiếp trước Tú tài còn là tên học trò đã từng ở nhờ trong chùa ấy để đọc sách, y đã làm chết con chuột kia. Với hiện tại tức một quả báo trả lại đền một quả báo, cho đến khi nào chết mới xong. Nhưng nếu niệm Phẩm Phổ Môn, có thể cứu được. Bà nhạc mẫu liền bảo cho con rể và anh với chị nhà bên hay việc mình đã vừa mộng thấy. Sau đó toàn gia trì niệm hơn vài tháng nhưng chưa thấy có hiệu quả gì. Họ mới bảo anh Tú tài, khiến anh cũng phải cùng nhau phát tâm hằng thường, đồng tâm trì niệm. Bỗng nhiên một hôm có một vị lão Tăng đến. Lão Tăng này lại kiêm chuyên môn tướng thuật rất tinh tường và minh đạt lẽ nhân quả nữa. Bấy giờ, dân làng tranh nhau đến cầu hỏi những việc cát hung đủ thứ. Phàn thị, vợ thầy Tú cũng cùng đi đến hỏi vị Thầy tăng. Khi lão Tăng thấy cô. Ngài liền nhìn thẳng mặt cô mà đọc một bài kệ sáu câu. Rồi vị lão Tăng dùng một chén nước và ngậm phun lên cả trên mặt cô. Chính lúc ấy mọi người lấy làm ngạc nhiên đều cho là khôn rồi. E rằng vị lão Tăng này chắc sẽ bị Phàn thị nó hành hung cho mà biết, vì bình nhật tính nó nóng nảy, hễ trái ý nó thì phải biết. Nhưng trái lại, ai ngờ cô Tú vẫn điềm nhiên, mặc cho vị lão Tăng phun nước làm phép tác gì thì làm chẳng ai thấy cô có chút giận dữ gì hết. Sáu câu của Ngài nói như sau: Đây, đừng nên

giận, đừng nên giận nữa. Kiếp trước cũng chẳng giả, việc nay cũng chẳng thiệt. Khốn nạn, chuột mi cắn đầu chạy đùng cho mèo đuổi bắt. Cô Tú nghe xong tức thì tỉnh ngộ, và cũng từ đây về sau, cải đổi hoàn toàn tính nết. Cô gắng sức ăn năn thay đổi những lỗi lầm ngày trước, và sau đó dĩ nhiên là trở thành một người vợ hiền lương, người dâu hiếu thuận. Đức Quán Thế Âm Bồ Tát oai đức thật bất khả tư nghĩ, vô lượng vô biên phước đức lợi ích vậy. Thường thường có như thế.

Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ Tát đi đạo trong cõi Ta Bà như thế nào? Nói Pháp cho chúng sanh như thế nào? Sức phương tiện việc đó như thế nào? "

Phẩm này có hai lần vấn đáp. Từ trước đến đây là lần vấn đáp thứ nhất. Là giải thích nguyên do lập tên Quán Thế Âm. Đoạn này là lần vấn đáp thứ hai. Là hỏi vì lý do gì mà có Phổ Môn thị hiện. Ngài Vô Tận Ý lại một lần nữa xin b bạch Phật Thích Ca rằng: "Quán Thế Âm Bồ Tát ở Tây phương Cực lạc thế giới sau Phật A Di Đà sẽ thành Phật hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Phật. Vậy là hiện nay Ngài là một vị Bồ Tát ở Tây phương, mà tại sao đi đạo trong khắp cõi Ta Bà thế giới này?". Chúng ta nương ở trên thế giới này, gọi là thế giới Ta Bà. Ta Bà là tiếng Ấn Độ. Người Tàu dịch là kham nhẫn. Là nói chúng sanh kham năng nhẫn chịu tất cả ngũ trược ác thế, ba khổ, tám khổ, tất cả khổ não. Lại thêm sống say chết mộng, đem khổ làm vui, chẳng tự giác ngộ, chẳng muốn giải thoát sanh tử. Cho nên gọi là thế giới Ta Bà.

Phật pháp cốt muốn chỉ dạy cho chúng sanh thấu rõ các khổ não, sanh, lão, bệnh, tử để xé cái bọc vô minh mê mờ của chúng sanh. Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát đi đạo trong thế giới Ta Bà rốt ráo nói những pháp gì ư? Dùng pháp phương tiện và việc giáo hóa chúng sanh như thế nào? Quán Thế Âm Bồ Tát đến thế giới Ta Bà là đến mà chẳng đến. Vì Quán Thế Âm ở Cực lạc thế giới thật chưa từng động, như ánh sáng mặt trăng trên trời, còn Quán Thế Âm ở thế giới Ta Bà như trăng nước ngàn sông. Có thần thông biến hóa trăm ngàn vạn ức hóa thân, mà bất động bản thể, vẫn đi đạo trong cõi Ta Bà, gọi là Thân luân giáo hóa bất khả tư nghĩ. Quán Thế Âm Bồ Tát vì chúng sanh, vô thuyết mà thuyết, Đại, Tiểu, Quyền, Thiệt, Thiên, Viên các phương pháp Pháp môn, gọi là Khâu luân giáo hóa bất khả tư nghĩ. Tùy căn cơ ứng biến, gặp cơ duyên hóa hiện. Bởi tài năng thi thiết giáo pháp, như đối với các chứng bệnh mà kê đơn cho thuốc, nên dùng phương pháp nào mới được tiện nghi, tức dùng ngay phương pháp ấy mà hiện thân thuyết pháp. Gọi là Ý luân giáo hóa bất khả tư nghĩ.

Quán Thế Âm Bồ Tát như vị Đại Y Vương. Chúng sanh đều có thói quen, quyết phải nhân nơi tiện nghi mà lập ra phương pháp mới có thể trị trừ được chứng bệnh của thói quen kia. Tóm lại mà nói, gọi là ba Luân giáo hóa bất khả tư nghi. Luân có nghĩa là cái bánh xe, có khả năng lăn chạy làm lợi ích cho người và vật. Ở nơi chúng sanh thì gọi là ba nghiệp, mà nơi Quán Thế Âm Bồ Tát thời là ba Luân cũng gọi là ba Mật. Hoặc hiện Phật, hoặc hiện Bồ Tát, hoặc hiện Tỳ Kheo, hiện nữ nhân... Do tam luân thân, khẩu, ý đến giáo hóa chúng sanh có thiên sai vạn biệt. Như một tấm gương lớn trong sáng, bản thể nó vốn thanh tịnh, vốn không có một vật gì cả, nhưng tùy sử dụng mà hiện ra vậy.

---o0o---

Thuở xưa, ở Quý Châu thuộc huyện Tu Văn, nơi động Bạch Sơn, có một mỏ thủy ngân chảy ra. Người làng tụ đến trong động để lấy nước thủy ngân. Về sau họ bèn lập nhà cửa ở luôn tại đây chừng hơn hai trăm gia đình. Cách động hơn vài dặm, lại có khe nước, nước cạn mà trong mát, rất tốt. Một hôm có một cô gái dung nhan rất xinh đẹp, trần truồng lội tắm trong khe. Người làng, sẵn tánh hiếu kỳ, khi hay biết thế, tất cả bà con nam nữ, lão ấu, lớn nhỏ cả hơn hai trăm gia đình đều ào ra, tranh nhau dành xem tận mặt cô gái kỳ lạ kia mới chịu. Lúc đó tại nơi họ ở, một gộp đá vĩ đại ở trên đỉnh động, bỗng thành linh sập nhào xuống. Dân cư nhờ xem cô gái tắm mà tự nhiên đều thoát nạn đá đè. Khi gộp đá sụp xong, dân chúng chẳng còn thấy cô gái trần truồng tắm nữa. Lúc bấy giờ họ mới đoán biết là Đức Quán Thế Âm biến hiện mỹ nữ để làm kế cứu nạn cho họ. Dân chúng ở đây thật nhờ thiện căn cảm động được như vậy. Sau ba năm có một người đến chỗ gộp đá sập ấy tìm cây cỏ thuốc. Từ trong kẽ đá có tiếng vọng ra: "Cứu tôi với!". Người hái thuốc nhận ra tiếng người, mới dám hỏi ý. Được biết trước đây ba năm, khi tảng đá sập, y bị kẹt tại đây. Khi người làng được tin ấy, mới xúm nhau chạy đến cứu ra. Họ mới biết trước đây ba năm, khi dân chúng cùng nhau chạy đi xem mỹ nữ trần truồng tắm, thì riêng chỉ một mình y ở lại nhà tại trong động, nên mới bị nạn này. Bởi nhờ những tảng đá to sập xuống chồng chất lên nhau, nên mới có kẻ trống và y khỏi bị đá đè chết, nhưng cũng chẳng có cách nào ra được. Đến lúc bụng đói, y chẳng biết làm sao. Nhân nhờ nhớ lại liền niệm Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, chợt thấy có một con chuột trắng, đôi mắt nó sáng như điện, soi sáng trên một tảng đá lớn có chữ đủ toàn Phẩm Phổ Môn. Con chuột bèn lấy lưỡi liếm ăn những chữ trên tảng đá ấy, y cũng bắt chước ngày ngày cũng liếm ăn chữ như chuột, thời chẳng cảm thấy nghe đói khát gì hết. Hãy còn thừa lại hai ba hàng chữ chưa liếm ăn tới. Sau khi bà con nghe y thuật lại như thế, họ liền đến chỗ y bị kẹt kẹt đá ra, xem thấy quả thật chỉ còn thừa lại hai ba hàng chữ. Phẩm Phổ Môn

tức là Phẩm kinh đang giảng hôm nay đây. Đây là từ bi phương tiện hiện các thứ thân mà thuyết các Pháp môn đều là bất khả tư nghì vậy.

Phật bảo Vô Tận Ý Bồ Tát rằng: "Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh trong quốc độ nào đáng dùng thân Phật đặng độ thoát, thời Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện thân Phật mà vì chúng sanh đó mà nói Pháp".

Từ đây trở xuống chính là giảng 32 ứng hóa thân của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Thân thể chúng ta có tri có giác là hữu tình, gọi là Chánh báo. Sơn hà đại địa, thế giới quốc độ, áo mặc đồ dùng là vô tình, gọi là Y báo. Chánh báo nương quốc độ và các thứ Y báo mà được tồn tại. Y báo cũng nương theo Chánh báo mà có. Chánh báo có phước thời Y báo được đầy đủ. Ngược lại, Chánh báo chẳng có phước, đương nhiên Y báo cũng xấu xa hèn kém. Chánh báo của chúng sanh có phân biệt ra mười cõi. Y báo quốc độ bởi vậy nên cũng có chia ra nhiều vô lượng. Tựu trung có thể chia ra làm bốn thứ:

1.- Cõi Phạm Thánh đồng cư: tức là chỗ nương ở của sáu phàm hữu lậu ngũ ấm chúng sanh. Như chúng ta ở cõi Ta Bà thế giới, tuy là chỗ ở sáu đạo hữu lậu chúng sanh, nhưng như núi Phổ Đà là chốn đạo tràng của Đức Quán Thế Âm, núi Nga My là đạo tràng của Đức Phổ Hiền Bồ Tát, núi Ngũ Đài là đạo tràng của Đức Văn Thù, núi Cửu Hoa lại là thánh địa của Đức Địa Tạng Bồ Tát. Tuy là nơi chốn của phàm phu nương ở, nhưng đồng thời cũng là chỗ ứng hóa của bốn vị Đại Bồ Tát. Lại như hai núi Thiên Thai, Nhạn Đẳng đều là những chỗ ứng hóa của các vị La Hán. Lấy mắt của kẻ phàm phu mà nhìn, thì đây bất quá chỉ là núi cao, chùa chiền thông thường mà thôi, chẳng có gì quý lắm, nhưng với trí nhãn của Thánh nhân thời đó là những thắng cảnh đặc biệt của các vị Bồ Tát, La Hán. Cho nên thế giới Y báo này, Phạm Thánh đồng cư, rông rãi lẫn lộn. Chính như cõi trời Sắc Giới cũng có cung trời Ngũ bát hoàn tức là chỗ nương ở của Thánh nhân quả thứ ba là A Na Hàm. Cho nên gọi là cõi Phạm Thánh đồng cư vậy.

2.- Cõi Phương Tiện hữu dư: là chỗ ở của nhị thừa Thánh nhân, La Hán, Duyên Giác, gọi là Nhị thừa chúng sanh. Lại còn gọi là vô lậu ngũ ấm chúng sanh. La Hán lấy Khổ, Tập, Diệt, Đạo bốn Đế là cỗ xe cỡi đi. Duyên Giác lấy Vô Minh duyên Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, cho đến Sanh duyên Lão Tử, tất cả 12 duyên làm xe chở đi. Nhị thừa đã dứt được kiến tư phiền não, và đã ra khỏi tam giới là cõi đồng cư phân đoạn sanh tử. Cho nên thế giới Nhị thừa trang nghiêm thanh tịnh. Nhưng lại phương tiện đạo tức con đường phương tiện. Kinh gọi là thành đô biến hóa, hay hóa thành, là vậy. Nhân vì chỉ liễu được có một nửa phiền não

sanh tử mà thôi, chứ chưa rốt ráo, lại còn dư thừa, nên gọi là cõi Phương Tiện hữu dư.

3.- Cõi Thật Báo trang nghiêm: là chỗ nương ở của các vị Bồ Tát đang phá vô minh. Dùng nhân chân thật cảm quả chân thật, đem nhân chân thật cảm báo chân thật. Sắc pháp, tâm pháp, y báo, chánh báo, đều trang nghiêm diệu hảo phi thường. Bởi vì Bồ Tát là Đại Đạo Tâm chúng sanh, phát tâm quảng đại độ thoát chúng sanh, chứa công nhóm đức và trồng hột giống Đại phước nghiệp. Cho nên được tự tại, vô ngại. Nhỏ năng hóa lớn, ít năng hóa nhiều, chánh báo có thể làm y báo, ngược lại cũng vẫn được. Cho nên trong kinh nói: Trên đầu một mảy lông có thể hiện bảo vương sát hải, trong một hạt vi trần có thể chuyên Đại Pháp Luân. Một lỗ chân lông có thể chứa hết cả nước của biển cả. Hạt cải đựng được cả núi Tu Di. Sắc, Tâm viên dung; Y, Chánh vô ngại. Đầy đều là nhờ trong nhân Bồ Tát tu đủ lục độ vạn hạnh các món công đức mà được trang nghiêm. Cho nên gọi là cõi Thật Báo trang nghiêm. Từ trước đến đây là chín pháp giới của lục phàm tam thừa vậy.

4.- Cõi Thường Tịch Quang: là chỗ Phật nương ở. Phật là vô lượng chúng sanh. Bởi vì Phật đã rốt ráo hết sạch sanh tử, không ai trên hơn được, nên gọi Vô Thượng Tịch là Đại Tịch Diệt Hải bất sanh bất diệt, yên lặng thường hằng, tức là Giải Thoát đức. Quang là Đại quang minh tạng, thiêng liêng sáng suốt soi thông, tức là Bát Nhã đức. Thường tức là Tịch với Quang chẳng hai, suốt xưa suốt nay, đức là Pháp Thân đức. Mà gọi tên là cõi Thường Tịch Quang, tức là Mật tạng của ba Đức ấy vậy. Đến đây mới thật là cõi rốt ráo. Ba cõi Đồng Cư, Phương Tiện, Thật Báo là Sự. Duy chỉ có cõi Thường Tịch Quang là Lý.

Như quý vị đến giảng đường này nghe giảng kinh. Nếu phân biệt người trai kẻ gái, cái bàn chiếc ghế; và với trong khi nghe pháp, khởi tâm tư lường phân biệt, đấy tức là cõi Thánh Phạm đồng cư. Nếu nhất tâm nghe kinh, liễu đạt thấy không có một vật gì cả, chỉ là không cảnh hiện tiền. Chẳng phân biệt nam nữ, sắc tướng trong thính chúng này, tức là cảnh giới của cõi Phương Tiện hữu dư. Nếu trong đám ruộng tâm điền thanh tịnh trang nghiêm, phát quảng đại từ bi tâm, hy vọng mọi người đều được lợi ích thù thắng. Xem thấy giảng đường trang nghiêm diệu hảo, tức là chỗ tuyển Phật đạo tràng, dù sanh lòng kính mong. Đấy tức là cảnh giới trang nghiêm của cõi Thật Báo. Nếu đem tâm bình đẳng bất nhị, đến nghe hiểu kinh pháp. Năng, Sở chẳng hai; Y, Chánh chẳng hai; Tự, Tha chẳng hai; Sắc, Tâm chẳng hai. Nhất tâm thanh tịnh, khoáng thoát không dính vào đâu. Đấy là cảnh giới của cõi Thường Tịch Quang vậy. Cùng là một cái giảng đường, với kẻ trí thấy trọn vẹn là trí, mà kẻ nhân thấy hoàn toàn là nhân. Như khi

Đức Phật thị tịch tại song lâm, mọi người đều thấy có bốn cái khác nhau chẳng đồng, tức là những lẽ ấy vậy.

Quán Thế Âm Bồ Tát, quán thấy những chúng sanh quốc độ nào, có những cơ cảm gì, nên dùng những loại thân nào cho tương đương tương xứng tức thị hiện thân ấy mà thuyết Pháp. Như có một loại chúng sanh, căn cơ thành Phật đã thành thực, một khi được thấy tướng Phật, liền được thành tựu độ thoát, thời Quán Thế Âm Bồ Tát liền tùy cơ duyên ấy hiện thân Phật để thuyết Pháp môn thành Phật ngay, khiến đoạn hoặc chứng chân là được giải thoát. Thân Phật có 32 tướng. Trên đỉnh đầu có tướng vô kiến đỉnh, chằng giữa hai hàng lông mày có tướng bạch hào, như là Hào tướng của Phật Thích Ca, dài hơn một trượng, chùng bằng ống kính nhỏ, trong ngoài suốt thấu, năng tung ra năng cuốn lại. Trước ngực có chữ Vạn. Dưới chân có Thiên bức luân. Lại có 80 vẻ đẹp tùy hình. Hiện thân là Thân luân. Thuyết pháp là Khẩu luân. Nên dùng thân nào hay pháp gì tức là Ý luân. Quán Thế Âm Bồ Tát, trước đã thành Phật, sớm thành tam mật tướng hải rồi. Mà thị hiện hiện Phật tướng tức là thị hiện bản lai diện mục vậy. Cho nên Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện ra tam luân, thật chẳng có thể đem tâm khẩu nghĩ bàn được vậy.

Nhưng phải biết Pháp thân Quán Thế Âm vốn là vô tướng. Kinh nói: Pháp thân khắp tất cả mọi chỗ. Cũng không vì hình tướng mà khác được. Nhưng vì độ chúng sanh nên thị hiện Phật tướng. Kinh gọi: Vô tướng mà phải có tướng. Kỳ thật, Phạm sở hữu tướng, giai thị hư vọng. Kinh Kim Cang nói:

Nếu do sắc thấy Ta,
Nơi tiếng tìm tìm Ta.
Người ấy hành tà đạo,
Chẳng thể thấy Như Lai.

Là đây vậy. Nhưng không sanh, không chẳng sanh, không tướng, không chẳng tướng. Do đó nên tùy cơ hiện Phật tướng cũng là việc phải làm vậy. Cho nên phải nói thêm như thế này: Nếu chẳng do sắc thấy Ta, chẳng nơi tiếng tìm tìm Ta, người ấy hành tà đạo, chẳng bao giờ thấy Ta. Vì khám phá ra lỗi chấp Không lưu tặc không ít, cho nên phải chuyển ngữ mới cứu vãn được vậy.

Thị hiện Phật tướng có bốn giáo nghĩa chẳng đồng:

a.- Tạng giáo Phật: Là Liệt ứng thân Phật. Cỏ tươi làm tòa ngồi dưới bóng cội Bồ đề. Thân chỉ có một trượng sáu thước. Tướng lão Tỳ kheo già,

hoặc thấy cao tám thước. Nhãn quang của những kẻ phàm phu ngắn, tâm lượng nhỏ hẹp, cho nên chỉ thấy có một trượng sáu hay tám thước mà thôi.

b.- Thông giáo Phật: Là gồm Liệt thẳng ứng thân Phật. Hoặc khi hiện một trượng sáu thước, hoặc hiện lớn như núi Tu Di. Năng đại năng tiêu. Nhân vì những người tu bên Thông giáo, căn tánh dung thông, tâm lượng khá lớn. Nhưng cũng có những người liệt căn nên vẫn thấy thân nhỏ.

c.- Biệt giáo Phật: Là Viên mãn báo thân. Thân Lô Xá Na Phật cao một ngàn trượng. Những người có căn tánh Bồ Tát, năng phát tâm quảng đại mới thấy được Viên mãn báo thân này. Như khi Đức Phật Thích Ca đối với Bồ Tát thuyết kinh Hoa Nghiêm mới hiện ra thân này vậy.

d.- Viên giáo Phật: Tức là Thanh tịnh Pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật. Là Đại đạo tâm chúng sanh có lợi căn thành Phật mới thấy được. Pháp thân lấy hư không làm tòa, thanh tịnh bản nhiên, đầy khắp pháp giới.

Tạng giáo Phật, Thông giáo Phật, lấy Chân Không làm thể, gọi là Ứng hóa Phật. Biệt giáo Phật, lấy Diệu Hữu làm thể, gọi là Báo thân Phật. Viên giáo Phật, lấy Trung đạo làm thể, gọi là Pháp thân Phật. Phật vốn không có phân biệt bốn tướng của bốn giáo, nhưng vì căn cơ của chúng sanh có lạnh, chậm, lớn, nhỏ, cho nên chỗ thấy biết chẳng đồng đó thôi. Ba thân của Phật, hãy lấy mặt trăng là thí dụ cho dễ hiểu. Bản thể trắng là Pháp thân Phật. Ánh sáng trắng là Báo thân Phật. Trăng dưới nước là Ứng hóa Phật. Ánh trăng trong lòng nước, có lớn có nhỏ, dụ cho thân Phật có Liệt ứng thân và Thăng ứng thân. Đây là thị hiện thân Phật thứ nhất.

Người đáng dùng thân Duyên Giác đặng độ thoát, liền hiện thân Duyên Giác mà vì đó nói Pháp.

Đây là thị hiện thân Duyên Giác, thứ hai. Dưới Phật vốn có Bồ Tát, mà vì Quán Thế Âm đã là hiện thân tướng Bồ Tát rồi nên không còn hiện thân Bồ Tát nữa. Duyên Giác ra đời có Phật gặp Phật nên được lãnh thọ giáo pháp do Phật dạy. Lại gọi là Độc Giác vì ra đời không có Phật gặp Phật, tự mình giác ngộ. Như nay Phật Thích Ca đã nhập diệt, Phật Di Lặc chưa ra đời. Sanh tại Phật tiền hoặc Phật hậu. Lại chẳng từng học nghe kinh pháp, riêng mình ở trong núi sâu rừng rậm, am tranh vách lá mà tinh tu Đạo nghiệp. Xuân xem trăm hoa nở, Thu thấy lá vàng rơi. Nhân đây ngộ biết thế gian vạn pháp từ duyên sanh, và do duyên diệt. Rồi cũng nhân đây mà biết tự tánh không sanh cũng không diệt. Không thầy, tự thông mà khai ngộ, gọi là Độc giác. Như khi Phật còn tại thế. Đương thời Phật nói giáo pháp 12 nhân duyên. Do nhân duyên sanh diệt, mà ngộ được lý bất sanh diệt chơn không, nên gọi là Duyên Giác.

Chúng ta sanh tử do nơi Vô Minh quá khứ. Vô minh tức ái phiền não. Do ái gây nghiệp Hành, cho nên Vô minh duyên Hành. Hai chi phần này là nhân quá khứ. Do nghiệp Hành nên có nghiệp Thức đi đầu thai là Hành duyên Thức. Do đây nên mới có Danh sắc trong mẫu thai. Lục nhập danh sắc, tức là sắc tâm trong bào thai. Lục nhập tức lục căn. Đây là Thức duyên Danh Sắc. Danh sắc duyên Lục Nhập. Sáu căn đã đầy đủ, mười tháng mãn thai mới có xúc. Nhân lúc ra thai mới có cảm xúc lạnh nóng. Cho đến lúc sáu căn cảm xúc sáu trần. Lại nhân có sáu món xúc giác, sanh sáu lãnh thọ. Đây là Lục nhập duyên Xúc. Xúc duyên Thọ. Từ Thức đến Thọ năm chi này là quả hiện tại. Do Thọ mà sanh Ái dục, khởi ra chấp luyến, đây tức là Thọ duyên Ái. Ái duyên Thủ. Ái tức vô minh quá khứ. Do Ái với Thủ mà gây ra nghiệp, chắc chắn có nghiệp báo, tức Thủ duyên Hữu. Ba chi phần Ái, Thủ, Hữu này là nhân hiện tại, cảm Sanh ra đời sau hai chi là Lão và Tử tức là quả. Kinh nói: Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão, Tử. Vậy là biết chúng sanh bị sanh tử luân hồi là do nơi quá khứ Vô minh phiền não mà có.

Vô minh tức ái tâm hiện tại. Ái là cội gốc của sanh tử, nên muốn giải thoát sanh tử quyết phải đoạn dứt Ái. Cho nên mới nói: Ái bất trọng, bất sanh Ta Bà. Nếu quả thật dứt được Ái tâm thời Vô minh cũng diệt. Vô minh diệt là Hành diệt theo. Hành diệt là Thức cũng diệt luôn. Cho nên Sanh, Lão, Tử chẳng do đâu mà có thể tồn tại được nữa. Như thế suy xét cho cùng cực, thuận sanh 12 nhân duyên, mà cùng tột đến ngược vòng lại cũng phải tiêu diệt 12 cái báo đời đó mới xong, đó là muốn xong sanh tử. Vậy khi biết duyên sanh duyên diệt, tức giác ngộ được lý chơn không bất sanh bất diệt, gọi là Duyên Giác. Quả Duyên Giác này cao hơn quả La Hán, vì A La Hán chỉ dứt được chánh sử kiến tư phiền não. Mà Duyên Giác kiêm dứt tập khí kiến tư phiền não. Mê lý khởi phân biệt là Kiến, đối với cảnh sanh thương ghét là Tư, tức là sai lầm do thấy và nghĩ. A La Hán chỉ mới dứt được chánh sử. Chánh là như cái bình đựng rượu; rượu tuy đã rót hết, mà hơi rượu vẫn còn. Cho nên A La Hán còn hơi hám. Duyên Giác chẳng những đã đổ hết rượu, lại còn đem chiếc bình ngâm rửa để tẩy trừ hơi rượu. Nhưng cũng chẳng sạch hết được. Bất quá là chỉ tạm cao hơn quả vị A La Hán mà thôi.

Quán Thế Âm Bồ Tát, quán sát loại chúng sanh này, nên dùng thân Duyên Giác mà độ được, bèn thị hiện thân ấy đối với họ thuyết Pháp môn sanh diệt nhân duyên và bất sanh diệt, để cho liễu thoát được sanh tử, ra khỏi luân hồi.

Người đáng dùng thân Thanh Văn đặng độ thoát, liền hiện thân Thanh Văn mà vì đó nói Pháp.

Đây là thị hiện thân Thanh Văn, thứ ba. Thanh Văn tức là quả vị A La Hán. Do nghe âm thanh pháp Tứ Đế mà được ngộ Đạo, nên gọi là Thanh Văn. Tứ Đế là gì? Tức là biết Khổ, dứt Tập, mộ Diệt. Khổ là quả khổ của ba cõi sáu đường sanh tử. Hai thứ này là nhân quả khổ của thế gian. Khổ do Tập nhân mà có Khổ quả. Nhất định phải dứt Tập nhân mới mong hết Khổ quả. Lại cần phải biết Khổ mới dứt được Tập. Cho nên "Biết Khổ" là cửa trước để tiến vào Đạo.

Thuở xưa có một vị lão Tăng, thích tu hạnh đầu đà, nên ra đi phương xa để cầu sư tham học. Nhân lúc vừa đói bụng, mới đi khát thực vào trong một xóm có nhiều người nữ cư sĩ. Họ cũng là những người tu hành, mà không xuất gia. Các bà ấy, khi thấy vị lão Tăng đến họ mới nghĩ rằng vị Đại đức này, chẳng mấy khi Ngài đến xóm làng ta, mà hôm nay Ngài quang lâm đến thật là hân hạnh cho chị em mình biết bao. Vì là nhất Tăng chí như nhất Phật lai. Liên đây các bà hớn hở cùng nhau sốt sắng làm cơm chay thượng đẳng đặc biệt; đồng thời họ cũng trần thiết một pháp tọa và hương án đầy đủ hương hoa trầm trà quả trái rất là nghiêm trang. Khi đâu đấy xong, các bà tề chỉnh y phục, cung kính đánh lễ và thỉnh lão Tăng lên pháp tọa để nhờ Ngài thuyết pháp khai thị cho chị em con cháu pháp nữ giúp cho đường lối tu hành. Nào ngờ đâu, lão Tăng này từ bé đến giờ chưa từng nghe Pháp đọc Kinh gì hết, mà giờ đây thì biết lấy cái gì mà khai thị cho ai. Ngài đành đàn rỗi, cứ ngồi yên, toát mồ hôi, xanh mặt tím tai, tâm thần vô cùng bối rối. Cuối cùng mới thốt ra lời tự than trách: "Khổ thay!". Rồi Ngài vẫn ngồi yên như một pho tượng mới vừa được khai quang điểm nhãn.

Từ nãy đến giờ các bà quỳ trước pháp tòa để đón nghe lời khai thị. Ngoài tiếng Khổ chẳng nghe Ngài ban lời gì nữa cả.

Nhưng thán khí của một tiếng Khổ bay ra trong cảnh bất giác bất tri có thần diệu phi thường khản thiết, nên đã lọt vào tai các bà nghe trọn vẹn. Do đây các bà khởi nghĩ riêng thân phận của mọi người: Trước khi tu hành, lúc còn nhỏ đại chịu sự bó buộc của cha mẹ, khi lớn khôn đi lấy chồng, rồi sanh con nuôi cái, lo cho gia đình sanh sống, thiếu trước hụt sau, nhân tình thế thái lúc này lúc khác. Đến nay tuổi đã chùng này, đầu bạc, răng long... đã từng nếm đủ mùi ngọt chua cay đắng, đã trải qua biết bao cảnh buồn vui vinh nhục... Ngày quá khứ, các bà nghĩ đến đâu là cảnh khổ nó dàn ra đến đây đây đủ rõ ràng nơi tâm trí. Chao ôi! Khổ ôi là khổ. Khổ biết bao. Nghĩ sao cho xiết. Về ngày tương lai, các bà lại thấy mù mù mịt mịt... Thân thể gia đình, sống còn chết mất... Ruộng dâu bãi bễ nào ai dám bảo đảm cho ai được đâu! Nghĩ vậy, bất giác lòng bi ai nó hiện đến... Một bà khóc thút thít, rồi các bà khác tiếp theo ào lên khóc hu hu.

Lão Tăng chẳng hiểu mô tê ắt giáp nguyên do vì sao mà các bà khóc đến thế? Ngài kinh hãi hoảng sợ, nhưng cũng chẳng làm sao mà thoát xuống pháp tòa cho được. Các bà suy nghĩ cảnh khổ đến cực độ, cho nên vong cảnh vong tình, bất ngờ các bà trợn vào Khổ đế thiên định tam muội. Bảy giờ quang cảnh im lặng như nhà không người. Lão Tăng ta mới có dịp, khẽ lén bước xuống pháp tòa, lanh lẹ nhặt chiếc bình bát lên vai, chẳng có lời từ biệt, đi thẳng một mạch luôn, chẳng dám nghĩ gì đến cơm nước cả. Vài phút sau, các bà mới lần lần tỉnh dậy, thì lão Tăng đã đi xa lắm rồi. Các bà ân hận chưa kịp cúng dường, và họ nói: "Chẳng biết ngày nào vị Đại đức lại trở lại đây, đặng chúng mình cúng dường lên Ngài một bữa cho xứng đáng thỏa lòng, vì Ngài đã khai thị cho chị em chúng mình một chữ Khổ mà bọn mình thọ dụng chẳng biết bao giờ cho hết. Thật là quý hóa thay!"

Đây là biết Khổ. Còn biết bao chúng sanh hiện đang nhúc lặn lội nổi chìm trong con biển khổ mênh mông không bờ bên, trợn đời mẫn kiếp chịu khổ mà chẳng hề biết khổ. Trái lại đem khổ làm vui. Đây tức là có Khổ mà không có Đế vậy. Chữ Đế có nghĩa là chân thật chẳng hư dối. Nếu ai biết chân thật là Khổ, mới từ đó quyết tâm cần tìm xét căn nguyên của Khổ mà dứt cái Tập nhân. Nếu chẳng như thế, thì chẳng bao giờ dứt được phiền não Tập nhân, và Khổ quả trợn chẳng thể mất được.

Mà muốn dứt Tập nhân phiền não, quyết phải thực hành Đạo đế là chân nhân xuất thế vậy. Đạo là gì? Là Giới, Định, Huệ vậy. Như nhất tâm niệm Phật, ba nghiệp thanh tịnh, chẳng trì giới mà giới tự trì. Niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, yên yên lặng lặng vậy, tức là Định. Niệm được huệ chiếu hiện tiền, rõ rõ ràng ràng vậy, tức là Huệ. Tu hành Giới, Định, Huệ này, tức là Đạo đây. Mục đích để đối trị Tham, Sân, Si là tập nhân phiền não. Khổ nhân đã tiêu, thời khổ quả tự diệt, tức chứng được Diệu đế là chân quả xuất thế. Cho nên mộ Diệt thời phải tu Đạo. Y theo bốn Đế như thế, tu trọn là đoạn hoặc chứng nhân, gọi là A La Hán Thanh Văn.

Quán Thế Âm Bồ Tát quán sát đối với các loại chúng sanh, nên dùng thân Thanh Văn mà độ được, tức hiện thân Thanh Văn đối với họ mà thuyết pháp Thanh Văn Tứ Đế, khiến họ được giải thoát. Từ trước đến đây, đã hiện ba ứng hóa thân, là hiện thân xuất thế thánh nhân. Pháp đã thuyết ra tuy đều có chẳng đồng, nhưng mục đích rất ráo, không đâu chẳng phải vì muốn đạt đến Diệu Pháp thành Phật quả vậy.

Người đáng dùng thân Phạm Vương đặng độ thoát, liền hiện thân Phạm Vương mà vì đó nói Pháp.

Cung Trời Sắc giới có vị Đại Phạm Thiên Vương, quản lãnh đại thiên thế giới, không còn ái dục, sắc thân thanh tịnh, nên gọi là Phạm Thiên. Mà

xung là Phạm Vương là chẳng những đoạn dục lia ái, tu ngũ giới thập thiện đầy đủ, được định lực Sơ thiên, mà còn tu Từ Bi Hỷ Xả bốn món Vô lượng tâm nữa. Như muốn sáng lập làm tất cả sự nghiệp từ thiện xã hội cho dân chúng để mưu cầu hạnh phúc cho điều vui cho chúng sanh, đấy là Từ. Vót khổ cho chúng sanh là Bi. Mà phát tâm vui mừng là Hỷ. Đối với ba tâm Từ, Bi, Hỷ này Phạm Vương làm xong Xả mà đi, nhất tâm vào Định. Như thế là tu bốn Vô lượng tâm, đủ đại phước huệ, mới được làm Đại Phạm Thiên Vương. Nếu chỉ dứt Dục, tu Sơ thiên là Phạm Thiên Tử. Mà gồm tu Từ, Bi, Hỷ, Xả, tự lợi lợi tha là mới đến địa vị Phạm Vương. Quán Thế Âm Bồ Tát quán sát đối với loại chúng sanh này nên dùng thân Phạm Vương mới độ được, tức hiện thân Phạm Vương, thuyết pháp lia ái dứt dục, từ tâm nhập Định pháp, khiến họ được giải thoát.

Người đáng dùng thân Đê Thích đặng độ thoát, liền hiện thân Đê Thích mà vì đó nói Pháp.

Đê Thích, còn gọi là Thích Đề Hoàn Nhân. Thế tục gọi là Ngọc Hoàng, Thiên Chúa giáo gọi là Thượng Đế, tức là Đạo Lợi Thiên Vương. Đê Thích người Tàu dịch là Năng tác chủ, tức là vị Thiên chủ của 33 cung trời, như ta thường gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế. Thuở xưa ở chôn nhân gian này có một cô gái bần nữ, vào thời tượng Pháp của Đức Phật Ca Diếp, trước Phật Thích Ca. Cô bần nữ này xem thấy pho tượng Phật Ca Diếp thếp vàng lâu năm nên vàng bị tróc rơi rụng, cô bèn nghĩ rằng nên làm công đức này cho tượng Phật được trang nghiêm. Tội nghiệp, cô sanh sống bằng nghề ăn mày, nên cô đi hành khất hàng ngày dành dụm được một ít tiền, đem mua vàng để thếp tượng Phật. Và cô lại thuê 32 người thợ đến làm việc sơn thếp. Sau khi công tác hoàn thành, những người thợ nhận thấy cô gái bần cùng mà làm một điều lành lớn lao, họ lấy làm kính phục và đều phát tâm cúng dường công sức, góp phần công đức với cô mà chẳng lấy tiền công. Nhờ nhân duyên này mà bọn thợ kia được làm 32 vị Thiên tử ở 32 cung trời, mà người bần nữ là vị Thiên chủ của 32 cung. Các cung trời này đều ở trên đỉnh núi Tu Di. Bốn phương đều có cung trời, trung ương có một cung tức là cung trời Đê Thích ngự. Đây là cô gái nhờ công đức thếp vàng tượng Phật là một nhà hảo tâm từ thiện nên mới được làm vị ấy. Người đời thường nói tất cả mọi người được lên trời hay xuống đất đều bởi do một đấng thiêng liêng chi phối. Kỳ thật, những điều lành dữ của con người đều do người tự tác tự thọ. Thọ hay yểu, phúc hay họa, duy tự tâm vun trồng, đều do nghiệp nhân đời trước cảm rước lấy quả ngày nay, chứ chẳng phải ai có khả năng làm chủ cho ai được cả. Nên tự mình chẳng thay cũ đổi mới lấy mình, mà chỉ một bề ỷ lại nơi đâu thời thật là một việc làm chẳng nên có.

Trời Thiên Đế lấy một ngàn năm làm một tuổi thọ. Nhân gian một ngàn năm ở cung trời ấy là một ngày đêm. Tuổi thọ của người trời ấy so với người Tiên lâu dài hơn. Người ta nói các nhà tu Tiên đạo trường sanh bất tử. Kỳ thật sánh với đời sống của người thường có phần nào lâu hơn mà thôi. Nhưng Thiên Đế và Tiên Đạo đều chưa liễu sanh tử được. Tuy là cung điện các cung trời trang nghiêm, trải qua chừng vài ngàn vạn năm sau vẫn bị đọa lạc như thường. Bởi vì hữu lậu phước báo. Một khi quả báo hết phải đọa lạc trở lại vào trong ác thú. Cho nên cầu sanh lên cõi trời trọn vẹn chẳng được lâu dài mấy. Kìa như các Hội: Tam Thời, Vô Vi, Tiên Thiên, Đồng Thiện Xã tuy đều khuyên người cải ác hướng thiện, nhưng vẫn còn có chỗ sở chấp, vẫn là chẳng phải pháp môn liễu sanh tử. Cho nên các người tu hành quyết phải thật già dặn niệm Phật cầu vãng sanh Tây phương, qua một đời là thành Phật, hẳn chẳng trở lui, vì là pháp môn rốt ráo vậy. Quán Thế Âm Bồ Tát nhân vì nguyên do chúng sanh có tin Đế Thích, nên chẳng ngại gì hiện thân Đế Thích cho hợp với sở thích của chúng sanh. Nhiên hậu mới dần dặt dần dần vào Phật đạo. Cũng là làm phương tiện nhiếp thu dẫn dụ khiến họ được giải thoát.

Người đáng dùng thân Tự Tại Thiên đặng độ thoát, liền hiện thân Tự Tại Thiên mà vì đó nói Pháp.

Trước nói bốn cung trời Thiên Vương Thiên và Nhật cung, Nguyệt cung đồng ngang nhau ở trên nửa lưng núi Tu Di. Lại lên trên đỉnh núi Tu Di, là cung trời Đạo Lợi, đều là các cung trời còn nương ở nơi mặt đất. Lại lên trên nữa là có các cung trời: Dạ Ma, Đâu Xuất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại. Nói Tự Tại Thiên tức là Tha Hóa Tự Tại Thiên vậy. Trời này hay bắt các cung trời lân cận chung quanh đến hóa hiện làm nhạc sĩ đánh nhạc cho vui để tự mình hưởng thú vui thích, thu nhiếp họ làm của riêng cho mình, tự do vô ngại, nên mới gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên. Cũng tức là cung trời Ma Vương. Quán Thế Âm Bồ Tát, vì muốn giáo hóa loại Thiên Ma này, nên hiện thân Tự Tại Thiên mà nói pháp khiến họ được giải thoát.

Người đáng dùng thân Đại Tự Tại Thiên đặng độ thoát, liền hiện thân Đại Tự Tại Thiên mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Thiên Đại Tướng Quân đặng độ thoát, liền hiện thân Thiên Đại Tướng Quân mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Tỳ Sa Môn đặng độ thoát, liền hiện thân Tỳ Sa Môn mà vì đó nói Pháp.

Trên chót đỉnh trời Tứ Thiên là cung trời Ma Hê Thủ La, tức là Đại Ma Vương Thiên. Trời này có tám tay, ba con mắt. Ma này lực lượng rất dữ tợn. Thiên Đại Tướng Quân: Như Ngài Vi Đà Thiên Tướng, nguyên là một

vị Đại Bồ Tát hóa hiện đến để làm Thần Hộ Pháp. Tỳ Sa Môn là Bắc phương Thiên Vương, một trong trời Tứ Thiên Vương. Đông phương gọi là Trì Quốc Thiên Vương, Nam phương gọi là Tăng Trưởng Thiên Vương, Tây phương gọi là Quảng Mục Thiên Vương, Bắc phương gọi là Đa Văn Thiên Vương. Tỳ Sa Môn tức là Đa Văn Thiên Vương là thủ lĩnh của Tứ Thiên Vương. Nói một, gồm cả ba kia là đủ vậy. Quán Thế Âm Bồ Tát hoặc hiện Đại Tự Tại Thiên, hoặc hiện Thiên Đại Tướng Quân, hoặc hiện Tứ Thiên Vương. Hiện các thứ thân, không một thứ nào chẳng phải tùy loại thị hiện mà giáo hóa chúng sanh. Thường gọi là hiện thân đồng loại, dạy chỉ pháp tương đương với căn cơ mà giáo hóa vậy. Xét cho rốt ráo đều quy về mục đích duy nhất là khiến cho chúng sanh được thành Phật. Từ trước đến đây đã giảng xong sáu thứ thị hiện ứng hóa thân của Thiên đạo.

Người đáng dùng thân Tiểu Vương đặng độ thoát, liền hiện thân Tiểu Vương mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Trưởng Giả đặng độ thoát, liền hiện thân Trưởng Giả mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Cư Sĩ đặng độ thoát, liền hiện thân Cư Sĩ mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Tể Quan đặng độ thoát, liền hiện thân Tể Quan mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Bà La Môn đặng độ thoát, liền hiện thân Bà La Môn mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di đặng độ thoát, liền hiện thân Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di mà vì đó nói Pháp.

Đoạn kinh này giảng về sự thị hiện thân Nhân đạo. Trong nhân gian có Quốc Vương, Trưởng Giả, có Tể Quan bách tánh. Tiểu Vương là Quốc vương thế gian. Chuyển Luân Thánh Vương xưng là Đại vương. Bình thường ông vua một nước đều xưng là Tiểu vương, như Tổng Thống ngày nay, hoặc trong chế độ dân chủ là Chủ Tịch... đều là giàu có bốn biển, ngồi mà nắm lấy đại quyền của quốc gia, vì địa vị ấy rất cao sang vậy. Nếu thu nắm hết đại quyền mà biết đem Phật pháp giáo hóa cho trăm họ, trên làm dưới bắt chước, thời cả thiên hạ ai mà dám khinh lờn coi nhẹ, chần chẫn dễ dàng tuân hành tin chịu theo mệnh lệnh răm rắp vậy. Như thời nhà Đường có Đường Thế Tôn, nhà Nguyên có Nguyên Thế Tổ, nhà Lương có Lương Võ Đế đều là những vị ấy. Hiện Tiểu vương là thân luân. Dạy tam cương, ngũ thường, thập thiện là khẩu luân. Soi cơ nên dùng phương tiện nào cho thích

hợp mà thuyết pháp là ý luân. Ở trên đời có những người chẳng chịu tin Phật pháp, nên đem địa vị cao cả của Đế vương, Tổng thống, Chủ tịch mà giáo hóa họ, họ mới khứng chịu tin theo. Nên Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng ngần ngại gì, tức hiện thân Tiểu vương đến thuyết pháp giáo hóa khiến họ được giải thoát.

Đại phạm những người đạo cao đức trọng, thấy nhiều hiểu rộng, niên kỷ đức độ đều cao cả, mới được cả làng nước lán giềng, bè bạn họ hàng đều suy tôn sùng kính, đều gọi là Trưởng giả. Ông Trưởng giả ấy đã được mọi người tôn kính suy tụng, thời khi nói ra một lời là chắc chắn được nhiều người phục tụng. Nếu có chúng sanh nên dùng thân ấy mà độ được, Quán Thế Âm Bồ Tát tức khắc thị hiện thân Trưởng giả để khuyên dắt họ, cảm hóa họ và sau đó độ cho họ được giải thoát.

- Cư sĩ là người tại gia học Phật. Phật giáo Cư Sĩ Lâm tức là nơi chốn cư sĩ học Phật nhóm họp lại vậy. Như nhiều cây cối nhóm lại thành rừng, nên gọi là Cư Sĩ Lâm.

Những ai chẳng tham danh lợi, chẳng mộ phú quý, tự đam bạc giữ đời, liêm khiết an ẩn tự cư xử, sáng suốt hiểu biết lẽ đời để bảo thân, nhân cách cao thượng. Hoặc thọ Tam quy, hoặc trì Ngũ giới, thanh tịnh tự tu, chẳng bị phiền não trói buộc, kham chịu đựng mọi điều khó nhọc. Lấy ngay nơi tự thân nêu ra lẽ phải cho thiên hạ biết, đều được gọi là Cư sĩ. Hoặc có chúng sanh, nếu nói việc gì khác mà chẳng phải đạo nghĩa thời chẳng đủ cảm động tâm lý quần chúng; như quả đồi chúng giảng đạo đức dạy nghĩa lý, tất được họ nghe theo. Quán Thế Âm Bồ Tát cũng chẳng phòng ngại thị hiện thân Cư sĩ để hoằng pháp lợi sanh, khiến chúng sanh được giải thoát.

- Tể, tức là Quan lại. Là bá quan đại thần, như Quận trưởng, Huyện trưởng, Ủy viên, Chủ tịch, Chuyên viên, Quan tòa, Thanh triều, Tướng quốc gọi là Tể tướng. Bá quan đại thần thống xưng là Quan, đều là những kẻ có sẵn quyền thế trong tay, chức chương quản lý tất cả dân chúng. Những hạng người này, nếu được họ hoằng dương Phật pháp, thời chắc có sự lợi ích lớn lao lắm. Nam Thông Từ Chuyên viên, ngày trước có ở bản Lâm này diễn giảng, ông đối với Phật pháp có nghiên cứu khá rộng rãi. Lại như Kim Huyện trưởng cũng là người có thâm tín Phật pháp. Kìa như các bạn Đái Quý Đào, Vu Hữu Nhậm, Cư Chánh, Trương Tinh Giang, Châu Từ Kiều, đều là được liệt vào hàng Tể Quan cả. Vì họ đều có thâm tín Phật pháp, có nhiều người dân nhờ đấy nên thượng hành, hạ bắt chước làm theo. Cứ như thế là khuyến hóa được hiệu lực rất lớn lao. Và lối phương tiện thị hiện này lại có dùng Tể quan để giáo hóa Tể quan nữa là khác. Lệ như các Trưởng quan bên ngành Quân chánh, vì những người quân nhân chỉ nghe theo mệnh

lệnh của các cấp chỉ huy. Chớ chẳng phải những người dân tầm thường mà có thể giáo hóa họ được. Cho nên Quán Thế Âm Bồ Tát tùy thuận cơ duyên của chúng sanh mà thị hiện làm thân Tể quan thuyết pháp để khuyến đạo cho mọi người được giải thoát.

- Bà La Môn là quý tộc ở Ấn Độ. Nước Tàu có Bách gia Chư tử. Ở Ấn Độ có tứ chủng tánh:

Sát Đế Lợi chủng tánh: là hệ phái vua chúa quý tộc.

Bà La Môn chủng tánh: như Đạo giáo ở Trung quốc. Chỉ tu hạnh thanh tịnh, chẳng muốn làm việc gì cả, chuyên ưa thanh nhã.

Tỳ xá chủng tánh: tức là bọn buôn bán đổi chác.

Thủ Đà La chủng tánh: là hạng nông phu cày trồng và bọn tôi tớ.

Ấn Độ dùng hai dòng Sát Đế Lợi và Bà La Môn làm tôn quý. Nếu có những người đi ở nơi núi cao hang thẳm, tu Tiên luyện Đạo, như bản thân những vị Hòa thượng chẳng hạn, nếu đến họ mà thuyết pháp chắc là bị trở ngại, chống chảng chẳng nghe nhau. Nếu thị hiện đồng loại bằng thân Bà La Môn, thuyết pháp đồng loại tương đương để dẫn dụ họ ngõ hầu có thể giáo hóa thành công. Cho nên Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện thân Bà La Môn mà thuyết pháp khiến họ được giải thoát.

- Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di là bốn chúng đệ tử của Phật giáo. Tỳ kheo là tiếng Ấn Độ. Trung quốc có ba ý nghĩa, cho nên dịch âm chẳng dịch nghĩa vì cả ba dịch không gọn:

1.- Khất sĩ: Đồ đệ của Phật giáo nên mang bình bát đi khất thực thì tốt hơn. Như các nước Tích Lan, Miên Điện, Thái Lan đều nhất luật y theo lời đi giáo của Đức Phật. Nhưng ở Trung quốc phong khí ấy chưa khai thác được. Cho nên chẳng thi hành chế độ này. Bên trong khất xin Phật pháp nuôi dưỡng huệ mạng, bên ngoài khất xin ăn uống nuôi dưỡng thọ mạng. Cho nên trong phạm vi bốn mươi dặm, có giảng kinh, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni nhất định phải đi đến nghe giảng. Nếu như không có lý do chánh đáng mà chẳng đi nghe là chẳng cầu xin Phật pháp, tức là phạm giới, tức là chẳng biết thế nào mà dụng công tu hành, đâu đủ để thành tựu huệ mạng ư?

2.- Phá ác: Tỳ kheo nên phá hủy 10 điều ác. Nếu chẳng phá nổi ác đó, thì chỉ là kẻ tục nhân đầu lẳng lầy chứ chẳng phải là Tăng nhân.

3.- Bô ma: Tỳ kheo năng khiến Ma sanh lòng khiếp sợ. Nhân vì thấy Tỳ kheo bước lên Đàn Tỳ kheo để trải qua bốn phen thừa thỉnh, gạn hỏi rồi mới được lãnh thọ giới Tỳ kheo. Khi đó các vị Thần Hộ pháp đều đến ủng hộ giới đàn. Địa Hình Dạ Xoa báo cáo lên Không Hành Dạ Xoa. Cứ như thế

truyền nhau lên đến trời Tứ Thiên Vương, trời Lục Dục, cho đến trời Ma vương. Thời bấy giờ trời Ma vương phát sanh lo sợ, bởi vì người đời làm ác đều là Ma con Ma cháu thuộc dòng họ của Ma chớ chẳng thể vượt khỏi ngoài phạm vi nó được vậy.

Nếu ai năng đầu đội trời chân đạp đất, lãnh thọ giới, giữ gìn giới, tu niệm Phật, giải quyết xong vấn đề sanh tử. Quay trở lại giáo hóa chúng sanh, xé quách phạm vi Ma vương, đập đổ cung điện của Ma vương, làm cho chấn động cả hoàn vũ. Đó mới là kẻ trượng phu xứng đáng phần nào vậy. Bởi vì cung điện và Ma vương đều ở trong tâm chúng sanh. Mà tâm bất chính là cùng với Ma vương tương thân tương thức tức là tiếp cận với nó. Nếu tâm chính trực và trau giồi sửa sang cho thành tựu kho tàng Đại quang minh, thời cung điện của Ma vương bị lung lay và sụp đổ hoàn toàn. Cho nên vì thế mà Ma vương rất sanh lòng khiếp sợ.

---o0o---

Như hiện nay quý vị năng nhất tâm nghe giảng kinh, tức là khát sĩ cầu pháp. Trì giới tu hành, tức là phá ba nghiệp ác. Tức là có thể làm cho Ma vương run sợ. Đầy đủ ba điều kiện này mới được xưng là Tỳ kheo. Đâu phải chỉ những người xuất gia mới tu như thế, như các ông bà Cư sĩ, nhất tâm nghe giảng kinh, cầu pháp yếu của Phật, tức là khát sĩ. Trì giới không phạm, tức là phá ác. Trì giới niệm Phật, tức là ma phải sợ. Nên thân tuy tại gia, nhưng tâm thật đã xuất gia, tức là tại gia Tỳ kheo vậy. Bất quá các thầy Tỳ kheo thọ trì 250 giới điều cụ túc nên mới hơn vậy thôi. Tỳ kheo ni. Chữ Ni tức chữ Nữ tức là đàn bà. Đại phạm người đàn bà xuất gia phải thọ trì 350 giới điều cụ túc, gọi là Tỳ kheo ni. Ưu bà tắc là Ngũ giới nam, Ưu bà di là Ngũ giới nữ. Tức là nam nữ cư sĩ thọ trì Ngũ giới. Lại còn có tên là Cận sự nam, Cận sự nữ, nghĩa là những người này hay gần gũi kham chịu phụng sự ngôi Tam Bảo vậy.

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát tùy theo từng loại chúng sanh mà hiện thân: Hoặc hiện tướng Tỳ kheo, hoặc hiện tướng Ni tăng mà giáo hóa cho bằng pháp thanh tu tịnh hạnh. Hoặc thị hiện Ưu bà tắc, Ưu bà di trì ngũ giới mà giáo hóa cho bằng phương pháp vẫn ở tại đời mà học được Đạo. Nhưng Quán Âm vốn chẳng phải bốn tướng Tăng, Ni, Tắc, Di gì cả. Nhưng vì phải giáo hóa chúng sanh nên chẳng phòng ngại, tùy loại mà thị hiện. Ví như kịch viên nơi sân khấu, bất luận hoặc nam hoặc nữ, đều có thể thoa son đánh phấn, rồi thượng lên sân khấu, múa nhảy giỡn cợt đủ thứ. Đến khi hạ màn vẫn không phải là gì cả. Bồ Tát cũng như thế. Cho nên Kinh nói: "Chẳng động chân tế, diệu ứng không phương, khắp hiện pháp giới, bản tánh vắng lặng".

Người đáng dùng thân phụ nữ của Trương Giả, Cư Sĩ, Tể Quan, Bà La Môn đặng độ thoát, liền hiện thân phụ nữ mà vì đó nói Pháp.

Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân nữ nhân chỉ một đoạn này. Trước đã nói, sau sẽ nói đều là hiện thân nam tử. Do đầy đủ biết Quán Thế Âm Bồ Tát vốn chẳng phải nữ tướng, chẳng qua tùy theo từng loại mà thị hiện một phen vậy thôi. Hoặc hiện bà phu nhân của ông Trương Giả, hoặc hiện người vợ của ông Cư sĩ, hoặc hiện phu nhân của ông Tể Quan, hoặc thị hiện người vợ của ông Bà La Môn. Hiện các thân phụ nữ quý tiện không nhất định. Tại Trung Quốc, Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện thân nữ nhân có: Quán Âm xách giỏ cá, Quán Âm mặc áo trắng, Quán Âm bồng con nít, hiện ra nhiều lắm lắm nhiều. Bởi vì chúng sanh trong thế giới Ta Bà nặng tình ái dục. Nên gọi ái chẳng nặng chẳng sanh Ta Bà. Dùng thân nữ nhân mà giáo hóa, rất dễ lãnh thọ được lợi ích lớn lao, như trước đã nói sự tích Quán Âm xách giỏ cá, tức là dùng tướng nữ nhân mà giáo hóa vậy. Các bà nữ cư sĩ đã được thâm tín Phật pháp rồi đem thâm nhuần cho con cái, chồng, dòng họ, nội ngoại và bè bạn gần xa, thu được hiệu lực lại càng vĩ đại biết bao. Quán Thế Âm Bồ Tát từ bi phương tiện chứ vốn chẳng phải thân phụ nữ, mà chẳng phòng ngại phương tiện thị hiện thân phụ nữ để giáo hóa khuyến dắt chúng sanh được giải thoát.

Người đáng dùng thân Đồng nam, Đồng nữ đặng độ thoát, liền hiện thân Đồng nam, Đồng nữ mà vì đó nói Pháp.

Thế gian cũng có lắm nhiều nam nữ, với tình ái dục lợt lạt mỏng nhẹ, trọn đời ôm chủ nghĩa độc thân. Trai tơ chẳng lấy vợ, gái lú chẳng lấy chồng, hoan hỉ thanh tịnh tu hành, đều là hạng người đời trước đã có trồng cội đức. Tập tục ở tỉnh Quảng Đông có một loại nữ tử cho việc lấy chồng nuôi con là khổ sở, cho nên họ nguyện chẳng muốn lấy chồng, thủ trinh tiết trọn đời. Hạng người này đều là khuê nữ, trinh bạch tiết tháo ở vậy trọn đời, gọi là Đồng nữ. Cũng tỉnh ấy có số nam tử, ưa thanh tịnh, ôm chủ nghĩa độc thân, gọi là Đồng nam. Quán Thế Âm Bồ Tát quán sát cơ duyên liền hiện thân Đồng nam, Đồng nữ vì họ mà nói pháp. Như kinh Hoa Nghiêm có Thiện Tài Đồng Tử, tức thuộc đồng nam mà thành Phật đạo. Kinh Pháp Hoa có Long Nữ lên tám tuổi mà thành Phật, tức là loại ấy. Từ trước đến đây là hiện thân Nhân đạo đã xong.

Người đáng dùng thân Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhơn cùng phi nhơn đặng độ thoát, liền hiện ra mà vì đó nói Pháp.

Bồ Tát giáo hóa chúng sanh có tứ nhiếp pháp:

1.- Bồ thí nhiếp: Tức đem tài vật bồ thí chúng sanh, thời chúng sanh mà được lãnh của bồ thí sanh tâm vui mừng bèn lãnh thọ giáo hóa dễ dàng. Ví như trẻ con, dùng kẹo, quả, của, vật đem cấp cho chúng, rồi mới nhiếp thu chúng sau, khi chúng vui mừng nhân đây tùy cơ khai đạo, tức dễ tin vào. Cho nên đối với tất cả chúng sanh đều nên tùy theo chỗ sở thích của họ mà khéo léo dẫn dụ, khiến họ dần dần tìm về nơi Phật pháp.

2.- Đồng sự nhiếp: Như công với công, thương với thương, giáo viên với giáo viên... đem tình quen biết đồng sự mà nhiếp thu khuyến hóa lẫn nhau là sanh lòng tin dễ dàng.

3.- Ái ngữ nhiếp: Nhiều người thích nghe những lời hay đẹp, ưa người ta khen ngợi mình. Bởi vì trước phải đề cao cái hay cái đẹp của họ rồi sau đó mới thu nhiếp và khuyến hóa họ.

4.- Lợi hành nhiếp: Ta thường đem những việc lợi ích, khiến họ mang ơn huệ, nhiên hậu họ mới chịu phục tùng. Như Trương Sắc Ông dựng lên một xưởng thợ mộc, đắp một con đường tạo sự lợi ích lớn lao cho mọi người. Cho nên nói ra một lời, tức được nhiều người tin nghe theo. Quán Thế Âm Bồ Tát đối với Trời, Rồng tám bộ chúng, với dị loại quỷ thần, súc sanh cũng tùy theo từng loại mà thị hiện, tức là Đồng sự nhiếp. Trời là những người trời ở dưới cung trời Tứ Thiên Vương. Rồng, có những Rồng trời, giữ cung điện cho Trời, có Rồng biển, giữ cung điện cho Rồng biển, Rồng mưa bủa mây rưới mưa. Rồng kho tàng giữ kho tàng châu báu. Chúng loại nhiều lắm. Phước báo rất lớn, nhưng nghiệp chướng cũng nặng. Nhân vì đòi trước nhiều giận dữ, cho nên bị đọa làm thân Rồng. Loại chim Đại bàng rất ưa ăn Rồng như ăn bánh bột, hai cánh nó rẽ rạch được nước biển cả thấy sát đáy, bắt Rồng mà ăn. Rồng chúa rất kính sợ nó. Một hôm, nhân khi Đức Phật đang ngồi bên bờ biển, Rồng chúa đến xin cầu cứu. Đức Phật cấp cho nó một tấm áo cà sa. Rồng chúa mừng quá đem áo cà sa về phân phát cho mỗi đứa Rồng dân được một sợi chỉ bằng tơ của chiếc áo cà sa. Từ đấy về sau khỏi bị nạn chim Đại bàng bắt ăn thịt nữa.

- Dạ Xoa, hình thù rất dễ sợ, mỗi khi đi chạy rất nhanh và khoái. Càn Thát Bà, gọi là Khứu Hương Thần. Vị Ngọc Hoàng Thượng Đế ở cung trời Đao Lợi thích nghe âm nhạc, nên mỗi khi đốt hương lên tức Càn Thát Bà liền đến thổi nhạc, là nhạc thần của trời Đao Lợi. A Tu La, dịch là không đoan chính, tướng mạo xấu xí. Mà con gái thì diện mạo dung nhan rất mỹ lệ. Theo thứ tự loại này là dưới Nhân đạo. Nương ở trong những núi sâu bên bờ biển. Họ có Thiên phước nhưng không có Thiên đức. Thường cùng trời Đao Lợi đánh nhau. Đế Thích tuy là làm chúa, vẫn còn ưa gái đẹp vì chưa rời cõi

Dục. Nên khi thấy con gái của A Tu La vương tên là Xà Chi, diện mạo cực kỳ xinh đẹp liền cưới về làm vợ.

Một hôm nọ, Đế Thích mời nhạc phụ A Tu La vương đến viếng Thiên cung cho biết. Khi nhạc phụ trở về trần gian, Đế Thích dàn thiên binh thiên tướng ra hai bên để tiễn đưa cho tôn nghiêm cung kính. Tính chất A Tu La vương hay sinh nghi kỵ. Nhân thấy thế cho là chàng rể Ngọc Đế này mời đến, dụng ý đem binh tướng nhà trời ra để dương oai với mình nên ôm lòng bất mãn.

Lại một hôm khác, Ngọc Đế sửa soạn giảng hạ trần gian để nghe Tiên gia đạo sĩ giảng kinh. Hoàng hậu là con gái A Tu La vương nghi ngờ là Ngài đã có yêu thâm nàng nào nơi hạ giới chăng, nên mới đến ngai Ngọc Đế tâu nài xin đi theo. Ngọc Đế đem sự thực bảo cho nàng biết. Nhưng nàng không tin, nhất định đòi đi theo với dụng ý là để theo dõi chứ chẳng phải nghe kinh. Buộc lòng Ngọc Đế mới phán rằng: "Thế diện Trầm xuống trần gian mà đem đàn bà con gái theo là kẻ một bên coi không tiện, tốt hơn Hoàng hậu nên ở nhà". Nghe nói thế nàng lại càng thêm nghi ngờ hơn nữa. Nhờ nàng có pháp thuật thân diệu, chờ khi Ngọc Hoàng ngự lên Long xa, nàng liền ẩn mình thót lên cùng theo Ngài giảng hạ trần gian.

Đã chờ sẵn, khi Ngọc Đế ngự xuống long xa, nàng cũng từ trên xuất hiện. Sau khi thiên hạ đón rước tung bùng nào là trống đánh, cờ bay, nhạc thổi, hoan hô, nào là lệnh bắn, pháo nổ, hương trầm nghi ngút, hoa tung tung bùng. Sau một hồi náo nhiệt, Đức Ngọc Đế mới nghỉ ngơi, ngó sang chợt thấy bà Hoàng hậu đứng thù lù một bên. Ngài hơi cau mày tức giận, sẵn trong tay nắm một bó hoa sen dài cộng của đám rước vừa hiến dâng, Ngài giáng xuống đầu bà hoàng hậu mấy cái và thốt: "Con yêu! Ngăn bảo ở nhà mà không nghe, đòi theo cho được. Đồ yêu báo đời". Bà Hoàng hậu vừa tức giận vừa thẹn, trợn mày, nổi tam bành lên: "Thằng quý! Sao đánh trên mặt ta đau điếng". Và bà thét lên om sòm. Thế là con yêu với thằng quý hai đảng đánh nhau mắng nhau inh ỏi chẳng còn sự thể gì của Ngọc Hoàng nơi thượng giới cả. Bởi vì, khi mà sân si đen tối nó nổi lên, là chiếm mất hai cõi lòng sáng suốt kia rồi, thời còn đâu là phải quấy, thế diện gì nữa.

Nhân đây cũng nên ghi thêm một tội lỗi làm mất tinh khiết nữa, là tiếng tăm của bạn nữ kiêu, khi nào thốt ra cũng như tiếng chim oanh thỏ thế trên cành liễu mai. Trong đám người danh dự đi đón rước Ngọc Đế vẫn có mặt vị Tiên nhân là người sẽ chủ trì việc giảng kinh cho Ngọc Đế nghe. Khi từ trên long xa ngự xuống, Tiên nhân cũng đã đứng sẵn đầu đó. Tiếp đến xảy ra việc không lành, hai ông bà ấu đả mắng nhiếc lẫn nhau, thời giọng chim oanh thánh thót của Hoàng hậu đã vô tình lọt thẳng vào tai Tiên nhân làm

Ngài "Mất Đạo" nghĩa là dứt thần thông và quên hết kinh pháp. Bởi vì tiếng sân si tức giận vì ghen tuông, phát ra có sức phá hoại khá mạnh mẽ, nếu sự tu luyện chưa được vững vàng. Chủ trì buổi giảng kinh mà quên kinh mất; Ngọc Đế và Hoàng Hậu là thánh giả mà giữa đường xảy ra việc không đẹp như thế, thử hỏi còn ai giảng và ai nghe nữa. Thế là cuộc giảng kinh thất bại hoàn toàn, không phương cứu vãn được vậy. Và cũng bởi đó mà làm cho Ngọc Đế càng nổi xung nhiều lên.

Bà Hoàng hậu nhân vì khí sát ấy, tuy bên ngoài có phần lảng đi, nhưng bên trong vẫn sôi gan tức giận, nên đi thẳng về chỗ thân phụ tức A Tu La vương kể lẽ sự việc vừa xảy ra giữa hai vợ chồng cho thân phụ biết. A Tu La vương cũng nhân việc ngày trước Ngọc Đế dùng Thiên binh Thiên tướng để tiễn đưa, và bị hiểu lầm nghi là dương oai dọa nạt mình. Nay lại thêm việc này nữa. Do đấy A Tu La vương cấp tốc điều động binh tướng nhiều vô số và vận chuyển ngay đi lên đánh phá Thiên cung của Ngọc Đế. A Tu La vương dùng sức thần thông, chân đạp sát đáy biển cả, tay dương lên lung lay tòa Thiên cung. Chiến cuộc thật dữ dội. Ngọc Đế bị thua bại, bỏ Thiên cung trốn chạy.

Ngọc Đế chạy đến chỗ Đức Phật với mục đích xin cầu cứu. Sau khi thi lễ, Ngọc Đế khúm núm đứng nép một bên. Đức Phật dùng thường tình thế tục hỏi: "Ngọc Đế! Từ xa đến, có việc gì?". Ngọc Đế thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Con có chút việc, xin Thế Tôn từ bi cho con thưa". Đức Phật dạy: "Người cứ nói". Ngọc Đế thuật lại đầu đuôi tự sự từ khi khởi thủy cho đến hiện tình, nhưng cũng có chỗ còn dấu diếm quanh co lấp ẩn chứ chưa thật ngay thẳng. Và cuối cùng Ngọc Đế thưa: "Lạy Đức Thế Tôn, tái sinh cho con một lần này con xin đội ơn vạn kiếp".

Với Đức Phật, Ngài đã thừa hiểu, nhưng hỏi là hỏi vậy thôi. Cho nên Phật chẳng quở trách lắm mà Ngài dạy dỗ và an ủi nhiều hơn: "Ta vẫn biết các người còn nhiều tội lỗi lắm. Nguyên do là bởi ngu si, tham dục, nghi ngờ, ghen tương, sân giận, đánh đập, nghe lời con và cuối cùng chém giết lẫn nhau để gọi là giải quyết vấn đề. Toàn là những việc không đâu cả. Chung quy là do ngu si, thì thật là các người ngu si đến mức. Vậy thì đầu đuôi cũng bởi ngu si. Nay ta dạy cho Ngọc Đế người nên thọ trì kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa thời nhờ đấy mọi việc đều được yên xuôi tất cả". Và Ngài quở: "Sự việc đã xảy ra to như hư không, mà bảo là chút việc". Ngọc Đế mừng quýnh, vâng lãnh kinh ấy về, thời vua A Tu La liền đại bại và chạy trốn vào trong lòng ngó sen. Kinh ấy có nghĩa là Đại Trí Huệ rất ráo. Ngu si chỉ có trí uệ mới trừ được thôi. Với sự việc vừa kể trên, cho chúng ta thấy người đời tuy tu công đức, làm việc từ thiện, nhưng phần nhiều hay nghi ngờ

nhau, ưa tranh giành lẫn nhau. Nhiều khi ra mặt háo thắng hơn người cho kỳ được mới nghe. Do đó, sau khi chết mới đọa vào loài A Tu La.

- Ca Lâu La tức là chim Đại bàng. Một lần bay xa đến chín vạn dặm. Tánh nó ưa ăn Rồng. Khi Đức Phật cấp cho Rồng tấm áo cà sa, do đây chim Đại bàng chẳng ăn được Rồng được nữa. Nó mới đến cầu xin lòng từ bi của Phật và có ý bất mãn nói: "Đức Thế Tôn cứu Rồng như thế ấy, còn bọn chúng tôi thì chịu chết đói hay sao?". Phật liền khiến dạy Đại bàng quy y ngôi Tam Bảo và thọ trì giới bát sát. Và khiến dạy các đệ tử Phật rằng mỗi khi cúng Phật rồi thọ thực phải dùng cơm hoặc cháo tối đa là bảy hột mà bỏ thí cho các loại chim Đại bàng, các quỷ thần nơi đồng nội, và mẹ con quỷ La Sát, khiến cho cả thầy đều được nhờ đây mà sống còn.

- Khẩn Na La, đầu có một cái sừng, giống như người mà chẳng phải người, tên là Nghi Thần, cũng là nhạc thần của cung trời Đạo Lợi. Mỗi khi Ngọc Đế muốn nghe âm nhạc, thời nhạc thần này liền đến trời nhạc cho Ngài nghe.

- Ma Hầu La Già, là thần rắn Đại mãng xà, từ đầu đến bụng dài mà thô lớn lắm. Bà Hy Thị là vợ của vua Lương Võ Đế, chẳng tin Tam Bảo, lúc sanh thời bà hay phá hoại chùa miếu. Sau khi chết bị đọa làm thân rắn Mãng xà. Cũng khôn xong, cầu cứu với vua Lương Võ Đế. Đế thỉnh Ngài Chí Công Thiên Sư, nhờ Ngài soạn bộ Lương Hoàng Sám. Mới thay thế cho Hy Thị mà tu sám hối. Bà Hy Thị nhờ đây mà thoát thân rắn Mãng xà, và được sanh lên cung trời.

- Người, là chỉ cho Nhân đạo, trong bốn châu thiên hạ. Chẳng phải người, tức là Phi nhân chỉ cho các loại súc sanh, ngạ quỷ, và địa ngục.

Quán Thế Âm Bồ Tát vì muốn cứu độ Trời, Rồng, Quỷ, Súc sanh cả thầy tám bộ chúng sanh nên cũng thị hiện các thứ thân ấy, để vì họ mà thuyết pháp khiến họ đều được giải thoát. Chính rõ là Bồ Tát từ bi phổ độ chúng sanh chẳng phân biệt giai cấp, chủng loại gì cả.

Người đáng dùng thân Chấp Kim Cang Thần đặng độ thoát, liền hiện Chấp Kim Cang Thần mà vì đó nói Pháp.

Chấp Kim Cang Thần là Thần Hộ Pháp của Phật giáo. Phật giáo lấy từ bi làm bản hoài. Nhưng những người ác tâm ở thế gian thường hay muốn phá hoại Phật pháp. Thân Kim Cang tay cầm dùi chày bằng chất báu, chuyên môn đánh những đứa ác mà bẻ gãy ác tâm của nó để giúp việc bảo hộ Phật pháp. Cho nên trong Phật giáo đối với chỗ nên dùng từ bi thì dùng từ bi mà nhiếp thọ, chỗ nên dùng oai mãnh để bẻ gãy nó thì dùng oai mãnh đối với nó. Có oai có đức hai mặt đầy đủ mới xong việc.

Trong thời quá khứ vô lượng kiếp về trước, có một vị Quốc vương lấy hai bà phu nhân. Bà Đại phu nhân sanh ngàn người con, bà thứ hai chỉ sanh được hai người. Ngàn cậu con bà lớn mở cuộc bắt thăm để định coi ai thành Phật trước và sau. Kết quả Thích Ca được thành Phật vào thứ tư, Lâu Chí thành Phật cuối cùng. Hai người con của bà thứ lại phát nguyện. Người anh trưởng nguyện rằng: Khi ngàn người anh thành Phật tôi nguyện làm Phạm vương chuyên cầu thỉnh thuyết Phật. Chú em cũng nguyện xin làm Lục sĩ Hộ Pháp. Cho nên khi Đức Phật ra đời Phạm vương được thỉnh Phật thuyết pháp trước tiên, lại có Hộ Pháp Thần thay Phạm vương lo việc hộ Pháp.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát đó thành tựu công đức như thế, dùng các thân hình, đi dạo trong các quốc độ để độ thoát chúng sanh, cho nên các ông phải một lòng cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát.

Quán Thế Âm Đại Bồ Tát đó ở trong chỗ nguy nạn sợ sệt hay ban sự vô úy cho chúng sanh, cho nên cõi Ta Bà này đều gọi Ngài là vị Vô Úy Thí.

Đây là đoạn văn tổng kết. Quán Thế Âm Bồ Tát đem 32 ứng hóa thân thị hiện ở khắp mười phương tất cả các quốc độ mà độ thoát chúng sanh. Do đó nên Đức Phật mới bảo Ngài Vô Tận Ý rằng: "Quán Thế Âm Bồ Tát đã trọn nên những công đức dường ấy, cho nên các ông cần phải nhất tâm nhất ý cúng dường vị Bồ Tát này. Những khi chúng sanh gặp phải nguy nạn hay lo sợ, Bồ Tát Quán Thế Âm thường đem sức vô úy để giải cứu tai nạn kia". Quán Thế Âm Bồ Tát đủ Đại oai thần, có Đại thế lực, thời chúng sanh cũng có bảy nạn, ba độc và bao nhiêu những lo sợ, kinh hãi, khổ não mà năng trì niệm Thánh hiệu, để cảm với Bồ Tát thời chắc được Bồ Tát đem cho oai mãnh vô sở úy, khiến được giải thoát. Ngàn chỗ khẩn cầu ứng ngàn chỗ. Không cảm nào chẳng thông. Cho nên Đức Quán Thế Âm có biệt hiệu là Vô Úy Thí Giả nữa vậy. Từ trước đến đây đã giảng xong 32 ứng hóa thân.

Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật: "Thế Tôn! Con nay phải cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát", liền mở chuỗi ngọc châu báu nơi cổ giá trị trăm nghìn lượng vàng, đem trao cho Ngài Quán Thế Âm và nói rằng: "Xin Ngài nhận chuỗi trân bảo pháp thí này". Khi ấy Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng chịu nhận chuỗi.

Đoạn văn này là Vô Tận Ý Bồ Tát phát tâm cúng dường lên Quán Thế Âm Bồ Tát. Đức Phật giảng sự thị hiện 32 ứng hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, không một thân nào là chẳng vì độ chúng sanh: Cứu bảy nạn, giải ba độc và làm thỏa mãn hai nguyện cầu... Là cứu khổ cứu nạn. Điều dùng bản thể trung đạo phát khởi Diệu dụng trung đạo mà làm con thuyền Đại Từ để qua lại trong bể khổ mênh mông, và trong khi chúng sanh gặp nguy nạn hay ban cho sức vô úy. Cho nên Vô Tận Ý Bồ Tát phát tâm cúng dường. Vô Tận

Ý Bồ Tát liền thưa Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Tôi nay xin tuân Tôn Mệnh, nhất tâm cúng dường". Rồi tức thì tháo gỡ tràng chuỗi ngọc Anh lạc quý báu mà Ngài đang đeo nơi cổ xuống cúng dường Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Tràng chuỗi Anh lạc này gồm nhiều viên bảo châu kết lại với nhau mà thành, thật là quý báu trang nghiêm lạ thường. Giá trị nó đáng mười vạn lượng vàng, tức là nhiều đến một trăm cái một ngàn lượng vàng ròng vậy. A La Hán chỉ biết tự lợi, chẳng chịu đi làm việc phước đức, cho nên thân thể ốm o tiêu tụy, không có oai đức. Không có chuỗi Anh lạc trang nghiêm tức là không thị hiện oai đức. Bồ Tát tích cực cứu thế, nơi nào cũng làm lợi cho mọi người, cho nên có phước báo lớn, đầy đủ công đức pháp tài và có Đại trang nghiêm. Vô Tận Ý là một vị Bồ Tát, phước báo cũng rất lớn lao, cho nên có chuỗi bảo châu Anh lạc. Một tràng chuỗi bảo châu Anh lạc đã có giá trị đến trăm ngàn lượng vàng, huống là còn bao nhiêu vật khác nữa biết làm sao mà kể xiết. Cúng dường bảo châu Anh lạc là sự. Nhưng trong ấy có hàm lý rất sâu xa.

Nơi cổ Vô Tận Ý là tiêu biểu Diệu thể trung đạo thật tướng, tức là trung đạo chân không Diệu hữu. Bảo châu Anh lạc là dụ cho Giới, Định, Huệ, Đà La Ni và các pháp môn khác nữa, để trang nghiêm cho trung đạo thật tướng ấy. Chúng ta vẫn có thể có thật tướng ấy, nhưng chưa có Giới, Định, Huệ, các Đà La Ni để trang nghiêm. Cho nên chúng ta cần phải trì Giới, tập Định, học Huệ và tu pháp môn Đà La Ni để tự trang nghiêm lấy Pháp thân của mình, kéo uổng. Cởi tràng chuỗi bảo châu Anh lạc nơi cổ, là tiêu biểu đã chứng được trung đạo Pháp môn, mà chẳng an trụ tất cả pháp môn để tỏ ra tu hạnh thường xả vậy. Đây là tiêu biểu cho Pháp.

Vô Tận Ý Bồ Tát cởi tràng chuỗi Anh lạc, đem cúng dường đến Quán Thế Âm Bồ Tát, và nói rằng: "Nhân giả! Xin Ngài hãy nhận lãnh chuỗi Anh lạc pháp thí của tôi đây!". Hai chữ Nhân giả là Bồ Tát nói với Bồ Tát xưng hô bình đẳng với nhau. Quán Thế Âm Bồ Tát đủ đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, cho nên xưng là Nhân giả. Cúng dường bảo châu Anh lạc, nguyên thuộc về tài thí, mà sao gọi là pháp thí? Phải biết tràng chuỗi ấy là tràng chuỗi bảo châu Anh lạc ở trong tự tâm. Vì ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp cũng không tâm. Bảo châu Anh lạc tức tâm, tâm tức bảo châu Anh lạc. Tâm tức Pháp, Pháp tức Tâm. Mắt thấy tai nghe, tất cả muôn vật, không một sự nào chẳng thuộc về nơi tự tâm. Toàn vật tức tâm, toàn sự tức lý. Cho nên tài thí mà chuyển thành pháp thí là vậy. Nhưng với chúng ta là chúng sanh chưa có thể như thế được. Thấy pháp ở ngoài tâm, chấp đắm sự vật là thật có. Cho nên Tâm với Pháp có ngăn ngại, Tài với Pháp đều khác hẳn.

Có những người đem của cứu nạn, tận lực thực hiện. Rồi nhân đấy tự cho công đức mà mình đã làm được là to lớn lắm. Thế rồi khi gặp một sự phi báng, không vừa lòng, liền sanh lòng buồn rầu, tức khắc hiện sắc mặt chẳng vui. Và đấy cũng là nhân hữu lậu của người và trời. Vì chẳng thấu rõ Phật pháp, chẳng biết chúng sanh là chúng sanh ở trong tự tâm của ta. Không biết rằng cứu người tức là cứu ta, cho nên không được công đức khả cur, vì đã được như thế thì đâu còn thấy có những lời phi báng nữa. Được như thế thì trọn ngày làm công đức, mà chẳng trụ nơi công đức. Và lại, làm việc ta và người là bổn phận vậy, thời tuy là tài thí mà cũng là pháp thí vậy. Nếu bố thí mà chẳng quên mình, ba luân chẳng không, tức là ý thức có ta bố thí và có người nhận vật bố thí, thời đối với Phật pháp chẳng thích hợp chút nào cả.

Ngày xưa, khi Đức Đạt Ma Tổ Sư đến Trung Quốc, vua Lương Võ Đế có hỏi Tổ: "Trẫm ưa làm việc công đức. Đi đến đâu tạo lập chùa chiền đến đó, đắp tượng, xây tháp, ấn tống kinh sách và giúp đỡ vô số Tăng chúng. Những công đức ấy sẽ như thế nào?". Đạt Ma Tổ Sư trả lời: "Không có công đức gì hết! Bởi vì Ngài chấp tướng bố thí, bắt quá chỉ là hưởng được phước báu người và trời mà thôi. Một khi phước báu ấy hết, thì rồi cũng phải đọa lạc. Vì bố thí hữu lậu nên chỉ hưởng được phước báu hữu lậu vậy". Vua Lương Võ Đế hỏi: " Thế thì làm sao mới gọi là chân công đức?". Tổ đáp: "Tịnh trí diệu viên, thể tự trống lạng. Phải nương theo thể ấy mà bố thí. Và tất cả các hạnh nghiệp khác nữa, cũng đều nương nơi đó, mới gọi là công đức vô lậu. Tức pháp thí, cũng gọi là chân công đức vậy". Tịnh trí diệu viên, thể tự trống lạng nghĩa là thế nào? Có thể khẳng khái bố thí, tức là đem tiền của, là điều mà mọi người đều đem lòng yêu tiếc đi cứu tai cứu nạn. Pháp thí này mới là có đủ trí huệ. Nếu chẳng trí huệ thì đâu chịu bố thí như vậy. Tuy nhiên có trí huệ bố thí, nếu một phen chấp tướng, bèn sa vào nhiễm ô hữu vi hữu lậu, thời trí huệ ấy tức là bất tịnh vậy. Nếu được ba luân thể trống không, chẳng chấp có tướng người bố thí, chỗ sở an của hành tâm không công đức khả cur, nếu trí huệ bố thí như thế là thanh tịnh thời không ô nhiễm, mới được gọi là Tịnh trí vậy. Được như thế chẳng khởi tâm phân biệt năng thí và sở thí và chẳng có tâm tư lường, trọn đầy khắp thanh tịnh bản nhiên châu biến cả pháp giới. Do đó nên mới gọi là Diệu viên.

Hãy vô sở trụ mà khởi tâm bố thí. Chẳng rơi vào Tâm, Ý, Thức mà tu hạnh bố thí. Năng thí và sở thí đều tiêu vong, vì là Thể nó không tịch tức là trống lạng vậy. Vô trụ mà sanh Tâm gọi là Tịnh trí Diệu viên. Sanh tâm mà vô trụ, tức là Thể tự trống lạng. Được như thế mới gọi là cúng dường Pháp hay là Pháp thí. Tóm lại mà nói, chẳng chấp tướng trong khi bố thí thời phước báu bằng hư không, trùm khắp pháp giới. Trái lại chấp tướng, khởi

tâm phân biệt trong khi bố thí thời có hạn lượng tức chỉ là công đức hữu lậu vậy.

Vô Tận Ý Bồ Tát là bậc Đại Bồ Tát, tức tài thí mà là pháp thí. Tài thí, Pháp thí ngang bằng không sai khác. Nhưng Vô Tận Ý Bồ Tát đem chuỗi Anh lạc cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, mà Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng chịu nhận là vì Vô Tận Ý tuân lời Phật dạy mà phát tâm cúng dường. Ngài Quán Thế Âm chưa thấy Đức Phật dạy nhận, cho nên Ngài chẳng dám thọ lãnh.

Ngài Vô Tận Ý lại thưa cùng Quán Thế Âm Bồ Tát rằng: "Xin Ngài vì thương chúng tôi mà nhận chuỗi ngọc này".

Bấy giờ Đức Phật mới bảo Quán Thế Âm Bồ Tát: "Ông nên thương Vô Tận Ý Bồ Tát này và hàng tứ chúng cùng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhơn và Phi nhơn... mà nhận chuỗi ngọc đó".

Ngài Vô Tận Ý thấy Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng chịu nhận chuỗi ngọc cúng dường nên lại năn nỉ thêm một lần nữa rằng: "Thưa Nhân giả! Tôi phát tâm cúng dường chuỗi Anh lạc là vì chúng sanh vậy. Vì thấy chúng sanh chịu bao khổ nạn, thật chẳng làm sao nói ra cho hết lòng thương cảm ấy được. Xin Ngài đem lòng đại từ đại bi thương xót chúng sanh mà nhận chuỗi Anh lạc cúng dường này". Vô Tận Ý Bồ Tát vì chúng sanh mà phát tâm cúng dường là muốn mưu cầu lợi ích cho chúng sanh được phước lợi ấy. Đây mới thật là chân cúng dường. Chính lúc ấy Đức Phật bảo Quán Thế Âm Bồ Tát rằng: "Ông nên sẵn lòng đại từ đại bi mà nghĩ đến hảo tâm của Vô Tận Ý và bốn chúng cùng tám bộ Thiên, Long, Nhân, Phi nhơn thấy đang ở trong hội Pháp Hoa này mà nhận lấy chuỗi Anh lạc này đi".

Tức thời Quán Thế Âm Bồ Tát thương hàng tứ chúng và Trời, Rồng, Nhơn, Phi nhơn... mà nhận chuỗi ngọc đó, và chia làm hai phần. Một phần dâng Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, một phần dâng lên tháp của Phật Đa Bảo.

"Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có sức thần tự tại như thế, dạo khắp nơi trong cõi Ta Bà".

Tức thời, chính là lúc Vô Tận Ý Bồ Tát khẩn thỉnh Ngài Quán Thế Âm nên đem lòng từ mẫn mà nhận chuỗi Anh lạc, và Đức Phật cũng dạy Quán Thế Âm Bồ Tát nên nhận chuỗi ngọc cúng dường. Đức Quán Thế Âm Bồ Tát vì lòng thương xót tứ chúng và tám bộ, cho nên không nhận mà phải nhận. Nhận xong, Ngài đem chuỗi ấy chia làm hai phần. Một phần cúng Phật Thích Ca, một phần cúng Phật tháp Đa Bảo. Phật Thích Ca Mâu Ni là vị giáo chủ Ta Bà thế giới.

Thích Ca là họ, có nghĩa là Năng Nhân. Mâu Ni là tên, nghĩa là Tịch Mặc. Năng Nhân tiêu biểu cho lòng Từ Bi lợi tha. Năng, là tài năng lực lượng, tức là tài năng tích cực lợi tha. Nhân, tức là nhân từ cứu khổ, ban vui. Tịch Mặc, tiêu biểu cho trí huệ tự lợi. Yên vắng lặng soi, tức đem trí huệ soi phá vô minh nơi mình là tự lợi. Đời cũng có những người vì chúng sanh làm công việc từ thiện. Điều ấy cố nhiên là chẳng phải dễ, nhưng đáng tiếc thay là họ chỉ biết tích cực cho công việc chứ chẳng đem lý trí mà quán sát để làm trống không những gì đã có, cho nên khó được kết quả tốt đẹp mỹ mãn. Nay phải quyết dùng công phu Tịch Mặc, làm cho hết cái tâm so đo, rồi một lòng một dạ nhớ Phật, nhớ đến khi nào thân và tâm đều tiêu vong, mới đánh đổ cái chấp nhân ngã, bứt dứt cho hết các thứ phiền não, thân nhiên. Nghịch cảnh đến chẳng giận, thuận cảnh về cũng chẳng mừng. Được như thế tức là đã làm chết hết tính trộm cắp.

Nhiên hậu mới phát tâm làm những việc thay thế dân chúng mà mưu đồ hạnh phúc cho nhau, vì nhân quần mà làm lợi ích cho đa số. Được như thế là ta và người đều đạt được đến kết quả mỹ mãn vậy. Đã chẳng có lo nghĩ thành bại hay đắc thất, lại cũng không một vật gì dung tình. Đến đây tức xả kỹ từng nhân, tổn mình lợi người, gọi là do tiêu cực mà tích cực, tức xuất thế mà nhập thế. Thích Ca tức Diệu hữu nhập thế, Mâu Ni tức Chân không xuất thế. Chỗ gọi là Thế, xuất thế gian, nhất dĩ quán chi. Cố suy nghĩ về danh nghĩa thời có thể biết Đức Phật chẳng phải là một mũi tiêu cực vậy. Thấu rõ được những lẽ trên đây mới ra làm sự nghiệp lợi sanh cho quần chúng, tức là cùng nhau làm những việc lành, chắc chắn thu được những hiệu quả vĩ đại vô cùng vậy. Cho nên chúng ta là những người học Phật hãy nên lấy bốn chữ Thích Ca Mâu Ni để làm khuôn thước.

Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh Pháp Hoa, ở ngay trước pháp hội bỗng nhiên từ dưới đất vọt lên một ngôi tháp báu, trong có Đức Phật Đa Bảo. Đức Phật Đa Bảo là vị Cổ Phật đã thành Phật từ vô lượng kiếp về trước và đã nhập diệt lâu rồi. Nhân nay Phật Thích Ca thuyết giảng kinh Pháp Hoa là việc nan đặc, hy hữu, cho nên từ trong lòng đất hiện lên ngôi tháp báu để chứng minh công đức này.

Quán Thế Âm Bồ Tát, lúc đầu chẳng nhận chuỗi Anh lạc, sau đó mới chịu nhận. Nhận xong Ngài lại chia làm hai phần, rồi dâng lên hai vị Phật Thích Ca và Đa Bảo, là thọ nhận mà chẳng thọ nhận. Chẳng thọ mà thọ gọi là Diệu hữu, tức Thích Ca. Thọ mà chẳng thọ gọi là Chân không, tức Mâu Ni. Hạp lại mà nói thì Đạo ở trong ấy đủ rồi vậy.

Đức Phật bảo Vô Tận Ý Bồ Tát rằng: "Quán Thế Âm Bồ Tát này có oai đức thần thông như thế ấy, mới đến thế giới Ta Bà này, có công đức cao tột thật là bất khả tư nghì".

Giảng Phẩm Phổ Môn Quán Thế Âm Bồ Tát, do bốn môn và tích môn thị hiện 32 ứng hóa thân dạo khắp cõi Ta Bà, đến đây đã xong.

Lúc đó Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát nói kệ hỏi Phật rằng:

(Thế của Kệ và Thi giống nhau. Hoặc đồng thời thuật lại những ý nghĩa sâu sắc nơi văn kinh lúc trước, hoặc bổ túc thêm những nghĩa mà văn kinh chẳng đề cập đến. Bản dịch của Ngài La Thập vốn chẳng có bài kệ này. Về sau có Ngài Xà Na Cấp Đa dịch mới có kệ. Sau này các vị Cổ Đức mới đem kệ này thêm vào sau đoạn kinh văn của Phẩm Phổ Môn do Ngài La Thập dịch hợp thành một Phẩm).

Thế Tôn đủ tướng tốt!

Con nay xin hỏi kia.

Phật tử nhơn duyên gì,

Tên là Quán Thế Âm?

Bốn câu này là lời thưa hỏi của Vô Tận Ý Bồ Tát. Đức Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, đầy đủ tướng hảo nên gọi là Diệu tướng cụ. Trước khi hỏi, Vô Tận Ý khen ngợi Diệu tướng của Đức Phật. Cho nên lúc bắt đầu Ngài nói:

Thế Tôn đủ tướng tốt. Kia, là chỉ Đức Quán Thế Âm. Tôi nay xin hỏi lại lần nữa, Phật tử Quán Thế Âm này do nhân duyên gì mà gọi là Quán Thế Âm? Phật tử là Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di tất cả bốn chúng đều là đệ tử Phật môn. Đức Phật xem bốn loại chúng sanh như thương con đỏ, tất cả chúng sanh đều là Phật tử, cho nên tất cả đều được gọi là Phật tử. Nhưng Đức Phật lấy hoàng pháp là sự nghiệp, lấy độ sanh làm công việc thường trực gọi là gia vụ. Vậy mà đời nay có nhiều vị Tăng, Ni xem chùa chiền, điền sản, vàng bạc, tài vật làm gia vụ, và lo việc đáp ứng thù tạc Phật sự cho là sự nghiệp, thật chẳng phải là chân Phật tử chút nào cả.

Đức Phật Thích Ca thuyết pháp 49 năm với lòng Đại Từ, Đại Bi, khai thị cho chúng sanh, hoàn toàn lấy hoàng pháp độ sanh làm gia vụ sự nghiệp. Chúng ta đã là Phật tử, có trách nhiệm phải đảm đương sự nghiệp của Đức Phật, cần phải noi theo gương Đức Phật để giáo hóa chúng sanh giống như đạo làm con, có trách nhiệm thừa kế bảo trì gia nghiệp của cha mẹ lưu truyền lại vậy. Nếu chẳng được như thế, thời đấy là những đứa con bất trung

bất hiểu chẳng có chút gì là trường cửu và tiến viễn cả, đâu phải đây là chân Phật tử ư?

Nhị Thừa La Hán chỉ biết tự lợi chẳng chịu làm việc lợi tha, cũng chẳng phải là chân Phật tử. Cứ thẳng thắn mà nói: Duy chỉ có Bồ Tát năng tự lợi lợi tha, đến đâu là hoàng dương Phật pháp, cứu độ chúng sanh đến đấy, gánh vác gia nghiệp Như Lai, nối thịnh dòng Phật hóa, mới đáng gọi là Chân Nhi Tử của Đức Phật vậy thôi! Đây cũng thường được gọi là Pháp vương tử. Có người muốn hoàng pháp độ sanh để làm chân Phật tử nhưng ngật nổi tự mình chẳng thông hiểu Phật pháp thì biết làm thế nào đây. Thì đây, chỉ cứ một lòng trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật, rồi cũng khuyên mọi người xưng niệm A Di Đà Phật, rồi bảo họ tu thêm giới sát, phóng sanh, bố thí... Đây là tâm địa Bồ Tát rồi, mà cũng là hoàng pháp độ sanh và chân Phật tử rồi vậy. Cho nên Kinh có nói: "Nhất niệm Nam Mô Phật, giai cộng thành Phật đạo".

Đấng đầy đủ tướng tốt,

Kệ đáp Vô Tận Ý:

Câu "Đấng đầy đủ tướng tốt" là chỉ về Đức Phật. Lời hỏi của Vô Tận Ý bằng kệ, Đức Phật cũng dùng kệ mà đáp nên gọi là "Kệ đáp Vô Tận Ý".

Ông nghe hạnh Quán Âm,

Khéo ứng các nơi chỗ.

Thệ rộng sâu như biển,

Nhiều kiếp chẳng nghĩ bàn.

Hầu nhiều nghìn Đức Phật,

Phát nguyện thanh tịnh lớn.

Ta vì ông lược nói,

Nghe tên cùng thấy thân.

Tâm niệm chẳng luống qua,

Hay diệt các cõi khổ.

Ông cần phải nhất tâm nghe hạnh môn của Quán Thế Âm Bồ Tát là bất khả tư nghĩ. Bởi vì Quán Thế Âm dùng trí nhất tâm tam quán soi thấu cả tiếng tăm mười pháp giới thế gian là cảnh sở quán nhất cảnh tam đế. Năng quán, Sở quán chẳng hai. Chứng trung đạo Diệu thể, khởi trung đạo Diệu dụng, khéo khéo ứng thị hiện. Cho nên mười phương thế giới không một nơi chỗ nào mà chẳng thị hiện được cả. Dùng 32 ứng thân để ứng hiện, giống

như tấm gương soi vật, đồng thời xuất hiện chẳng trước chẳng sau. Cùng khắp mười phương thế giới, chẳng một thế giới nào mà không hiện, đứng tốt ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai, không một thời gian nào chẳng hiện. Do đó nên còn gọi là Phổ Môn Đại Sĩ.

- Hoàng thệ là lời thệ nguyện rộng lớn và thiết yếu. Quán Thế Âm Bồ Tát khi xưa là kẻ phạm phu, đã từng phát 12 đại hoàng thệ nguyện rộng rãi vô biên, sâu thẳm vô cùng như đại dương biển cả vậy. Và lại từ vô lượng kiếp đến nay, cũng đã từng tu đạo Bồ Tát đều là bất khả tư nghì: Như đã hầu hạ, phụng sự, gần gũi cúng dường các Đức Phật quá khứ nhiều ngàn ngàn vạn vạn, để vun trồng cội phước huệ, thường phát thanh tịnh, đại nguyện chẳng chấp đắm không và hữu. Nguyện đại, hạnh đại, nhiều kiếp cúng dường Phật. Nguồn dài dòng xa, rễ sâu cội vững, cho nên mới có đủ ứng hóa thân Phổ Môn thị hiện như thế ấy.

Ban bố đại vô úy là Diệu lực bất khả tư nghì. Như nước lên thì thuyền nổi cao theo, vật liệu nhiều thì đắp được tượng Phật lớn. Đây là lời Phật Thích Ca khen ngợi Quán Thế Âm Bồ Tát Diệu lực bất khả tư nghì, chẳng phải một lúc mà có thể nói hết được. Nay chỉ nói sơ lược mà thôi, cho nên kệ rằng: "Ta vì ông lược nói". Chúng sanh, nếu nghe danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, hoặc xem Thánh tượng Quán Thế Âm Bồ Tát, cung kính lễ bái nhất tâm xưng niệm, nhất định chẳng luống công. Nghe danh là ý nghiệp, xưng niệm là khẩu nghiệp, lễ bái là thân nghiệp. Ba nghiệp cung kính, nhất tâm bất loạn, thì năng diệt được tất cả khổ nạn.

- Các cõi: Chỉ cho ba cõi, chín cõi, 25 cõi. Ba cõi là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Chín cõi là: Dục có một, Sắc có bốn, Vô sắc cũng có bốn, cộng lại là chín cõi. 25 cõi tức bốn châu, bốn ác thú, sáu cõi trời Dục và một Phạm Thiên, bốn Thiên, bốn Vô sắc, hai cõi Vô tướng và Ngũ Na Hàm, cộng là 25 cõi. Nói rộng là 25 cõi, nói hẹp là ba cõi, nói trung là chín cõi. Bởi vì nhân quả chẳng sai mất, có nhân tức có quả, cho nên nguyên văn dùng chữ hữu là có cũng là cõi. Chúng sanh ở 25 cõi đang sống trong sanh tử phiền não khổ hải, nếu có thể thu nhiếp tam nghiệp, nhất tâm thân lễ, khẩu xưng, tâm niệm thời tiêu trừ tất cả các khổ và những ách nạn trong 25 cõi vậy. Nhưng chẳng những tiêu trừ ba nạn, bảy độc trong cõi Đồng Cư, mà chúng sanh trong hai cõi Phương Tiện và Thật Báo đều được như thế cả.

Giả sử sanh lòng hại,

Xô rút hàm lửa lớn.

Do sức niệm Quán Âm,

Hàm lửa biến thành ao.

Hoặc trôi giạt biển lớn,
Các nạn Quỷ, Cá, Rồng.
Do sức niệm Quán Âm,
Sóng mòi chẳng chìm đặng.

Giả sử gặp kẻ ác, khởi ý muốn sát hại đem người xô cho rơi trong hầm lửa lớn, tánh mạng chẳng còn bảo đảm nữa. Hoặc giả có người vượt qua sông biển, thuyền bè bị nghiêng úp, lại có các tai nạn Rồng, Cá, các quỷ La Sát. Người đang lúc gặp phải đại nạn nước lửa, năng đem lòng chân thành xưng danh, nhờ sức oai thần Đức Quán Thế Âm, thời hầm lửa biến thành ao nước mát mẻ, ngàn vạn sóng mòi trong biển cả kia cũng chẳng làm sao chìm người được.

Hoặc ở chót Tu Di,
Bị người xô rớt xuống.
Do sức niệm Quán Âm,
Như mặt nhựt treo không.
Hoặc bị người dữ rượt,
Rớt xuống núi Kim Cang.
Do sức niệm Quán Âm,
Chẳng tổn đến mây lông.
Hoặc gặp oán tặc vây,
Đều cầm dao làm hại.
Do sức niệm Quán Âm,
Đều liền sanh lòng lành.

Các kệ tụng này đều là tụng lại văn kinh trên, nên chỉ nói lược, không cần giải thích tường tận. Hoặc giả có người ở trên chót núi Tu Di, bị kẻ oan gia xô rơi từ trên cao sa xuống gộp đá, chắc chắn sẽ bị tan xương nát thịt. Nhờ sức niệm Quán Âm gia hộ, thời như mặt nhựt đứng giữa hư không, chẳng đến nổi sa xuống đáy vực. Hoặc giả bị kẻ ác đuổi theo sa dưới núi Kim cương. Nhờ sức niệm Quán Âm gia hộ, thời chẳng bị tổn hại một mây lông. Hoặc giả bị kẻ oán tặc, giặc cướp bao vây, mỗi người đều cầm dao bén gươm nhọn, đến trước mặt quyết làm hại. Nếu năng niệm Quán Âm thì nhờ sức oai thần của Bồ Tát gia hộ, bọn cướp kia tự nhiên khởi lòng từ, bao nhiêu tâm ác độc kia lắng dịu xuống hết.

Trước đây ba năm khi tôi (Pháp sư Bảo Tịnh) giảng kinh Địa Tạng tại Tô Châu, có Bào Thánh Vân Cư sĩ, ông rất nhiệt tâm giúp đỡ cho pháp hội giảng kinh. Ngày giảng hoàn mãn, Bào Cư sĩ cùng tôi lên ghe máy trở về lại Thanh Đảo. Sau khi ghe vừa rời khỏi cửa biển Ngô Công bị bọn cao bồi lưu manh uy hiếp ghe bắt phải đổi hướng đi về phương Nam. Tôi xem thấy tình hình hơi bất ổn, lòng chẳng yên, liền vì cả ghe, khởi niệm Quán Âm, tiếp theo mọi người trong ghe đều cùng nhau xưng niệm Thánh hiệu Đức Quán Thế Âm. Nhờ đó mà được trọn thoát hiểm nạn. Sau một ngày một đêm mới về đến chùa Quán Tôn, tôi có soạn một bài ký, nhan đề là "Bào Cư sĩ thoát hiểm" ghi rõ đầy đủ sự việc đã xảy ra từ đầu đến cuối.

Hoặc bị khổ nạn vua,
Khi hành hình sắp chết.
Do sức niệm Quán Âm,
Dao liền gãy từng đoạn.
Hoặc tù cầm xiềng xích,
Tay chân bị gông cùm.
Do sức niệm Quán Âm,
Tháo rã đặng giải thoát.

Hoặc gặp quốc pháp vương nạn, đến nỗi phải bị chém đầu. Khi mà thọ mạng sắp chấm dứt, nếu năng niệm Quán Âm Thánh hiệu, thời cái đao hành quyết kia, tự nhiên gãy khúc rời từng đoạn một. Hoặc bị phạm quốc pháp, hoặc bị bọn giặc cướp bắt nhốt tù, tay chân đều bị trói còng. Năng trì niệm danh hiệu Quán Âm tức nhờ sức oai thần của Bồ Tát có thể được giải thoát. Xưa có một vị Tăng đi vào trong núi sâu để tìm cây thuốc, bị giống người Mán bắt trói nhốt tù. Khi chúng trói buộc cả hai chân tay sắp đem làm thịt ăn, vị Tăng nhất tâm kiên thành niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Bỗng nhiên có con cọp chạy đến phá tan rọ nhốt Ngài, và Ngài được thoát nạn.

Nguyên rửa các thuốc độc,
Muốn hại đến thân đó.
Do sức niệm Quán Âm,
Trở hại nơi bồn nhờn.

Hoặc giả gặp kẻ ác nhân dùng bùa chú nguyên rửa trừ ếm người, hoặc dùng độc dược làm hại người cho chết. Ở biên giới các tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến, Vân Nam, Tứ Xuyên thường có những nơi gọi là hắc điếm. Nếu ai vô phước sa vào đích của họ thì bị độc dược chết ngay. Hoặc bị trừ ếm

chết để lấy tiền của. Nếu năng niệm Quán Âm tức có thể khỏi ách nạn ấy. Ngược lại, kẻ cố ý làm hại người ta sẽ bị cái hại ấy trở lại hại nơi bản thân mình. Ông Tô Đông Pha cho rằng "Trở hại nơi bốn nhân" thì không hợp với đạo từ bi, nên sửa lại là "Hai bên đều vô sự." Như thế thì có lẽ từ bi hơn, vì có thể chẳng gây hại cho người cũng chẳng gây hại cho mình vậy.

Lý luận như thế vì ông Tô Đông Pha chẳng hiểu hai pháp môn chiếc phục và thu nhiếp trong Phật pháp. Phật pháp nên từ bi thì từ bi, nên chiếc phục tức chiếc phục. Tức đê bẻ như hàng phục vậy. Nếu chỉ một mặt từ bi, mà chẳng chiếc phục thời đôi với kẻ ác không thể nào mà khiến họ từ bỏ tội lỗi cải đổi tâm tính được. Đối với hành động sát sanh, trong Phật pháp dĩ nhiên là điều răn cấm, nhưng đối với trường hợp cần thiết thời cũng có thể làm. Nhưng hành động này cần phải xuất phát nơi thiện tâm, từ bi tâm và vô ký tâm (vô ký là chẳng thiện chẳng ác). Rất sanh lòng hổ trên. Tuyệt đối chẳng nên có chút lòng giận hờn, tức ghét.

Như người Phật tử thấy giữa đường có con rắn độc, đã cắn chết nhiều người, nhân đây liền giết chết rắn, để nó khỏi cắn người khác nữa. Hành động sát sanh này có hai phương diện: Một vì cứu người, một vì muốn cho con rắn đời hiện tại giảm bớt ác nghiệp, để trong tương lai chịu ít ác báo. Sát sanh mà như thế thì cả hai phương diện đều có ích lợi. Bởi vì trong hành động sát sanh này phát xuất từ lòng thương xót và muốn bảo vệ chúng sanh khác nữa. Thà tự mình phạm giới, đọa địa ngục, trọn chẳng để kẻ khác chịu khổ trong địa ngục vô gián vậy. Do nhân duyên ấy, đối với giới pháp không phạm, nên gọi là vong phạm cứu vật.

Cho nên giới pháp trong Phật pháp, tuy làm quan tòa, quan quân đều có thể thọ trì giới pháp được cả. Đối với những kẻ gây họa cho quốc gia, gây tai hại cho dân chúng, giết người, đốt xóm làng, gian tặc, giặc giả... Chiếu theo quốc pháp mà xử chúng đến tội tử hình, mới có thể khiến cho dân chúng an cư lạc nghiệp, ăn ngon ngủ yên gọi là cao gồi không lo. Đây cũng là Bồ Tát giới đó, cũng không có phạm chi hết. Nếu chẳng phải như vậy, mà xuất phát nơi tâm giận dữ, thời tội ác rất lớn sẽ bị đọa vào tam đồ địa ngục chịu khổ báo. Về sau người ta cho sự sửa đổi của Tô tiên sinh là không hợp lý, nên vẫn dùng nguyên câu kệ như cũ.

Thuở trước có một ông thầy bói tên là Lại Tinh Cán, thường có hành vi bất chính. Trong nhà ông có nuôi một con yêu quái để nghề bói được Thần linh ứng quẻ. Cứ mỗi năm ông đến tỉnh Chiết Giang, bắt cóc một đứa đồng nam hay đồng nữ, đem về nhà để cúng tế cho yêu quái trong nhà. Một lần, có một đứa bé gái bị ông dẫn dụ về nhốt kín trong nhà. Sau mấy hôm ông bắt đứa bé tắm rửa sạch sẽ, thay áo quần để đợi yêu quái đến ăn thịt.

Nguyên em bé này ngày thường đã biết niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Lúc ấy em nhất tâm niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm. Đến nửa đêm, cánh cửa bỗng mở toang, đôi mắt của con quái vật từ ngoài song cửa chiếu vào sáng như đèn điện soi. Tuy sợ hãi, em bé nhưng vẫn nhất tâm niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, thoi từ trong miệng em bỗng nhiên bay ra một tia sáng bắn thẳng vào thân con quái vật. Thình lình từ trên song cửa rơi xuống một con vật. Thấy thế em bé gái bèn la lớn: "Cứu tôi với." Vừa lúc đó, phía bên ngoài có mấy viên lính tuần đang đi ngang qua, nghe tiếng la cầu cứu, họ liền xông vào nhà tức thì. Bấm đèn soi thì thấy bên cạnh em bé là một con rắn độc rất lớn, đã chết nằm ngay nơi đó. Sau mấy lời gạn hỏi em bé, lính tuần liền bắt thầy bói Lại Tĩnh Can đem nộ cho quan nha để có biện pháp trừng phạt về tội trạng của y. Đây tức là cố ý hại người mà phản trở lại hại mình, tức là trở hại nơi bản nhân là vậy.

Hoặc gặp La Sát dữ,
Ròng độc các loài quỷ.
Do sức niệm Quán Âm,
Liên đều không dám hại.

Nếu người gặp phải quỷ La Sát hung ác và độc long cùng tất cả các thứ quỷ ác độc muốn làm hại mạng. Nếu nhất tâm niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, tức thì bọn La Sát, Ròng độc, Quỷ đều chẳng dám làm hại đến thân mạng. Cho nên gọi là: Liên đều không dám hại. Quỷ sợ ánh sáng mà ưa thích bóng tối. Nếu người năng nhất tâm bất loạn xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, thoi thiên ánh sáng láng, tức hiển hiện Đại Quang Minh, cho nên La Sát, ác quỷ chẳng dám đến hại.

Thuở xưa có một người ưa thích hỏi người, gặp ai cũng hỏi. Một hôm đi đường gặp quỷ La Sát, anh ta tự biết nguy hiểm cho tánh mạng lắm rồi. Nhưng với tánh hiếu kỳ sẵn có, anh liền hỏi quỷ La Sát: "Này, tại sao bụng nhà ngươi trắng mà lưng lại đen?". Quỷ đáp: "Tính tôi sợ ánh sáng mặt trời, nên khi chạy quay lưng về phía trước bị nắng dọi cho nên lưng đen mà bụng trắng". Lúc đó anh ta liền kéo quỷ La Sát đến chỗ ánh sáng mặt trời, quỷ tức thoi tiêu tan. Trong tự tâm chúng ta vọng tưởng bất tuyệt, tức là nhiều lớp màu đen, cho nên quỷ thường đến làm họa gây hại. Nếu được chánh đại quang minh, nhất niệm bất tà, thoi những quỷ La Sát làm gì đến gần mà hại ta được.

Hoặc thú dữ vây quanh,
Nanh vuốt nhọn đáng sợ.

Do sức niệm Quán Âm,
Vội vàng bỏ chạy thẳng.
Rắn độc cùng bò cạp,
Hơi độc khói lửa đốt.
Do sức niệm Quán Âm,
Theo tiếng tự bỏ đi.

Trên rừng núi, ngoài đồng nội có những ác thú như chó sói, cạp beo, nhe nanh múa vuốt, hùng dữ cực kỳ dễ sợ. Ở đồng bằng Trung châu ít khi thấy chúng. Trong núi sâu rừng rậm, thường xuất hiện những ác thú, nếu khi gặp phải, mà nhất tâm xưng niệm Đức Quán Thế Âm, thì dù cho bốn bề đều có ác thú bao vây đi nữa, chúng cũng liền chạy trốn hết cả.

Tại tỉnh Phước Kiến, có một người tên là Lôi Pháp Chấn, sinh sống bằng nghề đốt than. Một hôm ông phải vào trong núi sâu để hành nghề. Chẳng may ông gặp phải một con hổ già, nhe nanh, múa vuốt dựng gáy nghinh mặt chạy sấn tới ông, trông rất là kinh sợ. Ngay trong lúc nguy cấp này, bỗng nhiên có một nàng mỹ nữ hiện đến và hét lớn một tiếng "Cạp". Con hổ liền quỳ xuống cúi đầu mà bỏ đi. Ông Chấn may mắn được cứu sống. Và ông mừng qua, vòng tay thi lễ xin hỏi danh tánh của nàng. Nàng mỹ nữ đáp: "Ta là khúc gỗ áp lan ở trong nhà của người". Nói xong nàng biến mất, chẳng còn thấy bóng dáng đâu cả. Ông Chấn nhân đây mới nhớ lại trong nhà mình có cây gỗ áp lan, thớ thịt rắn chắc và mịn láng, nên ông đã có ý định chạm một tượng Đức Quán Thế Âm để thờ, nhưng vì bận rộn công việc làm ăn, nên chưa chạm xong được.

Mới chỉ sanh một niệm nghĩ đến, mà đã được sự cảm ứng nhiệm màu như thế. Cho nên chúng ta sanh một thiện niệm, thời hoa quý ở cung điện trên trời đã thành. Sanh một ác niệm thời chảo nước sôi ở địa ngục cũng đã bày ra rồi vậy. Cho nên tâm móng khởi, niệm máy động, tất cả đều cần phải loại trừ ác niệm mà hãy nghĩ theo điều thiện là vậy. Ông Lôi Pháp Chấn, sau khi thoát nạn trở về nhà liền đem khúc gỗ áp lan ra chạm thành Thánh tượng Quán Thế Âm Bồ Tát, trọn năm suốt tháng phụng thờ hương khói rất trang nghiêm. Đây tức là dẫn chứng "Ác thú bỏ chạy" vậy. Loại rắn đen độc lắm, cắn người chết đứng không kịp ngã. Bò cạp là loại côn trùng có bốn chân, nọc độc nóng như hơi lửa đốt. Cũng nhờ sức niệm Quán Âm mà theo tiếng bỏ chạy.

Mây nổi sấm sét đánh,
Tuôn giá xối, mưa lớn.

Do sức niệm Quán Âm,

Liên đăng tiêu tan cả.

Khi trời nổi mây đen, gió mưa cùng lúc, sấm sét chớp nhoáng bốn phương. Tiếng sấm sét ùng ùng và băng khối rơi xuống, hoặc lớn nhỏ ít nhiều không nhất định, có thể làm hư hao mùa màng hay gây thương tích đến người và vật. Những trận mưa lớn như nước từ trên trời đổ xuống. Hễ gặp những điều chẳng lành như thế, đều là hiện tượng thiên tai hung hiểm. Nếu người đang đi dưới những cơn mưa to gió lớn sấm sét, băng tuyết thời thế nào cũng bị nguy hiểm đến tánh mạng. Nếu gặp gấp hồi đầu, xưng niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, thì tức khắc có thể mây tiêu, mưa tạnh, gió ngưng, sấm ngừng và băng tuyết cũng tiêu hết, bầu trời trở lại quang đăng.

Chúng sanh bị khổ ách,

Vô lượng khổ bức thân.

Do sức niệm Quán Âm,

Hay cứu khổ thế gian.

Trong tâm chúng sanh bị Tham, Sân, Si, Mạn... Các phiền não đó bức ép. Nơi thân thì bị nước, lửa, binh, đao, đói khát, tam tai, bất nạn các khổ ấy thay phiên nhau thường trực hoành hành dữ dội. Khốn ngặt ở trong thống khổ vô lượng vô biên. Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Từ Đại Bi, có đủ thần lực trí huệ Diệu quán sát, không nạn nào mà chẳng cứu, không khổ nào mà chẳng vớt. Thậm chí đối với chúng sanh ở cõi ba cõi Đồng Cư, Phương Tiện và Thật Báo, tất cả sanh tử phiền não khổ ách thảy đều năng cứu độ, khiến chúng sanh được giải thoát.

Đầy đủ sức thần thông,

Rộng tu trí phương tiện.

Các cõi nước mười phương,

Không cõi nào chẳng hiện.

Các loài trong đường dữ:

Địa ngục, quỷ, súc sanh.

Sanh, già, bệnh, chết, khổ,

Lần đều khiến dứt hết.

Quán Thế Âm Bồ Tát đầy đủ Thần thông diệu lực. Thần thông là thiên tánh, chẳng đo lường được; Thông tức là huệ tâm. Dùng tánh thiên nhiên

thấu soi vô ngại gọi là Thần thông. Chúng sanh vốn đầy đủ thần thông diệu dụng, ngặt vì bị phiền não vọng tưởng che lấp, nên chẳng hiển hiện được. Nếu có thể buông thả muôn duyên, thần thông tức liền hiện ngay.

Bồ Tát, La Hán, Thiên, Tiên, Quỷ, Thần đều có thần thông. Thần thông của Quỷ, Thần gọi là quỷ thông, nhỏ bé lắm chỉ thấy được ít phần trong hai đạo Người và Quỷ mà thôi. Thiên, Tiên tuy có thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng và thần túc năm thông, nhưng cũng đều là nhỏ hẹp. Và lại vì thiếu vô lậu thông, cho nên gọi là hữu lậu thần thông, vì phiền não vẫn hoàn toàn còn tồn tại vậy. Cho nên khi động đến sát cơ, tức là giết hại.

La Hán thêm đủ vô lậu thông. Nhờ có đủ sức thần thông nên mới vượt khỏi ba cõi. Tuy vượt khỏi hơn vạn vạn lần hữu lậu thần thông của Thiên, Tiên nhưng hãy còn chưa hoàn toàn rốt ráo. Cho nên thiên nhãn, thiên nhĩ của La Hán chỉ thấy và nghe trong phạm vi tam thiên đại thiên thế giới mà thôi. Với thần túc thông, chỉ có thể du hành tự tại trong tam giới. Còn túc mạng thông thì biết được sự tình trong tám vạn kiếp trở lại. Tha tâm thông thì chỉ biết tâm niệm của sáu loại phàm phu mà thôi.

Bồ Tát phá được một phẩm vô minh, cho nên thiên nhãn, thiên nhĩ có thể nghe và thấy đến một trăm cái tam thiên đại thiên thế giới. Phạm vi ấy nếu so với La Hán thì hơn cả một trăm lần, nhưng cũng vẫn chưa hoàn toàn đầy đủ vậy. Chỉ có Phật mới có thể thấy và nghe đến vô số lượng, vô cùng tận tam thiên đại thiên thế giới. Xem vô số kiếp trước như hiện tại, suốt nguồn tận đáy, rốt ráo đầy đủ.

Quán Thế Âm Bồ Tát vốn đã thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai, đã chứng được thể tự tâm Thật tướng, đầy đủ sức đại Thần thông, bất khả tư nghì, cho nên so với các vị Bồ Tát mới thành tựu thì chẳng đồng. Bởi vậy nên gọi là "Đầy đủ sức thần thông". Lại nữa, vì Ngài đã rộng tu đại trí huệ, đại phương tiện. Trí tức thật trí, soi lý. Phương tiện là quyền trí, hiểu sự, tùy căn cơ chúng sanh mà thuyết pháp. Hai mặt trí Quyền và Thật đều đầy đủ nên gọi là rộng tu. Có Thật trí tức ngang với chư Phật, có Quyền trí là không chúng sanh nào mà không độ được. Cho nên trong mười phương thế giới, tất cả cõi nước, không một xứ nào mà Ngài chẳng thị hiện các loại ứng hóa thân mà rộng độ chúng sanh tức các loại ác thú như: A Tu La, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh và Nhân đạo của chúng ta sanh, già, đau, chết, cùng tất cả các thứ khổ nhiều vô lượng vô biên, chỉ cần xưng niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm, tức thì nhờ ánh từ quang gia hộ, có thể khiến mọi thống khổ dần dần bị tiêu trừ.

Địa ngục có tám sở lạnh, tám sở nóng là Đại ngục. Chúng sanh gây tội ngũ nghịch, thập ác tức bị đọa vào trong ngục này chịu quả báo. Quán Thế

Âm Bồ Tát thấy chúng sanh chịu khổ nơi địa ngục, nên thường đến để giáo hóa độ thoát. Kinh nói: Ta chẳng vào địa ngục, thì ai vào đấy? Nga quý là trăm ngàn vạn năm chẳng nghe đến nước uống hưởng là các thức ăn uống. Đức Quán Thế Âm Bồ Tát biến làm vị Quý chúa Diệm Nhiên Đại Sĩ. Nhân đấy mới dẫn khởi cho Đức Phật nói Chú Pháp Diệm Khẩu để có thể cứu độ cho tất cả Nga quý. Súc sanh là chim bay, thú chạy, vảy lông, cánh sừng đều bởi mắc quả báo nghiệp chướng đời trước đã gây nên. Hễ làm người mà dối gạt gian trá tức đọa vào loại này. Hoặc trả nợ, hoặc đền mạng mà sanh ra để chịu khổ báo chẳng thể kể xiết. Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hay hiện thân súc sanh để giáo hóa chúng. Còn về khổ sanh, lão, bệnh, tử tại nơi Nhân đạo thời bất luận giàu nghèo, sang hèn đều chẳng tránh khỏi được. Cả Thiên đường, Tiên đạo cũng không thể tránh khỏi được. Kinh nói: Nhân gian khó tránh bốn khổ, Thiên thượng tài gì khỏi năm suy. Quán Thế Âm Bồ Tát vì thương xót chúng sanh chịu khổ. Chỉ cần niệm danh hiệu của Ngài tức thì những nỗi thống khổ sẽ được tiêu trừ, và tâm thường được an vui.

Chơn quán, Thanh tịnh quán,

Trí huệ quán rộng lớn.

Bi quán và Từ quán,

Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.

- Chơn quán tức chơn không quán. Tức là xét soi tất cả các khổ thấy đều chơn không. Chúng ta trong thâm tâm, ngoài có thế giới, đều bởi vọng niệm vọng kiến phân biệt mà có, kỳ thật đều là hư vọng chẳng thật. Cái có của vọng kiến giống như trong mộng thấy có, nhưng vốn chẳng phải chơn thật. Lại cũng giống như mắt bị lòa nên khi nhìn ngọn đèn thấy có bóng tròn năm sắc, hoặc thấy giữa không trung có những đốm hoa nháy múa lãng xăng. Kỳ thật ngọn đèn vốn không có bóng tròn năm sắc, và trong không trung cũng chẳng có hoa đốm. Nhưng bởi vì mắt có bệnh, nên nhìn mà thấy thế thôi. Giống như thế giới, quốc độ, con người, trai gái, lớn nhỏ, nội ngoại, giàu sang, nghèo hèn, đều do vọng kiến mà có. Khi chúng đến địa vị Phật quả mới thấy rõ ràng không có một vật gì cả. Như khi mắt lành bệnh, thì tự nhiên lúc nhìn ngọn đèn không còn thấy bóng tròn năm sắc, và cũng chẳng thấy hoa đốm trong không trung nữa. Tất cả vốn thanh tịnh, một mảy bụi cũng chẳng dính dơ. Cho nên phải biết tất cả các cảnh giới đều do bởi vọng kiến mà có. Bởi chấp là có, mới khởi tâm phân biệt. Đã có phân biệt thì có yêu mến, có giận hờn, có khổ vui, có tốt xấu đủ thứ đủ điều nói sao cho hết. Ngược lại, nếu nhất niệm bất sanh, thân tâm trở về "Không" thì muôn vật đâu có nữa. Lúc đó mới soi thấy năm "Uẩn" đều không. Tất cả cũng đều

không, chứ chẳng phải làm mất đi cái "Có" mới là không. Đây gọi là Chơn không quán.

---o0o---

Trong đời không có con người ngàn tuổi, ngôi nhà muôn năm. Tất cả đều sanh diệt đổi dời đâu có thật tại. Kinh dạy: Không những gì đã có. Nhưng Không mà bất Không là Diệu hữu. Trong Không ấy vốn có đủ tất cả các Pháp chứ chẳng phải là cái Không đoạn diệt. Cho nên cần phải mau mau tu thiện, tích đức, tôn mình lợi người, rộng độ chúng sanh. Đây tức là Diệu hữu quán.

- Sao gọi là Thanh tịnh quán? Người đời làm việc từ thiện, công đức, nếu hợp ý ta thì làm, mà trái lại là bỏ, thuận đưa đến vui thích, nghịch thì sinh ra giận dữ. Sẵn có tâm ý tốt, xấu, ưa, ghét, hoài tòn, tri kiến, nên, hư, được, mất. Chỉ biết thật có mà không biết bản thể vạn pháp vốn là không. Rồi đặng đâu cũng chấp đắm, nhiễm ô như mù mít, chẳng chịu buông xả, gột rửa cho được trong sạch. Đức Quán Thế Âm Bồ Tát trọn ngày ở trong trần lao độ sanh, mà thật không có tướng trần lao. Tâm lợi sanh chẳng phải có mà có, có mà chẳng phải có. Như trăng dưới nước, như hoa giữa hư không. Không chấp đắm, không an trụ vào đâu cả. Cho nên tuy tích cực cứu đời vào cõi độ sanh, mà vẫn thanh tịnh không nhơ bản, như hoa sen vương khỏi đáy bùn và mặt nước vậy. Lại như câu: Đạo vườn hoa trăm thứ, thân chẳng động một cành. Nhưng là vô tâm giới vạn vật, ngại gì vạn vật thường danh vậy. Cho nên mới gọi là Thanh tịnh quán.

Chơn không quán là ra xuất thế, Thanh tịnh quán là nhập thế. Do xuất thế mà nhập thế là Chơn lợi nhân. Do nhập thế mà xuất thế là Chơn tự lợi. Chơn và Tịnh đều viên thông. Tức Không tức Có. Không và Có chẳng hai, là vào nơi Trung đạo. Mà Trung đạo quán trí chẳng dừng nơi hai bên Không và Có. Cho nên mới đạo khắp cả pháp giới, rộng lớn không gì chướng ngại, mới gọi là Trí huệ quán.

Tu Chơn không quán, phá được kiến tư phiền não, chứng được Bát nhã đức. Tu Diệu hữu Thanh tịnh quán, phá được trần sa phiền não, chứng được Giải thoát đức. Tu Quảng đại Trí huệ quán, phá được vô minh phiền não, chứng được Pháp thân đức. Ba pháp Quán này, cử một tức đủ ba, nói ba tức là một. Chẳng phải trước sau, chẳng phải chung riêng. Vì ba pháp Quán này là tuyệt đãi viên dung, tức là ý nghĩa chữ Quán của danh hiệu Quán Thế Âm. Đây là ba pháp Quán tự lợi cũng tức là căn bản lợi tha vậy.

- Từ quán và Bi quán là hai quán lợi tha, mà cũng là tự lợi vậy. Quán Thế Âm Bồ Tát là Quán Thế Âm trong tâm chúng sanh. Vì Bồ Tát với chúng sanh đồng một thể chẳng hai. Cứu khổ chúng sanh tức là cứu khổ cho

tự chính mình, khiến chúng sanh thoát ly khỏi tất cả các thống khổ ngũ trụ, nhị tử, giải trừ tất cả các tai nạn lục phạm, tam thừa. Không một hạng nào là chẳng phải nhiếp tha về tự, để làm việc cần thiết nơi thân mình. Cho nên gọi là Đồng thể Đại bi quán.

Từ, là khiến chúng sanh được vui Chơn không, vui Diệu hữu, cho đến vui Trung đạo vô thượng Niết bàn bất sanh bất diệt. Tịch diệt là Vui, và cái Vui vô thượng Bồ đề, bất cấu bất tịnh: Giác pháp lạc. Trọn ngày cho vui mà không có tướng cho vui. Không có Bồ Tát là Năng duyên, cũng không có chúng sanh là Sở duyên. Năng với Sở vốn là nhất tâm. Nên gọi là Vô duyên Đại từ. Cho nên chúng ta thường nguyện Quán Thế Âm Bồ Tát từ bi cứu vớt cho, thường mong Phổ Môn Đại Sĩ Diệu Tướng Trang Nghiêm đánh lễ ngưỡng trông cầu xin soi nhiếp.

Sáng thanh tịnh không như,

Tuệ nhật phá các tối.

Hay tiêu tai khói lửa,

Khấp soi sáng thế gian.

Quán Thế Âm Bồ Tát với ba quán Pháp trước đã đầy đủ, phá trừ tất cả phiền não được trong sạch, không còn như bản nên gọi là không như. Tâm chúng ta vốn là thanh tịnh, như gương sáng trong sạch không như. Đức Lục Tổ đã nói: "Xưa nay không một vật." Chỉ vì tham, sân, si ba độc như bản ngăn ngại, như bụi bản làm lu mờ sự trong sáng của gương. Cũng vì thế mà chúng ta phải làm chúng sanh muôn đời. Quán Thế Âm Bồ Tát khi ban sơ cũng là phạm phu, nhờ dùng công phu tam quán, mới gột rửa như bản để được trong sạch, suốt đến trong sạch rốt ráo là bất sanh bất diệt. Sạch cùng cực là sáng thông suốt. Hết như liền hiện sáng. Nhờ đó trong ngoài sáng rực rỡ thấu suốt, nên gọi là Sáng thanh tịnh không như. Sáng như thế tức là Đại trí huệ quang. Huệ quang chiếu sáng, giống như ánh sáng mặt Nhật giữa không trung có thể phá trừ tất cả màn đen tối. Chúng ta tuy sống ở dưới mặt Nhật thanh thiên, nhưng tất cả đều mờ mịt bởi tự tâm ác liệt, nên cũng như đang ở trong thế giới đen tối mù mịt vậy. Nhưng ngày hôm nay, quý vị đến đây nghe kinh, hiểu rõ đạo lý, mở mang trí huệ, nhất tâm niệm Phật tức được tâm trong sáng, chuyển đổi thế giới đen tối, biến thành thế giới quang minh.

Bồ Tát dùng Chơn không quán, chứng Nhất thiết trí quang, đem phá tối tăm kiến tư phiền não cho chúng sanh. Dùng Thanh tịnh quán chứng Đạo chủng trí quang, đem phá tối tăm trần sa phiền não cho chúng sanh. Dùng Quảng đại Trí huệ quán chứng Nhất thiết chủng trí quang, đem phá tối tăm vô minh phiền não cho chúng sanh. Cho nên gọi là phá các Tối. Phiền não

tối tăm là nhân khổ của chúng sanh đã bị phá hết, thời tất cả các tai nạn là quả khổ cũng bị tiêu diệt theo, cho nên gọi là: Hay tiêu tai bả nạn, tất cả gió, nước, lửa, binh, đao, tai kiếp mệnh mông và giặc cướp các nạn bị diệt trừ trong âm thầm vô hình.

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát dùng Huệ nhật ba Quán pháp, ba Trí quang, phóng bủa Đại quang minh soi khắp cả thế gian khiến chúng sanh lìa khổ được vui. Dùng Huệ nhật Nhất thiết Trí quang phóng bủa Chơn không quang minh, soi khắp cõi lục phàm Đồng Cư thế gian; dùng Huệ nhật Đạo chủng Trí quang phóng bủa Diệu hữu quang minh soi khắp cõi Nhị thừa Phương Tiện thế gian; dùng Huệ nhật Nhất thiết chủng Trí quang phóng bủa Trung đạo quang minh soi khắp cõi Bồ Tát Thật Báo thế gian. Cho nên gọi là Khắp soi sáng thế gian.

Lòng Bi răn như sấm,
Ý Từ diệu dường mây.
Xôi mưa pháp Cam lồ,
Dứt trừ lửa phiền não.

Bốn câu này là khen ngợi ba Luân bất khả tư nghì của Quán Thế Âm Bồ Tát. Câu đầu, khen ngợi Thân luân là thể Pháp thân Đại Từ Bi. Đại Bi pháp thể do trì giới mà chứng được. Quán Thế Âm Bồ Tát mới dùng Đại Từ Bi giới thể, thân luân hiện thông, thị hiện 32 ứng hóa thân, để hiển ra Đại thần thông, làm kinh động cả cõi đại thiên thế giới như sấm sét để cảnh tỉnh những người mê mộng. Cho nên gọi là Lòng Bi răn như sấm.

Câu thứ hai là khen Ý luân. Dụng tâm của Bồ Tát, không đâu chẳng phải là lòng dạ Đại Từ Đại Bi để soi xét các cơ nghi, dùng các thứ phương tiện, với bản hoài là mong tất cả chúng sanh đều được lợi ích. Lối dụng ý thâm diệu như đám mây che khuất ánh nắng mặt trời, tiêu trừ cơn nóng bức để chúng sanh được mát mẻ. Cho nên gọi là Ý Từ diệu dường mây.

Hai câu ba và bốn là khen Khẩu luân. Cam lồ là thuốc trường sanh bất tử trên đời, chỉ cho Diệu pháp bất sanh bất diệt. Bồ Tát dùng khẩu luân thuyết pháp, pháp nào cũng đều thấm nhuần vào chúng sanh, tam thảo nhị mộc đều được tăng trưởng, diệt trừ được lửa phiền não, mới chứng được đất mát mẻ là Niết bàn bất sanh bất diệt vậy.

Cải kiện qua chỗ quan,
Trong quân trận sợ sệt.
Do sức niệm Quán Âm,

Cừu oán đều lui tan.

Nếu gặp phải việc tranh chấp, kiện cáo mà đến quan nha nguy hiểm. Hoặc bị binh tai, chiến họa kinh khủng nguy nan, khi niệm danh Quán Âm thì tất cả oan gia đối đầu đều có thể lui tan. Như trường hợp của cư sĩ Phí Phạm Cừu ở huyện Bình Hồ này. Trước đây khi chiến cuộc đang diễn ra, lúc đó cư sĩ đang ở Thượng Hải phục vụ cho thương vụ ấn thư quán. Vì chiến cuộc quá ác liệt, nên một buổi sáng ông phải bỏ sở ra đi. Sau năm ngày, ông đến thôn Kiệm Đức Tân, thì chiến cuộc lại lan dần đến đây, và nơi đó lại là trung tâm của hỏa pháo. Khi đó ông quyết định đi sang tô giới để tránh khỏi chiến nạn. Nhưng ngặt nỗi vượt qua sông Tô Châu không được, vì quân lính bố phòng quá nghiêm mật. Đang lúc Phi cư sĩ lưỡng lự chưa biết nên đi về hướng nào, thì có một em bé đến nói với ông rằng: "Cứ đi thẳng tới trước, đằng sau có người đang đuổi bắt ông". Nghe bảo thế, cư sĩ vội vàng dắt bà nhạc mẫu cùng vợ và đứa con, tất cả bốn người chạy nhanh tới phía trước, thì thấy hàng rào dây kẽm gai vừa mở trống chừng một người chui qua lọt. Cả gia đình vừa chạy qua xong liền gặp hai người lính ngoại quốc. Đến lúc ấy, ông mới nhìn lại thì chẳng thấy em bé khi nãy đâu cả. Cả gia đình mới dìu dắt nhau đến ngụ ở xóm Nguyên Nguyên một thời gian, chiến sự mới chấm dứt. Lúc trở về bốn phía xóm nhà ông đều biến thành gạch vụn, duy có căn nhà của ông là còn nguyên vẹn mà thôi. Đây là nhờ Phí cư sĩ cùng toàn gia đã hằng ngày thành kính tu niệm Đức Quán Thế Âm Bồ Tát mới được sự gia hộ bất khả tư nghì như vậy.

Diệu âm Quán Thế Âm,
Phạm âm, Hải Triều âm.
Tiếng hơn thế gian kia,
Cho nên thường phải niệm.

Phân trước nói Chơn quán, Thanh tịnh quán, Quảng đại Trí huệ quán, Bi quán và Từ quán là giải thích chữ Quán của Quán Thế Âm. Đến đây là giải thích chữ Âm. Do đây hợp lại để giải thích lý do thành lập hồng danh Quán Âm Bồ Tát. Chữ Diệu là Diệu âm tức là ý nghĩa bất khả tư nghì. Tuy Bồ Tát đến đâu cũng vẫn tùy duyên giáo hóa, thì thiết Pháp âm quyền mưu phương tiện, nhưng tức nơi Quyền là Thiết. Nguyên lai chẳng đời, chẳng lay động. Cho nên là Tùy duyên mà thường Bất biến. Tức nơi Dụng là Thế, nên gọi là Diệu âm. Xét soi tất cả tiếng tăm của thế gian cầu cứu, tức là không cõi nào chẳng hiện thân để tìm tiếng tăm ấy đến mà cứu khổ chúng sanh. Trăng trời chẳng động mà cùng hiện khắp ngàn sông. Chẳng rời khỏi Bản hiệu mà khắp cửa cứu nạn cứu tai. Tức nơi Thật mà thi thiết Quyền mưu; bất biến mà vẫn tùy duyên, phát khởi các Diệu dụng, nên gọi là Quán

Thế Âm. Diệu âm là Quán Thế Âm, bất biến thường tùy duyên; cũng có thể Quán Thế Âm là Diệu âm, tùy duyên tức bất biến.

Chữ Phạm có nghĩa là thanh tịnh, khiết bạch. Tiếng Quán Âm chẳng rơi vào không và hữu, không nhiễm ô hai bên. Bên trên là hợp lý với Trung đạo thật tướng với mười phương chư Phật, nên gọi là Phạm âm. Diệu âm Bồ Tát thuyết pháp phổ biến mà lại chẳng mất thời cơ nữa. Bên dưới thì mỗi lời nói là hợp với cơ duyên chúng sanh. Chúng sanh nào được nghe trọn Pháp âm thì không một ai mà chẳng vui sướng, như tiếng Hải triều vang khắp cả nhưng lại lui ra, chạy vào có thời khắc nhất định. Khi mà cơ duyên chúng sanh đã thành thực và thời đã đến là Bồ Tát hiện thân thuyết pháp hóa độ tức thì. Cơ nghi đã xong, thời ứng tích chẳng ẩn mà ẩn, nên gọi là Hải triều âm. Phạm âm, trên cầu Phật đạo; Hải triều âm, dưới hợp cơ nghi của chúng sanh. Cho nên vượt khỏi tất cả các tiếng thế gian là Đồng Cư, Phương Tiện, Thật Báo. Bởi duyên cơ này nên chúng ta phải thường xuyên xưng niệm danh hiệu mới được lợi ích thật sự.

Niệm niệm chớ sanh nghi,
Quán Âm bậc Tịnh Thánh.
Nơi khổ não nạn chết,
Hay vì làm nương cậy.
Đủ tất cả công đức,
Mắt lành trông chúng sanh.
Biển phước lớn không lường,
Cho nên phải đánh lễ.

Chúng ta trì niệm Thánh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát tuyệt đối chẳng nên mong sanh một mảy may nghi ngờ. Nghi ngờ là chướng ngại lớn lao cho lòng tin, khó có được sự cảm ứng. Cho nên trong mỗi niệm đừng nên sanh tâm nghi ngờ, cứ thành tâm mà niệm đi thời được lợi lạc vô cùng. Và lại, Quán Thế Âm Bồ Tát đã dứt hết phiền não, chẳng đồng như những vị Bồ Tát chưa dứt hết vô minh phiền não, cũng như chẳng đồng với La Hán chưa dứt hết được trần sa phiền não, huống là vô minh. Cho nên Quyền thừa Bồ Tát và La Hán tuy là Thánh nhân, nhưng là bậc Hiền trong Thánh. Chỉ có Quán Thế Âm Bồ Tát là Thánh trong bậc Thánh. Bởi vì ngũ trụ phiền não đã dứt rốt ráo, hai thứ chết đã tiêu vong hẳn, thanh tịnh rốt ráo nên gọi là Tịnh Thánh.

Phải biết rằng chúng ta hiện đang còn ở trong sanh tử khổ não, lúc gặp tai nạn nên nhất tâm bất loạn xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm, thời Bồ

Tát sẽ là vị Từ Phụ cho chúng ta nương tựa, làm vị Từ Mẫu cho chúng ta cậy nhờ. Bởi vì Quán Thế Âm Bồ Tát đầy đủ tất cả các công đức nhiều vô lượng, đem con mắt Đại Từ Bi bình đẳng xem tất cả đại chúng sanh không có sai khác, như cha mẹ thương yêu chăm lo con cái với tấm lòng vô bờ bến. Cho nên khi gặp đại nạn chúng ta phải tìm chỗ nương nhờ. Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã dòn công chứa đức, phước lớn như một đồng ngọc báu, rộng như biển cả vô bờ. Vì những điều ấy, nên chúng sanh cần phải thành tâm lễ bái thờ phượng.

Bấy giờ Ngài Trì Địa Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nào nghe phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát đạo nghiệp tự tại, phổ môn thị hiện sức thần thông này, thì phải biết người đó công đức chẳng ít".

Khi Đức Phật nói kệ tụng vừa xong, có một vị Bồ Tát tên là Trì Địa, từ chỗ ngồi đứng dậy thưa Đức Phật xin ngợi khen Phẩm Phổ Môn này, để chứng minh công đức. Ngài Trì Địa Bồ Tát, ở vô lượng kiếp về trước, là một con người khổ não, không học thức mấy, nhưng mà Ngài mang hoài bảo với tấm lòng giúp người rất tha thiết, khác hẳn với mọi người bình thường. Nên Ngài vui lòng làm những công việc từ thiện một cách vô tư lợi để giúp ích cho thế gian. Và có thể là tổn mình, lợi người Ngài vẫn làm đầy đủ với tấm lòng Bồ Tát. Nên Ngài phải chịu thiệt thòi về phần văn kinh thánh pháp, đương nhiên là con đường lý trí Ngài vẫn còn lờ mờ. Phàm những điều gì mà ích vật lợi nhân bởi thiên tánh tự nhiên là ứng hợp với hành vi Bồ Tát. Sống mà đem sức mạnh của kẻ vũ phu, trọn ngày Ngài ở tại đầu cầu mé đường, đợi gặp những kẻ mang gánh nặng nề, thì Ngài ra sức mang thay gánh giúp cho họ qua khỏi cầu đường, hoặc gặp xe chở nặng nề khó đẩy lên dốc là Ngài nhất định giúp họ đẩy xe. Và Ngài chẳng nhận một thù lao nào hay lời cảm ơn gì cả. Một điều Ngài thường xuyên làm nữa cũng đáng kể là nếu thấy khúc đường nào sụp lở, lồi lõm, chỗ cao chỗ thấp là Ngài mang đất đến lấp bằng, và cầu cống bị hư hỏng là Ngài ra sức tu bổ lại chắc chắn. Nên thời bấy giờ thiên hạ gọi Ngài là Trì Địa tức ông gánh đất. Tuy Ngài đến đâu vẫn khổ tâm lo việc mình làm mình biết chẳng cần ai để ý, là dụng tâm hết sức lương thiện và cặm cụi làm như vậy đã lâu rồi, nhưng chưa hề thấy hiệu quả đến như thế nào?

Một hôm Ngài gặp Đức Phật Kỳ Xá Phù đi ngang qua, liền cung kính lễ bái. Đức Phật dạy: "Người làm công việc ích, từ thiện giúp khắp mọi người, cố nhiên là việc làm tốt lành. Nhưng người cứ một mặt trên vật chất mà làm là thành công chẳng tròn, chẳng biết muôn vật là duy Tâm. Người phải biết thế giới đại địa là từ trong Tâm hiện ra. Đất có cao thấp là do tâm bất bình. Cho nên nếu tâm người bình thì thế giới bình theo. Vì tâm là chủ

nhân muôn vật, nhân bình thời quả mới bình, lẽ phải như thế. Cho nên muốn bình đại địa, trước tiên phải bình Tâm đã". Sau một hồi được Đức Phật khai thị, Ngài Trì Địa Bồ Tát liền từ nơi sự việc đã làm mà vào quán lý. Và cứ như thế mà gắng công tu hành mới phá được vô minh chứng Pháp tánh, thành Đại Bồ Tát.

Khi Đức Thích Tôn giảng Phẩm Phổ Môn, thời Trì Địa Bồ Tát cũng được tham dự, khi nghe xong mới đứng dậy ra trước chúng hội chứng minh để thuật sự đặc ích của đại chúng rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có chúng sanh năng nghe Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn này, thời Bồ Tát đầy đủ sức tự tại tam nghiệp, không chướng không ngại năng khắp cửa tùy loại thị hiện Thần thông oai đức, thời người ấy được công đức nghe Pháp rất là rộng lớn mệnh mông, chứ chẳng nhỏ nhen vậy".

Lúc Phật nói Phẩm Phổ Môn này, trong chúng có tám muôn bốn nghìn chúng sanh đều phát tâm vô đẳng đẳng vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi Đức Phật Thích Ca giảng Phẩm Phổ Môn, đại chúng nghe giảng tại hội có bốn Chúng đệ tử, Trời, Rồng và tám bộ chúng cả thảy, số lượng quá nhiều chẳng thể kể xiết. Nội bên trong có tám muôn bốn ngàn chúng sanh. Mỗi mỗi người đều phát đại tâm. Luận về trong một tâm thân của một con người chúng ta đều có tám muôn bốn ngàn chúng sanh. Cho nên một người nghe kinh được lợi ích là tám muôn bốn ngàn chúng sanh ấy đều được lợi ích theo. Đây là cứ trên một cái thân mà nói, chứ tâm bao gồm cả thái hư, lượng khắp cả sa giới, mười phương pháp giới đều ở trong tâm. Cho nên người phát khởi Bồ đề tâm tức là cả pháp giới đều duyên đây mà phát khởi theo. Một cái động là động tất cả. Vì lẽ đó nên trong tự tâm ta có vô lượng đại chúng đều đã phát tâm rồi vậy.

Phát tâm vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là phát tâm thành Phật. Hiện tiền chúng sanh có giác tri, nhưng là vọng giác vọng tri. Nếu giác ngộ được muôn pháp đều không, trọn không có gì, chẳng đắm nơi có gọi là chánh giác. Tuy Chánh giác rồi đây, nhưng một bên chấp đắm là không, lại chẳng bình đẳng. Cho nên điều tiên quyết phải là đem tự tri mà tri cho kẻ vị tri, đem tiên giác mà giác cho kẻ hậu giác. Từ bi mà giác ngộ cho chúng sanh, tích cực mà cứu giúp cho đời. Được như thế, đã chẳng chênh lệch nơi ngoan không, lại cũng chẳng ngưng trệ về giả hữu, thời "Không và hữu" bình đẳng, gọi là chánh đẳng. Tự giác giác tha, hai giác này đều tròn đầy vượt lên trên tất cả các công đức khác, nên gọi là vô thượng.

Chánh giác là tự lợi, Chơn không là tiêu cực, xuất thế. Chánh đẳng là lợi tha, Diệu hữu là tích cực, nhập thế. Vô thượng là Tự với Tha chẳng hai,

bình đẳng Nhất như. Dung thông cả xuất thế và nhập thế hội quy cả tiêu cực và tích cực, viên dung vô ngại, tức là Trung Đạo, Không và Hữu bình đẳng bất nhị. Diệu hữu phi hữu là Chơn không. Chơn không bất không là Diệu hữu. Gọi đó là Phật tánh Viên tuyệt Diệu trung. Khi thành Phật tức là chứng Tánh này đây vậy. Người đời thường hay ngộ nhận, cho Phật giáo là Không môn, chẳng phải chơn nghĩa. Cần phải hiểu rõ hai nghĩa Không và Bất không: Chẳng chấp đắm nơi Không nên mới làm lợi tha, tức là Chánh đẳng. Và phải biết Hữu tức là Phi hữu, chẳng chấp đắm nơi Hữu mà sanh ích kỷ, mới được giác ngộ Chơn không, tức là Chánh giác. Như thế là Năng và Sở, tuyệt đối đãi, đây là Trung đạo bình đẳng bất nhị, tức là Vô thượng.

Được như vậy thời mới vượt lên trên tất cả phàm phu, La Hán, Bồ Tát, chẳng có thể ngang hàng với ba hạng trên, nên gọi là Vô đẳng, tức không ngang hàng. Không ngang mà ngang; ngang với tất cả: Một sắc một hương. Không một thứ nào chẳng phải là trung đạo, nên gọi là vô đẳng đẳng. Nghĩa là pháp ấy bình đẳng không có cao thấp.

Người người đều sẽ thành Phật, đều có thể ngang hàng với Tâm Bồ đề Vô đẳng này. Cho nên đời gọi là Ông Thuần là người thế nào? Ta là người ra sao? Phải chẳng có làm như ông ấy thời cũng là ngang hàng với các ông ấy vậy. Cho nên quý vị cần phát tâm quăng đại bồ đề. Chúng ta đã thấu rõ chân nghĩa Phật pháp, nếu chẳng phát tâm hành trì, thời như kẻ món ăn, hay đếm hộ tiền cho người khác, và như chiếc bánh vẽ chẳng lợi ích gì cho bụng đói. Rớt cuộc đến cùng, tự mình chẳng được một điểm thọ dụng nào cả.

Cho nên cứ mỗi buổi sáng tinh sương, khi mới thức dậy, liền niệm Quán Thế Âm Bồ Tát bảy tiếng. Đây là y theo giải mà khởi hành - mắt và chân đều có công dụng đồng thời. Hy vọng quý vị buông thả muôn duyên, chơn thật tiến tu, bỏ lìa tình nhiễm, và vượt khỏi sự thấy biết tầm thường, lão thiết trì niệm, khắc kỳ mà chứng lấy, mong sao được sự lợi ích thù thắng. Được như vậy mới xứng đáng là Chơn Phật tử. Nguyên chư Phật tử cố gắng, xin đừng khinh thường mà bỏ qua cơ hội.

---o0o---

Phụ Lục

Nghi Thức Tụng Niệm

Quán Thế Âm Bồ Tát

1.- Quán Âm Tán

Quán Âm Đại Sĩ,

Bửu hiệu Viên Thông.

Mười hai đại nguyện thệ nguyện hồng thâm,
Khổ hải độ mê tân cứu khổ tâm thanh,
Các cõi đều hiện thân.

Nam mô Thanh Lương Địa Bồ Tát Ma ha tát. (Xưng ba lần)

2.- Tụng Kinh Chú

- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm.
(Tụng 1 lần hoặc tụng thêm)

- Chú Đại Bi. (Tụng 3 lần hoặc 7, hoặc tụng thêm)

- Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh. (3 lần hoặc 7 lần)

3.- Đại Quán Âm Tán (Do Ấn Quang Pháp Sư soạn)

Quán Thế Âm Thệ nguyện thâm,

Độ sanh ra khỏi khổ luân.

Hưng Từ Vậ Bi khắp cõi trần,

Thảy đều nhiếp nhập Phổ Môn.

Ba mươi hai ứng thị hiện thân,

Rốt ráo khiến chứng Phật tâm.

Thường niệm cung kính Quán Thế Âm,

Tiêu tai cát khánh lâm.

Thường niệm cung kính Quán Thế Âm,

Tiêu tai cát khánh lâm.

4.- Quán Âm Kệ I (Do Ấn Quang Pháp Sư soạn)

Quán Âm thệ nguyện diệu khó nghì.

Phó cảm ứng cơ chẳng mất thì,

Cứu khổ tâm thanh đá hút sắt.

Hiện thân thuyết pháp trắng đáy trì,

Trần sát các cõi đều tế độ.

Ta bà trong giới dữ lòng Từ,

Ơn sâu muôn kiếp khen chẳng xứng,

Mong thương ngu đại khắp hộ trì.

Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát Ma ha tát.

5.- Quán Âm Kệ II (1, 2 chọn 1)

Phổ Đà lạc già thường vào Định,
Tùy phó cảm khắp mọi nơi nơi.
Tâm thanh cứu khổ đạo mê đời,
Vậy nên hiệu là Quán Tự Tại.

Nam mô Phổ Đà lưu ly thế giới Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát Ma ha tát.

6.- Niệm Hồng Danh Bồ Tát (Trăm ngàn vạn tiếng, càng nhiều càng tốt)

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát.

7.- Kệ Hồi Hương (Do Ấn Quang Pháp Sư soạn)

Nguyện công đức trì tụng tốt này,
Xin nhờ Đại Sĩ dũ lòng thương.
Tiêu trừ tự tha nghiệp xưa nay,
Tăng trưởng ta người căn lành tốt.
Luôn kiếp hằng ôm lòng Đại Sĩ,
Khắp cõi thường tu hạnh Bồ Tát.
Tột đời vị lai làm lợi ích,
Khiến khắp hữu tình không họa hại.

(Nếu không nhiều thì giờ, từ kệ Quán Âm mà niệm cũng được).

---o0o---

Bài Bạt

(của Thôi Chú Bình)

Thời nay cách Phật đã xa, nên lòng tham, sân, si nổi lên cuộn cuộn liên miên chẳng khi nào dứt. Sát, đạo, dâm cứ từng lớp sinh ra không lúc nào cùng. Rồi nhân đây sừng móng đấu nhau, lòng dạ câu móc, người làm bởi ta gạt. Thôi là gai chông rọp đất, bạo ngược dẫy đầy. Đã từng không yên ổn trong giây lát, đâu còn có góc trời nào mà an vui. Thật đáng thương thay!

Ngược giòng mà xét: Từ khi khoa học xiển minh, vật chất tiến bộ. Kìa như tàu thủy, xe lửa, phi cơ, nháy mắt đã vượt qua ngàn dặm, vốn là để giao thông cho tiện lợi, vốn là để giúp cho đời sống được tiện lợi thêm. Cho nên ngày nay hề trăm sự cần dùng, tất cả đều hưởng lạc. Thế thì đâu chẳng phải là xa hoa hào xí, buông lung cho thỏa thích? Đem mà so sánh với ngày xưa, nào những trăm lần hơn! Tuy nhiên, đại phạm có lợi là hại vẫn kèm theo một bên. Kìa thử xem, sản xuất cải cách, đua nhau trọng về cơ giới, ngày càng mới, mới luôn, tinh xảo lạnh lẽ.

Cứ như nghề dệt mà nói. Một người điều khiển một bộ máy dệt, mỗi ngày sản xuất hàng hóa đến cả trăm ngàn. Thật là mức sản xuất hết sức hùng hậu, so với các thủ công nghiệp chẳng còn nói gì được nữa. Lại nữa, hàng hóa ấy đẹp, giá lại rẻ, ai mà chẳng thích dùng. Nhân đây cho nên hàng vải nội hóa như sa như bố chẳng còn ai đếm xỉa tới nữa. Vì thế mà kinh tế ở nông thôn bị ảnh hưởng thật lớn lao! Hướng lại nữa, thời gian rất gần đây, lại mới có phát minh thứ máy dệt tự động. Bốn chục bộ máy dệt ngày xưa phải dùng đến bốn mươi người quản lý, ngày nay chỉ cần một người đã đủ rồi! Vậy thời còn thừa lại ba mươi chín người làm gì? Phải chăng là đều bị thất nghiệp. Một nghề dệt như thế thời các ngành khác cũng đều bị như vậy cả.

Cứ thế, ngày giờ diễn tiến năm tháng thay đổi. Đấy, sở dĩ những người thất nghiệp đây đây ngàn vạn, khắp cả toàn cầu, ngày càng tăng thêm mà không thôi bớt. Kẻ thất nghiệp đã lắm nhiều thời sức mua bán cũng bởi đó mà yếu kém. Mua bán yếu kém, tức con đường tiêu thụ cũng bị ngưng trệ ứ đọng. Đường tiêu thụ mà chẳng thông suốt là càng khiến cho sự khiếm khuyết càng nhiều thêm. Thế là giai cấp tư sản càng khiếm khuyết thêm, thời những nhân viên, nhân công phụ trách trong các ngành sản xuất thương mại cũng phải thất nghiệp theo. Vậy là kẻ thất nghiệp ngày càng gia nhập đông nhiều hơn. Vậy thời con đường tiêu thụ đã bị bế tắc, hàng hóa bị ứ đọng, chẳng lẽ chẳng mở mang thêm thị trường để mà lưu thông hàng hóa?

Mà muốn mong cho nền thương nghiệp được phát triển sự mâu dịch được an toàn, lại chẳng lẽ không dùng võ lực làm hậu thuẫn cho việc khuếch trương ấy sao? Cho nên các thứ dụng cụ xâm lược như chính trị, kinh tế, quân sự đều tùy theo đó phát khởi chẳng thể nào mà ngăn chặn được nữa. Và lại chính lúc mà phương pháp làm cho hưng thịnh chưa ổn chưa xong, bởi đây là nguyên nhân chính làm cho nông thôn bị phá sản, kinh tế bị sụp đổ, thế giới đại chiến, thịnh kẻ yếu bị đưa mạnh nuốt là lẽ đương nhiên.

Lại như tàu thủy vốn là để giúp lợi ích cho việc vượt biển cả đại dương, máy bay nguyên là con thuyền để xuyên qua hư không. Nhưng bị lợi

dụng làm giàu cho đế quốc chủ nghĩa dã tâm xâm lược như Pháp, Tây, Tư bản Đế quốc chủ nghĩa, rồi bèn tranh nhau tạo ra quân hàm, chiến đấu cơ. Thuốc nổ nguyên là để đốt nổ phá vỡ núi gò, và mở mang đường hầm. Nhưng cũng bị lợi dụng làm tiên phong xâm lược. Do đấy rồi tài sản và tính mệnh của nhân dân, không còn cách nào hơn là hy sinh cho trước rừng súng lửa đạn, thôi thì chẳng có thể lấy vài chữ mà tính cho xiết. Than ôi! Đau đớn thay.

Phải chăng, đây là Ma vương tác quái, La sát hiện hình, cũng bởi do nơi ác nghiệp của toàn dân cơ cảm mà cũng bởi mọi người đều thiếu khuyết đạo đức mà lại đua chuộng lối sống trá ngụy, đến nỗi gây ra lương tri lương năng sẵn có chìm đắm trong biển sanh tử khổ hải, không còn cách nào mà cứu vớt được nữa vậy.

Bởi thế cho nên Đức Đại Giác Thế Tôn ta, với tấm lòng Đại Từ Đại Bi thương xót nên rộng ban giáo pháp. Trước tiên nói ba đạo pháp là tam quy, ngũ giới và thập thiện, kế sau mới khiến đoạn hoặc chứng nhơn để rộng độ chúng hữu tình, cuối cùng là giác hạnh viên mãn đều thành Phật đạo. Luận về cương yếu là không ngoài ngăn ác tu thiện, rõ nhân biết quả, niệm Phật cầu sanh Tây phương với mục đích là rộng độ chúng sanh mà thôi.

Tức nơi ngũ giới mà nói:

Chẳng sát sanh.

Chẳng trộm cắp.

Chẳng tà dâm.

Chẳng nói dối.

Chẳng uống rượu.

1.- Lưu ý giới không sát sanh cho lắm đấy. Không sát sanh thời với những loại hàm linh tánh, bò bay máy cưa còn không dám giết huống là giết người u. Cái nhân giết hại đã dứt, thời đại tai nạn đao binh chẳng còn do đâu mà khởi lên được. Nhưng với ngày nay, sở dĩ chiến hạm lan tràn đầy dẫy khắp cả hoàn cầu, đã nhiều năm rồi mà chẳng dứt. Ở không yên một ngày, sống không vui một khắc. Vụt ra vài quả lựu đạn là chợ quán biến thành gò hoang, nổ một quả bom là thịt máu thành sông núi. Nhân bởi có sát nghiệp đời trước gây nên ngày nay như thế đây. Cho nên đã nói: Muốn biết do đâu có chiến tranh, chỉ cần nghe tiếng hàng thịt lúc nửa đêm. Lại nói thêm: Muốn khỏi chiến tranh sống hòa bình, khi nào loài người chẳng ăn thịt. Người đời họ xem đây, cần phải biết sợ mà răn dè vậy.

Người đời bị một cú đánh, một lời mắng, hãy còn nghĩ cách trả thù, huống là bị giết hại tán thân mất mạng là đại thù chẳng đội trời chung, thì dễ gì chịu thua sao? Nếu được, không việc sát hại, thời những tội hình pháp sát nhân hại mạng đều chẳng còn vi phạm vậy.

2.- Chẳng trộm cắp, thời đã tâm chớ hàng tới để cướp của lợi, nuốt dần dần đất đai tự nhiên dứt mất. Nước với nước chẳng đánh nhau, đảng với đảng chẳng tranh nhau, cá nhân với cá nhân chẳng đấu nhau, mà thân sơ đồng nhất thể vậy, thời những tội hình pháp cướp mạnh, trộm biển nguy hại cho quốc gia chánh phủ, nguy tạo tiền tệ, án loát văn tự, quấy rối chức phận, xâm chiếm lấn át, các tội cũng chẳng do đâu mà gây thành được vậy.

3.- Chẳng tà dâm, thời giữa trái với gái nên dùng lễ độ giao thiệp với nhau, phải nghiêm lập giới hạn hẳn hoi (dù cho thuận theo trào lưu xã hội công khai đi nữa, nhưng cũng cần nỗ lực răn cấm sự lạm dụng để đề phòng vượt quá phạm vi. Bởi vì chúng sanh ái nặng, ở lâu với nhau thời quen, quen là tình dục dễ sanh. Mà tình dục sanh thời mất hết lễ phải). Được thế là đã không còn có thói tìm hoa hỏi liễu, cắp sách nàng đi dạo chơi, thời đâu có họa đòi phong bại tục, nghiêng nước đổ nhà hư thân hại danh nữa. Tức những tội hình pháp phương hại hôn nhân và gia đình các tội lỗi ấy thời đều là trở thành đủ lễ lịch đẹp vậy.

4.- Chẳng nói dối, thời lời nói ra đều chân thật. Con nít ông già cũng không bị gạt. Một lời nói chẳng câu thả, đâu còn dùng lối bẻ cong sự thật, làm cho người nghe rối lằm, nêu lên những điều chẳng tốt của người, mà ẩn dấu những việc rất xấu của mình. Được thế là những tội hình pháp phỉ báng lừa gạt các tội lỗi cũng không do đâu mà gia hại đến thân phận vậy.

5.- Chẳng uống rượu, thời thần trí sáng suốt để phán đoán việc phải quấy, từng ly tí phân minh. Nhưng những kẻ thêm rượu là uống khỏe hơn ai hết, cạn một chén, một chén nối liền, uống như sói nuốt hổ tấp. Bởi đó nên ác niệm liền manh sanh. Thôi thời trăm quấy đều làm, trắng đen lộn lạo, bậy bạ hết đời.

Ngày xưa đã có người uống rượu say quá chén, mới bắt cặp gà hàng xóm giầu và làm thịt để giúp chén thêm ý nghĩa điệu vị. Thế là phạm sát, đạo hai giới. Người đàn bà hàng xóm bị mất gà, đến hỏi tìm gà. Ông ta giả vờ nói không thấy gà vịt nào chạy đến đây cả. Lại phạm giới vọng ngữ nữa. Máu say nhìn ngắm người đàn bà có nhan sắc đẹp lại cưỡng bức gian dâm. Thế là phạm thêm giới tà dâm nữa. Một phen say rượu mà gây đủ năm tội ác vậy. Luận Trí Độ nói tường tận rượu có 35 tội lỗi. Cho nên biết rượu là họa lớn nhất vậy.

Nếu như ai có thể nghiêm tu ngũ giới: Bên trong lương tri sáng láng minh mẫn, khiến cho hình pháp để nơi vô dụng, bên ngoài những sự dối trá tiêu tan. Vũ khí hóa thành ngọc lụa. Đâu chẳng phải làm cho gạt bỏ hết hình phạt mà tạo thành nhân gian tịnh độ đại đồng thế giới vậy thay!

Lại nữa, chẳng trộm cắp là yêu tiếc của công, vật bỏ lại dùng cho lợi, chẳng tư dụng của công. Chẳng cờ bạc, lượm được của rơi nơi đâu đó là giao lại cho nguyên chủ ngay. Mua bán quyết phải công bình.

Chẳng tà dâm chính là chẳng cờ bạc. Đối với đàn bà con gái cần lễ nhượng. Chẳng nói dối tức là ước hẹn hội nhau đúng thời giờ. Chẳng uống rượu chính là chẳng say sưa. Mọi nơi chỗ cũng với lối tân sinh hoạt, phải biết chỗ giúp đỡ nhau, chẳng mưu toan mà thích hợp vậy.

Lại nữa, là người chân học Phật, gắng chịu bần khổ, đạu bạc tự cư, ít muốn biết đủ, chẳng màn vinh hoa chỉ cầu áo bố đắp thân là được rồi. So sánh với những lụa là sô gấm, đạu phí chẳng phải là ít. Cũng chẳng dùng hương phấn xoa thân, đâu cần gì nhập cảng những lụa là hương liệu hóa trang và các thứ xa xỉ.

Nếu chẳng sát sanh, chỉ cần cải rau com hằm mà thôi, đâu cần gì nhập cảng những thứ vi cá hải sâm, bong bóng cá, quế sò, các thứ sơn hào hải vị làm chi. Chẳng uống rượu là một trong năm giới. Mọi người đều chẳng uống rượu, thời gạo dùng nấu rượu được sung vào làm nguyên liệu khác, đều chẳng hư phí mê loạn tâm linh. Hút thuốc cũng loại tiêu hao, cũng chẳng phải là thứ chúng ta nên dùng. Vậy thời không ai nhập cảng thuốc, rượu, sô ngoại tệ hằng năm lọt ra ngoài mười hai vạn đồng, chẳng ngăn cấm mà tự nhiên chẳng lọt được nữa vậy. Đây là những điều mà có nhiều quan hệ với nền kinh tế quốc gia vậy.

Cờ bạc, tuy miệng nói là vui chơi nhưng tâm trước đã bất chính. Và lại vớt một con bài, chẳng may là có thể khuynh gia bại sản và lo lắng bạc tóc nữa là khác. Phạm giới trộm cắp, Đại Tiểu Thừa giới đều ngăn cấm. Tà dâm đã liệt vào trong bốn giới căn bản, cũng được Đại Tiểu Thừa đều ngăn. Tự mình đã thủ trình chẳng dâm, thời bọn đĩ thỏa chẳng cấm mà tự nhiên hết vậy.

Tâm khí ý ngựa rất khó chế ngự. Mà giữ nhất tâm lại được một chỗ thời được Đức Phật khen mà. Cầu được nhất tâm tu đạo chẳng rảnh, đâu còn có thì giờ mà đi xem hát xướng ca múa nữa. Đại phạm hạn chế sự vui thú, ngăn cấm cờ bạc, giữ gìn tín nhiệm, bài trừ say sưa các việc ấy, đã không bị phạm là với sự đề xướng vận động hô hào tiết kiệm tự nhiên ăn khớp với nhau như một.

Lại nữa, người đời đều cho Phật giáo là chuyên thờ hình tượng nhân đấng mà khinh thường coi nhẹ. Họ đâu biết rằng đấng là tiêu biểu thâm tình ngưỡng mộ, đối với thế gian, đấng tượng xi măng, đấng tượng bằng đồng để lại làm kỷ niệm cho muôn đời đâu có khác chi? Hoặc có người cho Phật giáo là đạo thần bí, là mù tít, là lìa cõi đời, rồi bèn cho là tiêu cực. Họ chẳng biết rằng Phật pháp là tại thế gian, chẳng rời sự giác ngộ của thế gian. Ta thử xem, trước vừa nói pháp ngũ giới, đối với vấn đề trọng đại: Nhân sinh, xã hội, quốc gia, thế giới, lại cùng với quốc pháp tân sinh hoạt tiết ước tiết kiệm các loại quốc sách quan hệ biết bao, thì sao gọi là tiêu cực được. Kia những kẻ ấy thật đáng thương vậy thay! Nếu cho rằng mù tít, xa tít, thần bí. Thử hỏi ta đọc tụng sách Nho, có ai thấy các ngài Nghiêu, Thuấn, Châu Công, Khổng Tử bao giờ chưa? Hay vì mắt chưa thấy là phủ nhận và chẳng đáng tin ư?

Đức Phật nói khắp trong hư không thế giới vô lượng vô biên, có một thế giới tên là Cực Lạc. Chúng sanh ở trong thế giới ấy, không có các điều khổ, mà chỉ hưởng các sự vui. Và lại, chúng sanh trong mỗi thế giới cũng vẫn nhiều vô lượng vô biên, chẳng thể dùng tính toán số lượng mà có thể biết được. Kia xem các nhà Thiên văn học, họ đã phát hiện thấy có tám đại hành tinh. Trong bản đồ chú giải đầy đủ vị trí các hành tinh ấy rõ ràng. Nếu cho rằng con mắt thịt của chúng ta từng được thấy đầy đủ, bằng không thời chẳng có, như thế thì có đúng chẳng? Lại nữa, các nhà Thiên văn học còn phát hiện trên mỗi tinh cầu ấy, cũng có núi sông, đất liền, động vật, thực vật thấy đều đầy đủ, lại là cái việc mà mắt ta đâu có thể xem thấy được. Nhưng đối với dẫn chứng lời Phật nói như trên thì Đồng hay là Khác?

Thời đại Đức Phật là trước đây trên hai ngàn năm trăm năm về trước, Phật đã từng nói trong một bát nước có tám muôn bốn ngàn vi trùng, và trong một thân thể con người cũng có số hộ trùng chừng ấy. Ngày nay, những nhà y học cũng đã phát hiện trong thân thể người ta có rất nhiều loại trùng. Nếu dùng kính hiển vi soi vào cũng thấy suốt được các thứ sinh trùng mà mắt người chẳng thể nào thấy được. Nhưng với sự dẫn chứng lời Phật nói như trên thì Đồng hay là Khác?

Các nhà Thiên văn cố nhiên là chẳng nói dối, chúng ta đều tin theo lời họ chắc chắn chẳng nghi ngờ gì. Nhưng Phật sở dĩ thành Phật là vì nhờ tu ngũ giới mà thành. Đức Phật là kẻ cố sức, chủ yếu, chẳng nói dối. Vậy thời những lời do chính Đức Phật nói ra đâu được chẳng tin chịu mà phụng hành ư?

Lại như trong thời đại Trung quốc bé quan tòa cảnh, chỉ biết Đông là mọi Di, Tây là mọi Nhung, Nam là mọi Man, Bắc là mọi Địch. Đến như các

nước Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Anh, Pháp, Đức đều chưa thấy. Một ngày nọ hải cấm được mở rộng mới có nhân sĩ các nước Âu Mỹ nối gót chen vai mà đến. Bấy giờ Tàu ta mới bừng mắt biết có các nước Âu Mỹ. Nhưng lúc ban đầu chưa thấy họ thời chẳng phải không có các nước Tây, Bồ? Và đến lúc thấy biết, lại cũng chẳng phải nhân sĩ các nước Tây, Bồ bấy giờ mới xuất sanh ra?

Lại như ông Kha Luân Bồ phát hiện ra Tân đại lục, khi mới ban sơ người Anh cũng chẳng chịu tin. Nhưng trước khi ông Kha phát hiện, vẫn chẳng phải đại lục lặn chìm. Và cũng chẳng phải khi ông Kha phát hiện mới bắt đầu nhóm cát đống bùn lại mà thành đại lục địa. Vậy là biết người đời cứ cho rằng mắt chưa thấy đến bèn vội phủ nhận. Và cũng nhân đấy mà vội vàng chẳng tin lý do có Tây phương Cực Lạc thế giới vậy. Bởi đây đủ cho biết là tri kiến của họ quá hẹp hòi.

Lại nữa, Đức Phật nói lục đạo luân hồi lộn quanh chịu quả báo. Với việc này, cố nhiên là người đời đang còn mê muội lắm, và họ lại chịu ảnh hưởng học thuyết của bốn ông Tinh, Châu, Hàn, Âu cho là hình hài đã hư diệt, thời thần thức cũng bị bay tan theo làm họ bị mê hoặc. Vì thế nên người đời đều cho là sau khi chết là mất đứt hẳn, và không có đời sau. Nhân đây bèn phóng tâm làm điều tà vạy, xa xỉ, bạo ngược, buông lung, không ác nào chẳng dám làm. Thế là bởi mê lầm mà gây nên nghiệp, rồi bởi nghiệp mà chịu quả báo. Do đấy, rồi bị chìm đắm trong lục đạo và luân hồi mãi mãi không khi nào dứt được. Biết thở than than thở làm sao cho xiết.

Vật lý học có định luật bảo toàn vật chất. Đại ý bảo rằng vật chất chỉ có thể biến đổi hình dạng mà thể chất của nó chẳng thể nào hủy diệt mất hẳn được... Ví như đốt cây củi, người ta chỉ thấy khói và tro mà thôi. Rồi bèn cho là đốt cây củi hóa làm khói sắc đen, vấy thôi. Kỳ thiệt chẳng phải vậy. Chính khi cây củi bị đốt cháy, dưỡng khí cùng với nó hóa hợp biến làm một thứ thán khí, nó hỗn hòa giữa hư không với không khí, rồi nó bay phát ra làm dưỡng liệu để nuôi cho rừng rậm cây cối được sanh trưởng. Sau khi cây cối hút thu khí thán, nó mới nhả ra dưỡng khí tinh túy. Một khi cây cối đã trưởng thành bị chặt và lại đem đốt cháy. Cứ như thế lộn quanh mà biến hóa. Nhưng cây củi và dưỡng khí thật chưa hề bị hủy diệt mất hẳn bao giờ? Chỉ vì nhãn lực của người ta chẳng thấy kịp đến đấy thôi. Thực vật như thế, thời con người do Địa (da, xương...), Thủy (máu, đàm...), Hỏa (âm, nóng...), Phong (hô hấp...) tứ đại hòa hợp mà thành thân thể thời đâu có thể đứng ngoài lệ ấy được. Phật nói: Người chết Địa đại vẫn quy về cho Địa, Thủy, Hỏa, Phong cũng đều như thế. Vậy thời Phật với Vật lý học từng có khác gì đâu. Nay lại tiến thêm mà luận cho rõ: Loài người sở dĩ có trí huệ và động tác, trừ ngoài tứ đại hẳn còn có một vị chủ thể là thần thức tồn tại. Chính lúc

người chết, thần thức này y cứ theo nghiệp lực thiện ác ở đời trước, do nhân như thế nào để quyết định quả như thế ấy. Mỗi mỗi đều chịu sự đền trả ở các đạo: Người, Trời, Quỷ, Súc sanh... Nên đã nói: Ra một bào thai, vào một bào thai. Bào thai tuy có biến đổi, mà thần thức chủ thể này, thật chưa từng trả về lại may mắn nào cho Thái hư không cả.

Như vài năm trước đây, tại Thượng Hải, nơi vườn Đại trường phóng sanh một con heo chỉ có một chân bên tả dang trước vẫn là tay người mà chẳng phải chân heo. Chính bởi người này đời trước đã gây nhiều ác nghiệp, và khi ăn năn, đỗi trước một vị Tăng chỉ đưa một tay tả lên mà sám hối, cho nên cánh tay tả vẫn lưu lại y nguyên hình như cũ. Lại một vụ nữa, tại huyện Đơn Dương, thôn Tạ Gia, cũng trước đây vài năm, nơi nhà họ Tạ có sáu con heo con, ở trên lưng mỗi con đều có nổi lên cục thịt láng trơn không lông, và đều hiện ra họ tên những kẻ sanh thời rất rõ ràng minh bạch, đều là những đại nhân vật có tiếng tăm hiển quý oai vũ quyền thế trong thời gian hai ba mươi năm gần đây cả. Sở dĩ thị hiện như thế là để răn nhắc chúng ta bỏ ác hướng thiện đây vậy.

Nếu bảy con heo này nếu chẳng hiện tay người và tên họ kẻ sanh tiền, vẫn chẳng khỏi cái khổ đao thót, hoặc là cung cấp cho bà con dòng họ con cháu và bạn bè ăn nhậu. Mà những người ăn nhậu, nào có biết tự mình ăn thịt thân hữu tổ tiên mình đâu. Nay những kẻ ăn thịt đỗi địa vị mà suy nghĩ coi, ai chẳng quăng đĩa mà bù ngùi run sợ, đau đớn, khóc sa nước mắt ấy thôi! Vậy nên người đời phải dùng rau trái mà chẳng nên ăn thịt. Bởi vì không còn may mắn gì nghi ngờ vậy.

Vả lại, quả thật người, sau khi chết, hình hài hư mục, tinh thần cũng phiêu tán, chẳng có ai chịu quả báo luân hồi, thời ngày có một người chết, tức ngày đó thiếu một người, tại sao ngày nay vẫn còn sanh sản con nít nhiều như thế, cứ xét do đâu mà đến sanh ra ư?

Nếu bảo đấng Phạm Thiên hay đấng nào đó ban cho. Vậy ai ban cho đấng nào đó hay vị Phạm Thiên? Nếu quả là sanh tử chẳng lấy thiện ác làm tiêu chuẩn thăng lên hay đọa xuống, hoặc thịnh hoặc suy, thì tại sao có những trẻ em mới vừa sanh ra chưa làm một điều gì ác hết mà vẫn bị chết yểu tật bệnh và chịu các việc khổ đau? Và với việc người chết phải chuyển biến làm heo, thay hình đổi dạng hiện ra người tại thế gian này ư?

Đây là bởi người đời mê muội lý nhân quả ba đời mà duy có nhà Phật nói rất rõ ràng và đầy đủ vậy thôi. Xem đấy, thời biết những kẻ chủ trương cá, thịt, tôm, cua, sò, ốc của trời sinh để cung cấp cho người ăn, hoặc bảo đấng Phạm Thiên ban cho, và chẳng do bởi thiện ác mà phải thăng trầm, mà chỉ đem lòng tin hay chẳng tin là tiêu chuẩn, cùng với các học thuyết cho

rằng người chết phải trả lại thái hư, chẳng cần công kích mà nó tự phá vỡ vậy.

Lại nữa, ngũ giới Phật dạy cùng với ngũ thường của Nho giáo tương đồng: Chẳng giết là nhân, chẳng trộm là nghĩa, chẳng tà dâm là lễ, chẳng nói dối là tín, chẳng uống rượu là trí. Lại tiến thêm nữa, thời chẳng những chẳng giết mà còn cần phải phóng sanh, cho đến chẳng những chẳng uống rượu lại cần phải thâm tín nhân quả, sùng phụng ngôi Tam Bảo thời lại là cao hơn nữa. Và ngũ giới lại cùng với tâm lý kiến thiết tổng lý vẫn cũng giúp đỡ nhau thông suốt. Bởi vì trung nghĩa tức chẳng trộm cắp (chẳng trung nghĩa mà vẫn giữ chức vị tốt lãnh lương cũng là phạm giới trộm cắp). Hiếu đễ cùng với nhân từ tức chẳng sát sanh (vì tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ tử là mẹ ta vậy). Tín tức chẳng nói dối. Hòa bình tức chẳng uống rượu.

Lại nữa, một tiếng niệm Phật, tức có lợi ích một tiếng, cho đến niệm liên tục trăm ngàn vạn ức tiếng là lợi ích vô cùng. Vì chính lúc xưng danh, niệm do tâm khởi, tiếng từ miệng ra, nhiếp tai trở lại nghe tiếng, thời tâm dễ định. Kinh gọi là thu nhiếp tâm buông lung kia ấy vậy. Và cũng chính khi trì danh, vọng tưởng chẳng sanh được, tức là bố thí. Kinh gọi bố thí là xả bỏ ấy vậy. Và cũng vẫn là chính lúc trì danh, ác niệm chẳng móng khởi, tức là trì giới. Chúng ta lúc rảnh ở không, không có việc gì để làm, lại là ăn no ngủ ấm thường nghĩ đến dâm dục. Dục niệm một khi móng khởi, tức là đã bị đốt trong lửa dục, khó mà dập tắt nổi. Nếu nhất tâm cao tiếng xưng niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát chừng vài tiếng, và nhiếp tai chuyên chú lắng nghe, thời dâm niệm dục giác tức thì ngưng dứt ngay liền tức khắc.

Tôi (tác giả) đã thường nghiệm thử phương pháp này rất có hiệu quả, không sai. Thật là một chính quy chủ lực quân giúp chúng ta hàng phục dục ma, khắc chế tà niệm mới khởi phạm tịnh giới vậy. Như Phẩm kinh này dạy rằng: Nếu có chúng sanh nhiều nơi dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, bèn đặng lia dục. Tin chắc chứ chẳng dối vậy.

Tất cả hủy báng, chẳng đến nỗi nào hại, tức là nhẫn nhục. Niệm niệm nối liền, chẳng chút gián đoạn tức là tinh tấn. Nhiếp tâm chẳng tán loạn, không cho buông lung tức là thiên định. Tất cả lý giải rạch ròi thông suốt tức là trí huệ. Vậy thời phải biết một phen cất tiếng xưng danh, tức là đã thu nhiếp hết lực độ vạn hạnh của Bồ Tát tu không sót một pháp nào cả. Nên kinh nói: Không một pháp nào chẳng phải từ pháp giới này chảy ra, và cũng không một pháp nào chẳng phải về lại pháp giới này. Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát cũng như thế. Lớn vậy thay Trì Danh ôi. Hay là có kẻ nào tiến bộ hơn, niệm Phật cầu sanh Tây phương, một đời là thành Phật chứng vô sanh nhẫn; mới phân hóa thân hình ra khắp mười phương thế giới để rộng độ

chúng hữu tình, đồng thành Phật đạo. Nhưng người đời, trong mười người đã hết chín người nghi ngờ phương pháp này nên chẳng sanh lòng thành tín. Nay xin đem một ví dụ cho rõ:

Ví như có một sinh viên đại học xuất dương du học để cầu sự nghiệp học vấn cho được uyên thâm, hoặc là phụng lệnh xuất ngoại để nghiên cứu. Tất nhiên chính lúc xuất dương du học, đối với các vấn đề của quốc gia, xã hội tất cả đều gạt lại một bên đó đã, in tuồng như tiêu cực. Nhưng một mai sự học vấn thành tựu, hoặc nghiên cứu xong trở về nước, mới đem chỗ tâm đắc của mình ra cống hiến cho quốc gia xã hội. Vì quốc gia làm kế hoạch giàu mạnh, vì dân tộc làm chánh sách phục hưng, vì xã hội lo trừ tính an toàn và vì dân chúng mà mưu cầu phúc lợi. Học để ứng dụng, người đem hết tài năng của mình đã sẵn có ra, đây mới thật là tích cực. Tôi, đối với niệm Phật cầu sanh Tây phương, chứng vô sanh nhẫn, phân thân mười phương rộng độ chúng sanh cũng là như thế ấy vậy. Quý hồ thay! Thịnh đại thay! Công đức niệm Phật thật bất khả tư nghì vậy.

Bởi vì biển nghiệp mênh mông, khởi tâm động niệm đều là tội ác. Bụi trần mù mịt, vì tham nên sân đều bởi ngu si. Tám nạn ba đường, đưa mắt ra nhìn đều là như thế. Các khổ não, chín tai đeo mãi hừng cháy. Do đó nên thế giới chẳng được an ninh, dân chúng khó bề lạc nghiệp. Cúi đầu mong: Đức Quán Thế Âm Bồ Tát rủ lòng Đại Bi, phát hoằng thệ nguyện, tầm thanh cứu khổ, được thoát khỏi bảy thứ tai nạn, ban cho mười bốn món vô úy, tùy duyên mà phó cảm, y mười hai lời thệ nguyện mà thị hiện ra ba mươi hai ứng thân. Và lại còn giúp Đức A Di Đà mà hóa hiện mười phương, tiếp dẫn chúng sanh siêu lên cõi Cực Lạc. Những điều trước đây, sở dĩ cứu hộ sắc thân, mà các điều sau là dẫn đem về Chánh giác. Ôn ấy rất lớn lao vậy thay!

Đức Đại Sĩ ban cho ơn rộng lớn, thật đem trời đất chẳng đủ đức rộng dày, cha mẹ chẳng đủ dụ lòng từ ái. Bảo Công Pháp sư học Tông Thiên Thai, giáo hoằng pháp môn Tịnh Độ. Dĩ nhiên Diệu Pháp Liên Hoa kinh là thọ trì đọc tụng. Và ngài rất là quy hướng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Thật là long tượng của pháp môn, nhãn mục của nhân thiên vậy.

Đường áp Cư Sĩ Lâm đã thành kính cung thỉnh đại tạng kinh bản Tổng Thích Sa in chụp bóng, rồi lại lễ thỉnh Pháp sư cử hành nghi thức vào lúc 9 giờ ngày 1 tháng 2 năm Dân quốc thứ 25. Và cũng chiều ngày ấy vào lúc 6 giờ mới khai giảng phẩm kinh này, sau 14 ngày tròn là hoàn tất. Thính chúng ở bốn phương nối gót liền nhau đến dự hội chẳng lúc nào dứt, những kẻ đến sau không còn chỗ đứng ngồi. Nay những người hân hạnh dự Hội tuy thu hoạch được lợi ích là hiểu đạo pháp rõ ràng hơn hết, nhưng xét ra vẫn là hạn cục địa phương và thời gian, nếu chẳng ghi chép cho thành sách thời

làm sao mà được truyền bá rộng khắp cho đại thiên thế giới và lưu bố trong và ngoài nước ư?

Do đó nên chẳng tự lượng sức nghe thấy hẹp hòi của tôi, nên tôi đã cùng đạo hữu Tôn Tử Á nghe đầu chép đó trong khi dự Hội thánh giảng, chẳng ngờ đã thành sách. Sau khi đã trình lên Pháp sư đình chánh, mới đem nhờ hai tờ báo đặc san Nam Thông và Ngũ Sơn chuyên đăng tải để giúp cho quý vị nào còn đang bận rộn bởi việc đời ràng buộc, nên chưa rảnh đến tham dự vào Pháp viên để nghe giảng, cũng được nhờ đây mà xem thấy đồng như cùng nhau nếm mùi Pháp vị chẳng khác. Nhưng, nếu biết mà chẳng thực hành thì Pháp hội này trở thành hư thiết. Trái lại, thực hành mà chẳng hiểu là dễ lạc lối, vì đường đời nhiều ngã rẽ.

Nay đã rộng đàm nói Diệu pháp, nên không một người nào chẳng phải là bạn tri âm, rất cần chân thiết mà hành trì, mong cầu có ngày chứng đến đạo pháp, để tránh sự mĩa mai là nói suông, bánh vẽ và đếm của giùm cho kẻ khác. Cho nên tiếp theo đây cũng vẫn cung thỉnh Pháp sư lãnh chúng huân tu Quán Âm Phổ Môn. Và nhân đây gọi là Tam Pháp Hội vậy.

Qua đến mùa Hè, Pháp sư mới đem bản thảo giao cho Phật Học Thư Cuộc khắc bản để ấn hành lưu thông. Nguyên tôi có nghĩ muốn đem các bản thảo có tương quan với Phẩm kinh này họp lại mà khắc bản để lưu hành, nhưng chẳng may gặp phải thời cuộc đặc biệt phi thường: Giá in giấy tăng lên gấp đôi, bất đắc dĩ chỉ in theo đây hai bài phụ lục mà còn lại bao nhiêu bài khác chờ khi nào thuận tiện.

Sau khi bản đã thành xong, các anh em viên chức trong Thư Cuộc sơ đình lần đầu, tôi nhận tái đình lần thứ, nhưng chẳng may vừa bị bệnh nên không đủ sức để tường khám cho kỹ càng, mới đưa qua cho Phạm Sư Cổ Nông để nhờ Sư bình duyệt lần tới hậu, mong sao tránh khỏi sự lầm lẫn và làm cho người khác khỏi bị lầm theo, xin tỏ bày lòng cảm tạ. Nay sách đã thành tựu và sắp được lưu thông, tôi bèn viết lếu láo mấy lời để thuật lại nguyên do đã khởi sự ra cuộc giảng và cũng tỏ bày sơ lược cảm tưởng vô cùng tận như sau: Ai biết tôi, mới bắt tội tôi. Lời của Đình Hầu đã minh huấn. Và tôi lại đem bài kệ văn của Giang Dĩ Viên lão cư sĩ, nhờ đây thay làm lời hồi hướng.

Kệ rằng:

Chúc nguyện Trung Hoa Dân Quốc,
Nhấn đến các nước thế giới.
Chính phủ hoàng dương Phật pháp,

Toàn quốc quy y Tam Bảo.
Oai thần Tam Bảo gia bị,
Nội phi ngoại hạn tiêu trừ.
Nhân dân an cư lạc nghiệp,
Người người niệm Phật trì trai.
Tu thân tề gia trị quốc,
Khắp cả thiên hạ thái bình.
Nguyện cùng Pháp giới chúng sanh,
Đồng sinh Tây phương Cực Lạc.

Phật lịch 2481 Tuế thứ Mậu Dần (1937), ngày Phật thành Đạo. Nam Thông Thôi Chú Bình viết Bài Bạt này tại Phật giáo Cư Sĩ Lâm, nơi Chiết Giang Dur Dao.

---oOo---

TRÍCH KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Thay Lời Nguyện của người ẩn tống

... "CA DIỆP ! Thí như trong cõi Tam Thiên Đại Thiên nơi núi sông, khe, hang ruộng, đất sanh ra cây cối lùm rùm và các cỏ thuốc, bao nhiêu giống loại tên gọi màu sắc đều khác. Mây dầy bủa giăng trùm khắp cõi Tam Thiên Đại Thiên đồng thời mưa xối xuống, khắp nơi nhuận thấm. Cây cối lùm rùm và các cỏ thuốc: hoặc thứ gốc nhỏ, thân nhỏ, nhánh nhỏ, lá nhỏ; hoặc thứ gốc vừa, thân vừa, nhánh vừa, lá vừa; hoặc thứ gốc lớn, thân lớn, nhánh lớn, lá lớn.

Các giống cây lớn nhỏ, tùy hạng thượng trung hạ mà hấp thọ khác nhau. Một cụm mây tuông mưa xuống xúng theo mỗi giống loại mà cây cỏ đặng sanh trưởng, đơm bông kết trái. Dầu rằng, một cõi đất sanh, một trận mưa thấm nhuận mà các cỏ cây đều có sai khác.

... PHẬT ở trong đại chúng mà xướng lời này: TA là đấng NHƯ LAI, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI, MINH HẠNH TỨC, THIỆN THỆ, THỂ GIAN GIẢI, VÔ THƯỢNG SĨ, ĐIỀU NGỰ TRƯỞNG PHU, THIÊN NHƠN SƠN, PHẬT THỆ TÔN. Người chưa được ĐỘ, thời làm cho được độ, người chưa tỏ ngộ, thời làm cho tỏ ngộ, người chưa an, thời làm cho được an, người chưa từng NIẾT BÀN, thời làm cho Niết Bàn, đời nay và đời sau PHẬT đều biết đúng như thật. Ta là bậc NHẤT THIÊN TRÍ, bậc NHẤT THIÊN KIẾN, là

bậc TRI ĐẠO, bậc KHAI ĐẠO, bậc THUYẾT ĐẠO. Các người, hàng Trời, người a tu la, đều nên đến đây vì để nghe PHÁP vậy".

Bấy giờ có vô số nghìn muôn ức loài chim chúng sanh đi đến chỗ Đức PHẬT mà nghe PHÁP. Lúc đó Đức NHƯ LAI xem xét các căn lợi độn, tinh tấn hay dãi dãi của chúng sanh đó, thuận vừa sức nó kham được mà vì chúng nói PHÁP, chúng loại nhiều vô lượng, PHẬT đều khiến vui mừng đặng nhiều lợi hành. Các chúng sanh này nghe pháp rồi, hiện đời an ổn, đời sau sanh về chỗ lành, do đạo được thọ hưởng vui và cũng được nghe pháp, đã nghe pháp rồi lìa khỏi các chướng ngại, ở trong các pháp theo sức mình kham được lần lần đều được vào Đạo.

NHƯ MÂY LỚN KIA MƯA RƯỚI KHẮP TẤT CẢ CỎ THUỐC, THEO GIÓNG CỦA MỖI THỨ ĐỀU ĐƯỢC ĐUỢM NHUẬN ĐẦY ĐỦ, ĐỀU ĐƯỢC SANH TRƯỜNG.

Quyển Thứ Ba Phẩm Dược Thảo Dụ Thứ Năm

---o0o---

Lời Nguyện

Nguyện đem công đức ấn tống quyển Phổ Môn Giảng Lục này:

Cầu cho nước Việt Nam mau thoát khỏi cảnh binh đao, máu lửa

Cầu cho người đọc, được thân tâm an lạc, tinh tấn tu hành, chóng thành đạo quả.

Cầu cho hương linh những người đã khuất với núi sông, sớm sanh về cõi Tịnh Độ, muôn năm an hưởng cảnh thanh nhàn.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

---o0o---

HẾT